

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CHUYÊN ĐỀ 4
TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC HÌNH THÀNH
NĂNG LỰC CHO TRẺ MẪU GIÁO

Nhóm biên soạn: TS Lê Thị Luận; TS. Trần Thị Kim Liên; TS. Nguyễn Thị Minh Thảo; Ths. Vũ Thị Thu Hằng; TS. Nguyễn Thị Nga; Ths. Phạm Thị Hồng Tháp; Ths. Nguyễn Thị Ánh Tuyết

Hà Nội, 2026

MỤC LỤC

| | |
|--|-----|
| LỜI GIỚI THIỆU | 1 |
| I - MỤC TIÊU | 3 |
| II - THỜI LƯỢNG | 3 |
| III - CHUẨN BỊ | 3 |
| IV. NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA CHUYÊN ĐỀ | 4 |
| V - THỰC HIỆN | 5 |
| Nội dung 1. Những vấn đề chung về tổ chức hoạt động giáo dục phát triển năng lực cho trẻ mẫu giáo (2 lý thuyết, 2 thực hành) | 5 |
| Nội dung 2. Hướng dẫn tổ chức hoạt động giáo dục phát triển năng lực cho trẻ mẫu giáo (8 lý thuyết, 3 thực hành) | 19 |
| Nội dung 3. Hướng dẫn tổ chức thực hiện các hoạt động giáo dục phát triển năng lực | 39 |
| Nội dung 4. Hướng dẫn xây dựng môi trường giáo dục phát triển năng lực cho trẻ mẫu giáo | 112 |
| Nội dung 5. Đánh giá, điều chỉnh hoạt động giáo dục theo tiếp cận năng lực | 122 |
| V - THỰC HÀNH | 124 |
| VI. CÂU HỎI CUỐI CHUYÊN ĐỀ | 125 |
| TÀI LIỆU THAM KHẢO | 125 |
| PHỤ LỤC | 126 |

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

| | |
|--------|---------------------|
| GD&ĐT | Giáo dục và Đào tạo |
| CBQL | Cán bộ quản lý |
| CSVC | Cơ sở vật chất |
| CS, GD | Chăm sóc, giáo dục |
| GD | Giáo dục |
| GDMN | Giáo dục mầm non |
| GV | Giáo viên |
| GVMN | Giáo viên mầm non |
| MT | Môi trường |
| MTXH | Môi trường xã hội |
| MN | Mầm non |
| NgT | Nghệ thuật |
| NN | Ngôn ngữ |
| NT | Nhận thức |
| XH | Xã hội |
| TC | Thể chất |
| TC | Tình cảm – Xã hội |

LỜI GIỚI THIỆU

Tài liệu “Chuyên đề 4: Tổ chức hoạt động giáo dục phát triển năng lực cho trẻ mẫu giáo” được biên soạn nhằm hỗ trợ cán bộ quản lý và giáo viên mầm non nâng cao năng lực chuyên môn trong bối cảnh đổi mới giáo dục theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực của trẻ.

Nội dung tài liệu cung cấp một cách hệ thống những vấn đề lý luận và thực tiễn về bản chất, vai trò của việc tổ chức hoạt động giáo dục phát triển năng lực; đồng thời hướng dẫn cụ thể cách xác định mục tiêu, lựa chọn nội dung, hình thức, phương pháp giáo dục phù hợp với đặc điểm phát triển của trẻ mẫu giáo.

Bên cạnh đó, tài liệu tập trung làm rõ các nguyên tắc và quy trình thiết kế, cách tổ chức hướng dẫn các hoạt động giáo dục theo hướng tích hợp, lấy trẻ làm trung tâm, gắn với học qua chơi và thực hành giàu trải nghiệm; hướng dẫn xây dựng môi trường giáo dục an toàn, giàu tính tương tác và hỗ trợ sự phát triển năng lực của cá nhân của mỗi trẻ. Đặc biệt, tài liệu đưa ra các gợi ý hoạt động cụ thể theo từng lĩnh vực phát triển (thể chất, tình cảm – xã hội, ngôn ngữ, nhận thức, nghệ thuật) kèm theo cách thức đánh giá và điều chỉnh nhằm nâng cao hiệu quả tổ chức hoạt động giáo dục.

Với cấu trúc khoa học, nội dung thiết thực và định hướng thực hành rõ ràng, tài liệu là nguồn tham khảo hữu ích giúp giáo viên và cán bộ quản lý vận dụng linh hoạt trong quá trình xây dựng kế hoạch và tổ chức các hoạt động giáo dục mầm non, góp phần nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ trong giai đoạn hiện nay.

I - MỤC TIÊU

Sau khi học tập chuyên đề, giáo viên mầm non/ cán bộ quản lý có khả năng:

1. Về kiến thức

Trang bị cho CBQL và GV mầm non những hiểu biết có hệ thống về:

- Bản chất, vai trò việc tổ chức hoạt động giáo dục phát triển năng lực cho trẻ MG
- Xác định mục tiêu, nội dung, hình thức, phương pháp tổ chức các hoạt động giáo dục phát triển năng lực ở trẻ mẫu giáo
- Nguyên tắc, quy trình thiết kế, tổ chức hoạt động giáo dục tích hợp lấy trẻ làm trung tâm nhằm hình thành phẩm chất và năng lực cho trẻ theo các lĩnh vực giáo dục.

2. Về kỹ năng

- Phân tích, xác định mục tiêu giáo dục, nội dung giáo dục theo tiếp cận năng lực phù hợp với từng độ tuổi của trẻ MG.
- Lập các kế hoạch giáo dục: năm, tháng/chủ đề; tuần... theo độ tuổi và tổ chức hoạt động học - chơi- trải nghiệm theo hướng tích hợp, lấy trẻ làm trung tâm, phát triển năng lực của trẻ MG.
- Vận dụng linh hoạt các phương pháp tiên tiến hiện đại, chuyển đổi số vào việc tổ chức thực hiện các hoạt động giáo dục phát triển năng lực ở trẻ mẫu giáo.
- Xây dựng môi trường giáo dục lấy trẻ làm trung tâm theo hướng phát triển năng lực cho trẻ MG.
- Quan sát, theo dõi, đánh giá sự phát triển của trẻ và điều chỉnh hoạt động giáo dục phù hợp

3. Về thái độ

- Chủ động, sáng tạo sẵn sàng đổi mới trong tổ chức hoạt động giáo dục mầm non
- Tôn trọng sự khác biệt và nhu cầu cá nhân của mỗi trẻ, yêu thương và đồng hành cùng trẻ trong quá trình tổ chức các hoạt động giáo dục
- Ý thức học tập, bồi dưỡng thường xuyên để nâng cao năng lực nghề nghiệp

II - THỜI LƯỢNG

15 tiết: 10 tiết lí thuyết và 05 tiết thực hành (05 tiết tập huấn trực tiếp của Bộ GDĐT)

III - CHUẨN BỊ

1. Dành cho giảng viên

- Bảng/bút hoặc phấn;
- Máy chiếu; Máy tính;
- Giấy A0, A4, giấy nhớ, giấy màu, bút viết bảng; bảng dính giấy/ bảng nam châm.
- Chương trình GDMN mới thí điểm, các tài liệu khác phù hợp với chuyên đề 4

2. Dành cho học viên

- Tài liệu Bồi dưỡng

- Giấy A4
- Bảng/ giấy A0, A4, bút viết bảng; bảng dính giấy;
- Nội dung: Phù hợp với chuyên đề...

IV. NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA CHUYÊN ĐỀ

1. Những vấn đề chung về tổ chức hoạt động giáo dục phát triển năng lực cho trẻ mẫu giáo (3 lý thuyết, 2 thực hành)
 - 1.1. Bản chất và vai trò của tổ chức hoạt động giáo dục phát triển năng lực
 - 1.1.1. Bản chất của giáo dục phát triển năng lực cho trẻ mẫu giáo
 - 1.1.2. Vai trò của tổ chức hoạt động giáo dục phát triển năng lực cho trẻ MG
 - 1.2. Mục tiêu, nội dung, hình thức, phương pháp giáo dục phát triển năng lực cho trẻ mẫu giáo
 - 1.2.1. Xác định mục tiêu giáo dục theo tiếp cận năng lực
 - 1.2.2. Xác định nội dung giáo dục phát triển năng lực
 - 1.2.3. Hình thức và phương pháp tổ chức hoạt động giáo dục cho trẻ MG theo tiếp cận năng lực
2. Hướng dẫn tổ chức hoạt động giáo dục phát triển năng lực cho trẻ mẫu giáo (3 lý thuyết, 2 thực hành)
 - 2.1. Nguyên tắc và quy trình thiết kế và tổ chức hoạt động giáo dục theo hướng phát triển năng lực cho trẻ MG
 - 2.1.1. Các nguyên tắc thiết kế và tổ chức hoạt động giáo dục theo hướng phát triển năng lực cho trẻ MG
 - 2.1.2. Quy trình thiết kế hoạt động giáo dục
 - 2.2. Lập kế hoạch tổ chức hoạt động giáo dục
 - 2.3. Hướng dẫn tổ chức thực hiện các hoạt động giáo dục phát triển năng lực

Hướng dẫn các hoạt động cần có ví dụ minh họa cụ thể trong từng lĩnh vực .

 - 2.3.1. Thể chất
 - 2.3.2. Tình cảm – XH
 - 2.3.3. Ngôn ngữ
 - 2.3.4. Nhận thức
 - 2.3.5. Nghệ thuật
 - 2.4. Hướng dẫn xây dựng môi trường giáo dục phát triển năng lực cho trẻ mẫu giáo
 - 2.4.1. XD môi trường vật chất (trong lớp học và ngoài lớp học)
 - 2.4.2. XD môi trường tâm lý – XH
 - 2.5. Đánh giá và điều chỉnh hoạt động giáo dục theo tiếp cận năng lực
 - 2.5.1. Nguyên tắc chung
 - 2.5.2. Cách đánh giá và điều chỉnh các hoạt động giáo dục các lĩnh vực theo tiếp cận năng lực

3. Gợi ý các hoạt động giáo dục cụ thể theo từng lĩnh vực cho trẻ MG: thể chất, TCXH, ngôn ngữ, nhận thức, nghệ thuật (2 lý thuyết, 3 thực hành)

3.1. Thể chất

3.2. Tình cảm – XH

3.3. Ngôn ngữ

3.4. Nhận thức

2.3.5. Nghệ thuật

V - THỰC HIỆN

Nội dung 1. Những vấn đề chung về tổ chức hoạt động giáo dục phát triển năng lực cho trẻ mẫu giáo (2 lý thuyết, 2 thực hành)

Hoạt động 1. Tìm hiểu bản chất và vai trò của tổ chức hoạt động giáo dục phát triển năng lực

Tổ chức trò chơi: Trạm xoay

Chia lớp thành 5 nhóm, mỗi nhóm là một trạm. Các trạm thảo luận về một trong năm vai trò của tổ chức hoạt động giáo dục phát triển năng lực đối với sự phát triển toàn diện của trẻ MG theo yêu cầu sau:

- Chỉ ra bản chất của giáo dục phát triển năng lực cho trẻ mẫu giáo?

- Phân tích vai trò của hoạt động đối với năng lực của trẻ qua hoạt động giáo dục cho trẻ.

- Nêu ví dụ và phân tích qua các hoạt động giáo dục theo lịch sinh hoạt hàng ngày của trẻ và chỉ ra vai trò đối với phát triển năng lực của trẻ

Thời gian: Mỗi nhóm có 5 phút thảo luận tại trạm đó. Sau 5 phút, các nhóm đổi sang trạm khác và có 5 phút để thảo luận, bổ sung nội dung nhóm trước đã viết ra.

Cuối cùng, trưng bày toàn bộ kết quả thảo luận đã được hoàn thiện ở mỗi trạm.

THÔNG TIN PHẢN HỒI

1.1. Bản chất của giáo dục phát triển năng lực cho trẻ mẫu giáo

Bản chất của giáo dục phát triển năng lực cho trẻ mẫu giáo 3–6 tuổi là quá trình tổ chức các tác động sư phạm nhằm hình thành ở trẻ khả năng huy động tổng hợp kiến thức, kỹ năng, thái độ, cảm xúc và kinh nghiệm cá nhân để thực hiện thành công những nhiệm vụ phù hợp với lứa tuổi trong các tình huống học tập và đời sống hằng ngày. Khác với cách tiếp cận chú trọng truyền thụ nội dung đơn lẻ, giáo dục phát triển năng lực hướng tới kết quả đầu ra là trẻ biết làm được gì, biết ứng xử ra sao và biết vận dụng những điều đã học vào thực tiễn.

Ở lứa tuổi mẫu giáo, năng lực được biểu hiện qua những hành vi gần gũi như trẻ biết giao tiếp với bạn bè và người lớn, biết tự phục vụ bản thân, biết hợp tác khi chơi nhóm, biết quan sát – đặt câu hỏi – thử nghiệm khi khám phá môi trường xung quanh,

biết kiểm soát cảm xúc và giải quyết một số vấn đề đơn giản. Vì vậy, Bản chất của giáo dục phát triển phẩm chất và năng lực là tạo cơ hội cho trẻ được tham gia vào các hoạt động chơi, trải nghiệm, khám phá và tương tác xã hội để huy động tổng hợp kiến thức, kỹ năng, cảm xúc và kinh nghiệm cá nhân trong những tình huống gần gũi với cuộc sống hằng ngày.

Trong bối cảnh đổi mới giáo dục hiện nay, Chương trình Giáo dục mầm non mới đang được triển khai thí điểm theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực, phù hợp với xu thế giáo dục hiện đại và liên thông chặt chẽ hơn với Chương trình Giáo dục phổ thông 2018. Theo cách tiếp cận này, giáo dục trẻ mẫu giáo 3–6 tuổi không chỉ nhằm cung cấp kiến thức sơ đẳng hay chăm sóc đơn thuần, mà hướng tới hình thành ở trẻ những phẩm chất cốt lõi như yêu thương, tôn trọng, trung thực, trách nhiệm và những năng lực nền tảng như giao tiếp, hợp tác, giải quyết vấn đề, sáng tạo, tự lực.

Như vậy, bản chất của giáo dục phát triển năng lực cho trẻ mẫu giáo 3–6 tuổi là tạo cơ hội để trẻ học thông qua hành động, trải nghiệm và tương tác, từ đó hình thành khả năng thích ứng và giải quyết nhiệm vụ trong cuộc sống. Việc tổ chức hoạt động giáo dục theo tiếp cận năng lực cần hướng tới sự tham gia tích cực của trẻ, coi trọng quá trình hơn kết quả ghi nhớ, và đánh giá trẻ thông qua quan sát sự tiến bộ trong bối cảnh thực tiễn. Đây là nền tảng quan trọng để chuẩn bị cho trẻ vào lớp Một và học tập suốt đời.

1.2. Vai trò của tổ chức hoạt động giáo dục phát triển năng lực đối với sự phát triển toàn diện của trẻ MG

Quá trình tổ chức các hoạt động giáo dục phát triển các năng lực nền tảng được tích hợp và xuyên suốt trong toàn bộ quá trình thực hiện chương trình giáo dục, thông qua các hoạt động hàng ngày của trẻ ở trường mầm non. Thông qua các hoạt động giáo dục phát triển các năng lực, trẻ hình thành các hiểu biết, kỹ năng... giúp trẻ phát triển tích hợp các mặt về thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm xã hội...

Khi tổ chức hoạt động giáo dục phát triển *năng lực giao tiếp* cho trẻ mẫu giáo, trẻ có cơ hội mở rộng mối quan hệ hợp tác với các bạn, tăng cường trao đổi, chia sẻ, bày tỏ ý kiến, suy nghĩ, thắc mắc của mình. Phát triển năng lực giao tiếp giúp trẻ có khả năng giao tiếp bằng lời nói và giao tiếp không lời với bạn, với người khác nhằm nhiều mục đích khác nhau; Các hoạt động giáo dục đa dạng giúp trẻ phát triển nhiều hình thức giao tiếp như âm nhạc, vận động, nhảy, kể chuyện, kịch, mỹ thuật, phương tiện truyền thông... ; trẻ có khả năng tiếp xúc các thể loại văn bản như thơ, chuyện... và hiểu ý nghĩa của chúng, trẻ có các biểu tượng ban đầu về đọc - viết, có sự tự tin và thái độ sẵn sàng dùng ngôn ngữ với mọi hình thức. Mở rộng hơn, trẻ có thể làm quen với các văn bản như sách, báo, áp phích, tài liệu phong hình, phong chữ trên phương tiện truyền thông điện tử; trẻ bắt đầu hiểu cách thức sử dụng biểu tượng và hình thức đa dạng của chúng như viết, vẽ, đánh máy, dùng biểu tượng... Qua giao tiếp hàng ngày, trẻ được hỏi, được nghe

giải thích, chỉ dẫn... về số và số đếm, về đo lường, hình dạng, không gian... ; được làm phong phú vốn từ vựng toán học để diễn tả và giải thích chính xác ý niệm toán học mà trẻ muốn thể hiện, phát triển tư duy toán học, tăng sự tự tin và thái độ dùng các phép toán trong hoạt động hàng ngày. Những trải nghiệm qua các hoạt động phát triển năng lực giao tiếp ở trường mầm non giúp trẻ phát triển thái độ và khả năng tích cực học đọc, viết, học toán... là những điều kiện cần thiết để trẻ học tập thành công. Đồng thời, giúp trẻ tăng khả năng kết nối bạn bè, cô giáo, gia đình... mở rộng kết nối với cộng đồng và thế giới xung quanh; rèn luyện các kỹ năng học tập để chuẩn bị cho học tập bậc cao sau này.

Hoạt động giáo dục phát triển *năng lực hợp tác* giúp trẻ hiểu mình thuộc về nhóm bạn bè, thuộc về cộng đồng gần gũi xung quanh, trẻ biết quyền lợi và trách nhiệm để tích cực tham gia hoạt động. Trẻ biết phối hợp với người khác và thương lượng về vai trò, mối quan hệ trong vui chơi, giao tiếp..., biết lắng nghe ý kiến người khác và tôn trọng, phản ứng một cách tích cực đối với sự tương đồng và sự khác biệt giữa những người khác nhau. Trẻ biết cách tự điều chỉnh bản thân và gây ảnh hưởng đến người xung quanh để chơi vui hơn và thực hiện được yêu cầu trong các nhóm hoạt động. Các hoạt động phát triển năng lực hợp tác giúp trẻ biết tôn trọng sự đa dạng, tôn trọng đa dạng về văn hóa, ngôn ngữ, nền tảng, truyền thống... khác nhau; tôn trọng cả môi trường tự nhiên và môi trường nhân tạo... Trẻ biết hợp tác mở rộng không chỉ từ mối quan hệ bạn bè, gần gũi mà còn có kỹ năng xã hội với phạm vi dần mở rộng hơn, giúp trẻ sẵn sàng bước vào thế giới đa dạng.

Các hoạt động phát triển *năng lực giải quyết vấn đề* có vai trò quan trọng trong việc giúp trẻ có thái độ học tập như tò mò, hợp tác, tự tin, sáng tạo, tận tâm, nhiệt tình, kiên trì, ham tưởng tượng và linh hoạt. Khi tham gia hoạt động, thực hiện các nhiệm vụ được giao hoặc tự đặt mục tiêu... trẻ có mối tương tác với bạn bè, người xung quanh, với đồ dùng đồ chơi, nguyên liệu tự nhiên và nhân tạo, khám phá sự đa dạng về bản sắc văn hóa, xã hội... Qua đó, trẻ phát triển một loạt các kỹ năng và quy trình như tìm hiểu thông tin, thử nghiệm, giả định, nghiên cứu, điều tra..., thực hiện ghi chép, viết, vẽ...theo cách của trẻ để lưu giữ, trao đổi, bàn luận, tranh luận những ý tưởng, những biểu tượng, khái niệm về ngôn ngữ, toán học...mà trẻ phát hiện trong quá trình khám phá. Trẻ sử dụng tư duy để cân nhắc tại sao mọi chuyện xảy ra và học hỏi từ những kinh nghiệm này để điều chỉnh, áp dụng trong những tình huống mới... Trẻ sẵn sàng khám phá các ý tưởng, kiên trì tham gia nhiều trải nghiệm để tìm hiểu vấn đề một cách phong phú và ý nghĩa ngay cả khi gặp khó khăn. Điều đó giúp trẻ sẵn sàng tham gia và thực hiện các nhiệm vụ học tập, trang bị những kỹ năng để khám phá thế giới, sẵn sàng vào học lớp 1.

Năng lực thích ứng của trẻ được hình thành và phát triển thông qua các hoạt động giáo dục cho trẻ có cơ hội tham gia các mối quan hệ, các trải nghiệm học tập mang đến cho trẻ ích lợi và niềm vui từ việc khám phá, học tập cùng nhau. Các hoạt động giáo dục tăng khả năng để trẻ học hỏi lẫn nhau, dần dần trẻ học cách “đọc” hành vi của người khác và có phản ứng phù hợp; trẻ dần hiểu mình thuộc về nhóm và cộng đồng, biết quyền lợi và trách nhiệm cần thiết để thực hiện nội quy trường lớp và tích cực hợp tác, tham gia hoạt động. Hoạt động giáo dục phát triển năng lực thích ứng còn tạo cơ hội cho trẻ tiếp cận nhiều nguồn thông tin về môi trường, sự liên quan giữa các yếu tố tự nhiên như đất đai - con người - thực vật - động vật... từ đó trẻ hình thành ý thức về ảnh hưởng của hoạt động sống của con người đối với môi trường, giúp trẻ bước đầu có khả năng thực hiện những cách thích ứng, cùng đồng thời tồn tại... trong bối cảnh thực tiễn. Hoạt động giáo dục phát triển năng lực thích ứng tạo ra những trải nghiệm lôi cuốn trẻ vào những cộng đồng và môi trường rộng lớn hơn cả môi trường của trường mầm non, giúp trẻ có khả năng thích ứng, chống trở ngại trong các điều kiện khác nhau khi trẻ dần lớn lên.

Hoạt động giáo dục *phát triển năng lực tự lực* có vai trò quan trọng trong tiến trình phát triển toàn diện của trẻ mẫu giáo. Thông qua các hoạt động đa dạng, tích hợp toàn diện trong chế độ sinh hoạt một ngày ở trường mầm non của trẻ, trẻ có cơ hội thực hành, rèn luyện công việc cá nhân theo nền nếp sinh hoạt, trẻ biết tự cầm thìa, cài nút áo, buộc dây giày... để chuẩn bị tốt các kỹ năng mở cặp, cầm bút viết..., tăng khả năng tập trung, tự tin khi trẻ bước vào lớp 1. Khả năng tự lực giúp trẻ tự tin khám phá môi trường vật chất và xã hội, tham gia vào mối quan hệ và vui chơi, sẵn sàng tiếp cận với tình huống an toàn mới, kiên nhẫn đối mặt với thách thức và cả tình huống khi không thành công lần đầu... từ đó, trẻ cởi mở thể hiện tình cảm và ý kiến cá nhân của mình, hình thành thế giới quan đúng đắn của trẻ; trẻ biết điều chỉnh cảm xúc, hành động của bản thân phù hợp trong mối quan hệ tôn trọng, tin cậy với bạn bè và với người khác.

Hoạt động 2. Xác định mục tiêu, nội dung, hình thức, phương pháp giáo dục phát triển năng lực cho trẻ mẫu giáo

Học viên thảo luận trong nhóm:

- *Câu hỏi thảo luận:*

1. Trình bày cách thức xác định mục tiêu giáo dục theo tiếp cận năng lực. Chỉ ra điểm khác biệt so với cách xác định mục tiêu giáo dục hiện nay,
2. Phân tích các bước xác định nội dung, hình thức tổ chức và phương pháp giáo dục được sử dụng trong hoạt động; chỉ ra điểm nào thể hiện tiếp cận phát triển năng lực.

- *Đại diện nhóm chia sẻ ý kiến với cả lớp.*

THÔNG TIN PHẢN HỒI

2.1. Xác định mục tiêu giáo dục theo tiếp cận năng lực

Dự thảo CT GDMN mới quy định rõ mục tiêu cho độ tuổi mẫu giáo là: “*Trẻ em từ 3 đến 6 tuổi được phát triển toàn diện, hài hoà về thể chất, tình cảm – xã hội, nhận thức, ngôn ngữ, thẩm mỹ; phát triển các phẩm chất cốt lõi, năng lực mang tính nền tảng theo độ tuổi và phát huy khả năng tiềm ẩn của từng trẻ, chuẩn bị cho trẻ em sẵn sàng vào học lớp một, tạo cơ sở cho việc học tập thành công ở cấp học tiếp theo và học tập suốt đời*”.

Cách xác định mục tiêu giáo dục theo tiếp cận năng lực theo quy trình như sau:

BƯỚC 1: LẬP MA TRẬN MỤC TIÊU NĂNG LỰC CHUNG

Trong Chương trình Giáo dục mầm non mới, mục tiêu giáo dục không chỉ dừng lại ở việc trẻ “biết gì”, mà hướng tới việc trẻ làm được gì, ứng xử ra sao trong các tình huống thực tiễn. Vì vậy, trước khi xây dựng kế hoạch theo năm, tháng hay hoạt động, giáo viên cần thực hiện một bước nền tảng, đó là lập ma trận mục tiêu năng lực. Ma trận này có vai trò:

- Kết nối giữa năng lực cốt lõi (giao tiếp, hợp tác, giải quyết vấn đề, tự lực, thích ứng) với năng lực theo các lĩnh vực phát triển (thể chất, tình cảm – xã hội, ngôn ngữ, nhận thức, nghệ thuật);
- Giúp giáo viên nhìn thấy rõ mỗi nội dung giáo dục góp phần hình thành năng lực nào ở trẻ;
- Tránh tình trạng tổ chức hoạt động theo từng lĩnh vực một cách rời rạc, thiếu định hướng phát triển năng lực.

Khi lập ma trận, giáo viên cần đảm bảo một số nguyên tắc cơ bản sau:

- Bám sát chương trình: Sử dụng đúng các mã năng lực theo lĩnh vực (TC, TX, NN, NT, NgT) và yêu cầu cần đạt cuối độ tuổi mẫu giáo.
- Hướng tới năng lực cốt lõi: Mỗi năng lực theo lĩnh vực đều cần được xem xét trong mối liên hệ với ít nhất một năng lực cốt lõi.
- Thể hiện mức độ phát triển: Mỗi nội dung cần được xác định mức độ I – R – M (hình thành, củng cố, thành thạo).
- Đảm bảo tính toàn diện và cân đối: Bao quát đầy đủ các lĩnh vực và không bỏ sót năng lực cốt lõi nào.

Cách thực hiện:

Bước 1.1. Xác định danh mục năng lực theo lĩnh vực: Giáo viên rà soát toàn bộ các năng lực theo lĩnh vực trong chương trình mẫu giáo. Mỗi năng lực được giữ nguyên mã (ví dụ: TC1, TX4, NN2...) để thuận tiện cho việc theo dõi và sử dụng xuyên suốt.

Bước 1.2. Xác định mối liên hệ với năng lực cốt lõi: Với từng năng lực theo lĩnh vực, giáo viên phân tích và trả lời câu hỏi: “Năng lực này góp phần phát triển năng lực cốt lõi nào ở trẻ?”

Ví dụ:

- TX4 (thiết lập và duy trì quan hệ xã hội) liên quan trực tiếp đến giao tiếp và hợp tác
- NT5 (giải quyết vấn đề) gắn với giải quyết vấn đề, đồng thời hỗ trợ tự lực
- TC2 (thích ứng hoạt động) gắn với thích ứng
- Việc xác định này giúp giáo viên nhìn thấy mối liên kết ngang giữa các lĩnh vực và năng lực chung, thay vì dạy theo từng mảng riêng biệt.

Bước 1.3. Xác định mức độ phát triển (I – R – M): Mỗi năng lực theo lĩnh vực được gán một mức độ phát triển phù hợp:

- I (Initiate): Trẻ bắt đầu làm quen, tham gia hoạt động
- R (Reinforce): Trẻ thực hiện được với sự hỗ trợ hoặc trong tình huống quen thuộc
- M (Master): Trẻ thực hiện một cách chủ động, linh hoạt trong nhiều tình huống

Việc xác định mức độ không mang tính cứng nhắc mà dựa trên: Đặc điểm lứa tuổi; Kinh nghiệm thực tế của trẻ; Điều kiện tổ chức giáo dục.

Bước 1.4. Thiết lập bảng ma trận: Giáo viên trình bày kết quả dưới dạng bảng, bao gồm các cột cơ bản. Ví dụ:

| Lĩnh vực | Mã | Năng lực theo lĩnh vực | Giao tiếp | Hợp tác | GQVĐ | Tự lực | Thích ứng | Mức |
|------------|------|------------------------|-----------|---------|------|--------|-----------|-----|
| Thể chất | TC1 | Tham gia hoạt động | I | M | I | R | R | I |
| Thể chất | TC3 | Vận động thô | I | R | R | R | R | R |
| TC–XH | TX4 | Quan hệ xã hội | M | M | R | I | R | R |
| TC–XH | TX6 | Hợp tác | R | M | R | I | R | M |
| Ngôn ngữ | NN2 | Diễn đạt | M | R | I | I | I | M |
| Nhận thức | NT5 | GQVĐ | R | R | M | R | R | M |
| Nghệ thuật | NgT7 | Sáng tạo kịch | M | M | M | R | R | M |

Bước 1.5. Kiểm tra và hoàn thiện ma trận: Sau khi xây dựng xong, giáo viên cần rà soát lại toàn bộ ma trận theo các tiêu chí:

- Tính đầy đủ: Đã bao quát tất cả các lĩnh vực và nhóm năng lực chưa
- Tính cân đối: Có năng lực nào bị quá ít hoặc quá nhiều không
- Tính liên kết: Mỗi năng lực theo lĩnh vực đã gắn với năng lực cốt lõi phù hợp chưa
- Tính phát triển: Các mức độ I – R – M đã hợp lý chưa

BƯỚC 2. XÁC ĐỊNH TRỤC MỤC TIÊU NĂNG LỰC VÀ PHÂN BỐ THEO NĂM HỌC

Trục năng lực được hiểu là những năng lực được lựa chọn làm trọng tâm ưu tiên phát triển trong một khoảng thời gian nhất định, đồng thời vẫn có sự tích hợp, hỗ trợ của

các năng lực khác. Việc xác định trực năng lực giúp giáo viên định hướng rõ ràng nội dung giáo dục theo từng giai đoạn, tạo sự tập trung trong tổ chức hoạt động, đồng thời đảm bảo quá trình phát triển năng lực của trẻ diễn ra theo tiến trình hợp lý, từ mức độ hình thành ban đầu đến củng cố và hoàn thiện. Trên cơ sở đó, giáo viên có thể thuận lợi hơn trong việc xây dựng kế hoạch theo tháng, tuần và thiết kế các hoạt động giáo dục phù hợp với mục tiêu phát triển năng lực của trẻ.

Khi xác định trực năng lực theo năm học, giáo viên cần đảm bảo:

- Phù hợp với đặc điểm tâm lý trẻ theo thời điểm trong năm học (đầu năm – giữa năm – cuối năm);
- Dựa trên tiến trình phát triển năng lực (I → R → M) đã xác định ở Bước 1;
- Đảm bảo tính kế thừa và phát triển: năng lực ở giai đoạn sau được xây dựng trên nền tảng của giai đoạn trước;
- Không tách rời các năng lực: dù có trực chính, các năng lực khác vẫn được tích hợp trong hoạt động.

Cách thực hiện:

Bước 2.1. Phân chia năm học thành các giai đoạn phát triển

Thông thường, năm học có thể chia thành 3 giai đoạn:

- Giai đoạn đầu năm (Tháng 9 – 10)
- Giai đoạn giữa năm (Tháng 11 – 2)
- Giai đoạn cuối năm (Tháng 3 – 5)

Cách chia này phù hợp với quá trình: Trẻ làm quen → ổn định → phát triển → hoàn thiện.

Bước 2.2. Xác định trực năng lực cho từng giai đoạn và từng tháng: Dựa trên đặc điểm phát triển của trẻ và ma trận ở Bước 1, giáo viên xác định các năng lực cho từng giai đoạn. Ví dụ:

| Giai đoạn | Tháng | Trực năng lực | Năng lực theo lĩnh vực liên quan | Mức phát triển dự kiến | Định hướng tổ chức hoạt động |
|------------------|--------------|--------------------------------------|---|-------------------------------|--|
| Đầu năm | 9–10 | Thích ứng – Giao tiếp – Tự lực | TC1, TC3, NN2 | I | Trẻ làm quen môi trường, tham gia hoạt động thể chất đơn giản; bước đầu giao tiếp, thực hiện một số hành vi tự phục vụ |
| Đầu năm | 10 | Thích ứng – Tự lực | TC1, TC3 | I → R | Tăng cường nề nếp, thực hiện yêu cầu trong hoạt động; thích ứng với chế độ sinh hoạt |

| | | | | | |
|----------|----|------------------------------|---------------|-------|---|
| Giữa năm | 11 | Giao tiếp – Hợp tác | TX4, TX6, NN2 | R | Trẻ giao tiếp rõ ràng hơn, bắt đầu phối hợp với bạn trong hoạt động |
| Giữa năm | 12 | Giải quyết vấn đề (bước đầu) | NT5, TC3 | R | Trẻ tham gia khám phá, thử nghiệm, đặt câu hỏi trong hoạt động |
| Giữa năm | 1 | Hợp tác – GQVĐ | TX6, NT5 | R → M | Trẻ phối hợp nhóm để thực hiện nhiệm vụ, bắt đầu giải quyết vấn đề đơn giản |
| Giữa năm | 2 | GQVĐ – Tự lực | NT5, TC1 | R → M | Trẻ lựa chọn cách thực hiện nhiệm vụ, chủ động hơn trong hoạt động |
| Cuối năm | 3 | GQVĐ – Sáng tạo | NT5, NgT7 | M | Trẻ giải quyết vấn đề linh hoạt, thể hiện ý tưởng sáng tạo |
| Cuối năm | 4 | Tự lực – Hợp tác | TX6, TC1 | M | Trẻ chủ động thực hiện nhiệm vụ, phối hợp nhóm hiệu quả |
| Cuối năm | 5 | Thích ứng – Tự lực | TC1, TX4 | M | Trẻ tự tin, thích ứng với môi trường mới, sẵn sàng vào lớp Một |

Sau khi phân bổ xong, giáo viên cần rà soát:

- Mỗi năng lực cốt lõi đã xuất hiện trong nhiều giai đoạn chưa;
- Có đảm bảo tiến trình từ dễ đến khó, từ đơn giản đến phức tạp không;
- Có phù hợp với thực tế lớp học và đặc điểm trẻ không.

BƯỚC 3: CHUYỂN TRỰC NĂNG LỰC THÀNH MA TRẬN MỤC TIÊU THEO THÁNG, TUẦN VÀ HOẠT ĐỘNG

Cách thực hiện:

- Từ trực năng lực (tháng) → xác định mục tiêu chung
- Từ mục tiêu tháng → chia nhỏ theo tiến trình tuần
- Từ mục tiêu tuần → thiết kế hoạt động cụ thể
- Mỗi mục tiêu đều phải:
 - o Gắn với hành vi của trẻ
 - o Quan sát được
 - o Có thể đánh giá

Ví dụ:

| Tháng | Trục NL | Mã NL | Mục tiêu tháng | Tuần | Mục tiêu tuần (cụ thể, quan sát được) |
|-------|-----------------------|---------------|--|------|--|
| 9 | Thích ứng – Giao tiếp | TC1, NN2 | Trẻ bước đầu thích ứng với môi trường lớp học, tham gia hoạt động và giao tiếp đơn giản | 1 | Trẻ nhận biết không gian lớp học, biết chào hỏi, trả lời câu hỏi đơn giản bằng lời nói hoặc cử chỉ |
| | | | | 2 | Trẻ sử dụng lời nói để thể hiện nhu cầu cơ bản (ăn, uống, chơi, đi vệ sinh) |
| | | | | 3 | Trẻ thực hiện một số quy định đơn giản trong sinh hoạt (xếp hàng, cất đồ, ngồi đúng vị trí) |
| | | | | 4 | Trẻ tham gia vào hoạt động chung của lớp, bước đầu trao đổi với bạn và cô |
| 11 | Giao tiếp – Hợp tác | TX4, TX6, NN2 | Trẻ giao tiếp rõ ràng hơn, biết thiết lập và duy trì mối quan hệ với bạn, bước đầu hợp tác | 1 | Trẻ nói rõ ràng, chú ý khi bày tỏ nhu cầu, ý kiến; biết lắng nghe người khác |
| | | | | 2 | Trẻ chủ động làm quen, chơi cùng bạn; thể hiện thái độ thân thiện |
| | | | | 3 | Trẻ phối hợp với bạn trong một số hoạt động đơn giản (chơi cùng, chia sẻ đồ chơi) |
| | | | | 4 | Trẻ biết chờ đến lượt, tham gia hoạt động nhóm theo sự phân công đơn giản |

2.2. Xác định nội dung giáo dục phát triển năng lực

Việc xác định nội dung giáo dục theo tiếp cận phát triển năng lực không còn dừng lại ở việc lựa chọn những kiến thức sẵn có để truyền đạt cho trẻ, mà phải xuất phát từ mục tiêu năng lực đã được xác định trong kế hoạch tháng và tuần. Điều này có nghĩa là giáo viên cần trả lời được câu hỏi: với mục tiêu năng lực này, trẻ cần được tham gia vào những trải nghiệm nào để có thể hình thành và thể hiện được năng lực đó trong thực tế. Nội dung giáo dục vì vậy không nên được xây dựng dưới dạng các kiến thức đơn lẻ hay các “bài học” tách rời, mà cần được chuyển hóa thành các tình huống, nhiệm vụ hoặc hoạt động trải nghiệm gắn gũi với cuộc sống của trẻ, trong đó trẻ phải quan sát, trao đổi, thử nghiệm, hợp tác hoặc giải quyết vấn đề.

Bên cạnh đó, nội dung giáo dục cần đảm bảo tính tích hợp, tức là không tách biệt theo từng lĩnh vực phát triển như thể chất, ngôn ngữ, nhận thức, tình cảm – xã hội hay nghệ thuật, mà cần tạo cơ hội để trẻ huy động đồng thời nhiều kiến thức, kỹ năng và kinh nghiệm từ các lĩnh vực khác nhau trong cùng một hoạt động. Ví dụ, trong một hoạt

động khám phá khoa học, trẻ không chỉ quan sát và nhận biết đặc điểm sự vật (nhận thức) mà còn trao đổi với bạn (ngôn ngữ), phối hợp khi thực hiện nhiệm vụ (tình cảm – xã hội), thao tác với đồ vật (thể chất) và có thể thể hiện kết quả bằng hình vẽ hoặc sản phẩm (nghệ thuật). Chính sự tích hợp này tạo điều kiện cho các năng lực cốt lõi như giao tiếp, hợp tác, giải quyết vấn đề, tự lực và thích ứng được hình thành một cách tự nhiên.

Ngoài ra, nội dung giáo dục cần được lựa chọn phù hợp với đặc điểm phát triển, hứng thú và kinh nghiệm sống của trẻ, đồng thời gắn với bối cảnh thực tiễn của lớp học, gia đình và địa phương. Nội dung càng gần gũi, quen thuộc thì trẻ càng dễ tham gia tích cực và có cơ hội vận dụng những điều đã học vào cuộc sống hằng ngày. Đồng thời, nội dung cũng cần đảm bảo tính mở và linh hoạt, cho phép giáo viên điều chỉnh theo tình huống thực tế và tạo điều kiện để trẻ có thể lựa chọn cách tham gia, cách thực hiện và cách thể hiện kết quả theo ý tưởng riêng của mình. Đây chính là điểm cốt lõi của tiếp cận phát triển năng lực, khi trẻ không chỉ “học cái gì” mà quan trọng hơn là “học bằng cách nào” và “làm được gì” từ những trải nghiệm đó.

Quy trình xác định nội dung theo tiếp cận năng lực:

Bước 1. Xác định lại mục tiêu năng lực của tháng/tuần: Giáo viên cần căn cứ vào trục năng lực đã được phân bổ trong năm học (ở Bước 2) và ma trận mục tiêu (ở Bước 3) để làm rõ: trong khoảng thời gian này, trẻ cần phát triển năng lực nào và ở mức độ nào. Mục tiêu không nên dừng ở những diễn đạt chung chung như “biết”, “hiểu”, mà phải được cụ thể hóa thành những biểu hiện hành vi có thể quan sát được, chẳng hạn như trẻ biết đặt câu hỏi, biết thử nghiệm, biết trao đổi với bạn hoặc biết lựa chọn cách thực hiện nhiệm vụ. Đồng thời, giáo viên cần chú ý đến tiến trình phát triển của năng lực trong tháng, thường đi từ những biểu hiện đơn giản đến phức tạp hơn (ví dụ: quan sát → thử nghiệm → so sánh → giải thích). Việc xác định rõ mục tiêu như vậy sẽ giúp giáo viên có cơ sở chính xác để lựa chọn nội dung phù hợp, đảm bảo mọi hoạt động giáo dục đều hướng tới việc hình thành và phát triển năng lực cho trẻ một cách cụ thể, liên tục và có hệ thống.

Bước 2. Đối chiếu mục tiêu với nội dung trong chương trình

Sau khi đã xác định rõ mục tiêu năng lực theo tháng và tuần, giáo viên cần tiến hành đối chiếu các mục tiêu này với hệ thống nội dung giáo dục trong chương trình để lựa chọn những nội dung phù hợp. Đây là bước chuyển từ “trẻ cần đạt gì” sang “trẻ sẽ học thông qua cái gì”.

Việc đối chiếu cần dựa trên nguyên tắc tích hợp. Giáo viên cần xem xét mỗi mục tiêu năng lực có thể gắn với những nội dung nào trong các lĩnh vực phát triển như thể chất, tình cảm – xã hội, ngôn ngữ, nhận thức và nghệ thuật. Một mục tiêu thường không chỉ thuộc một lĩnh vực mà có thể liên quan đến nhiều lĩnh vực khác nhau. Ví dụ, khi trẻ

thực hiện một hoạt động khám phá, trẻ không chỉ sử dụng kỹ năng nhận thức mà còn cần giao tiếp, hợp tác với bạn, thao tác với đồ vật và có thể thể hiện kết quả bằng sản phẩm nghệ thuật.

Trong quá trình này, giáo viên cần lựa chọn những nội dung vừa đảm bảo yêu cầu cần đạt của chương trình, vừa tạo cơ hội cho trẻ thực hiện các hành vi năng lực đã xác định. Chẳng hạn, nếu mục tiêu là trẻ biết đặt câu hỏi và thử nghiệm, thì nội dung phù hợp sẽ thuộc nhóm khám phá khoa học như quan sát sự vật, thực hiện thí nghiệm đơn giản, so sánh kết quả. Nếu mục tiêu là phát triển giao tiếp và hợp tác, nội dung có thể là các tình huống giao tiếp, trò chơi nhóm, hoạt động chia sẻ hoặc cùng thực hiện một nhiệm vụ chung.

Như vậy, ở bước này, nội dung giáo dục không còn là danh mục kiến thức cần dạy, mà trở thành phương tiện để trẻ huy động tổng hợp các năng lực trong quá trình hoạt động.

Bước 3. Chuyển nội dung thành các trải nghiệm học tập cụ thể: Sau khi đã lựa chọn được nội dung phù hợp với mục tiêu năng lực, giáo viên cần tiếp tục chuyển hóa các nội dung này thành những trải nghiệm học tập cụ thể mà trẻ có thể tham gia. Đây là bước quan trọng để đưa nội dung từ dạng “có sẵn trong chương trình” trở thành “hoạt động thực tế của trẻ”.

Nội dung không được giữ nguyên dưới dạng khái niệm hay chủ đề chung chung, mà cần được thiết kế thành các tình huống có ý nghĩa đối với trẻ. Mỗi nội dung cần được thể hiện thông qua một nhiệm vụ, một câu hỏi mở hoặc một vấn đề gây gãi, để trẻ có cơ hội quan sát, thử nghiệm, trao đổi, lựa chọn và giải quyết. Ví dụ, thay vì chỉ dạy “tìm hiểu về nước”, giáo viên có thể tổ chức cho trẻ khám phá hiện tượng vật chìm – nổi thông qua việc dự đoán, thử nghiệm và thảo luận kết quả. Khi đó, nội dung đã trở thành một trải nghiệm học tập tích cực, kích thích tư duy và sự tham gia của trẻ.

Đồng thời, khi chuyển nội dung thành trải nghiệm, giáo viên cần đảm bảo tính mở và linh hoạt. Trẻ không bị bó buộc vào một cách làm duy nhất mà có thể thử nhiều cách khác nhau, đưa ra ý tưởng riêng và thể hiện kết quả theo nhiều hình thức như lời nói, hành động, sản phẩm tạo hình hoặc biểu diễn. Điều này giúp phát huy tính chủ động, sáng tạo và tạo điều kiện cho mỗi trẻ phát triển theo khả năng riêng.

2.3. Hình thức và phương pháp tổ chức hoạt động giáo dục cho trẻ mẫu giáo theo tiếp cận năng lực

2.3.1. Xác định hình thức tổ chức hoạt động giáo dục cho trẻ mẫu giáo theo tiếp cận năng lực

Hình thức tổ chức đóng vai trò quan trọng trong việc tạo cơ hội cho trẻ thể hiện và phát triển năng lực. Việc xác định hình thức cần dựa vào mục tiêu năng lực, nội dung và đặc điểm của trẻ, nhằm tạo điều kiện tốt nhất để trẻ tham gia. Trước hết, giáo viên cần lựa chọn loại hình hoạt động phù hợp:

- Hoạt động học có chủ đích: Giúp trẻ hình thành các kỹ năng và hiểu biết cơ bản, đồng thời tạo cơ hội phát triển năng lực giao tiếp và giải quyết vấn đề.
- Hoạt động vui chơi (đặc biệt là chơi ở các góc): Là môi trường lý tưởng để trẻ phát triển năng lực hợp tác, giao tiếp và sáng tạo.
- Hoạt động trải nghiệm – thực hành: Như thí nghiệm, tham quan, lao động đơn giản... giúp trẻ phát triển năng lực giải quyết vấn đề và thích ứng.
- Hoạt động ngoài trời: Tăng cường sức khỏe, đồng thời tạo điều kiện cho trẻ khám phá và tương tác xã hội.

Giáo viên xác định hình thức theo quy mô tổ chức: hoạt động cả lớp, nhóm nhỏ hay cá nhân. Các hoạt động theo các hình thức này tổ chức linh hoạt nhằm phát huy tối đa sự tham gia của trẻ, hỗ trợ cá thể hóa và phát triển năng lực hợp tác. Ví dụ, nếu mục tiêu là hợp tác và giao tiếp, nên ưu tiên hoạt động nhóm nhỏ để trẻ có cơ hội trao đổi và phối hợp. Nếu mục tiêu là phát triển tự lực, có thể tăng cường hoạt động cá nhân. Đồng thời, cần linh hoạt thay đổi nhóm để trẻ được trải nghiệm nhiều vai trò khác nhau.

Ngoài ra, giáo viên cần cân nhắc không gian tổ chức (trong lớp, ngoài trời, môi trường tự nhiên) và sự cân đối giữa hoạt động “động” và “tĩnh”, giữa hoạt động có kế hoạch và hoạt động theo ý tưởng của trẻ.

Ví dụ: Trong hoạt động “Khám phá vật chìm – nổi”, mục tiêu hướng tới là phát triển năng lực giải quyết vấn đề (trẻ biết dự đoán, thử nghiệm và rút ra nhận xét đơn giản), đồng thời góp phần phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác khi trẻ trao đổi với bạn trong quá trình thực hiện. Hoạt động được triển khai dưới dạng trải nghiệm theo nhóm nhỏ (3–4 trẻ) tại góc khám phá hoặc ngoài trời. Hình thức này tạo điều kiện để tất cả trẻ đều được trực tiếp thao tác, được trao đổi và phối hợp với bạn. Hoạt động có thể kết hợp giữa phân hướng dẫn ban đầu của giáo viên và thời gian để trẻ tự khám phá theo ý tưởng, đảm bảo tính linh hoạt và phát huy vai trò chủ thể của trẻ.

2.3.2. Xác định phương pháp tổ chức hoạt động giáo dục cho trẻ mẫu giáo theo tiếp cận năng lực

Phương pháp không chỉ là cách tổ chức hoạt động mà chính là “con đường” để trẻ hình thành năng lực thông qua trải nghiệm, tương tác và kiến tạo hiểu biết. Trước hết, giáo viên cần quán triệt nguyên tắc chung của chương trình là giáo dục thông qua chơi và trải nghiệm, tạo cơ hội để trẻ chủ động tìm tòi, khám phá, thử nghiệm và giao tiếp trong các bối cảnh phù hợp với đặc điểm và nhu cầu của trẻ. Điều này đòi hỏi giáo viên phải chuyển từ vai trò “truyền đạt” sang vai trò “tổ chức – hỗ trợ – dẫn dắt”, trong đó trẻ là chủ thể tích cực của hoạt động.

Từ mục tiêu năng lực đã xác định, giáo viên lựa chọn và phối hợp các phương pháp cụ thể theo hướng phát huy tính tích cực, sáng tạo của trẻ. Học qua chơi giúp trẻ tiếp cận thế giới một cách tự nhiên, đặc biệt thông qua các trò chơi mang tính khám phá

và tương tác. Trải nghiệm và thực hành giúp trẻ hình thành kỹ năng và kinh nghiệm thực tế thông qua việc trực tiếp làm, trực tiếp thử. Phương pháp nêu vấn đề và khuyến khích giải quyết vấn đề giúp trẻ phát triển tư duy khi phải suy nghĩ, dự đoán, thử nghiệm và điều chỉnh. Đồng thời, việc tăng cường tương tác xã hội thông qua hoạt động nhóm, trao đổi và chia sẻ giúp phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác. Trong suốt quá trình đó, giáo viên cần thực hiện hỗ trợ cá thể hóa, quan sát và điều chỉnh mức độ hỗ trợ phù hợp với từng trẻ.

Để phát triển năng lực cho trẻ mầm non một cách toàn diện, quá trình giáo dục cần được tiếp cận theo hướng kiến tạo, gắn kết chặt chẽ với cảm xúc. Theo quan điểm kiến tạo, trẻ em xây dựng kiến thức thông qua các hoạt động khám phá chủ động và tương tác với môi trường xã hội. Quá trình phát triển năng lực nên được diễn ra theo 5 giai đoạn:

- Giai đoạn 1 (Khơi gợi sự tò mò): Giáo viên đánh giá kiến thức, trải nghiệm hiện tại của trẻ, từ đó đặt câu hỏi và đưa trẻ vào những tình huống mới lạ nhằm kích thích sự tò mò và động lực nội tại.

- Giai đoạn 2 (Tạo xung đột nhận thức): Hỗ trợ trẻ nhận ra sự thiếu hụt giữa những gì mình đã biết và những điều mới mẻ xung quanh, tạo thôi thúc tự nhiên để đạt được kỹ năng mới.

- Giai đoạn 3 (Khám phá): Đưa trẻ vào các tình huống giáo dục cụ thể, nơi trẻ có thể thực hiện các hoạt động khám phá để thay đổi các khuôn mẫu nhận thức cũ và cấu trúc lại kiến thức mới.

- Giai đoạn 4 (Ứng dụng thực tiễn): Khuyến khích và hỗ trợ trẻ sử dụng các kiến thức, quy tắc vừa học vào các tình huống sinh hoạt, vui chơi thực tế tại trường mầm non để đạt được kết quả đúng đắn.

- Giai đoạn 5 (Nhận thức giá trị): Giúp trẻ tự nhận ra rằng để giải quyết một vấn đề (ví dụ: giao tiếp hiệu quả với bạn bè), chúng bắt buộc phải sở hữu những kiến thức và kỹ năng thực tiễn nhất định.

Song song với đó, giáo viên cần vận dụng mô hình “giàn giáo” (Scaffolding), do nhà tâm lý học Jerome Bruner và David Wood phát triển dựa trên khái niệm “vùng phát triển gần nhất” của Lev Vygotsky, giúp trẻ phát triển khả năng nhận thức và tính tự lập thông qua một quá trình hỗ trợ có hệ thống. Giáo viên cần quan sát để xác định “vùng phát triển gần nhất” của trẻ (những gì trẻ chưa thể tự làm nhưng có thể hoàn thành nếu được người lớn giúp đỡ). Bằng cách thiết lập “giàn giáo”, giáo viên không làm thay mà chỉ cung cấp các gợi ý, lời khuyên để trẻ hiểu và nắm bắt nhiệm vụ. Khi trẻ dần hoàn thiện kỹ năng và chuyển năng lực đó vào bên trong, giáo viên sẽ dần bỏ dần sự hỗ trợ để trẻ trở nên độc lập trên các mức độ nhận thức cao hơn. Cụ thể, mô hình này giúp trẻ phát triển qua các khía cạnh sau:

- Vượt qua giới hạn hiện tại: Trẻ em thường có những chức năng tinh thần đang ở dạng "tiềm năng" (chỉ mới bắt đầu trưởng thành hoặc đang phát triển). Mô hình giàn giáo cho phép trẻ thực hiện và hoàn thành các nhiệm vụ ở mức độ cao hơn những gì trẻ có thể tự làm một mình.

- Chia nhỏ nhiệm vụ theo từng "tầng": Giáo viên sẽ đóng vai trò xây dựng một "giàn giáo" giáo dục, trong đó mỗi "tầng" chứa một nhiệm vụ hướng trực tiếp vào vùng phát triển gần nhất của trẻ.

- Khởi gợi sự hứng thú và tự tin: Do trẻ chưa thể tự giải quyết toàn bộ nhiệm vụ, giáo viên hoặc người lớn sẽ hỗ trợ bằng cách giúp trẻ tìm ra một phần nhỏ trong nhiệm vụ mà trẻ có thể tự mình thực hiện. Điều này không chỉ giúp trẻ nắm bắt vấn đề mà còn khơi dậy sự tò mò, hứng thú với việc tìm ra giải pháp.

- Định hướng và cung cấp gợi ý: Trong quá trình trẻ thực hiện, giáo viên sẽ cung cấp những lời khuyên, sự trợ giúp và gợi ý cần thiết để trẻ thực sự hiểu rõ nhiệm vụ và tự mình giải quyết nó.

- Chuyển hóa năng lực thành của riêng mình: Sự hỗ trợ này giúp trẻ dần dần chuyển đổi từ việc phụ thuộc vào tương tác bên ngoài (interpsychic) sang khả năng nhận thức tự thân bên trong (intrapsychic).

- Gia tăng sự độc lập: Khi trẻ đã dần làm chủ được kỹ năng, giáo viên sẽ "dỡ bỏ" dần phần giàn giáo đó và chuyển sang một nhiệm vụ mới ở tầng cao hơn. Việc tháo dỡ giàn giáo một cách từ từ giúp trẻ ngày càng trở nên độc lập và tự chủ hơn, trong khi vẫn nhận được mức độ hỗ trợ phù hợp ở những giai đoạn thử thách tiếp theo.

Một yếu tố không thể tách rời trong phương pháp giáo dục là gắn kết với cảm xúc. Việc phát triển năng lực không bao giờ chỉ dừng lại ở trí tuệ mà phải gắn liền với sự tham gia về mặt cảm xúc của trẻ. Cần sử dụng các phương pháp định giá (valuation methods) để trẻ có những trải nghiệm cảm xúc mạnh mẽ trước những giá trị tốt đẹp. Khi trẻ cảm thấy vui vẻ, hứng thú và được khích lệ, trẻ sẽ gắn bó sâu sắc với bài học và chủ động vượt qua khó khăn.

Nội dung 2. Hướng dẫn tổ chức hoạt động giáo dục phát triển năng lực cho trẻ mẫu giáo (8 lý thuyết, 3 thực hành)

Hoạt động 3. Xác định nguyên tắc thiết kế và tổ chức hoạt động giáo dục theo hướng phát triển năng lực cho trẻ MG

Hoạt động trải nghiệm ngắn: “Làm theo mẫu”

Cách làm

- Cả lớp vẽ nhanh một bông hoa “đúng theo mẫu” trong 1 phút.
- Sau đó yêu cầu: “Bây giờ hãy vẽ một bông hoa theo cách riêng của mình.”

Câu hỏi

- Cảm xúc ở 2 lần có gì khác nhau? Hoạt động nào tạo cơ hội thể hiện năng lực hơn?
- Từ trải nghiệm vừa rồi, theo thầy/cô, khi tổ chức hoạt động giáo dục để phát triển năng lực cho trẻ, giáo viên cần lưu ý những nguyên tắc gì?”

THÔNG TIN PHẢN HỒI

3.1. Nguyên tắc thiết kế và tổ chức hoạt động giáo dục theo hướng phát triển năng lực cho trẻ MG

- Lấy trẻ làm trung tâm:

Lấy trẻ làm trung tâm là nguyên tắc nền tảng trong giáo dục mầm non. Mỗi đứa trẻ là một cá thể riêng biệt với nhu cầu, hứng thú, khả năng và tốc độ phát triển khác nhau. Vì vậy, giáo viên cần tôn trọng sự khác biệt đó, tạo điều kiện để trẻ được chủ động tham gia vào quá trình học tập. Trong thiết kế hoạt động, giáo viên cần xuất phát từ nhu cầu, kinh nghiệm sống và khả năng của trẻ để xây dựng nội dung phù hợp. Trẻ không chỉ là đối tượng tiếp nhận mà còn là chủ thể tích cực, được lựa chọn, thử nghiệm và thể hiện ý tưởng của mình. Mọi hoạt động giáo dục cần được thiết kế bắt đầu từ mục tiêu phát triển năng lực của trẻ, không phải từ nội dung hay hình thức tổ chức. Trẻ là chủ thể của quá trình giáo dục, vì vậy việc lựa chọn mục tiêu phải dựa trên đặc điểm, nhu cầu, kinh nghiệm và mức độ phát triển của trẻ trong từng giai đoạn. Giáo viên không đóng vai trò truyền đạt mà là người thiết kế môi trường và tình huống để trẻ được hành động, trải nghiệm và thể hiện năng lực. Khi mục tiêu được xác định đúng, toàn bộ nội dung, hình thức và phương pháp phía sau mới có ý nghĩa và đảm bảo tính nhất quán. Việc lấy trẻ làm trung tâm còn thể hiện ở việc tạo môi trường thân thiện, khuyến khích trẻ tự tin, mạnh dạn giao tiếp và bày tỏ cảm xúc. Khi trẻ được tôn trọng và lắng nghe, các năng lực cá nhân sẽ được phát triển một cách tự nhiên và bền vững.

- Phát triển năng lực thông qua hoạt động (học qua chơi, trải nghiệm):

Hoạt động vui chơi và trải nghiệm là con đường học tập chủ yếu của trẻ. Trẻ học tốt nhất khi được tham gia trực tiếp vào các hoạt động mang tính thực hành, khám phá và sáng tạo. Do đó, giáo viên cần thiết kế các hoạt động đa dạng như: trò chơi học tập,

hoạt động trải nghiệm, hoạt động ngoài trời, hoạt động góc... nhằm giúp trẻ “học mà chơi, chơi mà học”. Thông qua các hoạt động này, trẻ không chỉ tiếp thu kiến thức mà còn phát triển các năng lực quan trọng như: giao tiếp, hợp tác, giải quyết vấn đề, tư duy sáng tạo và tự phục vụ. Ví dụ, khi tổ chức hoạt động “chơi bán hàng”, trẻ được trải nghiệm vai trò người bán – người mua, từ đó phát triển năng lực giao tiếp, kỹ năng toán học đơn giản và hiểu biết về cuộc sống. Những trải nghiệm này có ý nghĩa sâu sắc hơn so với việc tiếp nhận kiến thức một cách thụ động.

- Tích hợp và gắn với thực tiễn:

Tích hợp trong giáo dục mầm non không phải là sự ghép nối cơ học hay dạy đồng thời nhiều nội dung trong một hoạt động, mà là quá trình lồng ghép, đan cài có chủ đích các lĩnh vực phát triển và các thành tố năng lực trong cùng một tình huống giáo dục. Trong đó, mỗi thành phần (thể chất, ngôn ngữ, nhận thức, tình cảm – xã hội, nghệ thuật...) vẫn giữ được giá trị riêng, nhưng khi được tổ chức hợp lý sẽ tương tác, hỗ trợ lẫn nhau và làm gia tăng giá trị tổng thể của hoạt động. Điểm cốt lõi của tích hợp là tạo ra những trải nghiệm mà ở đó trẻ phải huy động đồng thời nhiều năng lực để thực hiện nhiệm vụ có ý nghĩa. Khi đó, năng lực không hình thành theo từng mảnh rời rạc mà phát triển trong mối liên hệ chặt chẽ, gắn với cách trẻ sử dụng chúng trong đời sống thực. Vì vậy, khi thiết kế hoạt động, giáo viên cần xác định: Năng lực trung tâm (đích chính cần hình thành); Các năng lực/lĩnh vực được tích hợp hỗ trợ; Cách tổ chức để các yếu tố này đan cài tự nhiên trong hành động của trẻ, không tách rời, không chông chéo hình thức. Nói cách khác, tích hợp không làm mất đi bản sắc của từng lĩnh vực, mà ngược lại, làm cho mỗi lĩnh vực phát huy tốt hơn trong một chỉnh thể thống nhất, qua đó giúp năng lực của trẻ được hình thành một cách toàn diện và có ý nghĩa thực tiễn.

Việc gắn hoạt động giáo dục với thực tiễn giúp trẻ hiểu được ý nghĩa của việc học, đồng thời hình thành khả năng vận dụng kiến thức vào cuộc sống. Đây chính là nền tảng quan trọng để phát triển năng lực thực hành và tư duy của trẻ.

- Đảm bảo tính mở, linh hoạt và cá thể hóa:

Hoạt động giáo dục cần được thiết kế theo hướng mở, cho phép trẻ có nhiều cách tiếp cận và thể hiện khác nhau. Không nên áp đặt một khuôn mẫu cố định mà cần tạo điều kiện để trẻ sáng tạo và phát triển theo khả năng riêng. Tính linh hoạt thể hiện ở việc giáo viên có thể điều chỉnh kế hoạch, nội dung và phương pháp tổ chức dựa trên phản ứng, hứng thú của trẻ trong quá trình tham gia hoạt động. Ví dụ, nếu trẻ đặc biệt hứng thú với một nội dung nào đó, giáo viên có thể mở rộng hoặc kéo dài hoạt động để khai thác sâu hơn. Cá thể hóa là việc đáp ứng nhu cầu và khả năng riêng của từng trẻ. Giáo viên cần quan sát, đánh giá và hỗ trợ phù hợp với từng đối tượng, đặc biệt là trẻ có nhu cầu đặc biệt hoặc trẻ chậm phát triển. Điều này giúp mọi trẻ đều có cơ hội phát triển tối đa năng lực của mình.

- Xây dựng môi trường giáo dục an toàn, giàu trải nghiệm:

Môi trường giáo dục đóng vai trò quan trọng trong việc kích thích sự phát triển của trẻ. Một môi trường an toàn cả về thể chất và tâm lý sẽ giúp trẻ yên tâm khám phá và học hỏi. Giáo viên cần bố trí không gian lớp học khoa học, thuận tiện, đảm bảo an toàn và phù hợp với tầm vóc của trẻ. Các góc hoạt động cần được thiết kế đa dạng, hấp dẫn, có nhiều học liệu mở để trẻ dễ dàng sử dụng và sáng tạo. Ngoài ra, môi trường cần giàu tính trải nghiệm, nghĩa là tạo nhiều cơ hội cho trẻ tương tác với đồ vật, con người và thiên nhiên. Các hoạt động ngoài trời, tham quan, dã ngoại... là những hình thức hiệu quả giúp trẻ mở rộng hiểu biết và phát triển kỹ năng sống.

- Đánh giá vì sự phát triển năng lực và tăng cường phối hợp giáo dục

Đánh giá trẻ mầm non không nhằm xếp loại hay so sánh mà nhằm theo dõi sự tiến bộ và hỗ trợ sự phát triển của trẻ. Vì vậy, cần sử dụng các phương pháp đánh giá linh hoạt như: quan sát, ghi chép, hồ sơ học tập, sản phẩm của trẻ... Việc đánh giá cần diễn ra thường xuyên, liên tục và gắn với quá trình hoạt động của trẻ. Giáo viên cần chú trọng đánh giá năng lực thực tế của trẻ như: khả năng giao tiếp, hợp tác, giải quyết vấn đề... thay vì chỉ chú ý đến kết quả cuối cùng. Bên cạnh đó, sự phối hợp giữa nhà trường, gia đình và cộng đồng là yếu tố không thể thiếu. Giáo viên cần trao đổi thường xuyên với phụ huynh về tình hình phát triển của trẻ, hướng dẫn phụ huynh cách hỗ trợ trẻ tại nhà. Sự thống nhất trong giáo dục sẽ tạo điều kiện tốt nhất để trẻ phát triển toàn diện.

3.2. Lập kế hoạch tổ chức hoạt động giáo dục

3.2.1. Các bước lập kế hoạch tổ chức hoạt động giáo dục cho trẻ mẫu giáo theo hướng phát triển năng lực

Bước 1. Xác định mục tiêu phát triển năng lực

Lập kế hoạch tổ chức hoạt động giáo dục theo tiếp cận năng lực tập trung vào việc xác định các mục tiêu cụ thể, có thể quan sát và đánh giá được, hướng tới hình thành khả năng vận dụng của trẻ trong các tình huống thực tiễn, thay vì chỉ ghi nhớ kiến thức.

Việc xác định mục tiêu cần căn cứ vào yêu cầu cần đạt cuối độ tuổi trong Chương trình GDMN, trong đó nhấn mạnh sự phát triển ở trẻ các biểu hiện như: ham hiểu biết, tích cực khám phá môi trường xung quanh; biết quan sát, so sánh, suy luận và giải quyết các vấn đề đơn giản trong cuộc sống.

Mục tiêu được xây dựng theo định hướng SMART (cụ thể, có thể quan sát/đánh giá, khả thi, phù hợp và có thời điểm), đồng thời cần đảm bảo tính linh hoạt, phù hợp với đặc điểm cá nhân của trẻ và bối cảnh địa phương. So với cách tiếp cận nội dung trước đây, mục tiêu trong tiếp cận năng lực chú trọng vào việc mô tả trẻ làm được gì, thay vì chỉ nêu trẻ biết gì.

Phân loại mục tiêu theo năng lực

– Năng lực nhận thức: Trẻ quan sát, so sánh, phân loại, dự đoán và giải thích hiện tượng đơn giản (ví dụ: phân loại đồ vật theo màu sắc, kích thước; dự đoán sự thay đổi của cây qua quan sát).

– Năng lực giao tiếp và hợp tác: Trẻ trao đổi ý kiến, lắng nghe, phối hợp với bạn trong hoạt động chung (ví dụ: cùng bạn thảo luận cách thực hiện nhiệm vụ).

– Năng lực tự lực và thích ứng: Trẻ tự thực hiện một số nhiệm vụ phù hợp, biết điều chỉnh hành vi trong các tình huống quen thuộc.

– Năng lực giải quyết vấn đề: Trẻ nhận biết tình huống có vấn đề và thử nghiệm các cách giải quyết đơn giản trong thực tiễn.

Quy trình xác định mục tiêu

– Xem xét yêu cầu cần đạt cuối độ tuổi trong Chương trình GDMN

– Quan sát, đánh giá mức độ phát triển hiện tại của trẻ (thông qua nhật ký, sản phẩm hoạt động...).

– Xây dựng mục tiêu dưới dạng hành động cụ thể của trẻ (ví dụ: trẻ đo và so sánh độ dài bằng các vật quen thuộc)

– Liên kết mục tiêu với các năng lực và lĩnh vực giáo dục phù hợp.

Ví dụ: Sau hoạt động “Khám phá siêu thị mini”, đa số trẻ 4–5 tuổi có thể phân loại hàng hóa theo nhóm (rau, củ, quả), trao đổi, thỏa thuận với bạn khi tham gia hoạt động mua bán, lựa chọn phương án phù hợp khi gặp tình huống “không đủ tiền” (chọn món khác hoặc trao đổi với bạn).

Phân bổ mục tiêu vào các loại hoạt động trong ngày

Sau khi xác định mục tiêu phát triển năng lực, giáo viên cần phân bổ mục tiêu vào các loại hoạt động trong ngày nhằm đảm bảo trẻ được hình thành và phát triển năng lực một cách liên tục, thông qua nhiều bối cảnh khác nhau (hoạt động học, hoạt động chơi, hoạt động khác), thay vì chỉ tập trung trong một hoạt động riêng lẻ.

Việc phân bổ có thể định hướng như sau:

Hoạt động học: Tập trung vào việc hình thành và làm rõ hiểu biết, kỹ năng cơ bản (trẻ hiểu và biết cách làm – NT3, NT4), đồng thời khơi gợi hứng thú nhận thức và hình thành “cách học” ở trẻ (NT1, NT2).

Hoạt động chơi: Là môi trường để trẻ củng cố, mở rộng và phát triển năng lực thông qua trải nghiệm, thử nghiệm và tương tác (đặc biệt NT2, NT5), tạo cơ hội cho trẻ lựa chọn, hợp tác và giải quyết vấn đề.

Hoạt động khác: Là nơi trẻ vận dụng hiểu biết vào tình huống thực tế (trọng tâm NT5, NT6), hình thành hành vi, thói quen và khả năng thích ứng trong cuộc sống.

Một mục tiêu có thể được triển khai xuyên suốt ở nhiều loại hoạt động với mức độ khác nhau. Ví dụ: Với lĩnh vực nhận thức, trong hoạt động học trẻ học cách đếm;

trong hoạt động chơi, trẻ sử dụng kỹ năng đếm khi chơi bán hàng; trong sinh hoạt hằng ngày, trẻ đếm bát, thìa khi ăn.

Sự phân bổ này giúp trẻ không chỉ hiểu mà còn biết làm và biết sử dụng trong các tình huống thực tế. Khi lập kế hoạch, giáo viên không phân chia mục tiêu theo từng hoạt động riêng lẻ, mà thiết kế một mục tiêu được triển khai qua nhiều bối cảnh khác nhau trong ngày. Cụ thể, với mỗi mục tiêu, giáo viên cần xác định:

- Hoạt động học: trẻ được làm quen, hình thành cách hiểu và cách thực hiện.
- Hoạt động chơi: trẻ được luyện tập, thử nghiệm và mở rộng.
- Hoạt động sinh hoạt: trẻ được vận dụng vào tình huống thực tế.

Bước 2. Lựa chọn nội dung và tình huống giáo dục

Việc lựa chọn nội dung và tình huống giáo dục cần đảm bảo phù hợp với đặc điểm phát triển của trẻ mẫu giáo, gắn với trải nghiệm thực tiễn hằng ngày và tạo cơ hội cho trẻ vận dụng kiến thức, kỹ năng trong các bối cảnh có ý nghĩa.

Nguyên tắc lựa chọn nội dung

– Căn cứ vào yêu cầu cần đạt cuối độ tuổi trong Chương trình GDMN, được biểu hiện qua các hành vi, khả năng mà trẻ có thể thực hiện được

– Đảm bảo tính tích hợp giữa các lĩnh vực giáo dục (thể chất, ngôn ngữ, tình cảm – xã hội, nhận thức (toán và khám phá khoa học/công nghệ, nghệ thuật). Nội dung được lựa chọn không gắn với một loại hoạt động cố định, mà được thiết kế để có thể triển khai linh hoạt trong hoạt động học, chơi và hoạt động khác, với mức độ và yêu cầu khác nhau. Một nội dung có thể xuất hiện ở nhiều thời điểm khác nhau trong ngày với mức độ khác nhau, ví dụ: hoạt động học: trẻ tìm hiểu cách thực hiện; hoạt động chơi: trẻ sử dụng trong trò chơi; hoạt động khác: trẻ áp dụng vào tình huống thực tế.

- Hướng tới hình thành và phát triển các năng lực của trẻ thông qua hoạt động.
- Nội dung gần gũi với cuộc sống, phù hợp với văn hóa địa phương và kinh nghiệm của trẻ.

– Linh hoạt, có thể điều chỉnh theo nhu cầu, hứng thú và mức độ phát triển của trẻ

So với cách tiếp cận trước đây, việc lựa chọn nội dung không nhằm truyền đạt kiến thức rời rạc mà hướng tới việc tổ chức cho trẻ trải nghiệm và giải quyết các tình huống trong thực tiễn. Trong tiếp cận năng lực, nội dung không phải là đích đến mà là phương tiện để hình thành năng lực.

Lựa chọn nội dung cụ thể

Nội dung giáo dục được lựa chọn từ các tình huống quen thuộc gần gũi, thiết thực trong sinh hoạt, phù hợp với đặc điểm tâm sinh lý lứa tuổi, có thể tích hợp với nhau, có khả năng tạo cơ hội cho trẻ trải nghiệm và vận dụng vào cuộc sống của trẻ. Ví dụ: quan sát, chăm sóc cây; theo dõi sự thay đổi của sự vật; phân loại đồ vật, so sánh kích thước, đo lường bằng vật liệu đơn giản...

Nội dung cần tạo cơ hội để trẻ được quan sát, trải nghiệm, thao tác, thử nghiệm, trao đổi, hợp tác, vận dụng thực tế, tạo tình huống giáo dục.

Tình huống giáo dục cần được thiết kế theo hướng có vấn đề, mở và gần gũi, nhằm kích thích trẻ suy nghĩ và hành động.

Ví dụ: “Làm thế nào để chia đều số quả cho các bạn?”, “Vì sao cây này héo? Làm gì để cây tươi lại?”

Các tình huống này giúp trẻ quan sát, so sánh, đưa ra dự đoán, thử nghiệm và điều chỉnh, hợp tác với bạn để tìm cách giải quyết.

Khác với cách dạy trực tiếp, tình huống giáo dục trong tiếp cận năng lực tạo cơ hội cho trẻ tự khám phá và học qua trải nghiệm, tích hợp và linh hoạt trong tổ chức nội dung.

Nội dung được tích hợp trong các hoạt động hằng ngày của trẻ (học, chơi, sinh hoạt, trải nghiệm). Trong đó:

- Lòng ghép yếu tố văn hóa địa phương (trò chơi dân gian, nghề truyền thống, môi trường sống...).
- Điều chỉnh linh hoạt theo khả năng và tiến bộ của từng trẻ.
- Tăng cường phối hợp với gia đình trong việc mở rộng trải nghiệm cho trẻ.
- Đảm bảo cơ hội tham gia cho mọi trẻ, bao gồm trẻ có nhu cầu đặc biệt.
- Hoạt động giáo dục được tổ chức đa dạng, không giới hạn trong “giờ học”, mà diễn ra xuyên suốt trong ngày thông qua chơi, trải nghiệm và tương tác.

Bước 3. Lựa chọn phương pháp, hình thức tổ chức

Trong tiếp cận năng lực, việc lựa chọn phương pháp và hình thức tổ chức cần đảm bảo phát huy vai trò chủ thể của trẻ; đồng thời thể hiện rõ vai trò của giáo viên như người tổ chức, hỗ trợ và định hướng.

Phương pháp tổ chức hoạt động

- Các phương pháp giáo dục được lựa chọn theo hướng tạo cơ hội cho trẻ học qua chơi, trải nghiệm và tương tác, cụ thể:
 - Tổ chức cho trẻ tham gia các hoạt động trải nghiệm, khám phá, thử nghiệm trong môi trường thực tế.
 - Sử dụng trò chơi học tập, tình huống có vấn đề nhằm kích thích tư duy và hứng thú nhận thức của trẻ.
 - Khuyến khích trẻ quan sát, đặt câu hỏi, dự đoán, thử nghiệm và điều chỉnh cách làm.
 - Tăng cường sử dụng các giác quan trong quá trình học (nhìn, nghe, chạm, thao tác với đồ vật).
 - Kết hợp linh hoạt các phương pháp như: làm mẫu, gợi mở, đàm thoại, thảo luận, kể chuyện... phù hợp với mục tiêu và nội dung hoạt động.
 - Việc ứng dụng phương tiện, công nghệ (nếu có) cần ở mức phù hợp, hỗ trợ cho trải nghiệm của trẻ, không thay thế hoạt động trực tiếp.

Hình thức tổ chức hoạt động

- Hoạt động giáo dục được tổ chức linh hoạt với nhiều hình thức khác nhau:
- Cá nhân: trẻ tự lựa chọn và tham gia hoạt động theo hứng thú (góc chơi, khám phá độc lập).
- Nhóm nhỏ: trẻ hợp tác thực hiện nhiệm vụ chung (phân loại, xây dựng, đóng vai...)
- Cả lớp: trao đổi, chia sẻ, thảo luận về kết quả hoạt động.
- Các hình thức tổ chức được vận dụng linh hoạt trong ngày, gắn với các thời điểm sinh hoạt, học và chơi của trẻ, không giới hạn trong một “giờ học” cố định.

Vai trò của giáo viên và trẻ trong chương trình tiếp cận theo năng lực, thể hiện ở:

Giáo viên, là người:

- Thiết kế môi trường và tình huống học tập.
- Tổ chức, hướng dẫn và hỗ trợ hoạt động của trẻ.
- Quan sát, đánh giá và điều chỉnh phù hợp với từng cá nhân trẻ.
- Gọi mở, khuyến khích trẻ suy nghĩ, thử nghiệm và hợp tác.

Trẻ:

- Là chủ thể tích cực của hoạt động.
- Tham gia quan sát, khám phá, thử nghiệm.
- Trao đổi, hợp tác với bạn.
- Vận dụng hiểu biết để giải quyết các tình huống trong thực tế.

Định hướng kết quả của hoạt động:

- Thông qua việc lựa chọn phương pháp và hình thức tổ chức phù hợp, hoạt động giáo dục hướng tới giúp trẻ:
 - Hình thành và phát triển các năng lực thông qua hành động.
 - Biết vận dụng kiến thức, kỹ năng trong các tình huống gần gũi.
 - Phát triển hứng thú với việc học, khả năng giao tiếp, hợp tác và giải quyết vấn đề

Bước 4. Chuẩn bị môi trường và học liệu

Việc chuẩn bị môi trường và học liệu đóng vai trò quan trọng trong việc tổ chức hoạt động giáo dục theo tiếp cận năng lực, tạo điều kiện để trẻ được trải nghiệm, khám phá và phát triển một cách tích cực.

Xây dựng môi trường giáo dục: Môi trường giáo dục cần được thiết kế theo hướng lấy trẻ làm trung tâm, bao gồm:

Môi trường vật chất:

- Tổ chức các khu vực/góc hoạt động đa dạng như: góc xây dựng, góc phân vai, góc nghệ thuật, góc khám phá khoa học...
- Bố trí không gian mở, linh hoạt, tạo điều kiện cho trẻ dễ dàng lựa chọn và tham gia hoạt động.
- Đảm bảo an toàn, phù hợp với độ tuổi và khả năng của trẻ.

- Khai thác yếu tố môi trường tự nhiên và văn hóa địa phương trong tổ chức hoạt động.

Môi trường tâm lý – xã hội:

- Tạo không khí thân thiện, tôn trọng và khuyến khích trẻ tham gia.
- Khuyến khích trẻ giao tiếp, hợp tác, chia sẻ ý tưởng.
- Tôn trọng sự khác biệt, hỗ trợ mọi trẻ (bao gồm trẻ có nhu cầu đặc biệt) tham gia

hoạt động.

- Tạo cơ hội để trẻ thử nghiệm, điều chỉnh và học hỏi từ trải nghiệm.

Chuẩn bị học liệu

- Học liệu cần đa dạng, gần gũi và có tính mở, nhằm kích thích trẻ hoạt động và sáng tạo.

- Ưu tiên sử dụng đồ vật thật, vật liệu tự nhiên, đồ dùng quen thuộc trong cuộc sống.
- Kết hợp với đồ chơi, mô hình, học liệu tự tạo và trò chơi dân gian.
- Học liệu đảm bảo an toàn, phù hợp với mục tiêu hoạt động và khả năng của trẻ.
- Có thể sử dụng phương tiện, thiết bị công nghệ ở mức phù hợp nhằm hỗ trợ hoạt

động, nhưng không thay thế trải nghiệm trực tiếp.

Yêu cầu chung

- Môi trường và học liệu cần tạo cơ hội cho trẻ chủ động lựa chọn hoạt động, thao tác, trải nghiệm và khám phá, giao tiếp và hợp tác với bạn.

- Được điều chỉnh linh hoạt theo mục tiêu giáo dục, đặc điểm nhóm/lớp, điều kiện thực tiễn của cơ sở giáo dục.

- So với cách tổ chức trước đây, môi trường giáo dục trong tiếp cận năng lực được chú trọng hơn về tính mở, linh hoạt và khả năng hỗ trợ trẻ học thông qua trải nghiệm và tương tác.

Bước 5. Thiết kế tiến trình hoạt động

- Tiến trình hoạt động giáo dục cần được thiết kế theo hướng linh hoạt, tạo điều kiện cho trẻ tham gia tích cực và phát huy vai trò chủ thể trong quá trình học tập.

Một tiến trình hoạt động có thể bao gồm các giai đoạn cơ bản:

- Khởi động/đặt vấn đề: Gợi mở tình huống gần gũi nhằm thu hút sự chú ý và khơi gợi hứng thú của trẻ. Giáo viên không hướng tới việc trẻ đưa ra đáp án đúng ngay, mà tạo cơ hội để trẻ thử nghiệm và tìm cách giải quyết.

- Trải nghiệm và khám phá: Trẻ tham gia quan sát, thao tác, thử nghiệm với sự vật, hiện tượng.

- Trao đổi, chia sẻ: Trẻ trình bày ý kiến, lắng nghe và tương tác với bạn.

- Vận dụng: Trẻ áp dụng hiểu biết vào tình huống mới hoặc trong hoạt động chơi.

- Kết thúc/nhận xét: Giáo viên cùng trẻ tổng kết, củng cố và mở rộng trải nghiệm.

- Quá trình này không mang tính cứng nhắc mà có thể điều chỉnh linh hoạt tùy theo diễn biến hoạt động và hứng thú của trẻ. Trẻ có thể quay lại các bước trước để tiếp tục

khám phá và hoàn thiện hiểu biết. Trong hoạt động học, tiến trình được thể hiện tương đối đầy đủ các bước. Trong hoạt động chơi, các bước diễn ra linh hoạt, có thể lặp lại hoặc không theo trình tự cố định. Trong hoạt động khác, tiến trình thường diễn ra ngắn gọn, lồng ghép trong tình huống thực tế nhưng vẫn đảm bảo trẻ được trải nghiệm, được suy nghĩ và vận dụng tùy theo khả năng và độ tuổi của trẻ.

– Hoạt động giáo dục được tổ chức đan xen trong các thời điểm trong ngày (học, chơi, sinh hoạt), không giới hạn trong một hoạt động học cố định.

Tiến trình này không chỉ áp dụng trong hoạt động học mà có thể được vận dụng linh hoạt trong hoạt động chơi và các tình huống sinh hoạt hằng ngày, với mức độ đơn giản hoặc mở rộng phù hợp.

Bước 6. Đánh giá, điều chỉnh và hoàn thiện kế hoạch

Đánh giá trong giáo dục mầm non được thực hiện theo hướng đánh giá vì sự phát triển của trẻ, tập trung vào quá trình và sự tiến bộ của từng cá nhân. Việc đánh giá cần xem xét biểu hiện năng lực của trẻ từng độ tuổi trong các bối cảnh khác nhau (trong hoạt động học, chơi, hoạt động khác).

Ví dụ: đánh giá hứng thú, sự tham gia của trẻ (NT1, NT2); mức độ hiểu và thực hiện của trẻ (NT3, NT4), giải quyết và vận dụng ở trẻ (NT5, NT6).

Nội dung và phương pháp đánh giá

Đánh giá thông qua:

- Quan sát trong hoạt động hằng ngày.
- Sản phẩm của trẻ.
- Trao đổi, trò chuyện với trẻ.

Nội dung đánh giá:

- Mức độ tham gia hoạt động
- Khả năng thực hiện nhiệm vụ.
- Sự tiến bộ và biểu hiện năng lực của trẻ trong các tình huống thực tế.
- Sử dụng kết quả đánh giá.
- Điều chỉnh cách tổ chức hoạt động, phương pháp và học liệu cho phù hợp.
- Điều chỉnh mục tiêu và nội dung giáo dục theo mức độ phát triển của trẻ.
- Trao đổi với phụ huynh để phối hợp hỗ trợ trẻ.
- Đánh giá được thực hiện thường xuyên, liên tục trong quá trình giáo dục; không nhằm so sánh giữa các trẻ mà nhằm nhận diện sự phát triển của từng cá nhân và hỗ trợ trẻ tiến bộ.

Lưu ý: Việc đánh giá cần được thực hiện trong nhiều bối cảnh khác nhau: Trong hoạt động học (chú ý cách trẻ hiểu và thực hiện); Trong hoạt động chơi (chú ý cách trẻ thử nghiệm, hợp tác, giải quyết vấn đề); Trong sinh hoạt (chú ý khả năng vận dụng vào

tình huống thực tế). Một biểu hiện năng lực chỉ được xem là vững khi trẻ thể hiện được ở nhiều bối cảnh khác nhau.

Hoạt động 4. Hướng dẫn xây dựng kế hoạch năm, tháng/ chủ đề/ dự án, tuần/ngày, bài học (2 tiết lý thuyết, 2 tiết thực hành)

Học viên thảo luận trong nhóm:

- *Câu hỏi thảo luận:*

1. Xây dựng kế hoạch giáo dục theo hướng phát triển năng lực, giáo viên cần căn cứ vào những yếu tố nào để đảm bảo phù hợp với trẻ và điều kiện thực tế của lớp?
2. Phân tích sự khác nhau giữa tiếp cận theo tháng, chủ đề và dự án; từ đó đề xuất cách vận dụng linh hoạt trong thực tế lớp mẫu giáo.
3. Từ một mục tiêu giáo dục cụ thể, anh/chị hãy thiết kế nội dung và hình thức tổ chức hoạt động phù hợp nhằm giúp trẻ được “học qua chơi, học bằng trải nghiệm” và phát triển năng lực.

- *Đại diện nhóm chia sẻ ý kiến với cả lớp.*

THÔNG TIN PHẢN HỒI

4.1. Xây dựng kế hoạch năm, tháng/ chủ đề/ dự án, tuần/ngày, bài học

a./ Căn cứ xây dựng kế hoạch giáo dục nhóm/ lớp

- Chương trình giáo dục mầm non
- Điều kiện cơ sở vật chất và các nguồn lực khác của địa phương, nhà trường, nhóm/lớp.
- Khả năng, nhu cầu thực tế của trẻ trong nhóm/lớp.
- Khung thời gian trong năm học do Bộ GDĐT quy định.
- Kế hoạch của địa phương (nếu có)

b./ Nguyên tắc xây dựng kế hoạch giáo dục

+ *Lấy trẻ làm trung tâm*

Kế hoạch giáo dục không phải là bản sao từ chương trình chung. Giáo viên cần căn cứ vào "**vùng phát triển gần nhất**", bao gồm năng lực hiện tại, đặc điểm tâm sinh lý và bối cảnh văn hóa địa phương, để cụ thể hóa các mục tiêu và nội dung. Kế hoạch giáo dục phải mang tính thực tiễn đảm bảo trẻ được học tập và phát triển.

+ *Đảm bảo tính toàn diện, tích hợp*

Quán triệt phương châm giáo dục "**chơi mà học, học bằng chơi**", kế hoạch cần tạo ra sự gắn kết giữa mục tiêu và nội dung, tránh tình trạng nội dung bị rời rạc. Bên cạnh đó, giáo viên phải đảm bảo tính kế thừa liên tục giữa các độ tuổi và chuẩn bị vững

vàng về cả tâm thế lẫn kỹ năng, giúp trẻ tự tin chuyển cấp và đáp ứng tốt các yêu cầu của Chương trình Giáo dục phổ thông (Lớp 1).

+ *Đảm bảo mục tiêu cốt lõi kết hợp với tính linh hoạt (Chương trình mở)*

Kế hoạch phải bảo đảm thực hiện đầy đủ các mục tiêu và kết quả mong đợi cốt lõi của nhà trường, tuyệt đối không bỏ sót các nội dung giáo dục trọng tâm. Tuy nhiên, trên nền tảng đó giáo viên cần chủ động, linh hoạt điều chỉnh và phát triển chương trình theo hướng mở. Việc lựa chọn nội dung phải có sự cân nhắc kỹ lưỡng để phù hợp với đặc thù của trẻ và điều kiện thực tế của địa phương.

+ *Chú trọng sự phối hợp và đánh giá thường xuyên*

Xây dựng kế hoạch giáo dục là quá trình gắn liền với công tác phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường, gia đình và cộng đồng. Đặc biệt, giáo viên cần thực hiện đánh giá thường xuyên sự tiến bộ của trẻ để kịp thời điều chỉnh nội dung và phương pháp giáo dục. Đây chính là chìa khóa để nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục đáp ứng tối ưu nhu cầu phát triển của trẻ trong suốt năm học.

SƠ ĐỒ TÓM TẮT

| Nguyên tắc | Mục tiêu hướng tới |
|----------------------|--|
| Bắt đầu từ trẻ | Đảm bảo tính thực tiễn và phù hợp năng lực. |
| Toàn diện - Tích hợp | Phát triển đa dạng kỹ năng thông qua hoạt động chơi. |
| Mục tiêu và tính mở | Đảm bảo chuẩn kiến thức nhưng vẫn linh hoạt theo bối cảnh. |
| Phối hợp và đánh giá | Gắn kết nguồn lực xã hội và điều chỉnh kế hoạch kịp thời. |

c/. *Xây dựng kế hoạch giáo dục năm học*

Đánh giá thực trạng

Trước khi lập kế hoạch giáo dục, giáo viên cần khảo sát toàn diện các yếu tố:

- Nhu cầu, năng lực và mong muốn thực tế của trẻ.
- Cơ sở vật chất, đồ chơi, thiết bị công nghệ thông tin tại lớp.
- Trình độ, thể mạnh của giáo viên trong lớp.
- Văn hóa địa phương và mức độ sẵn sàng phối hợp của cha mẹ trẻ.

Mục tiêu: Nhận diện rõ thuận lợi và thách thức để xác định nhu cầu thực tế, làm căn cứ xây dựng, điều chỉnh mục tiêu giáo dục cho phù hợp.

+ **Bước 1: Xác định mục tiêu**

Mục tiêu: Phát triển toàn diện 5 lĩnh vực (Thể chất, Nhận thức, Ngôn ngữ, Nghệ thuật, Tình cảm - Kỹ năng xã hội), từ đó cụ thể hóa mục tiêu cụ thể cho từng lĩnh vực theo độ tuổi trẻ.

Ví dụ:

Lĩnh vực Nhận thức (Độ tuổi 4-5 tuổi):

Mục tiêu: Trẻ có khả năng nhận biết và phân loại đối tượng theo dấu hiệu hình dạng.

Mục tiêu cụ thể: Trẻ gọi đúng tên hình tròn, hình vuông, hình tam giác, hình chữ nhật và phân loại được các đồ vật trong lớp có dạng hình học tương ứng.

Lĩnh vực Ngôn ngữ (Độ tuổi 5-6 tuổi):

Mục tiêu: Phát triển kỹ năng tiền đọc - viết.

Mục tiêu cụ thể: Trẻ nhận biết được 29 chữ cái trong bảng chữ cái tiếng Việt; biết cách "đọc" sách từ trái sang phải, từ trên xuống dưới.

+ Bước 2: Xác định nội dung giáo dục

Chuyên hóa mục tiêu thành các nội dung hoạt động và trải nghiệm thực tế:

Nội dung cốt lõi: Là những kiến thức, kỹ năng cơ bản mà mọi trẻ trong khối độ tuổi đều phải đạt được theo chương trình giáo dục (chương trình khung).

Nội dung bổ sung: căn cứ thực tế (năng lực trẻ, điều kiện trang thiết bị,..bổ sung thêm nội dung gắn với mục tiêu cụ thể phù hợp. Đây là phần tạo nên sự khác nhau của mỗi lớp.

Ví dụ: Nếu lớp có bảng tương tác thông minh (điều kiện CSVN), giáo viên bổ sung nội dung bài tập: "Trẻ thực hành kéo thả, phân loại hình học trên ứng dụng trò chơi số".

Ví dụ: Nếu địa phương có làng nghề gốm (thế mạnh địa phương), giáo viên bổ sung nội dung: "Trải nghiệm nặn các con vật bằng đất sét" trong lĩnh vực Nghệ thuật.

* **Lưu ý:** Có những mục tiêu về thái độ và hành vi không thể đạt được sau một buổi học. Nội dung này phải xuất hiện xuyên suốt trong mọi hoạt động.

Ví dụ: Mục tiêu: Trẻ biết chào hỏi lễ phép.

Nội dung lặp lại: Chào cô khi vào lớp (giờ đón trẻ); chào ông bà/bố mẹ khi về (giờ trả trẻ); chào khách khi có người vào tham quan lớp; chào các bạn trước khi vào bữa ăn.

Nội dung nâng cao dần độ khó: cùng một mục tiêu nhưng yêu cầu sau khó hơn yêu cầu trước để kích thích trẻ vượt qua "vùng phát triển gần nhất".

Ví dụ: Mục tiêu: Trẻ có kỹ năng giữ thăng bằng vận động.

Giai đoạn 1 (Tháng 9): Đi thăng bằng trên đường thẳng kẻ trên sàn.

Giai đoạn 2 (Tháng 12): Đi thăng bằng trên ghế thể dục (cao 30cm).

Giai đoạn 3 (Tháng 3): Đi thăng bằng trên ghế thể dục, đầu đội túi cát hoặc tay cầm vật.

BẢNG MINH HỌA SỰ KẾT NỐI MỤC TIÊU - NỘI DUNG

| Lĩnh vực | Mục tiêu (Đích đến) | Nội dung hoạt động (Con đường) | Tính chất nội dung |
|----------------------|---|---|------------------------------|
| Thể chất | Trẻ thực hiện được vận động Bật - Nhảy | - Bật xa 35-40cm. - Bật qua vật cản 10-15cm. - Bật sâu từ độ cao 20cm. | Nâng cao độ khó |
| Tình cảm - XH | Trẻ có thói quen giữ vệ sinh môi trường | - Nhặt rác bỏ vào thùng. - Cát đồ chơi đúng nơi quy định sau khi chơi. - Lau kệ đồ chơi cùng cô. | Lặp lại hình thành thói quen |
| Khám phá KH | Trẻ hiểu về sự phát triển của cây | - Gieo hạt và quan sát hạt nảy mầm. - Chăm sóc cây hằng ngày. - Làm thí nghiệm "Cây cần gì để sống?". | Trải nghiệm thực tế |

+ Bước 3: Lựa chọn cách tiếp cận

Giáo viên linh hoạt lựa chọn một hoặc kết hợp các hình thức:

Tiếp cận theo Tháng: "Trục xương sống" của kế hoạch

Đảm bảo sự phân bổ đồng đều, hệ thống các mục tiêu xuyên suốt năm học. Cách tiếp cận này giúp giáo viên kiểm soát việc thực hiện các mục tiêu cốt lõi (nhất là các mục tiêu khó về thể chất và nhận thức) không bị bỏ sót và được phân bổ đều, tránh tình trạng đầu năm nhẹ, cuối năm quá dồn ép.

Đặc điểm: Tập trung vào tính hệ thống và sự lặp lại có chủ đích.

Ví dụ:

Mục tiêu Ngôn ngữ: "Trẻ nhận biết và phát âm đúng các chữ cái".

Phân bổ theo tháng: Tháng 9 (o, ô, ơ); Tháng 10 (a, ă, â); Tháng 11 (e, ê)... Việc chia theo tháng giúp trẻ có đủ thời gian "ngấm" và giáo viên có đủ thời gian đánh giá từng nhóm trẻ trước khi sang nội dung mới.

Tiếp cận theo Chủ đề: "Sợi dây liên kết"

Thay vì dạy các kiến thức rời rạc, giáo viên chọn một "từ khóa" (Chủ đề) làm trung tâm, sau đó kết nối tất cả các lĩnh vực phát triển xung quanh chủ đề đó. Việc chọn chủ đề nhỏ giúp trẻ được tìm hiểu sâu và kỹ hơn.

Đặc điểm: Tính tích hợp, giúp trẻ hiểu sự vật/hiện tượng một cách đa chiều.

Ví dụ: Chủ đề nhỏ "Quả trứng diệu kỳ" (thay vì chủ đề lớn "Thế giới động vật")

- Toán: Đếm số lượng trứng, so sánh trứng to - trứng nhỏ.
- Khám phá: Trứng nào chìm, trứng nào nổi? Bên trong quả trứng có gì?
- Nghệ thuật: Trang trí vỏ trứng, nặn quả trứng.
- Ngôn ngữ: Nghe kể chuyện "Quả trứng của ai?".
- Thể chất: Trò chơi vận động "Chuyển trứng bằng thìa".

Tuy nhiên tùy từng chủ đề không nên khiên-cưỡng gán ghép nội dung vào trong các lĩnh vực phát triển.

Ví dụ: Chủ đề "động vật sống dưới nước".

Gán ghép khiên cưỡng: Giáo viên đưa vào lĩnh vực Toán (Nhận thức) bằng nội dung: "Dạy trẻ định hướng không gian qua các con vật sống dưới nước".

Tiếp cận theo Dự án: "Hành trình khám phá" của trẻ

Kích thích trẻ khám phá sâu một sự vật/hiện tượng (con gà, phương tiện giao thông) dựa trên hứng thú của trẻ và thực tế đời sống. Dự án thường xuất phát từ một câu hỏi tò mò hoặc một sự kiện thực tế mà trẻ quan tâm. Trẻ cùng cô lên kế hoạch, đặt câu hỏi và tìm câu trả lời thông qua trải nghiệm thực tế.

Đặc điểm: Đào sâu một nội dung cụ thể, đề cao kỹ năng giải quyết vấn đề, làm việc nhóm và tư duy phản biện.

Ví dụ: Dự án "Chiếc khẩu trang" (Xuất phát từ việc trẻ hỏi: "Tại sao chúng ta phải đeo khẩu trang?"):

Giai đoạn 1 (Khởi động): Cô và trẻ cùng trò chuyện về các loại khẩu trang trẻ đang có. Thu thập các câu hỏi của trẻ.

Giai đoạn 2 (Khám phá):

Trẻ đi phỏng vấn cô y tế về tác dụng của khẩu trang.

Thí nghiệm: Xịt nước qua khẩu trang để xem cái nào chống thấm tốt hơn.

Thiết kế: Vẽ và trang trí khẩu trang theo ý thích.

Thực hành: Kỹ năng đeo và tháo khẩu trang đúng cách.

Giai đoạn 3 (Kết thúc): Tổ chức buổi "Triển lãm khẩu trang sáng tạo" và mời các bạn lớp khác đến xem, nghe trẻ thuyết trình về những gì mình đã học được.

BẢNG SO SÁNH

| Tiêu chí | Tiếp cận theo Tháng | Tiếp cận theo Chủ đề | Tiếp cận theo Dự án |
|-------------------------|--|---|---|
| Người quyết định | Giáo viên (theo chương trình) | Giáo viên (dựa trên sự kiện) | Trẻ và giáo viên (dựa trên hứng thú) |
| Mục tiêu chính | Đảm bảo tiến độ, hệ thống kiến thức. | Tích hợp kiến thức, giúp trẻ hiểu rộng. | Phát triển kỹ năng nghiên cứu, tư duy sâu. |
| Thời gian | Theo tháng. | Thường từ 2 - 4 tuần. | Linh hoạt (tùy thuộc vào tiến độ khám phá của trẻ). |
| Phù hợp với | Các mục tiêu ở các lĩnh vực phát triển | Các kiến thức về môi trường xung quanh, xã hội. | Các hiện tượng tự nhiên, kỹ năng sống, chế tạo. |

***Lưu ý:** cách tiếp cận theo tháng/chủ đề/dự án là hình thức tổ chức thực hiện, nhằm đạt mục tiêu giáo dục. Do đó, giáo viên cần nhắc linh hoạt, chọn cách tiếp cận không làm thay đổi mục tiêu của chương trình, đảm bảo phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường, đặc điểm nhóm/lớp và nhu cầu, hứng thú của trẻ.

Giáo viên có thể tiếp cận theo Tháng để làm khung thời gian, lồng ghép các Chủ đề để dạy kiến thức tích hợp, và thỉnh thoảng tổ chức các Dự án khi thấy trẻ có sự hứng thú đặc biệt với một vấn đề nào đó. Sự kết hợp này sẽ giúp kế hoạch giáo dục vừa đảm bảo tính kỷ luật, vừa mang tính sáng tạo.

+ Bước 4: Phân bổ mục tiêu và nội dung và lựa chọn hình thức tổ chức hoạt động giáo dục

Sắp xếp các mục tiêu và nội dung vào từng tháng/chủ đề/dự án theo nguyên tắc:

Tính khoa học: Từ dễ đến khó, từ đơn giản đến phức tạp.

Ví dụ: Trong môn Toán

Tháng 9: Nhận biết số lượng trong phạm vi 5.

Tháng 10: So sánh số lượng (nhiều hơn - ít hơn) trong phạm vi 5.

Tháng 11: Thực hiện tách/gộp nhóm trong phạm vi 5.

Tính cân đối: Phân bổ đều thời gian, không dồn ép mục tiêu vào một giai đoạn.

Mỗi tháng hoặc mỗi chủ đề/ dự án chỉ nên chứa một lượng mục tiêu vừa đủ. Tránh việc tháng đầu quá ít nội dung, tháng cuối lại "nhồi nhét" để kịp chương trình.

Ví dụ: Nếu một học kỳ có 10 kỹ năng vận động tinh cần đạt:

Chia đều: Mỗi tháng tập trung sâu vào 2 kỹ năng (Ví dụ: Tháng 1 là cầm kéo và dán, Tháng 2 là cài cúc và thắt dây giày).

Tránh: Đổ dồn 5-6 kỹ năng khó vào tháng cuối học kỳ khi trẻ đang bận chuẩn bị lễ tổng kết.

Tính hình thành kỹ năng: Dành đủ thời gian để trẻ luyện tập và đạt được kỹ năng bền vững. Một kỹ năng không thể hình thành trong 1-2 ngày. Giáo viên cần xếp mục tiêu sao cho trẻ có thời gian lặp đi lặp lại trong nhiều hoàn cảnh khác nhau cho đến khi thuần thục.

Ví dụ: Mục tiêu "Trẻ biết tự dọn dẹp đồ chơi sau khi chơi":

Tuần 1: Cô làm mẫu và cùng làm với trẻ.

Tuần 2-3: Trẻ tự làm dưới sự nhắc nhở.

Tuần 4: Trẻ tự giác làm hoàn toàn.

* **Lưu ý:** Mục tiêu này nên được duy trì xuyên suốt tất cả các tháng trong năm thay vì chỉ dạy trong một chủ đề duy nhất.

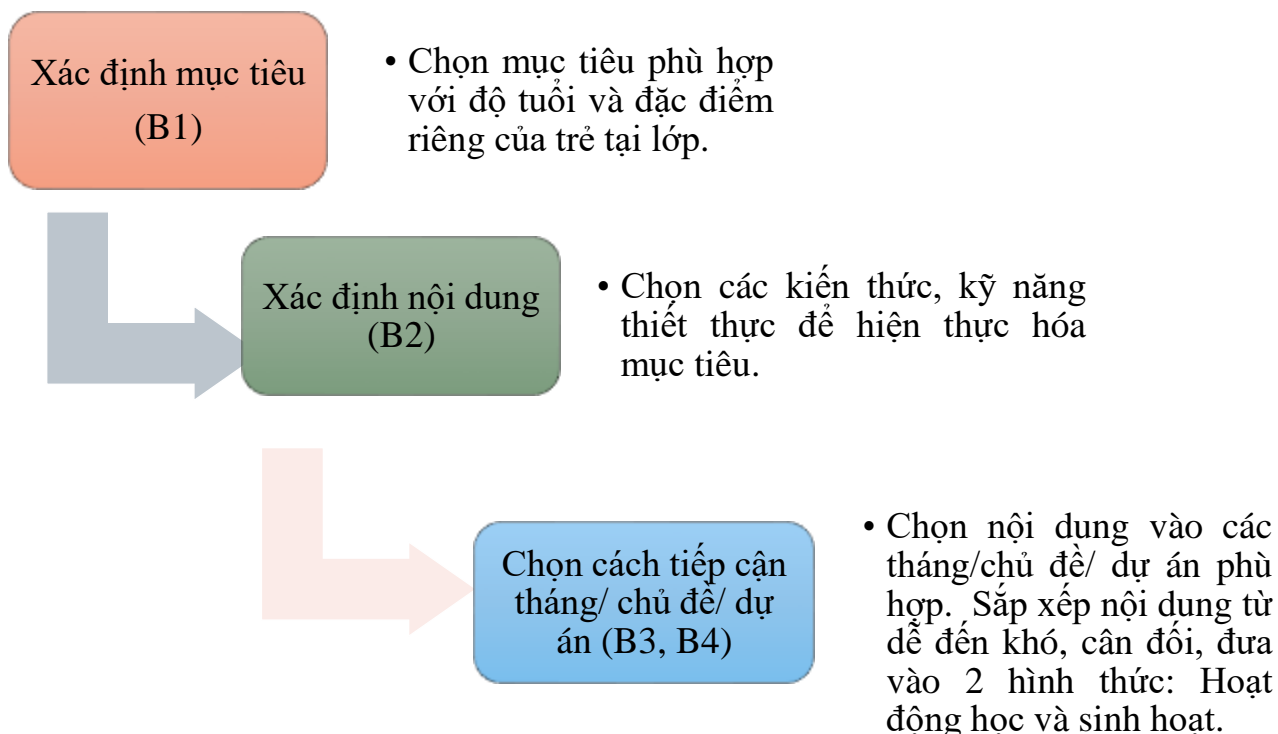
+ Lựa chọn hình thức tổ chức hoạt động giáo dục

Từ những nội dung giáo dục đã xác định, giáo viên chọn lựa các hình thức tổ chức sao cho trẻ được tiếp cận một cách tự nhiên và hiệu quả nhất.

- Việc phân nội dung vào hai nhóm hoạt động (hoạt động học và sinh hoạt) ngay từ kế hoạch năm giúp giáo viên xây dựng một "**ngân hàng giáo dục**" bài bản, làm cơ sở để chủ động điều tiết vào kế hoạch tháng/tuần hoặc ngày. Cách làm này giúp giáo viên kiểm soát lộ trình, tránh việc lặp lại nội dung gây nhàm chán hoặc bỏ sót mục tiêu quan trọng. Đồng thời, nó tạo sự kết nối nhịp nhàng giữa việc cung cấp kiến thức mới (Hoạt động học) với việc rèn luyện thói quen thực tiễn (Hoạt động sinh hoạt), giúp trẻ thấm thâu kỹ năng một cách tự nhiên và bền vững nhất. **Sơ đồ kế hoạch giáo dục năm**

d/. Xây dựng kế hoạch giáo dục tháng/ chủ đề/ dự án+ Bước 1. Xác định mục tiêu giáo dục cụ thể của tháng/ chủ đề/ dự án

Từ khung kế hoạch giáo dục năm học, giáo viên lựa chọn, điều chỉnh các mục tiêu trọng tâm đã được cụ thể hóa cho tháng/ chủ đề/ dự án, đảm bảo phù hợp với năng lực



thực tế của trẻ tại thời điểm thực hiện.

Ví dụ: Mục tiêu chung (Từ kế hoạch năm) Trẻ biết phối hợp các kỹ năng tạo hình (vẽ, nặn, xé dán, cắt, xếp hình...) để tạo ra sản phẩm có bố cục và màu sắc hài hòa.

Cụ thể hóa cho tháng

Mục tiêu: Trẻ phối hợp kỹ năng vẽ và dán để tạo hình ngôi nhà.

Ví dụ: Dự án "Nước và các hiện tượng tự nhiên" (dành cho trẻ 5-6 tuổi)

Mục tiêu chung (Từ kế hoạch năm): Trẻ biết quan sát, phán đoán và làm thí nghiệm đơn giản về sự biến đổi của sự vật, hiện tượng.

Cụ thể hóa cho dự án:

Mục tiêu: Trẻ hiểu được sự hòa tan của một số chất trong nước.

+ Bước 2. Lựa chọn nội dung và phân bổ vào các hình thức tổ chức hoạt động giáo dục

- Từ các mục tiêu cụ thể đã chọn, giáo viên chọn lọc ra những nội dung kiến thức, kỹ năng tương ứng. Sau đó đưa các nội dung này vào những thời điểm phù hợp trong ngày (giờ học có chủ đích, giờ sinh hoạt).

Ví dụ: Kế hoạch giáo dục tháng lĩnh vực giáo dục Nhận thức. Độ tuổi 5-6 tuổi

| Mục tiêu | Nội dung phân bổ vào các hình thức | |
|--|---|--|
| Trẻ hiểu được sự hòa tan của một số chất trong nước. | Hoạt động học | Sinh hoạt |
| | Làm thí nghiệm "chất tan và không tan". | <ul style="list-style-type: none"> - Trẻ chơi với màu nước: Quan sát màu tan trong nước làm nước đổi màu. - Trẻ pha bột cam hoặc chanh đường để thấy sự hòa tan tạo ra hương vị mới. - Quan sát xem nước thấm đi đâu và đất cát có "tan" như đường không. - Trẻ sử dụng các kỹ năng đã học để tạo thêm những ngôi nhà khác nhau (nhà tầng, nhà rông...). |

Ví dụ: Kế hoạch giáo dục tháng lĩnh vực giáo dục Nghệ thuật. Độ tuổi 4-5 tuổi

| Mục tiêu | Nội dung phân bổ vào các hình thức | |
|--|------------------------------------|---|
| Trẻ phối hợp kỹ năng vẽ và dán để tạo hình ngôi nhà. | Hoạt động học | Sinh hoạt |
| | Vẽ ngôi nhà của bé | <ul style="list-style-type: none"> - Cho trẻ quan sát các ngôi nhà xung quanh trường hoặc mô hình nhà đồ chơi. - Trẻ dùng phấn vẽ các nét thẳng, xiên tạo hình ngôi nhà ngay trên sân trường. |

- Giáo viên có thể linh hoạt chọn những đề tài mang tính mở, mới lạ nhưng gần gũi mang đến cho trẻ sự hứng thú, kích thích trẻ tham gia vào hoạt động.

Ví dụ:

Hoạt động tạo hình: chất liệu (truyền thống như “điều khắc” trên nền đất sét, nặn tò he; chất liệu mới như sáng tạo với giấy cầu vồng); ứng dụng công nghệ trong làm quen với vẽ tranh bằng trí tuệ nhân tạo AI...

Để kế hoạch giáo dục mang tính thực tiễn và đạt hiệu quả, cần lưu ý:

o Cụ thể hóa Mục tiêu

Mục tiêu trong tháng cần được diễn đạt bằng các động từ hành động để có thể quan sát và đo lường được mức độ đạt được của trẻ.

Ví dụ: Thay vì viết chung chung "Trẻ biết về các loại quả", hãy viết cụ thể: "Trẻ gọi tên và phân biệt được 3-5 loại quả có hạt và không hạt".

Ý nghĩa: Việc xác định rõ tiêu chí giúp giáo viên chuẩn bị học liệu chính xác và có cơ sở khách quan để đánh giá trẻ vào cuối tháng/ chủ đề/ dự án.

- Đảm bảo tính cân đối giữa các lĩnh vực giáo dục:

Kế hoạch cần có sự kết hợp hài hòa, đan xen giữa 5 lĩnh vực phát triển (Thể chất, Nhận thức, Ngôn ngữ, Nghệ thuật, Tình cảm - Kỹ năng xã hội), tránh tình trạng tập trung quá nhiều vào một lĩnh vực mà bỏ trống các lĩnh vực khác trong tháng.

- Phù hợp với thực tế và năng lực của trẻ

Nội dung giáo dục phù hợp với đặc điểm của trẻ, thời điểm thực hiện và điều kiện sẵn có của nhà trường.

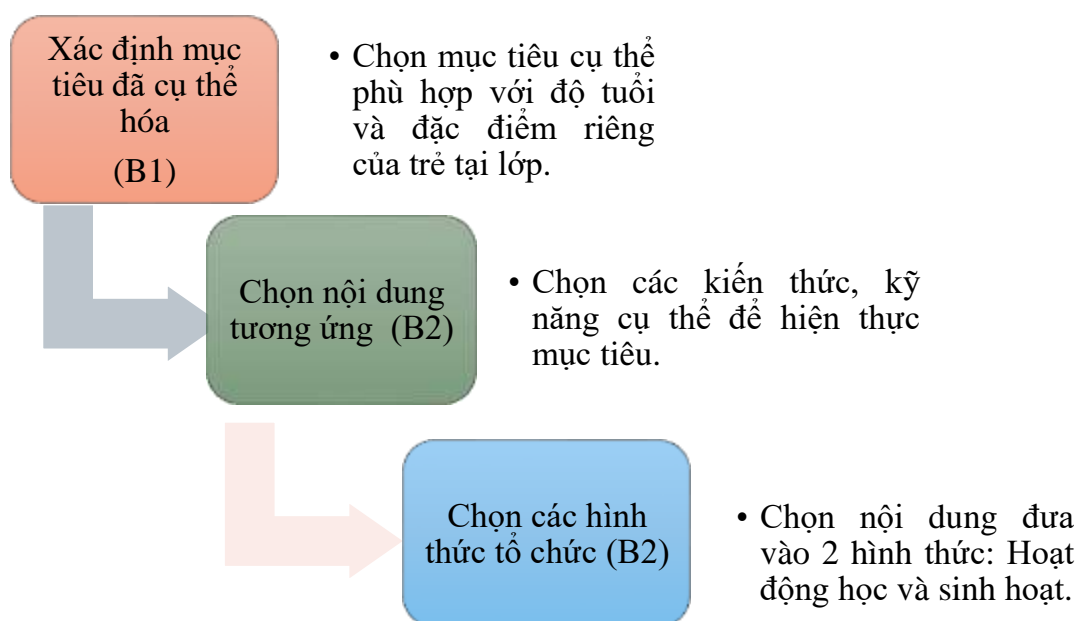
Ví dụ:

Phù hợp thời điểm: Lồng ghép các sự kiện, ngày lễ lớn trong tháng (như 20/11, Tết...) vào nội dung bài học để tăng tính giáo dục và thực tế.

Phù hợp năng lực: Điều chỉnh độ khó của hoạt động dựa trên kỹ năng thực tế của trẻ tại lớp (giảm độ khó bài cắt dán nếu trẻ còn yếu vận động tinh).

Phù hợp điều kiện: Tận dụng tối đa lợi thế của địa phương và nhà trường (như vườn cây, khu vui chơi cát nước) để thay thế cho các học liệu lý thuyết khô khan.

Sơ đồ xây dựng kế hoạch giáo dục tháng/ chủ đề/ dự án



e/. Xây dựng kế hoạch tuần hoặc ngày

Từ kế hoạch tháng/ chủ đề/ dự án đã được cụ thể hóa giáo viên linh hoạt khéo léo chọn các nội dung và phân bổ vào các hình thức theo chế độ sinh hoạt. Khi chuyển từ kế hoạch Tháng/ chủ đề/ dự án sang kế hoạch tuần hoặc ngày, giáo viên cần tuân thủ nguyên tắc: Chủ đề/ dự án là sợi dây kết nối, không phải là cái khuôn bắt buộc, đó đó cần: Lồng ghép tự nhiên; có những hoạt động cần tập trung vào rèn luyện kỹ năng (như vận động cơ bản, vệ sinh cá nhân, phát âm) mà không nhất thiết phải "dính" đến tên chủ

đề. Đan xen giữa các hoạt động theo chủ đề/ dự án và các hoạt động đời sống hằng ngày để trẻ luôn cảm thấy mới mẻ, thoải mái.

Ví dụ: dự án "Nước và các hiện tượng tự nhiên". Thay vì mọi hoạt động trong ngày đều phải nói về nước, có thể phân bổ như sau:

Hoạt động theo dự án (Có tính kết nối):

Giờ học (Nhận thức): Làm thí nghiệm "Vật tan và không tan trong nước". (Đây là nội dung trọng tâm).

Hoạt động góc: Trẻ dùng màu nước (sự hòa tan) để vẽ tranh.

Hoạt động chiều: Trò chuyện về cách tiết kiệm nước khi đánh răng.

Hoạt động không theo chủ đề/ dự án

Giờ học (thể chất): Tập vận động bật xa 60 cm (Không nhất thiết phải tập bài về nước).

Hoạt động ngoài trời: Chơi trò chơi vận động "Mèo đuổi chuột" để rèn sự nhanh nhẹn (Trò chơi dân gian quen thuộc, không cần gò ép vào chủ đề nước).

Giờ ăn/ngủ: Rèn kỹ năng tự xúc cơm, kỹ năng gấp chăn màn (Tập trung vào tính tự lập của trẻ).

Giáo viên hãy xem chủ đề/dự án như một điểm nhấn trong ngày chứ không phải là toàn bộ ngày của trẻ.

**Sơ đồ kế hoạch giáo dục tuần(chủ đề/dự án)
nhóm/ lớp**

| Hình thức tổ chức hoạt động | Thứ 2 (...../.../2026) | Thứ 3 (...../..../2026) | Thứ 4 (..../...../2026) | Thứ 5 (..../.../2026) | Thứ 6 (..../.../2026) |
|-----------------------------|---------------------------|----------------------------|----------------------------|--------------------------|--------------------------|
| Đón trẻ | | | | | |
| Thể dục sáng | | | | | |
| Giờ học | | | | | |
| Hoạt động ngoài trời | | | | | |
| Hoạt động vui chơi | | | | | |
| Ăn-ngủ-vệ sinh | | | | | |
| Sinh hoạt chiều/ Trả trẻ | | | | | |
| Nhận xét | | | | | |

Đánh giá và điều chỉnh kế hoạch

Kế hoạch giáo dục cần được cập nhật liên tục để không xa rời thực tế. Thông qua việc quan sát và đánh giá trẻ hằng ngày, giáo viên kịp thời điều chỉnh mục tiêu (nâng cao hoặc hạ thấp) và thay đổi phương pháp cho phù hợp với sự phát triển của trẻ. Việc này giúp loại bỏ những nội dung không khả thi, tận dụng các tình huống phát sinh tại lớp, đảm bảo kế hoạch luôn mới và giúp mọi trẻ đều có cơ hội đạt được mục tiêu theo năng lực riêng.

Nội dung 3. Hướng dẫn tổ chức thực hiện các hoạt động giáo dục phát triển năng lực

Hoạt động 5: Hướng dẫn tổ chức thực hiện các hoạt động giáo dục phát triển năng lực theo từng lĩnh vực

Thảo luận nhóm: Báo cáo viên chia 5 nhóm thảo luận theo 5 lĩnh vực sau?

Lĩnh vực phát triển thể chất: Khi tổ chức hoạt động vận động, thầy/cô thường chú trọng nhiều hơn vào việc trẻ thực hiện đúng kỹ năng hay trẻ hứng thú, tự tin tham gia? Một hoạt động thể chất hiệu quả được đánh giá qua điều gì ở trẻ?

Lĩnh vực phát triển tình cảm – kỹ năng xã hội: Điều gì giúp trẻ biết hợp tác, chia sẻ, chờ đợi đến lượt và giải quyết mâu thuẫn với bạn trong các hoạt động hằng ngày?

Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ: Trẻ “nghe và nhắc lại” khác gì với trẻ “hiểu và sử dụng được ngôn ngữ” trong giao tiếp? Làm thế nào để tạo nhiều cơ hội cho trẻ mạnh dạn trao đổi và bày tỏ ý kiến?

Lĩnh vực phát triển nhận thức: Khi tổ chức hoạt động khám phá, thầy/cô thường bắt đầu từ kiến thức cần truyền đạt hay từ trải nghiệm, hứng thú và khả năng tìm tòi của trẻ?

Lĩnh vực phát triển thẩm mỹ (nghệ thuật): Trong hoạt động nghệ thuật, sản phẩm đẹp có quan trọng hơn quá trình trẻ trải nghiệm và sáng tạo không? Trẻ có cần thực hiện giống mẫu để được xem là hoàn thành hoạt động không?

THÔNG TIN PHẢN HỒI

5.1. Lĩnh vực Thể chất

5.1.1. Mục tiêu tổ chức hoạt động giáo dục phát triển thể chất cho trẻ mẫu giáo theo tiếp cận năng lực

Giáo dục thể chất hướng tới hình thành cho trẻ các năng lực gồm: Tham gia tích cực vào các hoạt động thể chất (thích ứng với sự thay đổi của môi trường và hoạt động thể chất; thực hiện được các kỹ năng vận động; thực hành dinh dưỡng; chăm sóc sức khỏe, vệ sinh và an toàn. Những năng lực thuộc lĩnh vực thể chất góp phần giúp trẻ hướng đến, đạt được và duy trì lối sống lành mạnh, năng động.

5.1.2. Nội dung giáo dục thể chất cho trẻ mẫu giáo theo tiếp cận năng lực

Nội dung giáo dục thể chất được xác định dựa trên yêu cầu cần đạt trong lĩnh vực giáo dục thể chất, độ tuổi mẫu giáo và khả năng của trẻ, giúp trẻ đạt được các năng lực

phù hợp với lứa tuổi. Nội dung giáo dục thể chất gồm các kiến thức, kỹ năng, thái độ và cảm xúc tích cực trong hoạt động thể chất, tập trung vào 4 nội dung sau:

1. Các vận động thô và vận động tinh: các vận động di chuyển, vận động tại chỗ, giữ thăng bằng, vận động có sử dụng dụng cụ/ đồ vật; vận động các cơ nhỏ bàn tay, ngón tay và phối hợp tay mắt trong thực hiện các vận động.

2. Chăm sóc sức khỏe, vệ sinh và an toàn: Tự phục vụ, vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường, tình trạng sức khỏe và phòng bệnh, giữ an toàn cho cá nhân và người xung quanh.

3. Dinh dưỡng hợp lý: các thực phẩm các loại thực phẩm nhóm chất dinh dưỡng thực hành, hành vi ăn uống hợp lý.

4. Vận dụng kiến thức, kỹ năng thể chất vào các hoạt động học tập và sinh hoạt hằng ngày: Giải quyết các vấn đề đơn giản trong cuộc sống. Thực hiện hành động phù hợp với con người, sự vật và môi trường gần gũi.

5.1.3. Hướng dẫn tổ chức các hoạt động giáo dục Thể chất cho trẻ mẫu giáo

a. Hoạt động học

a.1. Hoạt động học trong lĩnh vực thể chất là hoạt động học có chủ định để dạy các kỹ năng cho trẻ, được tổ chức thường xuyên, có mục tiêu rõ ràng, Hoạt động này không chỉ nhằm hình thành và rèn luyện các kỹ năng vận động cho trẻ, mà còn góp phần giúp trẻ thích ứng linh hoạt với sự thay đổi của môi trường, đồng thời, thông qua các hoạt động này, trẻ được hình thành và duy trì lối sống lành mạnh, năng động, tích cực tham gia vận động và biết chăm sóc sức khỏe bản thân.

a.2. Nội dung hoạt động học có chủ định:

Hoạt động học tập trung vào 4 nhóm năng lực chính:

1. Tham gia tích cực vào hoạt động thể chất và thích ứng với sự thay đổi
2. Thực hiện các kỹ năng vận động
3. Thực hành dinh dưỡng
4. Chăm sóc sức khỏe, vệ sinh và an toàn

a.3. Cách tổ chức theo quy trình trải nghiệm – thực hành – thực tiễn

Bước 1. Xác định mục tiêu và nội dung giáo dục thể chất:

Xác định mục tiêu: Hướng tới phát triển năng lực, không chỉ dừng ở kiến thức/kỹ năng đơn lẻ. Gắn với trải nghiệm – thực hành – vận dụng thực tế. Phù hợp với độ tuổi, khả năng và nhu cầu của trẻ. Mục tiêu phải quan sát và đánh giá được.

Các nhóm mục tiêu cần xác định:

- *Năng lực vận động*: Trẻ thực hiện được các kỹ năng vận động cơ bản (đi, chạy, nhảy, bò, ném...). Biết phối hợp vận động linh hoạt trong các tình huống khác nhau.

Ví dụ: Trẻ biết bật xa bằng hai chân, tiếp đất đúng cách.

- *Năng lực thể chất*: Phát triển các tố chất: nhanh, mạnh, bền, khéo léo.

Ví dụ: Trẻ bật liên tục không mệt, giữ thăng bằng tốt.

- *Năng lực tự chủ và tự chăm sóc*: Biết giữ an toàn khi vận động. Có thói quen tập luyện, vệ sinh, ăn uống hợp lý.

Ví dụ: Trẻ có thói quen rửa tay rửa mặt trước khi ăn, biết xếp hàng, chờ lượt, không chen lấn.

- *Năng lực xã hội (giao tiếp – hợp tác)*: Biết phối hợp với bạn trong trò chơi. Tuân thủ luật chơi, chia sẻ và hỗ trợ nhau.

- *Thái độ và hứng thú*: Trẻ tích cực, tự tin, mạnh dạn tham gia hoạt động. Yêu thích vận động, hình thành lối sống năng động.

-> Xác định mục tiêu cần đảm bảo: Không chỉ “trẻ làm được gì” mà còn “trẻ vận dụng được gì và phát triển năng lực gì”.

Ví dụ: Trẻ có khả năng thực hiện kỹ năng vận động..., biết phối hợp linh hoạt trong hoạt động và trò chơi; đồng thời tích cực tham gia, tự tin và hình thành thói quen vận động, đảm bảo an toàn cho bản thân.

Bước 2: Tổ chức hoạt động giáo dục

1. Phần Mở đầu: Khởi động (2 – 3 phút): Đây là bước chuẩn bị để cơ thể trẻ chuyển từ trạng thái tĩnh sang động.

Nội dung: Cho trẻ đi theo nhạc hoặc hiệu lệnh. Các kiểu đi: Kết hợp đi thường, đi bằng mũi bàn chân, đi bằng gót chân, đi khom lưng, chạy chậm, chạy nhanh.

Mục tiêu: Làm nóng các khớp cổ chân, cổ tay, tạo hứng thú cho trẻ, chuẩn bị tâm thế tham gia hoạt động.

Ví dụ: “Đoàn tàu nhỏ xíu”: Trẻ làm đoàn tàu đi quanh sân, kết hợp tín hiệu nhanh – chậm, chuyển đội hình về hàng ngang.

Yêu cầu phát triển năng lực: Trẻ biết lắng nghe hiệu lệnh, phối hợp vận động với bạn, chủ động tham gia hoạt động

2. Phần Trọng tâm -Nội dung chính. Đây là phần quan trọng nhất, nơi trẻ học và rèn luyện kỹ năng.

+ **Bài tập phát triển chung (BTPTC)**: Tập các động tác: Hô hấp, Tay/Vai, Bụng/Lườn, Chân, Bật, thường tập kết hợp với dụng cụ (gậy, vòng, nơ, quả bông, cờ, hoa..) theo nhịp hô hoặc nhạc bài hát theo chủ đề. Đối đội hình linh hoạt.

Theo hướng phát triển năng lực: Giáo viên cho trẻ tự chọn dụng cụ, khuyến khích trẻ sáng tạo động tác, cho trẻ làm nhóm trưởng điều khiển

Yêu cầu: Trẻ thực hiện đúng động tác, có ý thức phối hợp, tự tin thể hiện.

+ **Vận động cơ bản (VDCB)**: Đây là "phần trọng tâm" của buổi học rèn luyện kỹ năng vận động cơ bản (Đi, chạy, nhảy, bò, trườn, ném, bật, leo trèo: (Ví dụ: Bật xa, Bò chui qua cổng, Ném trúng đích...)).

Quy trình: Giới thiệu vận động (Nêu tên VĐ, giới thiệu nhiệm vụ)-> Cô làm mẫu (Làm mẫu lần 1 toàn bộ, Làm mẫu lần 2 kết hợp giải thích) -> Trẻ thực hiện thử -> Cả

lớp thực hành (cá nhân, nhóm, đội) -> Cùng cố. Hình thức GV tổ chức linh hoạt theo thực tế.-> Nhận xét – động viên (Khuyến khích trẻ cố gắng, Tuyên dương sự tiến bộ)

+ **Trò chơi vận động:** Mục đích củng cố kỹ năng vận động, để trẻ vận dụng kỹ năng đã học vào một tình huống vui nhộn, mang tính thi đua. phát triển kỹ năng xã hội.

Yêu cầu: Phù hợp độ tuổi, luật chơi đơn giản, vận động cường độ cao hơn một chút để kích thích trẻ. Tất cả trẻ được tham gia.

3. Phần Kết thúc: Hồi tĩnh

Mục đích: Giúp cơ thể trẻ trở về trạng thái cân bằng, thư giãn sau vận động.

Nội dung: Đi lại nhẹ nhàng như chim bay, hái hoa, hoặc thực hiện các động tác hít thở sâu, thư giãn chân tay. Thả lỏng cơ thể, nghe nhạc nhẹ

Đánh giá: Nhận xét nhanh về thái độ tham gia và kỹ năng của trẻ (khen ngợi là chính).

Phương pháp tổ chức theo hướng phát triển năng lực: Giáo viên cần:

Tạo cơ hội cho trẻ trải nghiệm: Tự thực hiện, tự khám phá cách vận động. Khuyến khích sự sáng tạo: cho trẻ nghĩ cách chơi mới, biến đổi động tác

Tăng cường tương tác: Hoạt động nhóm, hợp tác với bạn

Đánh giá bằng sự tiến bộ: Không so sánh trẻ với nhau mà: Quan sát sự cố gắng, ghi nhận tiến bộ từng trẻ

Kết luận: Việc tổ chức hoạt động học phát triển thể chất theo quy trình trải nghiệm – thực hành – thực tiễn giúp trẻ không chỉ hình thành kỹ năng vận động mà còn phát triển năng lực một cách toàn diện. Trẻ được tham gia từ khám phá, luyện tập đến vận dụng, qua đó biết cách thực hiện đúng, linh hoạt và áp dụng trong các tình huống thực tế. Quy trình này đảm bảo lấy trẻ làm trung tâm, tăng cường sự chủ động, tích cực và hứng thú trong học tập; đồng thời góp phần hình thành thói quen vận động, lối sống lành mạnh và khả năng thích ứng với môi trường.

a.4. Gợi ý tổ chức hoạt động học cho trẻ mẫu giáo

Chủ đề: Bé vui khám phá giao thông

Vận động: Bò chui qua cổng

Độ tuổi: 3-4 tuổi

1. Mục tiêu

Kiến thức: Trẻ biết tên vận động: “Bò chui qua cổng”. Trẻ biết cách bò bằng bàn tay và cẳng chân, chui qua cổng không chạm cổng.

Kỹ năng: Trẻ thực hiện được vận động bò chui qua cổng. Phối hợp tay chân nhịp nhàng. Rèn sự khéo léo, nhanh nhẹn và khả năng giữ thăng bằng.

Thái độ: Hứng thú tham gia hoạt động. Mạnh dạn, tự tin khi thực hiện. Biết chờ đến lượt và phối hợp cùng bạn.

Năng lực hướng tới: Năng lực vận động, năng lực tự phục vụ, năng lực hợp tác, năng lực giao tiếp, năng lực giải quyết vấn đề

2. Nội dung

- Khởi động theo nhạc
- Vận động cơ bản: Bò chui qua cổng
- Trò chơi vận động

3. Chuẩn bị

- Cổng thể dục
- Vạch xuất phát
- Mô hình giao thông: ô tô, đường đi
- Nhạc chủ đề giao thông
- Vòng thể dục
- Sân tập sạch sẽ, an toàn

| Hoạt động của giáo viên | Hoạt động của trẻ |
|---|---|
| <p>1. Khởi động – Gọi hứng thú (2–3 phút)</p> <p>Hôm nay các con sẽ cùng tham gia hành trình khám phá giao thông. Muốn đến được bến xe, các bạn nhỏ phải vượt qua những đường hầm bí mật.</p> <p>Trẻ làm đoàn tàu: Đi thường, đi bằng mũi chân, đi bằng gót chân, chậm, chạy nhanh theo nhạc bài hát về giao thông. Sau đó chuyển đội hình thành 2 hàng ngang.</p> <p>Phát triển năng lực: Trẻ chú ý hiệu lệnh, chủ động tham gia vận động, phối hợp cùng bạn</p> | <p>- Trẻ hát và vận động theo cô.</p> |
| <p>2. Phần trọng tâm</p> <p>a. Bài tập PTC:</p> <p>Động tác tay: Hai tay đưa ngang – lên cao (2 lần x 4 nhịp)</p> <p>Động tác chân: Ngồi khuyu gối (2 lần x 4 nhịp)</p> <p>Động tác bụng: Cúi người về phía trước (2 lần x 4 nhịp)</p> <p>Động tác bật: Bật tại chỗ (2 lần x 4 nhịp)</p> <p>Tổ chức theo hướng phát triển năng lực: Trẻ tập theo nhạc, cô khuyến khích trẻ tập mạnh dạn, cho trẻ lên tập mẫu cùng cô.</p> <p>b. Vận động cơ bản: Bò chui qua cổng</p> <p>Tổ chức theo quy trình: Trải nghiệm – Thực hành – Thực tiễn</p> <p>Cô tạo tình huống: “Các chú ô tô muốn đi qua đường hầm để đến bến xe an toàn. Chúng mình hãy bò thật khéo để không chạm vào cổng nhé!”</p> <p>Trẻ trải nghiệm: Quan sát cổng, Thử bò theo ý thích, Trò chuyện cùng cô: Làm sao để không chạm cổng? Khi bò cần chú ý điều gì?</p> | <p>Trẻ tập BTPTC cùng cô</p> <p>Trẻ trả lời theo ý hiểu</p> <p>Trẻ lên bò thử</p> |

| | |
|---|---|
| <p>Phát triển năng lực: Trẻ mạnh dạn khám phá vận động, tự tìm cách thực hiện, hình thành tư duy vận động</p> <p>Thực hành:</p> <p>Cô làm mẫu: Lần 1:Thực hiện trọn vẹn vận động. Lần 2 kết hợp giải thích: Tư thế chuẩn bị: Hai bàn tay và cẳng chân chống xuống sàn, Khi có hiệu lệnh: Bò phối hợp tay nọ chân kia, Đầu cúi thấp, Bò chui qua cổng không chạm cổng, Sau đó đi về cuối hàng.</p> <p>Trẻ thực hiện: Trẻ đứng thành 2 hàng ngang Lần 1:Từng trẻ ở 2 hàng lên thực hiện Lần 2: Thi đua giữa 2 đội</p> <p>Cô quan sát: Động viên trẻ nhút nhát, hỗ trợ trẻ còn lúng túng, khen trẻ thực hiện tốt</p> <p>Điều chỉnh theo năng lực trẻ</p> <p>Trẻ khá: Bò nhanh hơn, chui qua 2 cổng liên tiếp Trẻ yếu: Cô hỗ trợ gần trẻ, giảm khoảng cách vận động</p> <p>Phát triển năng lực: Khả năng phối hợp tay chân, tính kiên trì, tự tin thực hiện nhiệm vụ, hợp tác với bạn</p> <p>c. Trò chơi vận động: Chuyền bóng qua đầu</p> <p>- Luật chơi: Chuyền bóng bằng 2 tay đưa qua đầu cho bạn đứng sau, đội chuyền được nhiều, nhanh sẽ chiến thắng + Cách chơi: Chơi theo đội, mỗi đội sẽ đứng theo hàng dọc, đứng thẳng người, chân rộng bằng vai, cầm bóng bằng 2 tay khi có hiệu lệnh bạn đầu hàng sẽ đưa lên cao quá đầu, hơi ngả người ra sau chuyền bóng cho bạn đứng sau bạn đứng sau sẽ bắt bóng và đưa cho bạn tiếp theo cứ như vậy cho đến hết bạn, bạn cuối hàng sẽ cầm quả bóng chạy thật nhanh mang lên cho tổ mẹ. Đội nào mang bóng lên cho tổ mẹ trước sẽ là đội chiến thắng.</p> <p>- Cho trẻ chơi 2-3 lần, sau mỗi lần chơi nhận xét trẻ</p> <p>Ý nghĩa phát triển năng lực: Giúp trẻ vận dụng kỹ năng đã học, phối hợp cùng bạn, biết hoàn thành nhiệm vụ chung.</p> | |
| <p>Phân kết thúc, hồi tĩnh</p> <p>Hoạt động: Trẻ đi nhẹ nhàng quanh sân theo nhạc, hít thở sâu, vươn vai, thả lỏng tay chân</p> <p>Kết thúc: Cô tuyên dương trẻ: “Hôm nay các bác tài nhí đã vượt đường hầm rất giỏi và an toàn!”</p> | <p>Trẻ đi nhẹ nhàng, hít thở sâu, vươn vai, thả lỏng tay chân</p> |

Lĩnh vực: Phát triển thể chất

Độ tuổi: 4 tuổi

Vận động cơ bản: Bật tách – khép chân qua 4 vòng liên tiếp

Theo hướng phát triển năng lực cho trẻ

1. Mục tiêu

Kiến thức: Trẻ biết tên vận động: “Bật tách – khép chân qua 4 vòng liên tiếp”. Trẻ biết cách bật tách chân vào 2 vòng và khép chân vào 1 vòng liên tục theo yêu cầu.

Kỹ năng: Trẻ thực hiện được vận động bật tách – khép chân liên tục qua 4 vòng. Phối hợp nhịp nhàng giữa chân và tay khi bật. Rèn khả năng giữ thăng bằng, sự nhanh nhẹn và khéo léo.

Thái độ: Trẻ hứng thú tham gia hoạt động. Mạnh dạn, tự tin khi thực hiện vận động. Có ý thức chờ đến lượt và hợp tác cùng bạn.

Năng lực hướng tới: Năng lực vận động, Năng lực tự phục vụ, Năng lực hợp tác, Năng lực giao tiếp, Năng lực giải quyết vấn đề.

3. Chuẩn bị

- 8–10 vòng thẻ dục (xếp thành 2 hàng, mỗi hàng 4 vòng)
- Vạch xuất phát
- Nhạc thể dục sôi động
- Cờ hoặc hoa thưởng
- Trang phục trẻ gọn gàng
- Sân tập sạch sẽ, an toàn

| Hoạt động của giáo viên | Hoạt động của trẻ |
|--|--------------------------------|
| <p>1. Khởi động – Gọi hứng thú (2–3 phút)</p> <p>Cô tạo tình huống: “Hôm nay các con sẽ tham gia hội thi ‘Những vận động viên nhí’. Muốn vượt qua chặng đường thử thách, các con phải bật thật khéo qua những chiếc vòng.”</p> <p>Cho trẻ đi, chạy theo nhạc: đi thường → đi nhanh → chạy chậm</p> <p>Kết hợp các kiểu đi: đi bằng mũi chân, gót chân, chạy nhanh, chạy chậm. Sau đó chuyển đội hình thành 2 hàng ngang.</p> <p>Phát triển năng lực: Trẻ chú ý hiệu lệnh, chủ động tham gia vận động, phối hợp cùng tập thể</p> | <p>- Trẻ vận động theo cô.</p> |
| 2. Phần trọng tâm | |

| | |
|---|--|
| <p>a. Bài tập phát triển chung: (BTPTC)</p> <p>Động tác tay: Hai tay đưa ngang – lên cao (2 lần x 4 nhịp)</p> <p>Động tác chân; Đứng co từng chân (2 lần x 4 nhịp)</p> <p>Động tác bụng: Cúi người về phía trước (2 lần x 4 nhịp)</p> <p>Động tác bật: Bật tách – khép chân (3 lần x 4 nhịp)</p> <p>Tổ chức theo hướng phát triển năng lực: Trẻ tập cùng cô theo nhạc, Cho trẻ lên điều khiển một số động tác, Khuyến khích trẻ tập mạnh dạn, tích cực.</p> <p>b. Vận động cơ bản (VĐCB): Bật tách khép chân qua 4 vòng liên tiếp</p> <p>Cô tạo tình huống: “Các vận động viên nhí sẽ vượt qua con đường vòng kỳ diệu để mang cờ về cho đội mình.”</p> <p>Trẻ trải nghiệm: Quan sát các vòng trên sân, thử bật tự do qua vòng,</p> <p>Trò chuyện: Làm sao để bật không chạm vòng? Khi bật cần giữ cơ thể như thế nào?</p> <p>Phát triển năng lực: Trẻ mạnh dạn khám phá cách bật, tự tìm cách vận động, hứng thú tham gia hoạt động</p> <p>Cô làm mẫu</p> <p>Lần 1: Thực hiện trọn vẹn vận động</p> <p>Lần 2: kết hợp giải thích: Tư thế chuẩn bị: Đứng trước vòng, hai tay chống hông hoặc đưa ra trước. Khi có hiệu lệnh: Bật tách chân vào 2 vòng, bật khép chân vào 1 vòng, Thực hiện liên tục qua 4 vòng, Tiếp đất nhẹ nhàng bằng mũi bàn chân.</p> <p>Cho trẻ lên làm mẫu lại</p> <p>Trẻ thực hiện: Lần 1: Từng trẻ thực hiện</p> <p>Lần 2: Thực hiện theo nhóm</p> <p>Lần 3: Thi đua giữa hai đội</p> <p>Giáo viên quan sát và hỗ trợ: Sửa sai nhẹ nhàng, động viên trẻ nhút nhát, khuyến khích trẻ cố gắng hoàn thành nhiệm vụ.</p> <p>Điều chỉnh theo năng lực: Trẻ khá: Tăng tốc độ bật, tăng số vòng</p> <p>Trẻ còn yếu: Giảm khoảng cách giữa các vòng, cho tập cùng cô</p> | <p>Trẻ tập BTPTC cùng cô</p> <p>Trẻ quan sát và bật tự do qua các vòng.</p> <p>Trẻ trả lời theo ý hiểu</p> <p>Trẻ quan sát cô làm mẫu</p> <p>Trẻ lên làm thử</p> <p>Trẻ thực hiện:</p> <p>Lần 1: Từng trẻ thực hiện</p> <p>Lần 2: Thực hiện theo nhóm</p> <p>Lần 3: Thi đua giữa hai đội</p> |
|---|--|

| | |
|---|---|
| <p>Phát triển năng lực: Năng lực phối hợp vận động, năng lực tự tin, năng lực hợp tác, tính kiên trì vượt thử thách</p> <p>c. Trò chơi vận động: “Ép bóng”</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cô giới thiệu cách chơi, luật chơi. + Cách chơi: Hai đội sẽ đứng đối diện nhau, mỗi đội sẽ có hai bạn cùng lên ép bóng. Các con sẽ để bóng vào giữa bụng và ép bóng, hai tay sẽ đan vào nhau. Khi có hiệu lệnh 3, 2, 1 bắt đầu thì các con cùng nhau đi bước dồn ngang, đến cuối hàng thì các con cầm bóng thả vào rổ của đội mình sau đó chạy về cuối hàng đứng, để đội bạn tiếp theo lên chơi. + Luật chơi: Khi di chuyển các con không được dùng tay giữ bóng, nếu bóng bị rơi các con cầm bóng quay lại để vào rổ và về cuối hàng cho đội bạn khác lên chơi. Thời gian chơi là 1 bản nhạc. Hết thời gian chơi đội nào ép được nhiều bóng nhất đội đó sẽ giành chiến thắng. - Cô cho trẻ chơi 1- 2 lần. (cô bao quát trẻ chơi) - Cô cho trẻ kiểm tra kết quả hai đội. - Cô nhận xét, động viên, khen ngợi trẻ. <p>Ý nghĩa phát triển năng lực: Giúp trẻ vận dụng kỹ năng đã học, phối hợp cùng bạn, có tinh thần trách nhiệm với nhóm</p> | <ul style="list-style-type: none"> - Trẻ lắng nghe luật chơi, cách chơi. <p>Trẻ chơi 2 lần</p> <p>Trẻ kiểm tra kết quả cùng cô</p> |
| <p>Phần kết thúc hồi tĩnh</p> <p>Hồi tĩnh: Trẻ đi nhẹ nhàng theo vòng tròn: Hít thở sâu, vươn vai thả lỏng tay chân, kết hợp nghe nhạc nhẹ.</p> <p>Cô tuyên dương: “Hôm nay các vận động viên nhí đã vượt qua thử thách rất giỏi!”</p> | <p>Trẻ đi lại nhẹ nhàng, hít thở sâu.</p> |

Chủ đề: Gia đình

Đề tài: Những chiếc nơ xinh xắn

Lĩnh vực: PTTC- vận động tinh

Độ tuổi: 5-6 tuổi

1. Mục tiêu

Kiến thức

- Trẻ biết cách sử dụng các ngón tay để gấp, luồn và thắt nơ đơn giản.
- Trẻ biết ích lợi của đôi bàn tay khéo léo trong cuộc sống hằng ngày.

Trẻ nhận biết quy trình các bước để tạo thành một chiếc nơ (luồn dây, thắt nút cố định, tạo vòng nơ)

- Trẻ hiểu được ý nghĩa của việc sử dụng nơ để trang trí quà tặng và làm đẹp cho bản thân/bạn bè (Phẩm chất Yêu thương)

Kỹ năng

- Vận động tinh (TC 4.1): Thực hiện thành thạo các thao tác của bàn tay, ngón tay để luồn dây qua lỗ và thắt nút tạo hình chiếc nơ. Rèn sự khéo léo của các ngón tay, cổ tay và phối hợp tay – mắt.

- Phối hợp (TC 4.2): Phối hợp nhịp nhàng giữa tay và mắt để căn chỉnh chiếc nơ cân đối, đẹp mắt.

- Năng lực nền tảng: Trẻ biết sử dụng ngôn ngữ để trao đổi với bạn và biết hợp tác nhóm khi cùng thực hiện nhiệm vụ.

Thái độ

- Hào hứng, chủ động tham gia hoạt động và kiên trì hoàn thành sản phẩm (TC 1.1, 1.2).

- Thể hiện sự quan tâm, sẵn lòng giúp đỡ bạn bè thông qua hành động thực tế.

- Có ý thức giữ gìn nguyên vật liệu và cất dọn đồ dùng sau khi chơi (TX 7.3)

2. Chuẩn bị

- Sợi ruy băng đa dạng chất liệu (lụa, voan), màu sắc và kích cỡ.

- Tấm bìa thiệp đục lỗ, hộp quà, giỏ quà, hoa.

- Mẫu nơ đã thắt hoàn thiện gắn trên quà/thiệp để trẻ quan sát.

- Nhạc: "Ngón tay nhúc nhích", "Chúc mừng sinh nhật"

3. Tiến hành

| Hoạt động của giáo viên | Hoạt động của trẻ |
|---|---|
| <p>1. Phần mở đầu Gây hứng thú</p> <p>- Khởi động: Cô cùng trẻ vận động theo bài "Ngón tay nhúc nhích" để làm nóng các cơ nhỏ.</p> <p>- Cô dẫn dắt: "Hôm nay là sinh nhật bạn Thảo, chúng mình làm những chiếc nơ thật xinh làm món quà tặng bạn"</p> | <p>- Trẻ hát và vận động theo cô.</p> <p>- Trẻ trả lời và trò chuyện về các món quà.</p> |
| <p>2. Phần trọng tâm</p> <p>Quan sát mẫu: Cô cho trẻ xem hộp quà và thiệp đã trang trí nơ xinh xắn.</p> <p>- Hỏi: "Con thấy chiếc nơ này thế nào? Làm sao để những sợi dây này trở thành chiếc nơ?"</p> <p>Trẻ khám phá: Sờ, cầm dây ruy băng, thử gấp, cuộn, buộc theo ý thích, trao đổi với bạn: Làm thế nào để tạo thành chiếc nơ? Chiếc nơ nào con thích nhất?</p> | <p>- Trẻ quan sát và nêu nhận xét.</p> <p>- Trẻ đưa ra ý tưởng thực hiện theo ý hiểu.</p> |

| | |
|--|---|
| <p>Giáo viên gọi mở: Muốn nơ đẹp thì hai bên phải như thế nào? Khi kéo dây cần nhẹ tay hay mạnh tay?</p> <p>Cô làm mẫu: Lần 1: Thực hiện chậm, không giải thích Lần 2: Kết hợp hướng dẫn từng thao tác:</p> <p>Bước 1: Gập hai đầu dây tạo thành hai vòng nhỏ. Bước 2: Luồn một vòng qua vòng còn lại. Bước 3: Kéo nhẹ hai bên để tạo thành chiếc nơ cân đối.</p> | <p>Trẻ khám phá cầm dây duy bằng buộc theo ý thích</p> <p>Trẻ quan sát cô làm mẫu</p> |
| <p>Trẻ thực hành</p> <p>Hình thức: Cá nhân, Theo cặp hỗ trợ nhau, Nhóm nhỏ Giáo viên quan sát và hỗ trợ</p> <p>Với trẻ còn lúng túng: Hướng dẫn cầm tay, cho dùng dây to để thao tác</p> <p>Với trẻ khá: Khuyến khích sáng tạo kiểu nơ khác, Trang trí thêm cho sản phẩm</p> <p>Phát triển năng lực: Khéo léo bàn tay, phối hợp tay – mắt, tính kiên trì, khả năng hợp tác cùng bạn</p> <p>Hoạt động vận dụng: “Trang trí quà tặng người thân” Trẻ thực hiện Gắn nơ lên hộp quà, trang trí túi quà, tặng sản phẩm cho người thân</p> <p>Cô trò chuyện: Con muốn tặng chiếc nơ này cho ai? Khi tặng quà con sẽ nói gì?</p> | <p>Trẻ ngồi theo nhóm thực hành cá nhân tự buộc thắt nơ.</p> <p>Trẻ gắn nơ lên hộp quà, trang trí túi quà.</p> |
| <p>3. Phần kết thúc</p> <p>- Trung bày sản phẩm: Trẻ giới thiệu chiếc nơ của mình, cô và trẻ cùng nhận xét.</p> <p>Cô nhận xét – tuyên dương: Cô khen ngợi sự nỗ lực, khéo léo, sáng tạo và tinh thần yêu thương của trẻ.</p> <p>- Nhắc trẻ cất gọn ruy băng thừa và đồ dùng vào đúng nơi quy định</p> | <p>- Trẻ giới thiệu sản phẩm của mình và nhận xét sản phẩm của bạn. Trẻ lắng nghe và thu dọn đồ dùng cùng cô</p> <p>- Cùng mang quà tặng bạn Thỏ và hát mừng sinh nhật.</p> |

b) Hướng dẫn tổ chức hoạt động chơi giáo dục thể chất cho trẻ mẫu giáo

Hoạt động chơi là hoạt động chủ đạo giúp trẻ phát triển năng lực thể chất một cách tự nhiên, hứng thú. Hoạt động chơi là môi trường quan trọng để phát triển thể chất vì: Trẻ vận động tự nhiên, không gò ép; Trẻ tự lựa chọn, tự điều chỉnh mức độ vận động; Vận động gắn với cảm xúc tích cực và tương tác xã hội Vì vậy, tổ chức hoạt động chơi

cần bám vào quy trình **trải nghiệm – thực hành – thực tiễn**, tạo nhiều cơ hội để trẻ học qua hành động và tương tác thực tế.

b.1. Các loại hình chơi phù hợp trong giáo dục thể chất gồm:

- **Trò chơi vận động** : Đây là loại hình quan trọng nhất trong giáo dục thể chất. Có luật chơi đơn giản, rõ ràng, Gắn với vận động: chạy, nhảy, bò, ném, giữ thăng bằng... Mang tính thi đua nhẹ nhàng, vui vẻ. Ví dụ: Mèo đuổi chuột, Cáo và thỏ, Chuyển bóng, Nhảy bao bố -> Mục đích: Phát triển kỹ năng vận động và tố chất thể lực.

- **Trò chơi mô phỏng – nhập vai**: Trẻ nhập vai nhân vật quen thuộc (động vật, nghề nghiệp...). Kết hợp vận động theo vai chơi, tăng tính tưởng tượng và hứng thú: Ví dụ: Làm thỏ nhảy đi tìm cà rốt; Làm chú bộ đội hành quân; Làm bác nông dân gặt lúa. Mục đích: Phát triển vận động gắn với tưởng tượng và cảm xúc.

- **Trò chơi có luật đơn giản**: Là những trò chơi có quy tắc rõ ràng nhưng dễ hiểu; Trẻ phải tuân thủ luật khi chơi, có thể chơi theo nhóm: Ví dụ: Ai nhanh hơn; Đứng đúng vòng màu; Chuyển bóng không rơi. Mục đích: Rèn kỹ luật, khả năng chú ý và hợp tác.

- **Trò chơi theo tình huống**: Đặt trẻ vào tình huống giả định gần gũi, trẻ phải vận dụng kỹ năng vận động để giải quyết, mang tính “thực tiễn hóa” cao: Ví dụ: Vượt chướng ngại vật; Qua đường an toàn; Chuyển hàng cứu trợ -> Mục đích: Phát triển năng lực vận dụng và giải quyết vấn đề.

- **Trò chơi dân gian vận động**: Gắn với văn hóa truyền thống, luật chơi đơn giản, dễ nhớ, có nhịp điệu, đồng dao: Ví dụ: Kéo cưa lừa xẻ; Rồng rắn lên mây; Lộn cầu vòng... Mục đích: Phát triển vận động, giao tiếp và văn hóa.

b.2. Cách tổ chức theo quy trình trải nghiệm – thực hành – thực tiễn

Bước 1. Khởi động – Gợi ý chơi

Giáo viên Tạo hứng thú, đưa trẻ vào “tình huống chơi”. Làm nóng cơ thể, chuẩn bị tâm thế tham gia. Kích thích trí tưởng tượng, dẫn dắt vào hoạt động.

- Giáo viên cho trẻ vận động nhẹ theo nhạc (đi, chạy, vỗ tay...). Sử dụng câu chuyện, nhân vật, tình huống gợi mở trò chơi. Giới thiệu luật chơi đơn giản, rõ ràng một cách hấp dẫn. -> Trẻ “hứng thú – sẵn sàng nhập cuộc”.

Ví dụ: Chủ đề: “Vượt chướng ngại vật” Giáo viên kể: “Hôm nay chúng mình sẽ trở thành những nhà thám hiểm đi qua khu rừng bí mật” Trẻ khởi động bằng động tác “đi trong rừng” (giơ tay, nhắc cao gối, cúi người)

Bước 2. Trải nghiệm – Nhập vai khám phá

- Giúp trẻ làm quen trò chơi thông qua nhập vai và khám phá, hình thành biểu tượng ban đầu về cách chơi, Phát triển khả năng tưởng tượng và nhập vai

- Cho trẻ quan sát mẫu (giáo viên hoặc bạn làm trước). Khuyến khích trẻ thử nghiệm theo cách riêng. Gợi mở: “Con có thể làm khác đi không?”, “Con nghĩ cách nào nhanh hơn?”-> Trẻ “thử – khám phá – trải nghiệm vai chơi”.

Ví dụ: Trẻ đóng vai “nhà thám hiểm”, thử bò qua “hang” (chui qua vòng), nhảy qua “suối” (vạch kẻ). Trẻ tự chọn cách vượt qua (bò, trườn, nhảy...)

Bước 3. Thực hành – Rèn kỹ năng xã hội

- Giúp trẻ rèn kỹ năng vận động (bò, chạy, nhảy...) và kỹ năng xã hội phát triển kỹ năng hợp tác, tuân thủ luật chơi (hợp tác, chờ lượt, tuân thủ luật chơi).

- Giáo viên giải thích luật chơi đơn giản, dễ hiểu. Trẻ chơi theo nhóm/cá nhân nhiều lần. Giáo viên hướng dẫn, điều chỉnh hành vi chơi: (Chờ lượt; Hợp tác; Không tranh giành)

- Khuyến khích hỗ trợ bạn trong khi chơi. -> Trẻ “chơi đúng luật – biết hợp tác – rèn kỹ năng”.

Ví dụ: Chia lớp thành 2–3 đội thi “ai vượt chướng ngại vật nhanh hơn”, Trẻ lần lượt thực hiện, các bạn khác cổ vũ, nhắc trẻ không chen lấn, biết hợp tác.

Bước 4. Vận dụng – Gắn với thực tiễn:

- Giúp trẻ liên hệ hoạt động với cuộc sống, trẻ áp dụng kỹ năng đã học vào tình huống gần gũi thực tế. Phát triển năng lực vận dụng linh hoạt. Củng cố ý nghĩa của vận động.

- GV tạo tình huống chơi mang tính thực tế (giả định). Trẻ sử dụng kỹ năng vận động để giải quyết nhiệm vụ.

Đặt câu hỏi: “Ngoài đời khi nào con cần chạy nhanh/nhảy qua vật cản?”. Gợi ý tình huống thực tế. Khuyến khích trẻ áp dụng vào sinh hoạt hàng ngày.

Ví dụ: “Khi đi công viên, con có thể chơi trò vượt chướng ngại vật như thế này không?”

“Khi gặp vũng nước, con có thể nhảy qua giống như lúc nãy không?” Khuyến khích sáng tạo nhiều cách thực hiện.

-> Trẻ “biết áp dụng – biết xử lý tình huống”.

Bước 5. Chia sẻ – Nhận xét – Củng cố

Giúp trẻ nhìn lại quá trình chơi, củng cố kỹ năng và cảm xúc tích cực. Phát triển kỹ năng giao tiếp, tự đánh giá: Cho trẻ chia sẻ, trẻ nói cảm nhận: “Con thích nhất phần nào?” “Con thích điều gì?” “Con đã làm được gì?”

Giáo viên nhận xét: Thái độ tham gia, Kỹ năng vận động, Sự hợp tác. Củng cố lại nội dung trò chơi. Kết thúc bằng hoạt động nhẹ (hồi tĩnh).

Ví dụ: Trẻ chia sẻ: “Con thích nhảy qua suối vì rất vui”

Giáo viên khen: “Hôm nay các con rất dũng cảm, biết chờ lượt và giúp đỡ bạn”

Nhắc lại: “Chúng mình đã học cách bò, nhảy và hợp tác”

-> Trẻ “hiểu – nhớ – vui – tích cực hơn”.

Yêu cầu khi tổ chức

- Lấy trẻ làm trung tâm, tạo cơ hội cho trẻ hoạt động tối đa.

- Kết hợp linh hoạt: quan sát – trải nghiệm – thực hành – vận dụng.
- Tăng cường học thông qua chơi, chơi mà học.
- Khuyến khích trẻ hợp tác, giao tiếp, hỗ trợ nhau.
- Không gian tổ chức an toàn, rộng rãi, sạch sẽ. Dụng cụ phù hợp, đảm bảo an toàn cho trẻ. Bố trí hợp lý để tránh va chạm khi vận động.

Kết luận: Tổ chức hoạt động chơi giáo dục thể chất cho trẻ mẫu giáo có vai trò quan trọng trong việc giúp trẻ học tập thông qua chơi, từ đó phát triển toàn diện về thể chất, vận động, nhận thức và kỹ năng xã hội. Thông qua các trò chơi vận động, trẻ không chỉ được rèn luyện các kỹ năng cơ bản như chạy, nhảy, bò, giữ thăng bằng mà còn hình thành năng lực hợp tác, tuân thủ luật chơi, giải quyết tình huống và thích ứng với môi trường. Việc tổ chức hoạt động chơi theo hướng trải nghiệm – thực hành – vận dụng giúp trẻ được chủ động tham gia, khám phá và thể hiện khả năng của bản thân, đồng thời tạo hứng thú, niềm vui trong học tập. Giáo viên đóng vai trò là người tổ chức, hướng dẫn và hỗ trợ, tạo môi trường an toàn, tích cực để trẻ phát triển tối đa tiềm năng.

b4. Gợi ý một số hoạt động chơi cho trẻ mẫu giáo

Trò chơi Bò chui qua cổng

Chủ đề: Động vật

Độ tuổi: 3–4 tuổi

Góc chơi: Góc vận động trong lớp

Mục tiêu

- Trẻ biết bò thấp, chui qua vật cản (cổng/hang)
- Phát triển vận động tay – chân, sự khéo léo
- Tạo sự mạnh dạn, tự tin khi tham gia hoạt động

Chuẩn bị

- Vòng thể dục/ghế thấp tạo thành “cổng” hoặc “hang”
- Thảm mềm đảm bảo an toàn
- Hình ảnh/đồ chơi con vật (gấu, thỏ...)

Tiến hành

| Hoạt động của giáo viên | Hoạt động của trẻ |
|---|---|
| <p>1. Khởi động – Gợi ý chơi Cho trẻ vận động nhẹ: đi, chạy chậm, làm động tác con vật (bò như gấu, nhảy như thỏ) Gợi chuyện: “Các con vật phải chui qua hang để tìm thức ăn” Hỏi: “Con vật bò như thế nào?”</p> | <p>Trẻ vận động</p> <p>Trẻ hứng thú</p> <p>Trả lời, bắt chước</p> |
| <p>1. Khởi động – Gợi ý chơi</p> | <p>Trẻ vận động</p> |

| | |
|---|--|
| <p>Cho trẻ vận động nhẹ: đi, chạy chậm, làm động tác con vật (bò như gấu, nhảy như thỏ)</p> <p>Gợi chuyện: “Các con vật phải chui qua hang để tìm thức ăn”</p> <p>Hỏi: “Con vật bò như thế nào?”</p> | <p>Trẻ hứng thú</p> <p>Trả lời, bắt chước</p> |
| <p>2. Trải nghiệm – Nhập vai khám phá</p> <p>Làm mẫu bò chui qua cổng/hang</p> <p>Cho trẻ thử bò theo cách của mình</p> <p>Khuyến khích trẻ nhập vai con vật</p> | <p>Quan sát</p> <p>Trẻ thử nghiệm</p> <p>Trẻ đóng vai (gấu, mèo...)</p> |
| <p>3. Thực hành – Rèn kỹ năng xã hội</p> <p>Tổ chức cho trẻ thực hiện lần lượt</p> <p>Nhắc trẻ không chen lấn, giữ khoảng cách</p> <p>Hỗ trợ trẻ còn chậm, nhút nhát</p> <p>Khen ngợi trẻ hoàn thành</p> | <p>Xếp hàng chờ lượt</p> <p>Trẻ bò chui, Tuân thủ</p> <p>Thực hành</p> <p>Tự tin hơn</p> |
| <p>4. Vận dụng – Gắn với thực tiễn</p> <p>Hỏi: “Ngoài đời con thấy con vật nào chui hang?”</p> <p>Gợi ý: “Khi chơi ở nhà, con có thể bò qua gầm bàn không?”</p> <p>Nhấn mạnh vận động giúp cơ thể khỏe mạnh</p> | <p>Trẻ trả lời theo ý hiểu</p> <p>Trẻ liên hệ</p> <p>Ghi nhớ</p> |
| <p>5. Chia sẻ – Nhận xét – Cùng cố</p> <p>Hỏi: “Con thích làm con vật nào nhất?”</p> <p>Nhận xét: trẻ bò khéo, biết chờ lượt</p> <p>Khen ngợi, động viên</p> <p>Củng cố kỹ năng bò, chui kết thúc.</p> | <p>Trẻ chia sẻ</p> <p>Lắng nghe</p> <p>Trẻ vui vẻ</p> <p>Ghi nhớ</p> |

Trò chơi Nhảy qua suối

Chủ đề: Thiên nhiên – Khám phá rừng

Độ tuổi: 4–5 tuổi

Góc chơi: Góc vận động ngoài trời

Mục tiêu

- Trẻ biết nhảy bật qua vật cản
- Phát triển sức mạnh chân và giữ thăng bằng
- Biết chờ lượt, hợp tác, không chen lấn

Chuẩn bị

- Vạch kẻ hoặc dây làm “con suối”
- Nhạc khởi động
- Không gian rộng, an toàn

Tiến hành tổ chức hoạt động

| Hoạt động của giáo viên | Hoạt động của trẻ |
|---|---|
| <p>B1: Khởi động – Gọi ý chơi: Cho trẻ đi – chạy nhẹ theo nhạc, giả làm “đi trong rừng”</p> <p>Kể chuyện: “Chúng mình đi vào rừng, có con suối cần vượt qua”</p> <p>Gọi hỏi: “Làm sao để qua suối mà không bị ướt?”</p> | <p>Trẻ vận động theo nhạc</p> <p>Lắng nghe, tưởng tượng</p> <p>Trả lời, suy nghĩ</p> |
| <p>B2: Trải nghiệm – Nhập vai khám phá:</p> <p>Làm mẫu động tác nhảy qua suối</p> <p>Cho trẻ thử nhảy theo cách của mình</p> <p>Khuyến khích trẻ tìm ra nhiều cách nhảy</p> | <p>Quan sát</p> <p>Trẻ thử nghiệm</p> <p>Sáng tạo cách nhảy</p> |
| <p>B3: Thực hành – Rèn kỹ năng xã hội</p> <p>Chia nhóm, tổ chức chơi theo lượt</p> <p>Cho trẻ thực hiện lần lượt</p> <p>Nhắc trẻ không chen lấn, cô vũ bạn</p> <p>Quan sát, hỗ trợ trẻ yếu</p> <p>Thi đua các đội</p> | <p>Xếp hàng, chờ lượt</p> <p>Hợp tác, cô vũ</p> <p>Thực hành nhiều lần</p> <p>Trẻ hợp tác trong nhóm đội của mình</p> |
| <p>B4. Vận dụng – Gắn với thực tiễn</p> <p>Hỏi: “Ngoài đời khi nào con cần nhảy qua vật cản?”</p> <p>Gợi ý: “Khi gặp vũng nước, con làm gì?”</p> <p>Khuyến khích trẻ vận dụng</p> | <p>Trả lời</p> <p>Trẻ Liên hệ thực tế</p> <p>Ghi nhớ</p> |
| <p>B5. Chia sẻ – Nhận xét – Củng cố</p> <p>Hỏi: “Con thích phần nào nhất?”</p> <p>Nhận xét, khen ngợi</p> <p>Nhấn mạnh kỹ năng: nhảy, chờ lượt</p> | <p>Trẻ chia sẻ theo ý hiểu</p> <p>Lắng nghe</p> <p>Ghi nhớ</p> |

Chuyên bóng đồng đội

Chủ đề: Thể thao

Độ tuổi: 5–6 tuổi

Góc chơi: Góc vận động ngoài trời

Mục tiêu:

- Trẻ biết chuyên bóng qua đầu/qua chân đúng cách
- Phát triển sự phối hợp tay – mắt, phản xạ nhanh
- Rèn kỹ năng hợp tác, chờ lượt, cô vũ bạn

Chuẩn bị

- 2–3 quả bóng nhựa
- Sân rộng, kẻ vạch xuất phát
- Nhạc khởi động

Tiến hành

| Hoạt động của giáo viên | Hoạt động của trẻ |
|---|---|
| <p>1. Khởi động – Gọi ý chơi: Cho trẻ xoay khớp, chạy nhẹ theo nhạc.</p> <p>Gọi chuyện: “Hôm nay chúng mình là đội bóng thi đấu”</p> <p>Hỏi: “Muốn chuyền bóng nhanh thì cần làm gì?”</p> | <p>Trẻ vận động</p> <p>Hứng thú</p> <p>Trả lời theo hiểu biết</p> |
| <p>2. Trải nghiệm – Nhập vai khám phá:</p> <p>Gv Làm mẫu chuyền bóng qua đầu, qua chân</p> <p>Cho trẻ thử chuyền theo cặp/nhóm nhỏ</p> <p>Khuyến khích: “Con có cách chuyền nào khác không?”</p> | <p>Quan sát</p> <p>Trẻ thử nghiệm</p> <p>Sáng tạo</p> |
| <p>3. Thực hành – Rèn kỹ năng xã hội:</p> <p>Chia lớp thành 2–3 đội xếp hàng dọc</p> <p>Hướng dẫn luật: chuyền từ bạn đầu đến bạn cuối</p> <p>Tổ chức thi đua giữa các đội</p> <p>Nhắc trẻ phối hợp, không làm rơi bóng</p> | <p>Vào đội hình</p> <p>Lắng nghe</p> <p>Tham gia chơi</p> <p>Hợp tác, cố vũ</p> |
| <p>4. Vận dụng – Gắn với thực tiễn</p> <p>Hỏi: “Khi chơi thể thao, vì sao phải chuyền bóng cho bạn?”</p> <p>Gợi ý: “Ở nhà, con có thể chơi chuyền bóng với ai?”</p> <p>Nhấn mạnh tinh thần đồng đội</p> | <p>Trả lời</p> <p>Trẻ Liên hệ</p> <p>Ghi nhớ</p> |
| <p>5. Chia sẻ – Nhận xét – Củng cố</p> <p>Hỏi: “Con thích nhất cách chuyền nào?”</p> <p>Nhận xét từng đội (hợp tác tốt, nhanh...)</p> <p>Khen ngợi, động viên</p> <p>Củng cố: kỹ năng chuyền bóng + làm việc nhóm</p> | <p>Chia sẻ</p> <p>Lắng nghe</p> <p>Vui vẻ</p> <p>Ghi nhớ</p> |

c. Hướng dẫn tổ chức giáo dục thể chất cho trẻ mẫu giáo trong sinh hoạt hằng

ngày

Giáo dục thể chất cho trẻ mẫu giáo trong sinh hoạt hằng ngày là quá trình tổ chức và lồng ghép các hoạt động vận động, chăm sóc sức khỏe và hình thành thói quen sống lành mạnh cho trẻ trong suốt một ngày ở trường mầm non. Giáo dục thể chất Không chỉ là giờ thể dục riêng biệt, mà là trẻ được vận động thường xuyên (chạy, nhảy, bò, leo...), trẻ được rèn vệ sinh, ăn uống, nghỉ ngơi đúng cách; Được học cách giữ an toàn và hợp tác với bạn -> Diễn ra ở mọi thời điểm trong ngày

c1. Nội dung giáo dục trong sinh hoạt hằng ngày

- **Vận động cơ bản:** đi, chạy, nhảy, leo trèo...
- **Vận động tinh:** cầm nắm, xếp đồ...
- **Tổ chất thể lực:** nhanh, mạnh, khéo

- **Vệ sinh – sức khỏe:** rửa tay, rửa mặt, ăn uống
- **Kỹ năng an toàn:** biết phòng, tránh nguy hiểm
- **Kỹ năng xã hội:** hợp tác, chờ lượt

c2. Cách tổ chức theo quy trình trải nghiệm – thực hành – thực tiễn

Bước 1. Tạo tình huống giáo dục tự nhiên

Giáo viên tận dụng tình huống **diễn ra hằng ngày** hoặc tạo tình huống gần gũi, gắn với nhu cầu vận động của trẻ, đặt vấn đề nhẹ nhàng để trẻ chú ý. Giáo viên quan sát, phát hiện cơ hội, tạo tình huống không gượng ép.

Ví dụ: Khi ra sân: “Trước mặt có vũng nước, làm sao để qua mà không bị ướt?”

Trong lớp: đặt vòng làm “hang”, trẻ muốn lấy đồ phải chui qua

-> Trẻ suy nghĩ cách vận động

Bước 2. Gọi mở – Hướng dẫn

Giáo viên đặt câu hỏi gọi mở: “Con sẽ làm thế nào?”. Cho trẻ quan sát mẫu (nếu cần)

Giáo viên hướng dẫn trẻ thực hiện ngắn gọn, dễ hiểu.

Giáo viên khuyến khích trẻ thực hiện nhiều cách khác nhau

Ví dụ: “Con có thể nhảy qua vũng nước không?” “Muốn chui qua hang, con phải cúi người thấp”. Giáo viên làm mẫu động tác, -> Trẻ hiểu cách thực hiện.

Bước 3. Trẻ thực hành

- Cho trẻ trực tiếp thực hiện vận động, thực hiện lặp lại nhiều lần, có thể tổ chức thành trò chơi. Giáo viên quan sát, hỗ trợ, sửa sai nhẹ nhàng

Ví dụ: Trẻ nhảy qua “vũng nước” Trẻ bò chui qua “cổng”, Trẻ chuyền bóng cho bạn

-> Trẻ hình thành kỹ năng vận động

Bước 4. củng cố – Khen ngợi

- Giáo viên nhận xét tích cực ngay sau hoạt động, nhấn mạnh hành vi đúng, khen ngợi cụ thể, động viên, tạo sự tự tin, không so sánh giữa các trẻ

Ví dụ: “Con nhảy rất khéo, không chạm nước!” “Bạn biết cúi thấp nên chui qua rất giỏi”

-> Trẻ hứng thú và ghi nhớ

Bước 5. Duy trì – Vận dụng

- Giáo viên tạo cơ hội cho trẻ lặp lại trong các hoạt động khác, liên hệ thực tế trong cuộc sống, khuyến khích trẻ áp dụng thường xuyên, giáo viên tích hợp vào sinh hoạt hằng ngày

Ví dụ: Khi đi chơi: “Gặp vũng nước, con nhớ nhảy qua nhé”

Trong giờ chơi: tiếp tục cho trẻ chơi trò nhảy, bò -> Trẻ hình thành thói quen lâu dài

c.3. Tổ chức theo các thời điểm trong ngày

| Thời điểm | Nội dung giáo dục thể chất |
|-------------------------------|--|
| Đón trẻ – thể dục sáng | - Vận động nhẹ: đi, chạy chậm, xoay khớp - Tập bài thể dục theo nhạc - Tạo tâm thế vui vẻ, sẵn sàng |
| Hoạt động học | - Lồng ghép vận động vào bài học (nhảy theo số, chạy tìm chữ...) - Trò chơi vận động chuyển tiếp các hoạt động. - Trò chơi vận động ngắn giúp trẻ tập trung |
| Hoạt động góc | - Góc vận động: bò, chui, ném bóng, đi thăng bằng - Góc tạo hình: vận động tinh, đan tết, bện, xé dán, nặn, cắt dán, làm đồ chơi... - Góc nội trợ nhặt rau, tảy ngô, bóc trứng, bóc lạc... - Góc khám phá: lựa chọn, phân loại các đồ vật... - Trẻ tự chọn hoạt động phù hợp |
| Hoạt động ngoài trời | - Trò chơi vận động: chạy, nhảy, leo trèo, chuyền bóng, trò chơi dân gian... - Khám phá môi trường tự nhiên: nhặt lá úa, bắt sâu, nhổ cỏ... |
| Trước – sau ăn | - Đi nhẹ, xếp hàng, vận động nhẹ, rửa tay, rửa mặt - Lao động: lau bàn, kê bàn ghế, chia bát thìa, chia khăn lau... - Hình thành nề nếp sinh hoạt. |
| Sau ngủ dậy | - Vận động nhẹ: vươn vai, xoay người, tập thể dục nhẹ nhàng, sắp xếp chăn, gối... - Giúp trẻ tỉnh táo, linh hoạt |
| Hoạt động chiều | - Ôn luyện trò chơi vận động, ôn luyện các vận động cơ bản. - Chơi nhẹ: chuyền bóng, nhảy theo nhạc... |
| Trả trẻ | - Vận động nhẹ, chơi tự do - Nhắc trẻ thực hiện thói quen vận động ở nhà |

Vai trò của giáo viên

- **Tổ chức và hướng dẫn:** Lập kế hoạch, lựa chọn nội dung vận động phù hợp độ tuổi; hướng dẫn rõ ràng, dễ hiểu
- **Làm mẫu:** Thực hiện đúng động tác để trẻ quan sát và làm theo
- **Quan sát – hỗ trợ:** Theo dõi quá trình vận động của trẻ, kịp thời giúp đỡ trẻ yếu hoặc nhút nhát

- **Động viên – khích lệ:** Khen ngợi đúng lúc, tạo hứng thú, giúp trẻ tự tin tham gia

- **Đảm bảo an toàn:** Kiểm tra sân bãi, dụng cụ; hướng dẫn trẻ chơi đúng cách

- **Tạo môi trường vận động:** Bố trí góc chơi, đồ dùng hấp dẫn, khuyến khích trẻ

- **Giáo dục thói quen sức khỏe:** Hướng dẫn trẻ giữ vệ sinh, ăn uống, nghỉ ngơi hợp lý

- **Giáo viên giữ vai trò trung tâm trong tổ chức và định hướng, còn trẻ là chủ thể tham gia tích cực, từ đó nâng cao chất lượng giáo dục thể chất trong trường mầm non.**

Kết luận, Giáo dục thể chất trong sinh hoạt hằng ngày là quá trình tổ chức các hoạt động vận động và chăm sóc sức khỏe Diễn ra liên tục trong ngày ở trường mầm non giúp trẻ phát triển thể lực, kỹ năng và thói quen tốt. Việc tổ chức hiệu quả sẽ giúp trẻ: khỏe mạnh, nhanh nhẹn, tự tin, tích cực, hình thành lối sống lành mạnh ngay từ nhỏ

c4. Gợi ý một số hoạt động chơi cho trẻ mẫu giáo

HOẠT ĐỘNG 1

Thời điểm: Hoạt động ngoài trời

Tên hoạt động: Bò chui qua cổng

Độ tuổi: 3–4 tuổi

1. Mục tiêu

- Trẻ biết bò thấp, chui qua vật cản
- Phát triển vận động tay – chân
- Tăng sự mạnh dạn, tự tin

2. Chuẩn bị

- Vòng thể dục/ghế làm “cổng”
- Thảm mềm, Không gian an toàn

3. Tiến hành

| Hoạt động giáo viên | Hoạt động của trẻ |
|---|--------------------------|
| Gợi chuyện: “Chú gấu chui hang tìm mật” | Trẻ hứng thú |
| Cô làm mẫu bò chui qua cổng | Quan sát |
| Cho trẻ thực hiện lần lượt | Bò chui qua cổng |
| Hỗ trợ trẻ yếu | Thực hiện |
| Khen ngợi | Vui vẻ |

HOẠT ĐỘNG 2

Thời điểm: Hoạt động học

Tên hoạt động: Nhảy theo số

Độ tuổi: 4–5 tuổi

1. Mục tiêu

- Trẻ biết bật nhảy theo yêu cầu

- Nhận biết số lượng
- Phát triển phản xạ

2. Chuẩn bị

- Thẻ số (1–5)
- Vạch kẻ trên sàn

3. Tiến hành

| Hoạt động giáo viên | Hoạt động của trẻ |
|--|--|
| Giới thiệu trò chơi | Lắng nghe |
| Giới thiệu thẻ số (ví dụ số 3) | Quan sát |
| Hướng dẫn nhảy theo số: cô giơ số nào trẻ nhảy số lần theo số đó VD cô giơ thẻ số 3 | Trẻ nhảy 3 lần |
| Tổ chức chơi nhiều lượt cô thay đổi các số cho trẻ nhảy và đếm theo số lần | Trẻ nhảy theo thẻ số cô giơ Tham gia vui vẻ |

HOẠT ĐỘNG 3

Thời điểm: Hoạt động chiều

Tên hoạt động: Chuyên bóng đồng đội

Độ tuổi: 5–6 tuổi

1. Mục tiêu

- Trẻ biết chuyên bóng đúng cách
- Phát triển phối hợp nhóm
- Rèn kỹ năng hợp tác

2. Chuẩn bị

- Bóng nhựa, Sân rộng

3. Tiến hành

| Hoạt động giáo viên | Hoạt động của trẻ |
|--|-------------------------------------|
| Tổ chức cho trẻ khởi động nhẹ | Vận động |
| Chia thành 3 đội theo tổ Hướng dẫn luật chơi “Chuyên bóng qua đầu, qua chân” | Trẻ về 3 đội Lắng nghe luật chơi |
| Hỏi trẻ kỹ thuật truyền bóng qua đầu, qua chân. Làm mẫu chuyên bóng nếu trẻ chưa rõ | Quan sát |
| Cho trẻ chơi theo đội 1-2 lần (lần 1 chuyên qua đầu, lần 2 chuyên qua chân) | Trẻ thực hiện |
| Tổ chức thi đua 2 lần | Hợp tác, cổ vũ |
| Nhận xét, khen trẻ | Trẻ trả lời. |

| | |
|---|----------------------|
| Các con thấy trò chơi như nào? Muốn truyền bóng nhanh phải thực hiện như nào | Kết hợp cả đội ăn ý, |
|---|----------------------|

Kết luận: Giáo dục thể chất cho trẻ mẫu giáo trong sinh hoạt hằng ngày là một quá trình tổ chức các hoạt động vận động và chăm sóc sức khỏe một cách thường xuyên, liên tục và có hệ thống trong suốt thời gian trẻ ở trường mầm non. Tổ chức tốt giáo dục thể chất trong sinh hoạt hằng ngày không chỉ giúp trẻ khỏe mạnh, linh hoạt, mà còn góp phần quan trọng vào sự phát triển toàn diện về thể chất và nhân cách, tạo nền tảng cho các giai đoạn học tập tiếp theo.

5.2. Lĩnh vực Tình cảm – xã hội

5.2.1. Mục tiêu tổ chức hoạt động giáo dục phát triển tình cảm - xã hội cho trẻ mẫu giáo theo tiếp cận năng lực

5.2.1.1. Mục tiêu tổ chức hoạt động giáo dục phát triển tình cảm - xã hội cho trẻ mẫu giáo theo tiếp cận năng lực

Giáo dục tình cảm - xã hội hướng tới hình thành cho trẻ mẫu giáo các năng lực cốt lõi: nhận thức và quản lý bản thân (tự tin, tự phục vụ, điều chỉnh cảm xúc và hành vi); nhận thức và thiết lập quan hệ xã hội (giao tiếp lễ phép, hợp tác, chia sẻ, tuân thủ quy định); hành vi xã hội tích cực (quan tâm, giúp đỡ, cảm ơn, xin lỗi, giải quyết mâu thuẫn đơn giản); trách nhiệm với con người và môi trường sống (giữ an toàn, bảo vệ môi trường, thích nghi với thay đổi); từ đó giúp trẻ phát triển nhân cách hài hòa và sẵn sàng cho các giai đoạn học tập tiếp theo.

5.2.1.2. Nội dung giáo dục tình cảm - xã hội cho trẻ mẫu giáo theo tiếp cận năng lực

Theo định hướng Chương trình Giáo dục mầm non mới thí điểm từ năm học 2026–2027, giáo dục mầm non được xây dựng theo **tiếp cận năng lực**, lấy trẻ làm trung tâm, chú trọng phát triển toàn diện thông qua vui chơi, trải nghiệm và giao tiếp hằng ngày. Nội dung giáo dục tình cảm - xã hội cho trẻ mẫu giáo được cấu trúc thành 3 nhóm năng lực chính:

1. Nhận biết và quản lý bản thân

Trẻ nhận biết đặc điểm, sở thích, khả năng của bản thân; biết tự tin, tự lập; nhận biết và điều chỉnh cảm xúc, hành vi phù hợp; hình thành sự kiên trì và sẵn sàng học tập.

2. Nhận thức xã hội và quan hệ xã hội

Trẻ nhận biết cảm xúc của người khác; biết yêu thương, quan tâm, đồng cảm; biết chào hỏi, lắng nghe, chia sẻ, hợp tác; ứng xử phù hợp trong các mối quan hệ với gia đình, bạn bè và cộng đồng.

3. Trách nhiệm với con người và môi trường

Trẻ biết giữ lời hứa, hoàn thành việc được giao, nhận lỗi và sửa lỗi; yêu thương

người thân, kính trọng người lớn; giữ gìn đồ dùng, trường lớp và môi trường sống; tích cực tham gia các hoạt động tập thể.

5.2.2. Hướng dẫn tổ chức các hoạt động giáo dục TC- XH cho trẻ mẫu giáo

a) Hoạt động học

a.1. *Giáo dục tình cảm - xã hội cho trẻ mẫu giáo cần được tách riêng thành 01 hoạt động học có chủ định của giáo viên*, được tổ chức thường xuyên, có mục tiêu rõ ràng, nội dung phù hợp độ tuổi và gắn với đời sống hằng ngày của trẻ. Hoạt động này không chỉ hình thành cảm xúc, hành vi, kỹ năng xã hội mà còn giúp trẻ phát triển năng lực giao tiếp, hợp tác, tự phục vụ và thích ứng với môi trường sống.

Nội dung Khám phá xã hội (gia đình, trường lớp, nghề nghiệp, cộng đồng, quy tắc xã hội, ngày lễ hội, môi trường sống...) được tích hợp vào lĩnh vực giáo dục tình cảm - xã hội, vì đây là cơ sở để trẻ hiểu bản thân, hiểu người khác và hình thành hành vi ứng xử phù hợp trong các mối quan hệ xã hội.

a.2. *Nội dung hoạt động học có chủ định*

Hoạt động tập trung vào 3 nhóm năng lực chính:

1. Nhận biết và quản lý bản thân: nhận biết cảm xúc, điểm mạnh, sở thích; tự tin, tự lập; kiểm soát hành vi.
2. Nhận thức xã hội và quan hệ xã hội: nhận biết vai trò gia đình, trường lớp, cộng đồng; giao tiếp, hợp tác, chia sẻ, giúp đỡ.
3. Trách nhiệm với con người và môi trường: giữ gìn đồ dùng, yêu thương người thân, tuân thủ quy tắc, bảo vệ môi trường.

a.3. *Cách tổ chức theo quy trình trải nghiệm – thực hành – thực tiễn*



Bước 1. Xác định mục tiêu và nội dung giáo dục tình cảm - xã hội

Xác định mục tiêu theo hướng phát triển năng lực thông qua trải nghiệm và thực hành, giúp trẻ biết nhận thức bản thân, quản lý cảm xúc, giao tiếp lễ phép, chia sẻ, hợp tác, giúp đỡ người khác, giữ gìn an toàn và bảo vệ môi trường. Nội dung lựa chọn từ tình huống gần gũi hằng ngày như chào hỏi, cảm ơn, xin lỗi, chờ đến lượt, chia sẻ đồ chơi, ứng xử trong gia đình, trường lớp và nơi công cộng. Các nội dung cần phù hợp độ tuổi, gần thực tiễn và tạo cơ hội cho trẻ được trải nghiệm trực tiếp.

Bước 2. Khởi động – Gợi hứng thú

Giáo viên tạo tình huống gần gũi bằng bài hát, tranh ảnh, câu chuyện, video ngắn hoặc trò chơi để thu hút trẻ vào chủ đề.

Ví dụ: Chủ đề “Biết nói lời cảm ơn”, cô kể chuyện bạn Thọ được giúp đỡ nhưng quên cảm ơn.

Bước 3. Khám phá – Nhận biết vấn đề

Cho trẻ quan sát, trò chuyện, nêu ý kiến, chia sẻ kinh nghiệm để hiểu nội dung giáo dục.

Ví dụ: Trẻ thảo luận khi nào cần nói cảm ơn, cảm xúc của người giúp đỡ khi được cảm ơn.

Bước 4. Trải nghiệm – Thực hành

Tổ chức cho trẻ đóng vai, xử lý tình huống, trò chơi nhóm, thực hành hành vi cụ thể. Đây là bước trọng tâm.

Ví dụ: Trẻ đóng vai mượn đồ chơi bạn, nhận quà, được cô giúp... rồi thực hành nói “Con cảm ơn”, “Mình cảm ơn bạn”.

Bước 5. Vận dụng – Thực tiễn

Khuyến khích trẻ áp dụng ngay trong lớp, ở nhà, ngoài sân chơi, trong sinh hoạt hằng ngày.

Ví dụ: Trẻ cảm ơn cô khi nhận cơm, cảm ơn bạn khi được giúp xếp ghế.

Bước 6. Chia sẻ – Đánh giá – Cùng cố

Cho trẻ nêu cảm nhận, tự nhận xét việc làm của mình; giáo viên khen ngợi, cùng cố hành vi tích cực.

Ví dụ: “Hôm nay con đã cảm ơn ai?”, “Con thấy vui thế nào khi nói lời cảm ơn?”

Yêu cầu khi tổ chức

- Lấy trẻ làm trung tâm, tăng cơ hội trải nghiệm thực tế.
- Nội dung gần gũi, xuất phát từ tình huống đời sống của trẻ.
- Tăng trò chơi, đóng vai, giao tiếp nhóm nhỏ.
- Chú trọng hình thành năng lực, không thiên về dạy lý thuyết.
- Phối hợp gia đình để cùng cố hành vi ở nhà.

Kết luận, Việc tổ chức 01 hoạt động học có chủ định riêng về giáo dục tình cảm - xã hội, tích hợp nội dung khám phá xã hội và triển khai theo quy trình trải nghiệm – thực hành – thực tiễn sẽ giúp trẻ hình thành phẩm chất, kỹ năng sống và năng lực xã hội một cách tự nhiên, bền vững và phù hợp định hướng chương trình giáo dục mầm non mới thí điểm.

a.4. Gợi ý tổ chức hoạt động học cho trẻ mẫu giáo

Chủ đề: Gia đình bé yêu

Trò chuyện – nhận biết người thân trong gia đình

Độ tuổi: Mẫu giáo 3-4 tuổi

1. Mục tiêu

Kiến thức

- Trẻ biết gia đình có những người thân gần gũi: ông, bà, bố, mẹ, anh, chị, em.
- Biết gọi đúng tên một số thành viên trong gia đình mình.

Kỹ năng

- Trả lời câu hỏi ngắn, mạnh dạn giao tiếp với cô và bạn.

Thái độ

- Yêu quý gia đình, lễ phép với người lớn, hứng thú tham gia hoạt động.

2. Chuẩn bị

- Tranh ảnh gia đình đông con, ít con.

- Ảnh gia đình trẻ (nếu có).
- Nhạc bài hát: *Cả nhà thương nhau*.

3. Tiến hành

| Hoạt động của giáo viên | Hoạt động của trẻ |
|---|---|
| <p>1. Khởi động – tạo cảm xúc</p> <p>Cô mở nhạc bài <i>Cả nhà thương nhau</i>, mời trẻ cùng hát và vận động. Cô hỏi: “Bài hát nói về ai?”</p> | Trẻ hát, vận động cùng cô, trả lời: bố, mẹ, gia đình. |
| <p>2. Trải nghiệm – khám phá</p> <p>Cô cho trẻ quan sát tranh gia đình và ảnh gia đình của trẻ. Gọi hỏi: “Con nhìn thấy những ai?”, “Ai thường bế con?”, “Ai nấu cơm cho con ăn?”</p> | Trẻ quan sát, chỉ vào tranh, nói tên các thành viên và chia sẻ trải nghiệm của mình. |
| <p>3. Thực hành – giao tiếp</p> <p>Cô tổ chức trò chơi “Gọi đúng người thân”: Cô giơ tranh/ảnh ai thì trẻ gọi tên người đó. Mời từng trẻ cầm ảnh gia đình mình giới thiệu: “Đây là mẹ con”, “Đây là ông con”...</p> | Trẻ gọi đúng tên: ông, bà, bố, mẹ... Trẻ mạnh dạn giới thiệu gia đình mình trước lớp. |
| <p>4. Chia sẻ cảm xúc</p> <p>Cô hỏi: “Con yêu ai trong gia đình?”, “Khi ở nhà con thường làm gì cùng bố mẹ?”</p> | Trẻ nói cảm xúc: yêu mẹ, yêu bà... kể việc chơi, ăn cơm, đi dạo cùng gia đình. |
| <p>5. Vận dụng – hình thành hành vi</p> <p>Cô hướng dẫn trẻ thực hành lời nói lễ phép: “Con chào ông bà”, “Con cảm ơn mẹ”. Cho trẻ đóng vai chào hỏi người thân.</p> | Trẻ thực hành chào hỏi, nói lời lễ phép, đóng vai vui vẻ. |
| <p>6. Kết thúc – củng cố</p> <p>Cô giáo dục trẻ biết yêu thương, nghe lời người lớn. Mời trẻ ôm bạn bên cạnh và nói: “Con yêu gia đình con”.</p> | |

Chủ đề: Trường Mầm non

Bé biết chia sẻ đồ dùng, đồ chơi với bạn

Độ tuổi: 4-5 tuổi

1. Mục tiêu

Kiến thức

- Trẻ hiểu chia sẻ là cùng dùng đồ chơi, nhường bạn, cho bạn mượn đồ dùng khi cần.
- Biết chia sẻ giúp bạn vui và chơi đoàn kết hơn.

Kỹ năng

- Biết nhận xét hành vi đúng – sai.

- Thực hành chia sẻ đồ dùng, đồ chơi với bạn.
- Biết chờ lượt khi chơi.

Thái độ

- Vui vẻ chia sẻ với bạn.
- Có ý thức chơi đoàn kết.

2. Chuẩn bị

- Đồ chơi số lượng ít: ô tô, xếp hình, búp bê.
- Bút màu, giấy vẽ theo nhóm.
- Tranh đúng sai về chia sẻ đồ chơi.

3. Tiến hành

| Hoạt động của giáo viên | Hoạt động của trẻ |
|---|---|
| 1. Gây hứng thú Cô trò chuyện: “Khi bạn muốn chơi cùng món đồ chơi của con, con sẽ làm gì?” | Trẻ trả lời theo ý hiểu. |
| 2. Quan sát tranh Cô cho xem tranh hai bạn cùng chơi ô tô và tranh bạn giành đồ chơi. | Trẻ quan sát. |
| Hỏi: “Tranh nào làm con thích? Vì sao?” | Trẻ nêu nhận xét. |
| 3. Trải nghiệm thực hành Cô chia nhóm, mỗi nhóm có ít đồ chơi hơn số trẻ. Gợi ý: “Làm thế nào để ai cũng được chơi?” | Trẻ bàn bạc, thay phiên, chia sẻ cùng chơi. |
| 4. Hoạt động nhóm Cho trẻ cùng tô tranh bằng chung hộp bút màu. | Trẻ biết nhường bạn, chuyển bút màu. |
| 5. Trò chuyện sau trải nghiệm Hỏi: “Khi bạn cho con mượn đồ chơi, con thấy sao?” | Trẻ trả lời: vui, thích. |
| 6. Giáo dục – kết thúc Cô khen trẻ biết chia sẻ, nhường nhịn bạn bè. | Trẻ lắng nghe. |

Chủ đề: Gia đình bé yêu

Tìm hiểu công việc của các thành viên trong gia đình

Độ tuổi: Trẻ 5–6 tuổi

1. Mục tiêu

Kiến thức

- Trẻ biết công việc, trách nhiệm của từng thành viên trong gia đình.
- Hiểu mọi người trong gia đình đều yêu thương và giúp đỡ nhau.

Kỹ năng

- Quan sát, so sánh, trả lời câu hỏi mạch lạc.
- Trình bày suy nghĩ rõ ràng.

Thái độ

- Kính trọng ông bà cha mẹ.
- Có ý thức giúp đỡ gia đình bằng việc vừa sức.

2. Chuẩn bị

- Tranh gia đình đang sinh hoạt: mẹ nấu ăn, bố sửa đồ, ông tưới cây, bé quét nhà...
- Thẻ việc làm đúng/sai.
- Nhạc bài “Ba ngọn nến lung linh”.

3. Tiến hành

| Hoạt động của giáo viên | Hoạt động của trẻ |
|--|---|
| 1. Gây hứng thú Cô cho trẻ ngồi thành vòng tròn, nghe bài hát <i>Ba ngọn nến lung linh</i> . Sau khi nghe xong, cô hỏi: “Các con vừa nghe bài hát gì?”, “Bài hát nói về ai?”, “Khi nghe bài hát con cảm thấy thế nào?” | Trẻ ngồi ngay ngắn, lắng nghe bài hát. Trẻ trả lời: bài hát nói về gia đình, bố mẹ và con; trẻ nêu cảm xúc vui vẻ, ấm áp, yêu thương. |
| 2. Quan sát – khám phá Cô cho trẻ xem lần lượt từng tranh về hoạt động gia đình: bố sửa đồ, mẹ nấu ăn, ông tưới cây, bà kể chuyện, bé quét nhà. Cô yêu cầu trẻ quan sát kỹ từng tranh. | Trẻ chú ý quan sát tranh, nhận xét nội dung tranh. |
| 3. Đàm thoại Cô hỏi: “Trong tranh có những ai?”, “Bố đang làm gì?”, “Mẹ đang làm gì?”, “Ông bà đang làm gì?”, “Bạn nhỏ đang giúp gì cho gia đình?” Cô khuyến khích trẻ trả lời trọn câu: “Bố đang...”, “Mẹ đang...”. | Trẻ giơ tay phát biểu, trả lời đầy đủ câu: “Bố đang sửa quạt.”, “Mẹ đang nấu cơm.”, “Bạn nhỏ đang quét nhà.” |
| 4. Mở rộng – liên hệ bản thân Cô hỏi: “Ở nhà bố mẹ con thường làm việc gì?”, “Con đã giúp bố mẹ việc gì rồi?”, “Con cảm thấy thế nào khi giúp bố mẹ?” | Trẻ kể việc ở nhà: cất đồ chơi, lau bàn, nhặt rau, quét nhà... Trẻ chia sẻ cảm xúc vui vì được giúp bố mẹ. |
| 5. Thảo luận nhóm Cô chia trẻ thành 3–4 nhóm nhỏ. Giao nhiệm vụ: “Các con cùng bàn bạc xem bạn nhỏ có thể làm những việc gì để giúp gia đình.” Sau 2–3 phút, cô mời đại diện nhóm trình bày. | Trẻ ngồi theo nhóm, trao đổi cùng bạn. Đại diện nhóm nêu ý kiến: gấp quần áo, cất đồ chơi, lau bàn, tưới cây... |
| 6. Trò chơi củng cố Trò chơi: <i>Chọn thẻ đúng – sai</i> . Cô đưa các tranh hành động: quét nhà, bày bừa đồ chơi, giúp mẹ nhặt rau, làm đổ nước rồi bỏ đi... Trẻ chọn tranh việc làm đúng để giúp gia đình và giải thích lý do. | Trẻ quan sát tranh, chọn thẻ đúng/sai, nêu lý do: “Quét nhà là đúng vì giúp bố mẹ.” |

| | |
|---|--|
| <p>7. Giáo dục Cô trò chuyện: “Gia đình luôn yêu thương chăm sóc chúng ta. Vì vậy các con cần ngoan ngoãn, lễ phép và giúp đỡ gia đình bằng những việc vừa sức.”</p> | <p>Trẻ lắng nghe, trả lời: “Vâng ạ.”</p> |
| <p>8. Kết thúc Cô cho cả lớp đứng lên vận động và hát bài <i>Ba ngọn nến lung linh</i>.</p> | <p>Trẻ hát và vận động vui vẻ cùng cô.</p> |

b) Hướng dẫn tổ chức hoạt động chơi giáo dục tình cảm - xã hội cho trẻ mẫu giáo

Hoạt động chơi là con đường chủ đạo giúp trẻ mẫu giáo hình thành và phát triển năng lực tình cảm - xã hội một cách tự nhiên. Thông qua chơi, trẻ được giao tiếp, hợp tác, chia sẻ, giải quyết mâu thuẫn, điều chỉnh cảm xúc và thực hành các hành vi ứng xử phù hợp. Vì vậy, tổ chức hoạt động chơi cần bám vào quy trình **trải nghiệm – thực hành – thực tiễn**, tạo nhiều cơ hội để trẻ học qua hành động và tương tác thực tế.

b.1. Các loại hình chơi phù hợp

- Chơi đóng vai theo chủ đề: gia đình, bác sĩ, bán hàng, lớp học, sinh nhật...
- Chơi xây dựng: xây nhà, công viên, trường học, thành phố xanh...
- Chơi học tập: ghép tranh cảm xúc, chọn hành vi đúng, xử lý tình huống.
- Chơi vận động tập thể: kéo co, chuyền bóng, trò chơi nhóm.
- Chơi ngoài trời: chăm sóc cây, nhặt lá, hợp tác chơi cát nước.

b.2. Cách tổ chức theo quy trình trải nghiệm – thực hành – thực tiễn

Bước 1. Khởi động – Gọi ý chơi

Giáo viên tạo tình huống hấp dẫn, gợi mở chủ đề chơi, chuẩn bị môi trường và đồ chơi phong phú.

Ví dụ: “Hôm nay lớp mình mở siêu thị mini, ai muốn làm người bán hàng? Ai làm khách mua hàng?”

GV: kích thích hứng thú, phân nhóm linh hoạt, giúp trẻ chọn vai chơi.

Bước 2. Trải nghiệm – Nhập vai khám phá

Trẻ tham gia chơi, nhận vai, khám phá cách chơi, giao tiếp với bạn trong quá trình chơi.

Ví dụ: Trẻ vào vai người bán hàng biết chào khách, giới thiệu hàng; khách biết xếp hàng, cảm ơn.

GV: quan sát, gợi ý khi trẻ lúng túng, không làm thay trẻ.

Bước 3. Thực hành – Rèn kỹ năng xã hội

Trong quá trình chơi, giáo viên tạo cơ hội để trẻ thực hành kỹ năng: chờ đến lượt, chia sẻ đồ chơi, hợp tác, giải quyết xung đột, kiểm soát cảm xúc.

Ví dụ: Hai trẻ cùng muốn xe đẩy hàng, cô gợi hỏi: “Hai con có thể làm thế nào để cùng chơi vui?”

GV: hướng dẫn trẻ thương lượng, luân phiên, nói lời phù hợp.

Bước 4. Vận dụng – Gắn với thực tiễn

Khuyến khích trẻ áp dụng hành vi tích cực vào sinh hoạt thật trong lớp và ở nhà.

Ví dụ: Sau trò chơi bán hàng, trẻ biết xếp hàng khi nhận cơm trưa; biết cảm ơn khi được giúp đỡ.

GV: liên hệ thực tế, giao nhiệm vụ nhỏ cho trẻ thực hiện.

Bước 5. Chia sẻ – Nhận xét – Cũng cố

Kết thúc chơi, cho trẻ chia sẻ cảm xúc, điều đã làm tốt, khó khăn gặp phải. Giáo viên khen ngợi hành vi tích cực và định hướng lần sau. Ví dụ: “Hôm nay con thích vai chơi nào?”, “Bạn nào biết nhường đồ chơi cho bạn?”

Yêu cầu khi tổ chức

- Tôn trọng hứng thú và ý tưởng chơi của trẻ.
- Môi trường chơi mở, gần gũi cuộc sống.
- Giáo viên là người hỗ trợ, không áp đặt.
- Chú trọng quá trình chơi hơn sản phẩm.
- Tăng cơ hội giao tiếp, hợp tác giữa trẻ với trẻ.
- Kết nối hành vi trong chơi với hành vi đời sống thật.

Kết luận, Tổ chức hoạt động chơi giáo dục tình cảm - xã hội theo quy trình trải nghiệm – thực hành – thực tiễn giúp trẻ được học bằng hành động, cảm xúc và tương tác thật.

Qua đó, trẻ phát triển các năng lực xã hội quan trọng như tự tin, hợp tác, chia sẻ, trách nhiệm và thích ứng tích cực với môi trường sống.

b4. Gợi ý một số hoạt động chơi cho trẻ mẫu giáo

Chủ đề: Gia đình

Góc chơi phân vai: Bé tập làm mẹ

Độ tuổi: Trẻ 3-4 tuổi

1. Mục tiêu

- Trẻ biết một số công việc đơn giản của mẹ trong gia đình: chăm em, nấu ăn, dọn nhà. Biết tên một số đồ dùng trong gia đình.
- Biết nhận vai chơi và thực hiện hành động chơi đơn giản. Rèn kỹ năng cầm nắm, sắp xếp đồ chơi.
- Hứng thú tham gia chơi., chơi thân thiện và đoàn kết với bạn.

2. Chuẩn bị

- Búp bê, giường búp bê, nồi cháo, bát đĩa nhựa.
- Rau củ quả đồ chơi, bàn ghế nhỏ.
- Tạp dề, khăn quàng, điện thoại đồ chơi.

- Góc chơi sạch sẽ, an toàn.

3. Tiến hành

| Hoạt động của giáo viên | Hoạt động của trẻ |
|--|-------------------------------|
| 1. Cô trò chuyện: “Ở nhà mẹ thường làm gì?” | Trẻ trả lời theo hiểu biết. |
| 2. Cô giới thiệu góc “Bé tập làm mẹ”: chăm em bé, nấu cơm, dọn nhà. | Trẻ chú ý nghe. |
| 3. Tổ chức chơi: Cho trẻ chọn vai: mẹ, em bé, bà... | Trẻ nhận vai chơi. |
| Cô gợi ý: “Mẹ nấu cơm nhé”, “Mẹ ru em ngủ nào”. | Trẻ thực hiện hành động chơi. |
| Cô quan sát, hỗ trợ trẻ giao tiếp: “Con mời bà ăn cơm đi.” | Trẻ nói và chơi cùng bạn. |
| 4. Cô nhận xét bạn biết chăm em, biết dọn đồ chơi. Khen và kết thúc. | Trẻ cất đồ chơi gọn gàng. |

Chủ đề: Gia đình bé yêu

Hoạt động chơi – Góc phân vai “Gia đình hạnh phúc”

Độ tuổi: Trẻ 4–5 tuổi

1. Mục tiêu

- Trẻ biết vai trò của từng thành viên trong gia đình và một số công việc hằng ngày của bố mẹ, ông bà.
- Biết nhận vai chơi, phối hợp cùng bạn. Sử dụng lời nói phù hợp khi giao tiếp trong khi chơi.
- Thích chơi cùng bạn, biết yêu thương, giúp đỡ người thân.

2. Chuẩn bị

- Góc chơi gia đình: búp bê, bát đĩa, bàn ghế nhỏ, điện thoại đồ chơi, quần áo.
- Một số đồ dùng nấu ăn, giỏ đi chợ.

3. Tiến hành

| Hoạt động của giáo viên | Hoạt động của trẻ |
|--|--|
| 1. Gây hứng thú Cô cùng trẻ hát bài <i>Cả nhà thương nhau</i> và trò chuyện: “Ở nhà con có những ai?”, “Gia đình con thường làm gì cùng nhau?” Cô giới thiệu hôm nay lớp mình chơi ở góc phân vai Gia đình hạnh phúc . | Trẻ hát cùng cô, trả lời câu hỏi về gia đình mình. Trẻ chú ý nghe cô giới thiệu góc chơi. |
| 2. Thỏa thuận trước khi chơi Cô hỏi trẻ: “Con thích làm ai trong gia đình: bố, mẹ, ông, bà, anh, chị hay em bé?” Cô giúp trẻ phân vai phù hợp, nhắc trẻ biết nhường bạn và cùng thỏa thuận nếu trùng vai. | Trẻ nêu ý thích, chọn vai chơi. Trẻ cùng bạn thỏa thuận nhận vai. |

| | |
|--|--|
| <p>3. Gợi ý nội dung chơi Cô trò chuyện: “Mẹ sẽ làm gì buổi sáng?”, “Bố đi đâu?”, “Con sẽ làm gì để giúp bố mẹ?”, “Ông bà thường làm gì?” Cô gợi ý các tình huống chơi: mẹ nấu cơm, bố đi làm, con đi học, ông bà tưới cây, cả nhà ăn cơm.</p> | <p>Trẻ lắng nghe, nhận vai và bắt đầu chơi theo nội dung đã chọn.</p> |
| <p>4. Quá trình chơi Cô quan sát và nhập vai khi cần. Gợi mở lời nói phù hợp: “Con mời ông bà ăn cơm nhé!”, “Bố đi làm về rồi!”, “Con chào bố mẹ khi đi học.” Khuyến khích trẻ biết quan tâm nhau: chăm em bé, lấy nước cho ông bà, dọn bàn ăn.</p> | <p>Trẻ sử dụng lời nói phù hợp khi chơi. Trẻ phối hợp cùng bạn: nấu ăn, cho em bé ngủ, đi làm, dọn bàn ăn.</p> |
| <p>5. Mở rộng tình huống chơi Cô gợi ý thêm: “Hôm nay là sinh nhật em bé”, “Gia đình đi siêu thị”, “Em bé bị ốm cần đưa đi khám.”</p> | <p>Trẻ hứng thú mở rộng nội dung chơi, cùng bạn giải quyết tình huống.</p> |
| <p>6. Đổi vai chơi Sau một thời gian, cô hỏi: “Bạn nào muốn đổi vai để trải nghiệm công việc khác?” và hỗ trợ trẻ đổi vai nhẹ nhàng.</p> | <p>Trẻ đổi vai chơi nếu muốn, tiếp tục chơi vui vẻ.</p> |
| <p>7. Nhận xét – kết thúc Cô mời từng nhóm giới thiệu gia đình của mình. Nhận xét: bạn biết chăm em, bạn biết nấu ăn, bạn biết nói lễ phép, biết giúp mẹ. Cô nhắc trẻ cất đồ chơi đúng nơi quy định.</p> | <p>Trẻ giới thiệu vai chơi của nhóm. Trẻ nghe nhận xét, vui vẻ cất đồ chơi gọn gàng.</p> |

Chủ đề: Gia đình

Góc chơi phân vai: Gia đình hạnh phúc

Độ tuổi: Trẻ 5-6 tuổi

1. Mục tiêu

- Trẻ hiểu vai trò của từng thành viên trong gia đình. Biết công việc hằng ngày của bố mẹ, ông bà, con cái.
- Biết thỏa thuận vai chơi, phối hợp nhóm chơi. Sử dụng lời nói phù hợp trong giao tiếp khi chơi. Biết giải quyết tình huống đơn giản trong khi chơi.
- Yêu quý gia đình, biết chia sẻ công việc với người thân. Chơi đoàn kết, hợp tác với bạn.

2. Chuẩn bị

- Bộ đồ chơi gia đình: bàn ghế, nồi niêu, bát đĩa, điện thoại.
- Búp bê, quần áo đóng vai bố mẹ, ông bà.
- Tiền giả, giỏ đi chợ, cặp sách.
- Không gian góc chơi rộng rãi.

4. Tiến hành

| Hoạt động của giáo viên | Hoạt động của trẻ |
|-------------------------|-------------------|
|-------------------------|-------------------|

| | |
|--|---|
| 1. Gây hứng thú Cô hỏi: “Gia đình con buổi sáng thường làm gì?” | Trẻ trò chuyện cùng cô. |
| 2. Thỏa thuận trước khi chơi Cô giới thiệu góc chơi “Gia đình hạnh phúc”. Hỏi trẻ muốn nhận vai gì. | Trẻ chọn vai: bố, mẹ, ông, bà, con... |
| Cô cùng trẻ thống nhất nội dung chơi: bố đi làm, mẹ nấu ăn, con đi học, ông bà tập thể dục... | Trẻ trao đổi và thống nhất vai chơi. |
| 3. Quá trình chơi Cô quan sát, gợi ý mở rộng tình huống: gia đình đi siêu thị, con bị ốm, tổ chức sinh nhật... | Trẻ nhập vai, phối hợp cùng bạn xử lý tình huống. |
| Cô khuyến khích trẻ giao tiếp lễ phép, biết giúp đỡ nhau. | Trẻ sử dụng lời nói phù hợp khi chơi. |
| 4. Nhận xét – kết thúc Cô mời trẻ giới thiệu gia đình của nhóm mình, nhận xét tinh thần hợp tác. | Trẻ giới thiệu sản phẩm chơi, cất đồ dùng gọn gàng. |

c) Hướng dẫn tổ chức giáo dục TC-XH cho trẻ mẫu giáo trong sinh hoạt hằng ngày

Giáo dục tình cảm - xã hội cho trẻ mẫu giáo trong sinh hoạt hằng ngày là quá trình lồng ghép nội dung giáo dục vào các thời điểm thường xuyên của trẻ ở trường như đón trẻ, ăn ngủ, vệ sinh, chuyển tiếp hoạt động, vui chơi, trả trẻ... Đây là môi trường tự nhiên và gần gũi giúp trẻ hình thành thói quen, hành vi tích cực, kỹ năng giao tiếp và khả năng tự phục vụ thông qua **trải nghiệm – thực hành – thực tiễn** hằng ngày.

c1. Nội dung giáo dục trong sinh hoạt hằng ngày

- Biết chào hỏi khi đến lớp, cất đồ dùng đúng nơi quy định; Tự rửa tay, tự xúc ăn, tự mặc quần áo, tự dọn đồ dùng cá nhân; Biết diễn đạt cảm xúc: vui, buồn, mệt, cần giúp đỡ. Biết chờ đến lượt, kiểm chế hành vi chưa phù hợp. Hoàn thành nhiệm vụ nhỏ được giao.

- Biết cảm ơn khi được giúp đỡ, xin lỗi khi làm phiền bạn. Chia sẻ đồ dùng, hợp tác trong trực nhật, xếp hàng. Quan tâm bạn buồn, giúp bạn khi cần.

- Giữ gìn đồ chơi, bàn ghế, lớp học sạch đẹp; Bỏ rác đúng nơi quy định, tiết kiệm nước. Biết yêu quý cây xanh, vật nuôi, cảnh quan trường lớp

c2. Cách tổ chức theo quy trình trải nghiệm – thực hành – thực tiễn

Bước 1. Tạo tình huống giáo dục tự nhiên

Giáo viên quan sát và tận dụng các tình huống thực tế trong ngày để giáo dục trẻ.

Ví dụ: Bạn làm rơi cốc nước, bạn mới đến lớp còn rụt rè, trẻ tranh nhau đồ chơi.

Bước 2. Gợi mở – hướng dẫn

Giáo viên đặt câu hỏi, nhắc trẻ suy nghĩ cách ứng xử phù hợp.

Ví dụ: “Con nên nói gì khi va vào bạn?”, “Làm thế nào để lớp sạch hơn?”

Bước 3. Trẻ thực hành hành vi

Cho trẻ trực tiếp thực hiện hành động phù hợp trong tình huống thật.

Ví dụ: Xin lỗi bạn, lau nước bị đổ, giúp bạn cất ghế, xếp hàng rửa tay.

Bước 4. Cùng cố – khen ngợi

Ghi nhận hành vi tích cực, nêu gương trẻ thực hiện tốt.

Ví dụ: “Hôm nay Minh biết nhường bạn trước, cô khen Minh.”

Bước 5. Duy trì – vận dụng

Lặp lại thường xuyên để hình thành thói quen bền vững ở lớp và ở nhà.

c.3. Tổ chức theo các thời điểm trong ngày

| Thời điểm | Nội dung giáo dục TC-XH |
|------------------|---|
| Đón trẻ | Chào hỏi, cất đồ dùng, giao tiếp vui vẻ |
| Hoạt động học | Lắng nghe, hợp tác, mạnh dạn phát biểu |
| Vui chơi | Chia sẻ vai chơi, giải quyết xung đột |
| Ăn trưa | Tự phục vụ, mời cô và bạn, giữ vệ sinh |
| Ngủ trưa | Giữ yên lặng, tự lấy chăn gối |
| Hoạt động chiều | Giúp cô dọn lớp, nhận xét việc tốt |
| Trả trẻ | Chào cô, chào bạn, kể việc tốt trong ngày |

Vai trò của giáo viên

- Làm gương về lời nói và hành vi ứng xử.
- Quan sát tinh tế để tận dụng tình huống giáo dục.
- Hướng dẫn nhẹ nhàng, khuyến khích hơn phê bình.
- Tôn trọng cảm xúc và nhu cầu của trẻ.
- Phối hợp với gia đình thống nhất cách rèn trẻ.

Kết luận, Giáo dục tình cảm - xã hội trong sinh hoạt hằng ngày giúp trẻ học qua các tình huống thật, được lặp lại thường xuyên và gắn gũi với cuộc sống. Đây là con đường hiệu quả để hình thành thói quen tốt, kỹ năng xã hội và phẩm chất tích cực cho trẻ mẫu giáo.

c4. Gợi ý một số hoạt động chơi cho trẻ mẫu giáo

Thời điểm: Đón trẻ – chơi sáng

Đề tài: Bé giúp bạn cất đồ dùng

Mẫu giáo 3-4 tuổi

1. Mục tiêu

- Trẻ biết giúp bạn cất balô, dép, đồ dùng đúng nơi quy định.
- Biết giúp bạn là việc tốt, thực hiện hành động giúp bạn đơn giản.

- Biết chào hỏi lễ phép, vui vẻ khi đến lớp.
- Thân thiện, biết giúp đỡ bạn.

2. Chuẩn bị

- Giá để balô, dép.
- Ký hiệu cá nhân của trẻ.
- Môi trường lớp gọn gàng.

3. Tiến hành

| Hoạt động của giáo viên | Hoạt động của trẻ |
|--|--------------------------|
| Cô đón trẻ vui vẻ, nhắc trẻ chào cô, chào bố mẹ. | Trẻ chào cô, chào bố mẹ. |
| Cô quan sát bạn mới đến lớp còn lúng túng cất balô. | Trẻ chú ý quan sát. |
| Cô gợi ý: “Bạn nào giúp bạn treo balô đúng nơi nào?” | Một số trẻ đến giúp bạn. |
| Cô khen: “Con biết giúp bạn rất ngoan.” | Trẻ vui vẻ. |
| Cô nhắc trẻ cùng bạn xếp dép ngay ngắn. | Trẻ thực hiện. |
| Kết thúc: cho trẻ vào góc chơi sáng. | Trẻ vui vẻ chơi. |

Thời điểm: Hoạt động ngoài trời / chơi góc

Đề tài: Bé biết chia sẻ đồ chơi với bạn

Độ tuổi: trẻ 4–5 tuổi

1. Mục tiêu

- Trẻ biết chia sẻ đồ chơi, đồ dùng với bạn khi cùng chơi và hiểu chơi cùng nhau sẽ vui hơn.
- Biết chờ đến lượt, nhường bạn và biết giao tiếp khi mượn và cho mượn đồ chơi.
- Hợp tác, đoàn kết với bạn.

2. Chuẩn bị

- Xăng, xô cát, bóng, xe đồ chơi số lượng hạn chế.
- Khu vực chơi an toàn.

3. Tiến hành

| Hoạt động của giáo viên | Hoạt động của trẻ |
|---|------------------------------|
| Cô cho trẻ ra sân chơi với đồ chơi ngoài trời. | Trẻ hào hứng tham gia. |
| Cô tạo tình huống chỉ có ít xô cát cho nhiều trẻ. | Trẻ nhận thấy thiếu đồ chơi. |
| Cô hỏi: “Làm sao để ai cũng được chơi?” | Trẻ nêu ý kiến. |
| Cô gợi ý trẻ thay phiên, cùng chơi chung. | Trẻ chia sẻ đồ chơi với bạn. |
| Cô khen trẻ biết nhường bạn, chờ lượt. | Trẻ vui vẻ chơi đoàn kết. |
| Kết thúc: cùng cất đồ chơi. | Trẻ cất đồ chơi gọn gàng. |

Thời điểm: Giờ ăn – trực nhật

Đề tài: Bé giúp đỡ người thân, bạn bè qua việc trực nhật

Độ tuổi: 5-6 tuổi

1. Mục tiêu

- Trẻ hiểu giúp đỡ người khác thể hiện sự quan tâm, trách nhiệm. Biết một số việc trực nhật phù hợp: kê bàn, chia thìa, lau bàn.
- Phối hợp cùng bạn thực hiện nhiệm vụ; Tự giác làm việc được giao.
- Có ý thức giúp cô và giúp bạn.

2. Chuẩn bị

- Khăn lau bàn, thìa, khay ăn, bàn ghế sạch.
- Bảng phân công trực nhật.

3. Tiến hành

| Hoạt động của giáo viên | Hoạt động của trẻ |
|--|----------------------------------|
| Cô nhắc nhóm trực nhật hôm nay chuẩn bị giờ ăn. | Trẻ chú ý nghe. |
| Cô giao việc: bạn lau bàn, bạn xếp thìa, bạn kê ghế. | Trẻ nhận nhiệm vụ. |
| Cô quan sát, hỗ trợ khi cần. | Trẻ phối hợp cùng bạn thực hiện. |
| Cô hỏi: “Khi giúp cô và các bạn, con thấy thế nào?” | Trẻ trả lời: vui, tự hào. |
| Cô khen nhóm trực nhật chăm chỉ. | Trẻ vui vẻ. |
| Kết thúc: cả lớp vào giờ ăn nề nếp. | Trẻ ngồi ăn ngay ngắn. |

5.3. Lĩnh vực Ngôn ngữ

5.3.1. Mục tiêu tổ chức hoạt động giáo dục ngôn ngữ cho trẻ mẫu giáo theo tiếp cận năng lực

Theo định hướng chương trình GDMN mới, giáo dục ngôn ngữ hướng tới hình thành ở trẻ mẫu giáo năng lực: Nghe hiểu lời nói; sử dụng lời nói; sẵn sàng cho việc học đọc; sẵn sàng cho việc học viết. Những năng lực về ngôn ngữ này góp phần giúp trẻ nghe hiểu và biểu đạt suy nghĩ, cảm xúc,... của bản thân một cách rõ ràng trong giao tiếp và chuẩn bị học đọc, học viết ở lớp một.

5.3.2. Nội dung giáo dục ngôn ngữ cho trẻ mẫu giáo theo tiếp cận năng lực

Nội dung giáo dục ngôn ngữ theo định hướng chương trình GDMN mới được xác định dựa trên yêu cầu cần đạt và khả năng của trẻ, bao gồm 4 yếu tố:

- **Nghe hiểu:** Nghe âm thanh, lời nói, nhạc, thơ, ca dao, đồng dao, kể chuyện... phù hợp với lứa tuổi và văn hóa; rèn kỹ năng lắng nghe, chú ý, phân biệt âm thanh, ngữ điệu, tốc độ; phản hồi trong giao tiếp; đáp ứng yêu cầu.

- **Sử dụng lời nói:** Rèn cách phát âm chuẩn, mở rộng vốn từ và câu; cách đặt và trả lời câu hỏi; diễn đạt nhu cầu, cảm xúc bằng lời nói kết hợp cử chỉ, điệu bộ; kể chuyện, mô tả sự vật, hiện tượng; tham gia các hoạt động ngôn ngữ sáng tạo như đóng vai, diễn kịch; thực hiện các quy tắc giao tiếp lịch sự.

- **Sẵn sàng học đọc:** Hình thành thói quen làm việc với sách, tranh; cách cầm, mở, lật, giữ gìn sách; nhận biết hướng đọc, kí hiệu, chữ cái, logo, biển báo quen thuộc; thanh điệu và dấu thanh trong tiếng Việt; phân biệt âm, chữ, số lượng tiếng trong câu..

- **Sẵn sàng học viết:** Rèn luyện kĩ năng vận động tinh, phối hợp tay - mắt qua tập cầm bút, tô, vẽ, xé dán...; giữ gìn dụng cụ vẽ, viết; tư thế ngồi, cách cầm bút, cách viết chữ tiếng Việt; bước đầu học cách viết theo hướng chuẩn (trái sang phải, từ trên xuống dưới); tô, đồ chữ cái đơn giản, sao chép ký hiệu, tên gọi quen thuộc; mối liên hệ giữa chữ viết và lời nói; thể hiện ý tưởng qua nhiều hình thức như vẽ, kí hiệu, chữ viết hoặc số.

5.3.3. Hướng dẫn tổ chức các hoạt động giáo dục ngôn ngữ cho trẻ mẫu giáo theo tiếp cận năng lực

5.3.3.1. Hoạt động học

Hoạt động học là hoạt động có nhiều ưu thế để giáo dục ngôn ngữ cho trẻ theo tiếp cận năng lực. Căn cứ vào mục tiêu và nội dung giáo dục ngôn ngữ cho trẻ, GV có thể tổ chức hoạt động theo tiến trình:

(1): *Khởi động - Khởi gợi hứng thú:* nhằm tạo ra ở trẻ nhu cầu muốn biết, muốn tìm hiểu mà GV không cung cấp sẵn câu trả lời.

Ví dụ: GV để chữ cái l (chữ rỗng) trong hộp và hỏi trẻ: “Trong hộp có 1 chữ cái, chữ gì nhỉ?” nhằm tạo sự tò mò, mong muốn tìm hiểu của trẻ.

(2): *Trải nghiệm – Hình thành hiểu biết:*

- GV tổ chức cho trẻ chủ động tìm hiểu thông qua mọi giác quan, bằng nhiều cách khác nhau, GV không cung cấp sẵn đáp án.

Ví dụ: Trẻ tự sờ và đoán chữ gì/ gồm những nét nào, quan sát bằng mắt xem đó là chữ cái gì, thử tạo ra chữ cái đó bằng các bộ phận cơ thể/viết chữ đó trên không, trên cát, xếp chữ cái đó bằng các nguyên vật liệu có sẵn trong lớp học (hột, hạt, que, dây,..) và đặt các câu hỏi.

- Hình thành hiểu biết: Giáo viên chính xác hóa những hiểu biết ban đầu của trẻ.

Ví dụ: “Đây là chữ l (lờ)”. (GV làm mẫu cho trẻ nghe và nhìn miệng cô phát âm)

+ (3): *Thực hành.*

Giáo viên tổ chức cho trẻ thực hiện các thao tác: nghe, nói, đọc, viết.

Ví dụ: Cá nhân trẻ phát âm /l/, chú ý sửa sai cho trẻ.

+ (4): *Vận dụng*

Giáo viên đưa ra tình huống, thiết kế trò chơi, hoạt động... để trẻ vận dụng các kĩ năng ngôn ngữ.

Ví dụ: tìm trong lớp các đồ vật, đồ chơi mà tên gọi có âm /l/, tìm chữ l trong tên của các bạn, nói các tiếng/ từ bắt đầu bằng âm /l/...

* **Lưu ý:**

- Không phải tất cả các hoạt động phát triển ngôn ngữ đều diễn ra theo trình tự này trong quá trình thực hiện. Cần căn cứ vào độ tuổi của trẻ, các điều kiện thực hiện tại lớp học để linh hoạt điều chỉnh tiến trình cho phù hợp. Có thể tại 1 thời điểm có 2 bước diễn ra đồng thời, đan xen với nhau.

- Tiến trình này không nhất thiết diễn ra trọn vẹn trong một hoạt động mà có thể được phân bổ linh hoạt trong các thời điểm trong ngày. Ví dụ: bước 1 (gợi hứng thú), bước 3 (rèn kĩ năng) và bước 4 (vận dụng) có thể ở hoạt động chơi, hoặc sinh hoạt hàng ngày.

a1) Hoạt động: Kể chuyện cho trẻ nghe

* Mục tiêu:

- Trẻ hứng thú nghe câu chuyện.
- Trẻ nghe hiểu nội dung câu chuyện, hiểu một số từ mới (nếu có).
- Trẻ trả lời được các câu hỏi phù hợp về câu chuyện (tên truyện, tên các nhân vật, chia sẻ cảm nhận, điều thích, ấn tượng,... về nhân vật, tình tiết, sự kiện trong truyện).
- Giáo dục trẻ những đức tính như biết vâng lời, yêu thương mọi người, con vật,... gắn với nội dung tác phẩm.

*** Chuẩn bị:**

- GV chọn câu chuyện phù hợp với độ tuổi, sở thích của trẻ; luyện tập kể chuyện để có thể nhập vai khi kể chuyện, linh hoạt trong ngôn ngữ kể:
- GV có thể chuẩn bị tranh/ rỗi, sa bàn,... để tạo hứng thú và sự chú ý ở trẻ.

*** Tiến hành:**

(1) *Khởi động:* Giáo viên lựa chọn một hình thức gây hứng thú để thu hút trẻ tham gia hoạt động như tạo tình huống/ sử dụng câu đố/ chơi trò chơi, hát/ trò chuyện, lắc nhẹ chuông... báo hiệu cho trẻ biết sắp bắt đầu hoạt động kể chuyện.

(2) *Giới thiệu câu chuyện:* khơi gợi hứng thú, sự tò mò của trẻ bằng cách tương tác ngôn ngữ như: “*Có một bạn rùa vừa mới chào đời được mấy ngày đã vội vàng đi tìm nhà của mình. Không biết nhà của rùa con ở đâu nhỉ? Hãy lắng nghe cô kể câu chuyện...*”.

(3) *GV kể chuyện:* kết hợp cử chỉ, điệu bộ hoặc đồ dùng trực quan:

Số lần kể tùy thuộc vào sự hứng thú của trẻ. Giáo viên chú ý điều chỉnh tốc độ, ngữ điệu, sắc thái của giọng kể phù hợp với nội dung câu chuyện. Vừa kể, cô vừa quan sát phản ứng, cảm xúc của trẻ khi nghe truyện. Khi thấy trẻ bắt đầu có biểu hiện mất tập trung chú ý, giáo viên cần thay đổi hoạt động để thu hút sự chú ý của trẻ (như thay đổi vị trí của trẻ, của giáo viên; mời trẻ tham gia vào câu chuyện, hỏi trẻ đoán xem điều gì sẽ xảy ra ở trang tiếp theo, hướng trẻ vào vấn đề trẻ đang quan tâm).

(4) *Đàm thoại về câu chuyện:*

Giáo viên sử dụng những câu hỏi phù hợp với trẻ về tác phẩm... có thể kết hợp đồ dùng trực quan. Giáo viên cũng có thể gợi ý trẻ đặt câu hỏi để cô và các bạn trả lời (*Các con có câu hỏi nào về câu chuyện cô kể?*). Với những từ mới, từ khó trẻ muốn biết, giáo viên giải thích cho trẻ thật ngắn gọn, dễ hiểu, gắn với câu chuyện.

(5) *Củng cố:* có thể tổ chức các trò chơi kiểm tra khả năng nghe, hiểu truyện của trẻ như: “*Nghe và đoán chi tiết sai*”, “*Nghe và đoán tên nhân vật*”, “*Nghe và kể tiếp chuyện*”, “*Mô phỏng động tác, điệu bộ của nhân vật trong truyện*” hay hoạt động vẽ các nhân vật trong truyện, xếp tranh minh họa theo đúng nội dung câu chuyện...

a2) Hoạt động: Đọc thơ, ca dao, đồng dao...

*** Mục tiêu:**

- Trẻ nói được tên bài thơ, ca dao, đồng dao.
- Trẻ cảm nhận được âm điệu, nhịp điệu (vui tươi/ nhẹ nhàng, êm ái,...), vẻ đẹp hình ảnh, ngôn từ của bài thơ, ca dao, đồng dao.

- Trẻ hiểu nội dung của bài thơ, ca dao, hiểu một số từ mới (nếu có).
- Trẻ đọc thuộc/ đọc thuộc, diễn cảm bài thơ, có thể kết hợp cử chỉ điệu bộ hoặc thể hiện các hình thức phù hợp với bài thơ (đọc kết hợp cử chỉ, đồ dùng trực quan, đọc nối tiếp, đóng kịch thơ...).
- Giáo dục trẻ những đức tính như biết vâng lời, yêu thương mọi người, con vật,... gắn với nội dung tác phẩm.

* Tiến hành:

(1) *Khởi động - Gợi hứng thú:* Giáo viên lựa chọn một hình thức gây hứng thú để thu hút trẻ tham gia hoạt động như tạo tình huống/ sử dụng câu đố/ chơi trò chơi, hát/ trò chuyện...

(2) *Giới thiệu bài thơ, tác giả/ ca dao, đồng dao,...* một cách ngắn gọn, nhẹ nhàng.

(3) *Trẻ nghe GV đọc diễn cảm:* Khi đọc thơ, đồng dao, ca dao,... cho trẻ nghe, giáo viên đọc diễn cảm để cảm xúc của giáo viên với tác phẩm lan tỏa đến trẻ. Bên cạnh giọng đọc biểu cảm, cô giáo cần phối hợp sử dụng các phương tiện phi ngôn ngữ (nét mặt, cử chỉ, điệu bộ), kết hợp sử dụng đồ dùng trực quan (tranh, ảnh minh họa..., với đồng dao, có thể kết hợp vỗ tay theo nhịp hay song loan, phách tre, trống cơm) để truyền tải đến trẻ cảm xúc, tình cảm, nội dung, ý nghĩa của tác phẩm văn học. Số lần giáo viên đọc phụ thuộc vào hứng thú của trẻ.

(4) *Đàm thoại về bài thơ:* Giáo viên sử dụng câu hỏi phù hợp với trẻ với tác phẩm để trò chuyện với trẻ. Có thể kết hợp với đồ dùng trực quan (nếu cần thiết) giúp trẻ dễ dàng trả lời câu hỏi, cảm nhận về đẹp hình ảnh, ngôn từ của bài thơ. GV cũng có thể giải thích cho trẻ một số từ “khó”, những từ ngữ nghệ thuật mà giáo viên nhận thấy là “mới” trong vốn từ của trẻ, hoặc trẻ có nhu cầu muốn biết.

(5) *Hướng dẫn trẻ đọc thuộc, diễn cảm bài thơ/ ca dao/ đồng dao:*

+ Giáo viên cùng trẻ đọc bài thơ: Giáo viên nên đọc hơi chậm để trẻ đọc cùng. Cô và trẻ đọc từ đầu đến cuối bài thơ, không dạy trẻ đọc thuộc lòng từng câu thơ một.

+ Với trẻ nhà trẻ đang trong giai đoạn học nói, cô khuyến khích trẻ đọc theo cô từ cuối, câu thơ.

+ Hướng dẫn trẻ đọc theo tổ, nhóm, cá nhân đọc thuộc và khuyến khích trẻ thể hiện một cách diễn cảm (bằng lời nói, cử chỉ, điệu bộ...) phù hợp với nội dung bài thơ.

+ Có gợi ý trẻ chọn các hình thức thể hiện phù hợp với bài thơ, với khả năng, sở thích của trẻ (đọc nối tiếp; to - nhỏ - vừa phải; đọc kết hợp đồ dùng trực quan; đóng kịch một số bài thơ (*Mèo đi câu cá, ...*))

+ Với đồng dao, giáo viên hướng dẫn trẻ đọc đồng dao kết hợp với trò chơi dân gian hoặc hình thức vận động phù hợp.

+ Giáo viên sửa sai cho trẻ trong quá trình trẻ đọc: Giáo viên lắng nghe và sửa các lỗi sai cho trẻ sau khi trẻ đọc xong; không tách từ trẻ đọc sai ra khỏi câu thơ để sửa (Ví dụ: khi dạy trẻ đọc bài thơ “Hồ sen”, trẻ đọc từ “long lanh” thành “nong nanh”, GV đọc lại cho trẻ nghe và yêu cầu trẻ đọc lại cả câu “*Sương long lanh chạy*”). Nếu trẻ vẫn phát âm sai, giáo viên không cố sửa mà sẽ sửa dần trong các hoạt động ngoài giờ và có kế hoạch cụ thể. Hoặc với trẻ bé, do bộ máy phát âm chưa hoàn thiện nên phát âm chưa

chính xác thì GV chỉ cần chú ý đọc đúng cho trẻ nghe để trẻ sẽ học phát âm chính xác dần.

a3) Hoạt động: Hướng dẫn trẻ kể lại chuyện

*** Mục tiêu:**

- Trẻ kể lại câu chuyện đã được nghe (Kể lại câu chuyện đơn giản với sự giúp đỡ của giáo viên / kể lại câu chuyện một cách ngắn gọn có mở đầu, kết thúc/ Kể có thay đổi một vài tình tiết, sự kiện, hành động, lời nói nhân vật trong câu chuyện/ Kể sáng tạo câu chuyện,...).

- Trẻ thích kể chuyện.

- Giáo dục trẻ những đức tính như biết vâng lời, yêu thương mọi người, con vật,... gắn với nội dung tác phẩm.

*** Chuẩn bị:**

- Chọn truyện có chủ đề rõ ràng, các sự kiện diễn ra theo một trình tự logic, từ ngữ dễ hiểu, trong sáng, sinh động,... phù hợp với độ tuổi, sở thích của trẻ.

- Có thể chuẩn bị đồ dùng trực quan phù hợp giúp trẻ hứng thú, dễ dàng nhớ câu chuyện để kể lại.

*** Tiến hành:**

(1) Giới thiệu truyện

Giáo viên giới thiệu tên truyện một cách nhẹ nhàng, hấp dẫn để thu hút trẻ vào hoạt động. Nếu tác phẩm trẻ đã được làm quen, giáo viên có thể kể một chi tiết hoặc lời của một nhân vật gợi ý trẻ nhớ tên truyện (“Sói này, Sói này, Sói hôm nay là ta/ Bắt lợn, bắt lợn, ta rất thích thịt lợn”. Đó là lời nói của ai, trong câu chuyện gì?)

(2) *Giáo viên kể chuyện* (Tuỳ câu chuyện trẻ đã được làm quen hay câu chuyện mới, tuỳ vào sự hứng thú của trẻ, giáo viên có thể kể hoặc có thể tóm tắt ngắn gọn nội dung câu chuyện...).

(3) Đàm thoại về câu chuyện

Có thể sử dụng những câu hỏi theo trình tự, diễn biến câu chuyện, câu hỏi tương tượng, câu hỏi trẻ thể hiện lời nói của các nhân vật theo cảm nhận của trẻ, câu hỏi đánh giá hành động, tính cách nhân vật... giúp trẻ nhớ cốt truyện để kể lại chuyện (*Sói nói gì khi đến nhà Lợn cả?; Sói nói với giọng như thế nào khiến Lợn cả sợ hãi, ai có thể thể hiện giọng điệu, nét mặt, điệu bộ của Sói?...).*

(4) Hướng dẫn trẻ kể lại chuyện

Tùy từng tác phẩm, đặc biệt là khả năng và sự hứng thú của trẻ mà giáo viên lựa chọn hình thức hướng dẫn trẻ kể lại chuyện: kể cá nhân, kể phân đoạn, phân vai, kết hợp với đồ dùng trực quan (tranh, rối...)

*** Lưu ý khi hướng dẫn trẻ kể chuyện:**

- Giáo viên tạo cơ hội cho nhiều trẻ được tham gia kể chuyện.

- Để trẻ hồn nhiên kể theo ý thích để cảm xúc của trẻ với câu chuyện, với các nhân vật thể hiện một cách chân thực, diễn cảm. Trẻ có thể kể lại đúng nguyên văn câu chuyện hoặc thêm bớt, sáng tạo lời nói, hành động nhân vật theo ý thích...

- Khi trẻ kể, giáo viên không nên áp đặt, can thiệp quá nhiều hoặc đưa ra nhiều yêu cầu làm trẻ bị gò bó, rập khuôn.

a4) Hoạt động: Hướng dẫn trẻ kể lại chuyện

*** Mục tiêu:**

- Trẻ kể lại câu chuyện đã được nghe (Kể lại câu chuyện đơn giản với sự giúp đỡ của giáo viên / kể lại câu chuyện một cách ngắn gọn có mở đầu, kết thúc/ Kể có thay đổi một vài tình tiết, sự kiện, hành động, lời nói nhân vật trong câu chuyện/ Kể sáng tạo câu chuyện,...).

- Trẻ thích kể chuyện.

- Giáo dục trẻ những đức tính như biết vâng lời, yêu thương mọi người, con vật,... gắn với nội dung tác phẩm.

*** Chuẩn bị:**

- Chọn truyện có chủ đề rõ ràng, các sự kiện diễn ra theo một trình tự logic, từ ngữ dễ hiểu, trong sáng, sinh động,... phù hợp với độ tuổi, sở thích của trẻ.

- Có thể chuẩn bị đồ dùng trực quan phù hợp giúp trẻ hứng thú, dễ dàng nhớ câu chuyện để kể lại.

*** Tiến hành:**

(1) Giới thiệu truyện

Giáo viên giới thiệu tên truyện một cách nhẹ nhàng, hấp dẫn để thu hút trẻ vào hoạt động. Nếu tác phẩm trẻ đã được làm quen, giáo viên có thể kể một chi tiết hoặc lời của một nhân vật gợi ý trẻ nhớ tên truyện (“Sói này, Sói này, Sói mõm nhọn là ta/ Bắt lợn, bắt lợn, ta rất thích thịt lợn”. Đó là lời nói của ai, trong câu chuyện gì?)

(2) *Giáo viên kể chuyện* (Tuỳ câu chuyện trẻ đã được làm quen hay câu chuyện mới, tuỳ vào sự hứng thú của trẻ, giáo viên có thể kể hoặc có thể tóm tắt ngắn gọn nội dung câu chuyện...).

(3) Đàm thoại về câu chuyện

Có thể sử dụng những câu hỏi theo trình tự, diễn biến câu chuyện, câu hỏi tương tượng, câu hỏi trẻ thể hiện lời nói của các nhân vật theo cảm nhận của trẻ, câu hỏi đánh giá hành động, tính cách nhân vật... giúp trẻ nhớ cốt truyện để kể lại chuyện (*Sói nói gì khi đến nhà Lợn cả?; Sói nói với giọng như thế nào khiến Lợn cả sợ hãi, ai có thể thể hiện giọng điệu, nét mặt, điệu bộ của Sói?...).*

(4) Hướng dẫn trẻ kể lại chuyện

Tùy từng tác phẩm, đặc biệt là khả năng và sự hứng thú của trẻ mà giáo viên lựa chọn hình thức hướng dẫn trẻ kể lại chuyện: kể cá nhân, kể phân đoạn, phân vai, kết hợp với đồ dùng trực quan (tranh, rối...)

**** Lưu ý khi hướng dẫn trẻ kể chuyện:***

- Giáo viên tạo cơ hội cho nhiều trẻ được tham gia kể chuyện.
- Để trẻ hồn nhiên kể theo ý thích để cảm xúc của trẻ với câu chuyện, với các nhân vật thể hiện một cách chân thực, diễn cảm. Trẻ có thể kể lại đúng nguyên văn câu chuyện hoặc thêm bớt, sáng tạo lời nói, hành động nhân vật theo ý thích...
- Khi trẻ kể, giáo viên không nên áp đặt, can thiệp quá nhiều hoặc đưa ra nhiều yêu cầu làm trẻ bị gò bó, rập khuôn.

a5) Hoạt động: Hướng dẫn trẻ kể tiếp chuyện

*** Mục tiêu:**

- Trẻ vận dụng những kinh nghiệm của bản thân để sáng tạo phần tiếp, kết thúc câu chuyện.
- Trẻ hứng thú kể chuyện sáng tạo.

*** Chuẩn bị:**

- Giáo viên chọn một câu chuyện văn học có tình tiết thắt nút hấp dẫn.
- Có thể chuẩn bị tranh nền câu chuyện, nhân vật rời, giấy, bút, các con rối...

*** Tiến hành:**

(1) *Giáo viên kể chuyện, đến tình tiết thắt nút cần được giải quyết dùng kể để trẻ sáng tạo phần còn lại câu chuyện (VD: Câu chuyện “Cháu rất nhớ bạn ấy”, giáo viên kể đến đoạn Sói bỏ bắt được Thỏ trắng thì dừng lại).*

(2) *hướng dẫn trẻ sáng tạo phần tiếp theo và kết thúc câu chuyện bằng cách đặt một vài câu hỏi tạo nên đồn bầy, kích thích tưởng tượng sáng tạo của trẻ (Chuyện gì sẽ xảy ra? Ai sẽ cứu Thỏ trắng và cứu bằng cách nào?...).*

(3) *Trẻ thảo luận, sáng tạo phần tiếp và kết thúc truyện, đặt tên cho câu chuyện. Nếu trẻ gặp khó khăn, giáo viên gợi ý về bố cục câu chuyện, cách kể nối tiếp đoạn mà cô đã kể trước một cách logic. Cô có thể gợi ý trẻ lựa chọn các con rối, những nhân vật rời trẻ đã làm trong hoạt động tạo hình, hoặc trẻ vẽ, cắt... thêm các nhân vật cho câu chuyện của mình. Câu chuyện trẻ nghĩ ra có cách giải quyết tình huống giống nhau, giáo viên có thể đề nghị trẻ nghĩ ra cách giải quyết khác,...*

Lần lượt nhóm/ cá nhân trẻ kể về câu chuyện nhóm mình sáng tạo.

(4) *GV và trẻ nhận xét, đánh giá (sự hợp lý về nội câu chuyện, cách kết thúc, các câu nói hay của trẻ...)*

a6) Làm quen với các kí hiệu, biển báo thông thường trong cuộc sống

Mục tiêu:

- Trẻ gọi được tên kí hiệu, biển báo.
- Trẻ nói được những cảm nhận và hiểu biết về kí hiệu, biển báo.

Chuẩn bị:

- Chọn kí hiệu, biểu báo được xếp theo chủ đề, gắn với ý nghĩa trẻ cần giải mã. Yêu cầu về các kí hiệu, biểu báo:

- + Gắn gũi với trẻ để trẻ có thể hiểu được.
- + Đơn giản, rõ nét, nội dung rõ ràng, lành mạnh.
- + Có tác dụng hình thành các kĩ năng sống và hành vi tích cực

Tiến hành:

(1) Khởi động

Sử dụng tranh/ảnh/hình chiếu về kí hiệu/biểu báo cần cho trẻ làm quen để trò chuyện, tạo hứng thú.

(2). Nhận biết kí hiệu/biểu báo

- Giới thiệu kí hiệu/biểu báo: Giới thiệu về tên gọi kí hiệu/biểu báo
- Mô tả kí hiệu, biểu báo: GV sử dụng các câu hỏi để trẻ có cơ hội nói những hiểu biết và cảm nhận riêng của bản thân về kí hiệu, biểu báo:

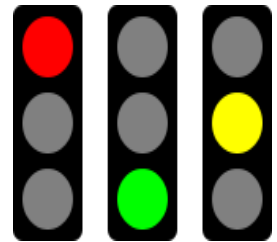
+ Câu hỏi không nhằm mục đích “gợi mở” để giảng giải như thói quen dạy học áp đặt bằng lời mà nhằm giúp GV giao việc cho trẻ hoạt động - làm và nói điều mình đang làm.

+ Trẻ huy động vốn từ và sắp xếp chúng thành câu nói mạch lạc để trả lời hoàn toàn tự do nhằm thể hiện kinh nghiệm, hiểu biết và suy nghĩ riêng của bản thân

Ví dụ: Nhận biết đèn giao thông (đối tượng: trẻ 4 – 5 tuổi)

+ Con thấy biểu tượng này ở đâu? (*Biểu tượng này ở ngoài đường/ ở ngã tư đường phố, ...*)

+ Biểu tượng đó có những màu gì? (*Biểu tượng có màu đỏ, xanh, vàng.*)



+ Khi đèn xanh bật, người đi đường làm gì? (*Khi đèn xanh bật, người đi đường được đi...*)

+ Khi đèn nào bật, người đi đường không được đi? (*Khi đèn đỏ, người đi đường không được đi./ Đèn đỏ đi sẽ bị phạt...*)

+ Khi đèn vàng bật, người đi đường làm gì? (*Khi đèn vàng bật, người đi đường đi chậm lại và dừng khi đèn đỏ.*)

+ Tại sao ngã tư đường có đèn giao thông? (*Ngã tư đường có đèn giao thông giúp người tham gia giao thông được an toàn.*)

(3) Luyện tập củng cố: sử dụng các trò chơi với nhiều hình thức khác nhau.

Ví dụ: Nhận biết đèn giao thông (đối tượng: trẻ 4 – 5 tuổi): chơi trò chơi tham gia giao thông ngoài sân/ Vẽ đèn giao thông/ Làm đèn giao thông.

(4). Nhận xét, đánh giá.

Một số kí hiệu biển báo:

| | |
|---|--|
|  |  <p>CẤM LỬA</p> |
| <p>Nhà vệ sinh Nam, nhà vệ sinh nữ</p> | <p>Cấm lửa</p> |
|  <p>Lối thoát</p> |  <p>Bỏ rác vào thùng</p> |
|  <p>Cấm hút thuốc</p> |  <p>Cấm đi ngược chiều</p> |
|  <p>Không dẫm lên cỏ</p> |  <p>Bệnh viện</p> |

a7) Hoạt động: Đọc sách, truyện tranh

**** Mục tiêu:***

- Trẻ biết tên truyện, tác giả, nhà xuất bản,...

- Trẻ hiểu nội dung cuốn sách/ truyện.
- Trẻ có kỹ năng cầm sách, giở sách, xem tranh, “đọc” truyện (hướng đọc: từ trái sang phải, từ trên xuống dưới)
- Trẻ thích đọc sách, yêu quý và giữ gìn sách.

* Chuẩn bị:

- Giáo viên hoặc trẻ lựa chọn truyện có sự nhất trí của cả lớp/ nhóm. Nếu đọc cho cả lớp nghe cần chuẩn bị truyện tranh khổ lớn.
- Không gian ngồi đọc truyện tạo cảm giác thoải mái, yên tĩnh, tránh sự phân tán chú ý của trẻ. Trẻ có thể ngồi trên sàn, trên thảm hoặc trên ghế, đảm bảo vừa tầm mắt để nhìn rõ hình ảnh và chữ ở từng trang truyện.

* Tiến hành:

(1) *Giới thiệu sách truyện:* tạo cho trẻ hứng thú được nghe hoặc kích thích trẻ lắng nghe cô đọc bằng cách tạo tình huống hoặc sử dụng hình ảnh ở trang bìa (Giới thiệu truyện tranh “*Chú sâu háu ăn*”: *Trang bìa cuốn truyện có con gì? Các con thấy chú Sâu trông thế nào? Không biết có chuyện gì xảy ra với chú Sâu khổng lồ này nhỉ?*), ... Với truyện tranh mới, giáo viên có thể cho trẻ tự tìm hiểu về truyện tranh nhằm thỏa mãn trí tò mò của trẻ trước khi giới thiệu tên truyện. Giáo viên chú ý giới thiệu từ tên sách, tên tác giả, tên họa sĩ vẽ tranh minh họa, tên dịch giả (nếu có), tên nhà xuất bản ở trang bìa.

(2) *Đọc truyện tranh:*

- Trẻ được trải nghiệm (nhìn, sờ,...) tự khám phá cuốn truyện tranh
- Giáo viên đọc lần lượt từng trang truyện tranh cho trẻ nghe, chú ý kỹ năng cầm sách, giở sách, xem tranh, đọc truyện để trẻ học cách đọc (từ trái sang phải, từ trên xuống dưới, lần lượt từ trang đầu tới trang cuối...) và dần nảy sinh nhu cầu, mong muốn biết đọc, tự mình đọc truyện một cách tự nhiên.
- Khi đọc, giáo viên cố gắng nhìn nhanh các câu văn trong mỗi trang truyện và nhìn vào mắt trẻ ở mức nhiều nhất có thể; quan sát phản ứng cơ thể trẻ để biết trẻ còn chú ý nghe cô đọc truyện hay không. Giáo viên đọc rõ ràng, âm lượng, tốc độ vừa phải để trẻ có thể nhìn vào hình minh họa và nghe những gì cô đọc, hòa vào cuốn sách với trẻ bằng sự nhiệt tình, thích thú của mình.

(3) *Đàm thoại về cuốn sách:*

- Khi trò chuyện cùng trẻ về câu chuyện, tránh những câu hỏi chỉ tập trung kiểm tra kiến thức, làm mất đi cảm xúc sau khi được khi đọc sách của trẻ. Câu hỏi của giáo viên phù hợp với độ tuổi, khả năng của trẻ, giúp trẻ thể hiện những hiểu biết, cảm nhận, những điều mà trẻ quan tâm, thích thú. Với trẻ nhà trẻ, giáo viên có thể đặt câu hỏi: *Đây là ai? Nhân vật đó đang đi đâu/ làm gì/ ở đâu?*, ... Với trẻ mẫu giáo, giáo viên đưa ra những câu hỏi đòi hỏi sự suy luận cao hơn (*như thế nào? Vì sao?*); câu hỏi kích thích trí tưởng tượng, sáng tạo của trẻ (*Chuyện gì sẽ xảy ra tiếp theo? Nếu con là nhân vật này, con sẽ làm gì/nói gì?*); câu hỏi thể hiện cảm xúc và ý kiến cá nhân trẻ (*Con thích/không thích nhân vật/điều gì trong truyện? Con cảm thấy thế nào khi câu chuyện kết thúc?*), ... Giáo viên cũng có thể gợi ý trẻ đặt câu hỏi để cô và các bạn trả lời (*Các con có câu hỏi nào về cuốn sách này không*). Với những từ mới, từ khó trẻ muốn biết, giáo viên hãy

giải thích cho trẻ thật ngắn gọn, dễ hiểu, gắn với nội dung câu chuyện và nên có liên hệ với những tình huống trẻ đã trải qua. Ví dụ như trẻ muốn hiểu từ “thất vọng” trong truyện, giáo viên có thể giải thích đơn giản, dễ hiểu hơn: mong muốn nhưng không đạt được, chờ đợi nhưng không được,... Giáo viên nên hỏi trẻ liên hệ tới thực tế mà trẻ đã trải qua: “*Các con có nhớ các con đã thất vọng như thế nào khi chuẩn bị đi chơi ở vườn bách thú mà trời mưa không?*”.

(4) *Khuyến khích trẻ tham gia:*

- Giáo viên đọc lại truyện (nếu trẻ hứng thú nghe)
- Khi đọc lại truyện tranh, giáo viên khuyến khích trẻ tham gia vào những gì đang diễn ra trong truyện (nói từ, cụm từ lặp đi lặp lại trong cuốn truyện, làm theo hành động, bắt chước giọng nói của những nhân vật trong truyện,...).

Với mẫu giáo nhỏ (4 – 5 tuổi) và mẫu giáo lớn (5 – 6 tuổi) khuyến khích trẻ bắt chước kĩ năng đọc của cô để đọc lại cho cô và các bạn nghe.

a8) Hoạt động: Làm quen với chữ cái

Mục tiêu:

- Trẻ nhận biết chính xác chữ cái riêng lẻ, trong tiếng/ trong từ.
- Trẻ phát âm chính xác chữ cái
- Rèn luyện kĩ năng chơi các trò chơi củng cố chữ cái
- + Tham gia giờ học tích cực, hứng thú
- + Ý thức tổ chức kỉ luật và giữ gìn đồ dùng đồ chơi

b. Chuẩn bị:

- Đồ dùng phù hợp phục vụ cho hoạt động làm quen chữ cái

c. Tiến hành:

(1) *GV tạo ra nhu cầu muốn biết chữ cái ở trẻ:* GV có thể linh hoạt sử dụng thẻ chữ/ tranh/ vật thật/... để giới thiệu chữ cái mới.

(2) *Trẻ trải nghiệm âm và cấu tạo của chữ cái:* trẻ chủ động tìm hiểu thông qua mọi giác quan, bằng nhiều cách khác nhau.

+ GV chú ý hướng dẫn cá nhân trẻ phát âm, sửa sai cho trẻ. Hướng dẫn nhận ra âm của chữ cái trong tiếng (v.v..ghê: âm có giống nhau không? V v... vờ: âm có giống nhau không?)

+ GV gợi ý trẻ mô tả hình dáng/ tạo chữ cái từ bộ phận cơ thể (*Các con thấy chữ “v” giống với cái gì?, Từ bộ phận cơ thể, các con hãy tạo chữ “v”?*...)

(3) *Trò chơi chữ cái:*

- GV tổ chức cho trẻ học chữ cái thông qua các trò chơi. Nên chọn các trò chơi có sự phối hợp của nhiều giác quan: thính giác, thị giác, xúc giác (ví dụ: sờ cảm nhận chữ nhám, nặn chữ cái, xếp chữ bằng hạt, dây, sao chép chữ...); Có trò chơi cho nhóm và cá nhân; Có trò chơi động và trò chơi tĩnh.

Lưu ý:

+ Chọn chữ in để tổ chức hoạt động học chữ cái. Tuy nhiên, tùy theo khả năng nhận thức của trẻ, giáo viên có thể giới thiệu thêm chữ viết thường.

+ Cần linh hoạt trong việc lựa chọn chữ cái/ nhóm chữ cái để cho trẻ làm quen. Khi tổ chức hoạt động học chữ cái, nên chọn 1 – 2 chữ cái phù hợp với trẻ và không cùng chung dấu hiệu về cấu tạo/ phát âm. Thực tế cho thấy: việc lựa chọn các chữ giống nhau về cấu tạo/ phát âm để xếp vào nhóm chữ trong 01 hoạt động học (ví dụ: b, d, đ hoặc l, m, n) gây khó khăn cho trẻ trong việc nhận biết/ phát âm chữ cái.

+ Tăng cường tổ chức hoạt động làm quen chữ cái dưới hình thức trò chơi với các mức độ phù hợp với năng lực của cá nhân/ nhóm.

+ Giáo viên linh hoạt thay đổi tiến trình các bước tổ chức hoạt động học chữ cái nhằm tạo cơ hội cho trẻ được thể hiện kinh nghiệm, khả năng nhận biết/ phát âm chữ cái. Thay vì việc giáo viên là người giới thiệu chữ mới, phân tích cấu tạo chữ và phát âm mẫu; trẻ chỉ thụ động nhận biết và phát âm theo cô thì giáo viên nên đưa ra yêu cầu để trẻ vận dụng kinh nghiệm, hiểu biết đã có để nhận biết, phát hiện, khám phá chữ cái. (VD: trong lớp có bạn nào đã biết chữ h? Chữ h giống cái gì? Ai có thể miêu tả chữ h? Có bao nhiêu bạn lớp mình trong tên có chữ cái h?)

b) Hoạt động chơi

Hoạt động chơi giúp trẻ phát triển ngôn ngữ dễ dàng, tự nhiên và nhanh chóng.

* Để tăng cường năng lực nghe, nói cho trẻ khi chơi, giáo viên:

- Quan sát, khuyến khích hoặc tạo điều kiện cho trẻ tương tác với bạn hoặc với cô bằng cách hỗ trợ trẻ khi cần. GV có thể mô tả những gì đang diễn ra và bằng việc quan sát để biết về sở thích, mong muốn chơi của trẻ và mô tả nó bằng ngôn ngữ đơn giản để tạo môi trường ngôn ngữ khi trẻ chơi.

- Cung cấp thêm thông tin khi trẻ chơi ở các góc và hỗ trợ trẻ giải quyết các tình huống có vấn đề (ví dụ: ở góc bán hàng, GV đi đến và hỏi: “*Tôi muốn mua áo cho con tôi, nhưng nếu chiếc áo này không vừa thì tôi phải làm thế nào?*”)

- Chọn các trò chơi dân gian gắn với đời sống hàng ngày của trẻ tại địa phương để sử dụng tại trường.

- Cùng chơi với trẻ trong các nhóm nhỏ, thậm chí chơi riêng với cá nhân trẻ khi hoàn cảnh phù hợp. Trẻ là người dẫn dắt, GV chỉ hỗ trợ trẻ khi cần thiết (ví dụ: ở góc đóng vai, trẻ chưa biết thể hiện vai của mình bằng lời nói và hành động; GV đóng vai là mẹ của bạn mèo bị ốm “*Bác sĩ ơi, con tôi bị ốm. Nó ho và sốt. Bác sĩ hãy giúp tôi với!*”).

- Cùng trẻ phản hồi sau khi chơi nhằm giúp trẻ tự tin chia sẻ.

- Luôn lắng nghe, đưa ra phản hồi tích cực và khen ngợi trẻ (VD: cô rất thích cái chuồng con xếp cho thoải; Bức tranh con vẽ rất sáng tạo,...)

- Cố gắng trò chuyện với cá nhân trẻ hoặc nhóm nhỏ bất cứ khi nào có thể.

- Nhắc lại lời trẻ nói theo cách đúng hơn và mở rộng, phát triển thêm ý của trẻ (VD: trẻ nói: “mèo ăn”, GV nói: “Đúng rồi, con mèo đang ăn cá” hoặc “Con mèo đang ăn cá vì nó đói bụng”)

* Để tăng cường kĩ năng đọc, viết cho trẻ khi chơi, giáo viên:

- Cùng trẻ khám phá sách: Làm sách theo chủ đề; Đọc tranh,... Xây dựng góc sách đa dạng, có sách truyện phong phú

- Trong góc chơi, tập trung tới những hoạt động tiền đề hướng tới “viết” bao gồm các hoạt động phát triển cơ tay và ngón tay (như vẽ, in, tô màu, nặn, sử dụng kéo để cắt, xếp hình,...). Để giúp trẻ rèn luyện cơ bàn tay, ngón tay, việc cho trẻ tham gia và hoạt động như: vò giấy, vẽ cuộn len, vẽ mưa, vẽ đường đi, hàng rào, nhào nặn bột mì, đất nặn, đóng dấu,... Việc khuyến khích trẻ vẽ, viết những đường thẳng và đường cong khác nhau sẽ hỗ trợ việc viết của trẻ.

- Bên cạnh đó, các hoạt động phát triển khả năng phối hợp mắt và tay trong vui chơi nên được khuyến khích (kéo khóa, cài nút, cột dây giày, khâu hạt, lắp ráp, di chuyển vật bằng đũa hay kẹp gấp,...).

- Giáo viên làm mẫu việc viết cho trẻ quan sát. Ví dụ: trong góc đóng vai, khi thảo luận với trẻ về nội quy, cô ghi lại lời trẻ nói và cùng trẻ lựa chọn những quy định hợp lí để làm bảng nội quy trong góc này. Khi trao đổi với trẻ về các đồ dùng cần thiết để chơi đóng vai, giáo viên có thể viết chữ kèm theo hình ảnh về các đồ dùng, dụng cụ đó. Chữ viết của giáo viên làm mẫu cho trẻ quan sát là kiểu chữ in, bao gồm in thường và in hoa. Cũng cần chú ý chữ viết mẫu đủ to, có phân biệt chiều cao giữa chữ in thường và in hoa, cỡ chữ này thường hơi to so với người lớn. Khi trẻ yêu cầu viết chữ, giáo viên đứng phía sau trẻ và vòng tay ra làm trước mặt trẻ sẽ là cách tốt nhất để giúp trẻ nhìn chữ đúng chiều. Khi làm mẫu cho trẻ quan sát, giáo viên có thể để sẵn trong túi một mẫu phấn hoặc bút và giấy nhỏ (hoặc cuốn sổ nhỏ) để có thể viết những gì trẻ đọc hoặc muốn giáo viên ghi lại.

- Giáo viên cần quan tâm tới nhu cầu và mong muốn của trẻ để tổ chức các hoạt động như hướng dẫn trẻ viết thư, viết thiệp mời, viết thực đơn, viết tên đồ chơi, đồ dùng,... Ví dụ: khi chơi đóng vai trong trò chơi ngân hàng, trẻ viết để làm tiền và làm thẻ tài khoản. Ở trò chơi bệnh viện, trẻ viết bao đựng thuốc, thẻ khám bệnh, bảng hiệu tên các khoa,... Khi trẻ chơi xây dựng trường học, trẻ có thể viết tên lớp học, tên trường, tên các khu vực vui chơi bên ngoài,... Nếu trẻ chưa biết viết chữ, giáo viên có thể viết giúp trẻ và cho trẻ vẽ, viết số hoặc chữ đơn giản. Những hoạt động này không chỉ nhằm mục đích giúp trẻ nhận biết và viết chữ tiếng Việt mà còn giúp trẻ hiểu ý nghĩa và cách sử dụng chữ viết trong cuộc sống hàng ngày

- Giáo viên nên tăng cường khuyến khích trẻ vẽ tranh (có thể về một đoạn mà trẻ thích trong câu chuyện cô kể, về một sự kiện trong một chuỗi sự kiện, về một sự kiện mà trẻ được tham gia hoặc chứng kiến hoặc có ấn tượng: nấu ăn, nuôi động vật, chuyến thăm quan, kì nghỉ Tết,...); sau đó trẻ “đọc” (miêu tả) to lên cho cả lớp cùng nghe. Khi đó, giáo viên hãy nhận xét tích cực về bài viết của trẻ.

- Giáo viên cũng nên hỗ trợ, giúp đỡ trẻ “viết” ra cuốn sách của mình. Những cuốn sách này rất giá trị vì nó giúp trẻ thấy được mối liên hệ giữa ngôn ngữ nói và viết, kích thích khả năng tự bộc lộ và sáng tạo của trẻ cũng như giúp trẻ nhận thức được khả năng và giá trị của bản thân. Bìa bên ngoài phải bền, mỗi trang sách có sự kết hợp giữa chữ viết và tranh vẽ của riêng trẻ. Trang trí trang bìa, viết tên truyện mà trẻ đặt tên, tên tác giả (Tên trẻ/ lớp). Các trang gắn kết với nhau bằng đinh ghim hoặc đục lỗ và buộc dây. Giáo viên có thể tổ chức cho một nhóm trẻ làm chung một cuốn sách. Mỗi trẻ trong nhóm sẽ vẽ các bức tranh và có thể viết chữ thể hiện một phần trong một chuỗi sự việc, sau đó trẻ sắp xếp lại các tranh theo thứ tự và đóng (ghim) thành một cuốn sách (ví dụ: sách về quy trình nấu ăn, sự phát triển của cây hoặc của con vật, một ngày của trẻ,...). Tùy từng độ tuổi, sở thích của trẻ, GV cho trẻ sưu tầm hình ảnh về các con vật, đồ chơi... từ tờ quảng cáo, hoạ báo hoặc trẻ tự vẽ sau đó hướng dẫn trẻ làm sách, truyện (có thể theo nhóm). GV trò chuyện cùng trẻ về nội dung từng tranh, trao đổi thống nhất về câu văn trẻ muốn viết. Nếu GV hỗ trợ trẻ viết thì vừa viết vừa đọc chữ, đảm bảo tất cả trẻ nhìn thấy cô viết. GV cũng có thể viết bằng bút chì mờ sau đó cho trẻ tô lại hoặc trẻ sao chép, bắt chước chữ cô viết. Trẻ tự làm hoặc GV có thể cùng trẻ đánh số trang truyện và khuyến khích trẻ đọc lại câu chuyện vừa sáng tác.

c. Sinh hoạt hàng ngày

Ngôn ngữ được phát triển nhanh nhất thông qua tương tác nên giáo viên có thể tận dụng những khoảnh khắc nhỏ trong sinh hoạt hàng ngày để tạo cơ hội cho trẻ phát triển ngôn ngữ. Các cơ hội giao tiếp có thể bắt đầu từ ngay khi giáo viên đón trẻ vào lớp, khi trẻ chờ bố mẹ tới đón hay trong giờ ăn trưa, ăn bữa phụ hoặc trong khi chuyển tiếp giữa các hoạt động học, trong giờ chơi tự do,...

Để giáo dục ngôn ngữ trong giao tiếp hàng ngày, giáo viên có thể lưu ý những điểm sau:

- Tận dụng những khoảnh khắc hàng ngày để bổ sung ngôn ngữ cho trẻ, tạo cơ hội cho các cuộc trò chuyện được diễn ra.

Ví dụ: Trong giờ giải lao khi trẻ hoạt động ngoài trời, cô giúp khơi gợi cuộc trò chuyện giữa hai trẻ bằng cách mô tả hoặc đặt câu hỏi; Khi trẻ rửa tay trong nhà vệ sinh, cô giáo có thể giới thiệu cho trẻ các hình ảnh trong quy trình rửa tay và nói với trẻ:

Chúng ta cùng rửa tay nào.; Tại sao, chúng ta cần rửa tay?; Khi rửa tay, con sẽ làm gì đầu tiên?...

- Với trẻ có khó khăn về ngôn ngữ, GV cần nói với tốc độ chậm, câu ngắn, đúng ngữ pháp (Ví dụ ở giờ trả trẻ, cô nói: *Mẹ đến rồi. Con lấy dép đi.*), nhấn mạnh vào những từ quan trọng (Ví dụ trong giờ ăn, cô hỏi: *Con muốn ăn thêm **canh** hay thêm **cơm**?; Con **xúc** cơm đi.*), đưa ra những hướng dẫn/ yêu cầu từng bước một, có thể gợi ý bằng cử chỉ điệu bộ, hình ảnh (Ví dụ: *Con mở cửa ra.* Trong trường hợp trẻ chưa thực hiện được, cô có thể gợi ý bằng cách nhìn/ và chỉ tay về phía cửa).

- Cung cấp ngôn ngữ phù hợp với ngữ cảnh (bối cảnh thực tế) và trực quan. Ví dụ: Khi trẻ cất đồ dùng cá nhân để vào lớp, cô giáo có thể mô tả những gì trẻ đang thực hiện: *Lan đang cất dép. Dép của Lan màu xanh này. Ô! Dép của con đẹp quá!*

- Đặt câu hỏi và phản hồi hiệu quả:

+ Sử dụng đa dạng câu hỏi (*Ai? Cái gì? Làm gì? Ở đâu? Như thế nào? Có/không? Vì sao/ Tại sao? ...*). Nên đặt nhiều câu hỏi kích thích sự tương tác, kích thích tư duy, lập luận (*Như thế nào? Vì sao/ Tại sao? ...*) để kích thích trẻ có câu trả lời dài hơn và cho trẻ đủ thời gian để trả lời (chờ đợi trẻ).

+ Phản hồi hiệu quả: Tập trung vào nội dung nói của trẻ, không tập trung vào cách trẻ nói (lỗi sai): Diễn đạt lại câu nói của trẻ một cách tự nhiên. Ví dụ: Trong giờ ăn, một trẻ nói: “*Con ăn xài.*”, cô không nhắc lại lỗi sai của trẻ mà cô cần nói lại với cách phát âm đúng (“*Con ăn xoài.*”). Cô giáo không cần yêu cầu trẻ lặp lại ngay lập tức câu cô vừa nói - chỉnh sửa lỗi một cách gián tiếp. GV cũng cần mở rộng câu nói của trẻ. Ví dụ, khi trẻ muốn lấy thêm chăn trong giờ ngủ, nhưng trẻ chỉ nói “*Con muốn*” (chỉ tay vào cái chăn), cô giáo có thể mở rộng câu nói cho trẻ: “*Con muốn lấy chăn*”.

5.4. Lĩnh vực Nhận thức

5.4.1. Mục tiêu

Mục tiêu khái quát: Nhằm giúp trẻ hình thành và phát triển năng lực nhận thức thông qua trải nghiệm, từ quan sát, khám phá đến suy luận và vận dụng, để trẻ có thể giải quyết các tình huống đơn giản trong đời sống một cách chủ động, sáng tạo và phù hợp với độ tuổi.

Mục tiêu cụ thể:

- Phát triển năng lực nhận thức theo tiến trình từ nhận biết, khám phá đến thử nghiệm, suy luận và vận dụng sáng tạo, thông qua các mức độ NT1–NT6.

- Hình thành năng lực tư duy trong hành động như quan sát, so sánh, phân loại, dự đoán, giải thích, giải quyết vấn đề và vận dụng vào các tình huống đơn giản trong thực tiễn.

- Tạo cơ hội cho trẻ học tập tích hợp trong nhiều bối cảnh khác nhau (hoạt động học, hoạt động chơi và sinh hoạt hằng ngày), gắn với trải nghiệm thực tế và giải quyết vấn đề, không tách rời các lĩnh vực toán, khoa học và đời sống.

- Hình thành thái độ học tập tích cực: hứng thú khám phá, tự tin thử nghiệm, không sợ sai, biết hợp tác với bạn và chủ động tìm cách giải quyết tình huống.

5.4.2. Tiến trình phát triển năng lực nhận thức của trẻ mầm non

Tiến trình phát triển năng lực nhận thức của trẻ mầm non có thể được xem xét qua các giai đoạn sau:

| Giai đoạn | Đặc điểm | Biểu hiện của trẻ | Vai trò của giáo viên |
|--------------------------------------|--|--|---|
| 1. Tiếp nhận (Khám phá cảm giác) | Trẻ bắt đầu chú ý và tương tác với môi trường thông qua các giác quan như nhìn, nghe, sờ, ngửi, nếm... | Nhìn, sờ, ngửi, nếm, lắng nghe; nhận biết sự hiện diện và đặc điểm ban đầu của sự vật. | Tạo môi trường phong phú, an toàn; khuyến khích trẻ quan sát, trải nghiệm; không cung cấp sẵn câu trả lời/đáp án. |
| 2. Kết nối (Nhận diện và phân loại) | Trẻ nhận ra sự giống và khác nhau giữa các đối tượng, biết phân loại theo dấu hiệu đơn giản, bước đầu thiết lập mối liên hệ. | Tìm vật giống nhau, phân loại theo màu sắc, kích thước; nhận diện công dụng đơn giản. | Gợi mở bằng câu hỏi, tạo cơ hội so sánh, phân loại; khuyến khích trẻ diễn đạt suy nghĩ. |
| 3. Thử nghiệm (Dự đoán và hành động) | Trẻ chủ động tác động vào sự vật, thử nghiệm bằng nhiều cách khác nhau để kiểm tra suy nghĩ, dự đoán của mình. | Dự đoán và thử nghiệm (thả vật vào nước, xếp chồng...); thử nhiều cách khác nhau. | Tạo tình huống có vấn đề; khuyến khích trẻ dự đoán, thử – sai; chấp nhận các cách làm khác nhau. |
| 4. Lý giải (Suy luận và khái quát) | Trẻ bước đầu hiểu quan hệ nguyên nhân – kết quả, biết giải thích hiện tượng theo cách của mình và nhận ra quy luật đơn giản. | Giải thích hiện tượng quen thuộc; rút ra nhận xét, quy luật đơn giản. | Đặt câu hỏi: “vì sao”, “như thế nào”; hỗ trợ trẻ diễn đạt và chính xác hóa hiểu biết của trẻ. |
| 5. Vận dụng (Sáng tạo) | Trẻ biết sử dụng những gì đã biết để giải quyết tình huống mới, tạo ra sản phẩm hoặc cách làm riêng. | Tạo sản phẩm/ giải quyết vấn đề thực tiễn; lựa chọn cách làm phù hợp. Trẻ thể hiện rõ việc | Đưa ra tình huống mở; khuyến khích sáng tạo; hỗ trợ khi cần, không làm thay/làm hộ. |

| | | | |
|--|--|---------------------------------|--|
| | | “biết làm gì với điều đã biết”. | |
|--|--|---------------------------------|--|

Các mức độ năng lực NT1–NT6 không tách rời tiến trình phát triển nhận thức của trẻ mà được hình thành xuyên suốt từ giai đoạn tiếp nhận, kết nối, thử nghiệm đến lý giải và vận dụng. Trong đó, mỗi giai đoạn có thể xuất hiện đồng thời nhiều mức độ năng lực khác nhau tùy theo độ tuổi và bối cảnh hoạt động. Vì vậy, trong quá trình giáo dục, giáo viên cần tổ chức các hoạt động theo hướng linh hoạt, tạo cơ hội để trẻ được trải nghiệm, thử nghiệm, suy nghĩ và vận dụng phù hợp với khả năng của mình.

5.4.3. Lập kế hoạch giáo dục phát triển nhận thức theo tiếp cận năng lực

Khi lập kế hoạch, giáo viên cần luôn trả lời ba câu hỏi cốt lõi:

- Trẻ sẽ làm gì?
- Trẻ học bằng cách nào?
- Trẻ vận dụng ra sao trong thực tế?

Quy trình xây dựng kế hoạch giáo dục phát triển nhận thức:

Bước 1. Phân tích bối cảnh và đặc điểm của trẻ

Giáo viên nghiên cứu chương trình giáo dục mầm non và yêu cầu cần đạt đồng thời quan sát, đánh giá năng lực nhận thức của trẻ theo tiến trình (NT1–NT6). Trên cơ sở đó xác định nhu cầu, hứng thú, mức độ phát triển không đồng đều giữa các trẻ; nhận diện trẻ cần hỗ trợ và trẻ có khả năng phát triển cao hơn.

Căn cứ vào đặc điểm của trẻ, giáo viên xác định đích năng lực cần hình thành và lựa chọn hình thức tổ chức phù hợp. Mỗi năng lực không được hình thành theo cùng một cách mà cần phân bổ linh hoạt:

- Một số năng lực cần hình thành trong hoạt động học (trọng tâm là NT3, NT4).
- Một số năng lực được củng cố qua hoạt động chơi (năng lực NT2, NT5, NT6).
- Một số năng lực hình thành tự nhiên qua hoạt động hằng ngày (NT5, NT6 gắn với tình huống thực tiễn).

Ví dụ: Hoạt động “Đếm đến 5” giúp trẻ hiểu số lượng (NT3), thực hiện đếm và ghép tương ứng (NT4), gợi mở tình huống: “Nếu thiếu 1 cái thì làm sao?” (NT5).

Trong quá trình tổ chức, giáo viên cần phân hóa nhiệm vụ dựa trên khả năng của trẻ (nếu trẻ chậm thì cần được hỗ trợ, trẻ khá được mở rộng yêu cầu).

Bảng dưới đây giúp giáo viên xác định trọng tâm phát triển năng lực trong từng loại hoạt động, từ đó phân bổ phù hợp khi thiết kế kế hoạch cụ thể.

| Năng lực | Hoạt động học | Hoạt động chơi | Hoạt động khác |
|----------|--------------------|-----------------------|-------------------|
| NT1, NT2 | Khởi động | Áp dụng mạnh | Tự nhiên |
| NT3 | Đóng vai trò chính | Mang tính củng cố | Mang tính liên hệ |
| NT4 | Đóng vai trò chính | Áp dụng khi luyện tập | Áp dụng |
| NT5 | Có áp dụng | Áp dụng mạnh | Áp dụng mạnh |

| | | | |
|-----|------------|------------|---------|
| NT6 | Ít áp dụng | Có áp dụng | Chủ yếu |
|-----|------------|------------|---------|

Bước 2. Xác định mục tiêu phát triển nhận thức

Mục tiêu cần được mô tả theo hành động của trẻ trong bối cảnh cụ thể, bao gồm: Hành động: trẻ làm gì (quan sát, phân loại, dự đoán, giải thích...), Nội dung: trên cái gì (sự vật, hiện tượng...), Bối cảnh: trong hoạt động nào (chơi, trải nghiệm, sinh hoạt...).

Nguyên tắc xây dựng mục tiêu

Mục tiêu không dừng lại ở việc xác định trẻ biết gì, mà cần hướng tới việc mô tả trẻ có thể làm được gì với những hiểu biết đó trong những tình huống cụ thể. Vì vậy, mục tiêu cần được diễn đạt dưới dạng kết quả hành động có thể quan sát và đánh giá được, gắn với bối cảnh hoạt động của trẻ. Việc xác định mục tiêu theo hướng này giúp giáo viên định hướng rõ ràng trong tổ chức hoạt động, đồng thời tạo cơ sở để theo dõi và đánh giá sự tiến bộ của trẻ một cách thực chất.

Giáo viên cần làm rõ hành động (trẻ làm gì): Thể hiện qua các động từ cụ thể, có thể quan sát được, phản ánh hoạt động nhận thức hoặc hành vi của trẻ. Ví dụ: đếm, gọi tên, phân loại, so sánh, dự đoán, giải thích, lựa chọn, thử nghiệm...

Nội dung là đối tượng mà trẻ tác động vào, có thể là sự vật, hiện tượng, khái niệm hoặc tình huống cụ thể. Ví dụ: Số lượng trong phạm vi 5, các loại quả, kích thước, hình dạng...

Bối cảnh là môi trường, tình huống hoặc hình thức hoạt động mà trong đó trẻ thực hiện hành động. Ví dụ: Thông qua trò chơi, trong hoạt động nhóm, khi tham gia sinh hoạt hằng ngày, với đồ vật cụ thể...

Mục tiêu giáo dục cần được xây dựng theo tiến trình phát triển tự nhiên của năng lực nhận thức, từ đơn giản đến phức tạp. Mục tiêu sử dụng động từ rõ ràng, tránh các từ chung chung như “biết”, “hiểu” nếu không đi kèm biểu hiện cụ thể, gắn mục tiêu với hoạt động thực tế của trẻ, phù hợp với độ tuổi và khả năng của trẻ, có tính mở, tạo điều kiện cho nhiều cách thực hiện khác nhau, hướng tới sự tiến bộ của từng cá nhân trẻ, không áp đặt.

Giáo viên có thể tham khảo qua ví dụ: Trẻ dự đoán và thử nghiệm để nhận biết vật nổi – vật chìm khi tham gia hoạt động khám phá nước.

- Nhận biết: Trẻ nhận ra một số vật nổi và vật chìm khi quan sát.
- Phân loại: Trẻ phân loại được vật nổi và vật chìm dựa trên kết quả quan sát.
- Thử nghiệm: Trẻ dự đoán và thử nghiệm để kiểm tra vật nổi – vật chìm.
- Suy luận: Trẻ giải thích đơn giản vì sao một số vật nổi hoặc chìm.
- Vận dụng: Trẻ lựa chọn vật liệu phù hợp để tạo một đồ vật có thể nổi trên nước.

Khi xây dựng mục tiêu và mô tả yêu cầu cần đạt, giáo viên cần chuyển từ cách viết: “Trẻ biết...”, “Trẻ hiểu...” thành theo chuỗi tăng dần: Phản ứng đến, bắt chước,

Chủ động có mục đích và vận dụng vào thực tiễn. Qua đó, giáo viên nắm được trẻ của mình đang ở mức độ nào.

Ví dụ: Một số năng lực tiêu biểu như sau.

| Biểu hiện Năng lực | Trẻ 24-36 tháng tuổi | Trẻ 3-4 tuổi | Trẻ 4-5 tuổi | Trẻ 5-6 tuổi |
|-------------------------|---|---|--|---|
| NT2 (chủ động khám phá) | Làm theo, lặp lại hành động khi được gợi ý. | Tự chọn đồ vật để khám phá, thử 1-2 cách. | Thử nhiều cách khác nhau, bắt đầu có mục đích. | Chủ động lựa chọn cách phù hợp, kiên trì đến kết quả. |
| NT5 (giải quyết vấn đề) | Làm theo người lớn. | Thử 1 cách đơn giản. | Thử nhiều cách, biết điều chỉnh. | Lựa chọn cách hợp lý, giải thích được. |

Bước 3. Lựa chọn nội dung giáo dục

Căn cứ vào dự thảo chương trình, nội dung giáo dục cần được lựa chọn trên cơ sở: 1/Gắn với mục tiêu phát triển năng lực; 2/ Phù hợp với trải nghiệm và khả năng của trẻ trong lớp và, 3/Tạo được cơ hội để trẻ khám phá, thử nghiệm và giải quyết vấn đề.

Việc lựa chọn và phân bổ nội dung cần đảm bảo sự liên kết chặt chẽ giữa mục tiêu, nội dung, hoạt động, đồng thời phù hợp với đặc điểm phát triển của từng độ tuổi, đặc thù địa phương.

Nội dung không được tổ chức rời rạc mà cần được tích hợp linh hoạt vào các loại kế hoạch (năm, chủ đề/tháng, tuần, ngày) theo tiến trình phát triển năng lực từ khám phá đến vận dụng và giải quyết vấn đề.

Ví dụ: Ở kế hoạch năm, giáo viên có thể xác định trọng tâm năng lực theo độ tuổi:

- Mẫu giáo 3-4 tuổi: Phát triển NT3, NT4 (hiểu biết, kỹ năng)
- Mẫu giáo 5-6 tuổi: Chú trọng NT5, NT6 (vận dụng, giải quyết vấn đề)

Ở kế hoạch chủ đề/tháng, nội dung được tích hợp xoay quanh các chủ đề gần gũi với trẻ, đảm bảo sự liên kết tự nhiên giữa các nội dung toán, khoa học, công nghệ, nghệ thuật, ngôn ngữ...

Ở kế hoạch tuần và ngày, nội dung được cụ thể hóa thành các hoạt động theo tiến trình: trải nghiệm – khám phá – thực hành – vận dụng, tạo điều kiện để trẻ tham gia tích cực, thử nghiệm và điều chỉnh.

Việc phân bổ nội dung cần linh hoạt, đảm bảo mọi trẻ đều có cơ hội tham gia và phát triển theo khả năng, phù hợp với điều kiện thực tiễn của cơ sở giáo dục.

Nội dung có thể được lựa chọn dưới nhiều hình thức như:

- Chủ đề (gia đình, nước, động vật...)

- Tình huống thực tiễn (mưa, mất đồ vật, cây héo...)
- Dự án nhỏ (trồng cây, xây cầu, chăm sóc vật nuôi...)

Các hình thức này không phải là mục đích mà là phương tiện để phát triển năng lực. Việc tổ chức nội dung cần bám theo tiến trình phát triển năng lực từ NT1 đến NT6, gắn với tổ chức hoạt động từ trải nghiệm, khám phá đến thực hành, vận dụng và phù hợp với độ tuổi của trẻ.

Nội dung cần được tích hợp linh hoạt giữa các lĩnh vực như toán, khoa học và công nghệ, đảm bảo trẻ có thể trực tiếp thao tác (đếm, phân loại, thử nghiệm...). Một tình huống có thể tích hợp nhiều nội dung.

Ví dụ: Hoạt động “Pha nước cam”:

- Toán: Trẻ đo nước bằng cốc, muỗng.
- Khoa học: Trẻ quan sát sự thay đổi khi pha nước cam.
- Công nghệ: Trẻ sử dụng dụng cụ vắt, khuấy nước cam.

Tuy nhiên, khi sử dụng công nghệ, giáo viên cần lưu ý: công nghệ chỉ mang tính hỗ trợ, không thay thế trải nghiệm trực tiếp của trẻ. Việc sử dụng công nghệ cần đúng mục đích (mô phỏng hiện tượng khó quan sát, ghi lại hoạt động của trẻ...), đảm bảo an toàn và phù hợp (thời lượng ngắn, có hướng dẫn, không gây quá tải kích thích).

Ví dụ: sử dụng video về “chợ quê” để hỗ trợ hoạt động chơi bán hàng, hoặc quan sát quá trình phát triển của cây kết hợp với hoạt động trồng cây thực tế.

Bước 4. Lựa chọn cách tiếp cận và hình thức tổ chức

Giáo viên lựa chọn và kết hợp linh hoạt các cách tiếp cận nhằm đảm bảo tính hệ thống, tính tích hợp và phát triển năng lực cho trẻ. Ba cách tiếp cận thường được sử dụng gồm:

- Tiếp cận theo tháng: Giúp giáo viên đảm bảo tiến độ và tính hệ thống của chương trình; phù hợp để xác định định hướng chung về nội dung và mục tiêu phát triển năng lực trong từng giai đoạn.
- Tiếp cận theo chủ đề: Giúp tích hợp nội dung giữa các lĩnh vực (toán, khoa học, công nghệ, nghệ thuật, ngôn ngữ...), gắn với những nội dung gần gũi với trẻ. Giúp giáo viên thuận lợi cho việc tổ chức các hoạt động học và chơi có liên kết.
- Tiếp cận theo dự án: Phát triển tư duy sâu, tăng khả năng tìm tòi và giải quyết vấn đề ở trẻ. Tiếp cận này phù hợp khi trẻ có hứng thú, câu hỏi hoặc nhu cầu khám phá một vấn đề cụ thể trong thời gian dài hơn.

Trong thực tế, giáo viên không sử dụng tách rời mà có thể kết hợp các cách tiếp cận:

- Dùng kế hoạch tháng làm khung định hướng.
- Triển khai nội dung thông qua chủ đề.
- Tổ chức dự án nhỏ khi trẻ có hứng thú hoặc xuất hiện tình huống cần tìm hiểu sâu hơn.

Ví dụ: Trong tháng “Nước”, giáo viên tổ chức chủ đề “Nước và cuộc sống”; khi trẻ hứng thú với việc “vật nổi – chìm”, có thể phát triển thành dự án nhỏ: “Làm thuyền nổi trên nước”.

Khi lựa chọn hình thức tổ chức, giáo viên cần đảm bảo:

- Phù hợp với mục tiêu phát triển năng lực của từng độ tuổi.
- Tạo cơ hội cho trẻ trải nghiệm, thử nghiệm và vận dụng theo khả năng của trẻ.
- Linh hoạt theo hứng thú và khả năng của trẻ, không cứng nhắc theo kế hoạch ban đầu đã đề ra.

Bước 5. Thiết kế hoạt động giáo dục

Các hoạt động: Hoạt động học; Hoạt động chơi; Hoạt động khác cần được tổ chức đa dạng. Trong đó, mỗi hoạt động cần đảm bảo trẻ được quan sát, trải nghiệm, thử nghiệm, suy nghĩ, trao đổi và vận dụng; có tình huống gợi mở, không cung cấp sẵn cách làm.

Đảm bảo có nhiều mức độ nhiệm vụ, phân hóa nhiệm vụ rõ ràng.

Ví dụ: Chủ đề “Nước”

- Hoạt động học: Khám phá vật nổi – chìm;
- Hoạt động chơi: Thả vật cứu đồ chơi;
- Hoạt động ngoài trời: Tìm vật nổi trong môi trường xung quanh, trẻ vận dụng để tránh làm rơi đồ xuống nước.

Giáo viên có thể phân hóa nhiệm vụ trong kế hoạch; cùng một hoạt động, giáo viên cần thiết kế các mức nhiệm vụ khác nhau đáp ứng với trẻ có khả năng khác nhau:

Bước 6. Phân bổ kế hoạch theo thời gian

Kế hoạch giáo dục cần được phân bổ theo các mốc năm, tháng (chủ đề), tuần, ngày, đảm bảo tính liên tục, tính phát triển và tính cân đối. Các hoạt động cần được sắp xếp theo hướng hoạt động trước là nền cho hoạt động sau, mức độ tăng dần từ dễ đến khó, đồng thời không dồn ép nội dung trong một thời điểm.

- Kế hoạch năm: Xác định định hướng chung về phát triển năng lực theo từng giai đoạn, phân bổ các chủ đề lớn phù hợp với đặc điểm độ tuổi và bối cảnh thực tế.

- Kế hoạch tháng/chủ đề: Cụ thể hóa nội dung theo từng chủ đề, đảm bảo có sự liên kết giữa các hoạt động và tạo cơ hội cho trẻ trải nghiệm, khám phá một cách tương đối trọn vẹn.

- Kế hoạch tuần: Sắp xếp các hoạt động theo tiến trình phát triển năng lực (trải nghiệm – khám phá – thực hành – vận dụng), có sự lặp lại hợp lý để củng cố và mở rộng hiểu biết cho trẻ.

- Kế hoạch ngày: Tổ chức các hoạt động cụ thể (học, chơi, sinh hoạt), đảm bảo mỗi ngày trẻ đều có cơ hội quan sát, thử nghiệm, trao đổi và vận dụng trong các tình huống khác nhau.

Trong quá trình phân bổ, giáo viên cần:

- Đảm bảo tính liên tục: Nội dung và kỹ năng được lặp lại, mở rộng qua các thời điểm khác nhau.
- Đảm bảo tính phát triển: Nhiệm vụ giao cho trẻ cần tăng dần về mức độ từ nhận biết đến vận dụng.
- Đảm bảo tính cân đối: Không tập trung quá nhiều nội dung trong một hoạt động hoặc một ngày. Đồng thời, kế hoạch cần có khoảng mở để điều chỉnh theo tình hình thực tế (thời tiết, sự kiện, hứng thú của trẻ...), tạo điều kiện cho trẻ được tham gia lựa chọn hoạt động, đặc biệt ở lứa tuổi mẫu giáo.

Ví dụ: Trong tuần “Nước”

- Đầu tuần: Trẻ quan sát, trải nghiệm với nước (NT1–NT2)
- Giữa tuần: Thử nghiệm vật nổi – chìm (NT3–NT4)
- Cuối tuần: Vận dụng làm “thuyền nổi” (NT5)

Lưu ý: Phân bổ kế hoạch theo thời gian không phải là chia nhỏ nội dung, mà là tổ chức cơ hội học cho trẻ lặp lại và phát triển dần qua các hoạt động khác nhau.

Bước 7. Xác định điều kiện thực hiện và đánh giá

Giáo viên cần chuẩn bị các điều kiện đảm bảo cho trẻ được trải nghiệm và phát triển năng lực:

- Học liệu: đa dạng, mở, gần gũi (đồ vật thật, vật liệu tái chế, đồ dùng thao tác...); đủ để trẻ thử nhiều cách khác nhau.
- Môi trường: bố trí linh hoạt trong và ngoài lớp, có các góc hoạt động tạo cơ hội khám phá, thử nghiệm và trao đổi.
- Tổ chức: thời gian đủ để trẻ trải nghiệm – thử nghiệm – trao đổi; không cắt ngắn quá trình suy nghĩ của trẻ.
- Phối hợp gia đình: trao đổi để phụ huynh tạo cơ hội cho trẻ vận dụng trong sinh hoạt hằng ngày.

Đánh giá sự phát triển của trẻ theo hướng phát triển năng lực, tập trung vào quá trình và cách trẻ thực hiện, không chỉ kết quả:

- Quan sát trong hoạt động: Chú ý cách trẻ quan sát, thử nghiệm, đặt câu hỏi, giải thích, lựa chọn cách làm.
- Thu thập minh chứng: Sản phẩm của trẻ, lời nói, hành động, cách giải quyết vấn đề.
- Dựa trên tiến trình năng lực (NT1–NT6) để nhận diện mức độ: Trẻ có hứng thú, tham gia (NT1–NT2); Trẻ hiểu, thực hiện được (NT3–NT4) ; Trẻ biết suy luận, vận dụng (NT5–NT6).
- Phản hồi kịp thời: Không chốt đúng/ sai ngay, mà gợi mở để trẻ điều chỉnh và phát triển thêm phù hợp với khả năng của trẻ.
- Ghi chép ngắn gọn theo nhóm trẻ hoặc cá nhân trẻ (trẻ cần hỗ trợ, trẻ có khả năng tốt) để điều chỉnh kế hoạch tiếp theo.

5.4.4. Tổ chức phát triển nhận thức theo tiếp cận năng lực

a. Nguyên tắc tổ chức

Trong tổ chức hoạt động phát triển nhận thức theo tiếp cận năng lực, giáo viên không đóng vai trò truyền đạt kiến thức mà là người thiết kế tình huống, tổ chức trải nghiệm và hỗ trợ quá trình tư duy của trẻ. Quá trình này cần được đảm bảo theo 4 nguyên tắc cốt lõi sau:

1) Tạo tình huống để trẻ muốn tìm hiểu (khởi động nhận thức – NT1, NT2)

- Ở giai đoạn khởi động, giáo viên tổ chức các tình huống học tập gần gũi với trải nghiệm sống của trẻ hoặc có yếu tố mới lạ, bất ngờ nhằm kích thích sự chú ý và tò mò tự nhiên. Những tình huống này đóng vai trò như điểm khởi phát, giúp trẻ chuyển từ trạng thái thụ động sang sẵn sàng khám phá.

- Mục tiêu của giai đoạn này không nhằm cung cấp kiến thức hay giải thích hiện tượng, mà tập trung khơi dậy hứng thú, cảm xúc tích cực và nhu cầu nội tại muốn tìm hiểu, muốn thử nghiệm của trẻ.

- Giáo viên sử dụng câu hỏi mở, tình huống có vấn đề đơn giản và các đồ vật, hiện tượng thực tế. Trong quá trình này, không giải thích trước và không đưa ra kết luận sớm nhằm duy trì tính tò mò và sự khám phá của trẻ.

- Ví dụ: “Con nghĩ vật nào sẽ nổi, vật nào sẽ chìm?”, “Vì sao nước trong hai cốc lại khác nhau?”, hoặc “Điều gì xảy ra nếu thiếu một cái thìa?”.

(2) Cho trẻ tự trải nghiệm – thử – sai (học qua hành động – NT2, NT3)

- Sau khi hình thành hứng thú ban đầu, giáo viên tổ chức cho trẻ trực tiếp tương tác với đối tượng học tập thông qua hành động. Việc học diễn ra chủ yếu qua thao tác, không phải quan sát hay nghe giảng thụ động.

- Trẻ được đặt trong các tình huống mở, được sử dụng giác quan và hành động để khám phá, thử nhiều cách khác nhau, đồng thời được phép sai và tự điều chỉnh dựa trên kết quả. Quá trình thử – sai này là cơ sở quan trọng để hình thành hiểu biết ban đầu.

- Giáo viên không dạy theo bước cố định hay áp đặt một cách làm duy nhất, mà thiết kế môi trường mở với nhiều vật liệu và khả năng tương tác. Vai trò của giáo viên là quan sát, nhận diện cách trẻ thực hiện và hỗ trợ khi cần thiết, nhưng không làm thay trẻ.

- Các hoạt động có thể bao gồm thả vật vào nước để quan sát nổi – chìm, phân loại đồ vật theo tiêu chí của trẻ, hoặc thử nhiều cách sắp xếp, đếm, so sánh khác nhau.

- Nguyên tắc cốt lõi là coi sai lầm như một phần tự nhiên của quá trình khám phá và điều chỉnh nhận thức.

(3) Gọi hỏi để trẻ nói – giải thích (phát triển tư duy – NT3, NT4)

- Sau trải nghiệm, giáo viên tổ chức cho trẻ diễn đạt lại quá trình thực hiện nhằm chuyển hóa hành động thành hiểu biết có ý thức. Đây là giai đoạn hình thành tư duy giải thích ban đầu.

- Giáo viên sử dụng câu hỏi gợi mở để giúp trẻ mô tả cách làm, giải thích nguyên nhân, so sánh các cách thực hiện và nhận xét kết quả. Các câu hỏi không nhằm kiểm tra đúng – sai mà nhằm khuyến khích trẻ suy nghĩ và diễn đạt theo cách hiểu của mình.

- Ví dụ: “Con đã làm như thế nào?”, “Vì sao con chọn cách đó?”, “Có cách nào khác không?”, “Con quan sát thấy điều gì?”.

- Trong quá trình này, giáo viên không áp đặt câu trả lời chuẩn, không đánh giá ngay, mà tôn trọng cách lý giải của trẻ như một biểu hiện của quá trình phát triển nhận thức.

- Mục tiêu là giúp trẻ biết diễn đạt suy nghĩ, hình thành lập luận đơn giản và nhận thức được mối quan hệ nguyên nhân – kết quả thông qua trải nghiệm.

(4) Tạo cơ hội để trẻ vận dụng vào thực tế (mở rộng – NT5, NT6)

- Khi trẻ đã có trải nghiệm và hiểu biết ban đầu, giáo viên tiếp tục thiết kế các tình huống mở để trẻ vận dụng kiến thức vào bối cảnh mới trong đời sống.

- Trọng tâm không còn là trẻ “biết gì”, mà là trẻ có thể sử dụng hiểu biết để giải quyết vấn đề thực tiễn. Vì vậy, giáo viên cần xây dựng nhiệm vụ mở tạo điều kiện để trẻ thử nghiệm và lựa chọn cách làm phù hợp.

- Các tình huống vận dụng được tổ chức linh hoạt trong hoạt động học, chơi và sinh hoạt hằng ngày, giúp trẻ thấy được mối liên hệ giữa trải nghiệm và đời sống thực tế. Giáo viên giữ vai trò quan sát, gợi mở và hỗ trợ khi cần, đồng thời hạn chế việc đưa sẵn cách giải quyết hoặc yêu cầu tất cả trẻ thực hiện giống nhau.

- Ví dụ: tìm cách làm vật nổi để chở đồ, tìm vật nổi trong lớp, hoặc giải quyết tình huống thiếu đồ dùng trong sinh hoạt.

- Nguyên tắc quan trọng là tạo cơ hội để trẻ vận dụng hiểu biết một cách đa dạng, qua đó chuyển hóa tri thức thành năng lực thực sự.

b. Quy trình tổ chức hoạt động

*** Quy trình tổ chức hoạt động học theo 4 bước sau:**

(1) Gây hứng thú, đặt vấn đề (tạo tình huống có vấn đề tích hợp)

- Giáo viên tạo tình huống gần gũi với trẻ, có yếu tố bất ngờ hoặc có vấn đề được lựa chọn, được thử và cần giải quyết. Trẻ được quan sát, đặt câu hỏi, dự đoán ban đầu.

- Giáo viên không giới thiệu kiến thức trước, không nêu kết luận, đồng thời khơi gợi các yếu tố toán học (nhiều – ít, to – nhỏ, giống – khác), yếu tố khoa học (hiện tượng, sự thay đổi), yếu tố công nghệ....

- Ví dụ: “Trong chậu nước này có nhiều vật khác nhau, con nghĩ vật nào sẽ chìm, vật nào sẽ nổi? Vì sao?”. Hoạt động không được thiết kế để trẻ trả lời đúng, mà để trẻ biết cách tìm ra câu trả lời.

(2) Tổ chức cho trẻ trải nghiệm thao tác và thử nghiệm

Trẻ trực tiếp làm, chạm, thử, đếm, so sánh, phân loại, quan sát kết quả. Trẻ được quyền sai, thử lại, thay đổi cách làm. Đây là giai đoạn giúp trẻ nhận biết, mô tả và thực hiện các thao tác như so sánh, phân loại, đếm, đo. Giáo viên cần tổ chức để trẻ tự nhận ra và thực hiện, tránh biến hoạt động thành việc dạy trước để trẻ làm theo.

Giáo viên không hướng dẫn theo mẫu duy nhất mà chuẩn bị học liệu mở (nhiều loại vật liệu khác nhau). Ví dụ: Trong hoạt động đếm, giáo viên có thể đưa đồ vật không xếp thẳng hàng và hỏi: “Con đếm thế nào để không bị nhầm?”.

Hạn chế việc cho trẻ làm theo một mẫu duy nhất; thay vào đó, tổ chức đa dạng tình huống và chấp nhận nhiều cách thực hiện khác nhau.

- Quan sát quá trình trẻ làm
- Hỗ trợ khi trẻ gặp khó khăn

Trong bước này, tích hợp thể hiện rõ:

- + Toán: đếm, phân loại, so sánh
- + Khoa học: quan sát hiện tượng chìm – nổi, thay đổi
- + Tư duy: thử – sai, điều chỉnh cách làm.

(3) Gọi trẻ suy nghĩ, giải thích và khái quát

- Giáo viên không kết luận thay trẻ mà sử dụng câu hỏi mở để trẻ tự giải thích và rút ra nhận xét.

Ví dụ giáo viên câu hỏi: “Vì sao con nghĩ vật này chìm?”, “Con thấy có điểm gì giống nhau giữa các vật nổi?”; “Nếu thay đổi cách làm thì điều gì xảy ra?”; “Có cách nào khác để kiểm tra không?”

Mục tiêu là giúp trẻ nói được suy nghĩ của mình; hình thành mối liên hệ đơn giản nguyên nhân – kết quả; bắt đầu khái quát hóa (vật nặng hơn/nhẹ hơn, to hơn/nhỏ hơn, chất liệu khác nhau...).

(4) Tổ chức cho trẻ vận dụng trong tình huống mới

- Giáo viên cần tiếp tục tạo tình huống có vấn đề để trẻ thử nghiệm và điều chỉnh; đưa ra nhiệm vụ mới để trẻ áp dụng điều đã khám phá vào bối cảnh khác, gần với đời sống hoặc trò chơi. Ví dụ: yêu cầu trẻ thêm từ 3 cái bánh thành 5 cái bánh. Khi trẻ thực hiện chưa chính xác, giáo viên không sửa sai ngay mà khuyến khích trẻ thử và điều chỉnh.

Giáo viên có thể hỏi: “Con làm thế nào để giống yêu cầu?”, “Có mấy cách?” và không hướng dẫn ngay mà tạo cơ hội cho trẻ tự tìm cách. Dấu hiệu đạt là trẻ biết thử cách, đổi cách và giải thích được. Hoạt động cần gắn với tình huống thực để trẻ vận dụng được.

- Không yêu cầu nhắc lại kiến thức”, mà yêu cầu biết dùng kiến thức đó vào thực tiễn. Ví dụ: Sau hoạt động đếm, giáo viên gợi ý: “Con hãy tìm trong lớp những đồ vật

dài hơn cái bút của con”. Cần tránh kết thúc hoạt động ở việc “làm xong bài” mà phải có bước vận dụng: “Dùng vào đâu?”.

Ở bước này toán được vận dụng (chọn, đếm, so sánh), Khoa học được áp dụng (hiểu tính chất vật liệu)...

c. Tổ chức trong các hình thức hoạt động

(c1) Hoạt động học

Được tổ chức theo hướng tích hợp toán học, khám phá khoa học và công nghệ trong cùng một hoạt động/tình huống, không tách rời từng khía cạnh. Trẻ vừa đếm, so sánh, phân loại, vừa quan sát, thử nghiệm, giải thích hiện tượng, đồng thời được khuyến khích suy nghĩ, dự đoán và điều chỉnh cách làm.

- Giáo viên không truyền đạt kiến thức sẵn có mà thiết kế tình huống để trẻ trải nghiệm, phát hiện, giải thích, vận dụng, không áp đặt một cách duy nhất mà tôn trọng các cách thực hiện của trẻ, khuyến khích nhiều cách giải quyết khác nhau, coi sai là cơ hội để trẻ được học và phát triển.

**** Định hướng cấu trúc của hoạt động học***

Hoạt động học có thể được tổ chức theo tiến trình sau một cách linh hoạt, không cứng nhắc: phát triển nhận thức theo tiếp cận năng lực được thiết kế theo hướng trẻ là chủ thể hoạt động, giáo viên là người tổ chức, hỗ trợ quá trình trẻ tương tác, suy nghĩ và hình thành năng lực. Giáo án không chỉ trả lời câu hỏi “giáo viên dạy gì”, mà cần làm rõ trẻ tương tác với cái gì, trẻ thực hiện thao tác tư duy nào, trẻ đạt mức năng lực nào (NT1–NT6).

Giáo án được tổ chức theo tiến trình phát triển năng lực từ trải nghiệm khám phá để hiểu, luyện tập và vận dụng, trong đó mỗi bước là quá trình trẻ thực hiện các thao tác tư duy, không chỉ là trình tự hoạt động.

(1) Thông tin chung

- Chủ đề/dự án
- Độ tuổi
- Tên hoạt động
- Thời gian

(2) Mục tiêu

Mục tiêu cần thể hiện rõ:

- Hành động của trẻ (làm gì)
- Kỹ năng tư duy (quan sát, so sánh, suy luận...)
- Mức độ năng lực (NT1–NT6)
- Bối cảnh thực hiện

Ví dụ: Trẻ đếm và so sánh nhóm trong phạm vi 7 (NT3–NT4); trẻ lựa chọn cách tạo nhóm 7 và giải thích cách làm (NT5)

(3) Chuẩn bị

- Đồ dùng giáo viên, đồ dùng trẻ
- Môi trường mở, có yếu tố khám phá và vấn đề

(4) Tiến trình tổ chức hoạt động

Bảng thiết kế tiến trình giáo án theo năng lực

| Bước | Mục đích năng lực | Hoạt động của trẻ | Thao tác tư duy | NT | Hỗ trợ của GV |
|-------------|-------------------|---------------------|-----------------|-------|----------------|
| Trải nghiệm | Gợi hứng thú | Quan sát, tiếp xúc | Nhận biết | NT1–2 | Tạo tình huống |
| Khám phá | Tìm hiểu | Thử nghiệm, so sánh | Phân tích | NT3–4 | Gợi hỏi |
| Hiểu | Khái quát | Trình bày, nhận xét | Khái quát | NT3–4 | Chuẩn hóa nhẹ |
| Luyện tập | Củng cố | Thực hành | Áp dụng | NT3–4 | Phân hóa |
| Vận dụng | Mở rộng | Giải quyết vấn đề | Suy luận | NT5–6 | Tình huống mở |

Ví dụ: Hoạt động: Làm quen số 7 (trẻ 5–6 tuổi)

| Bước | Hoạt động của trẻ | Tư duy | NT | Hỗ trợ của GV |
|-------------|---------------------------------|---------------------|-------|---------------------------------|
| Trải nghiệm | Tìm nhóm có 7 đồ vật trong lớp | Quan sát, nhận biết | NT1–2 | Gợi hỏi: “Nhóm nào giống nhau?” |
| Khám phá | Đếm, so sánh các nhóm | So sánh, phân tích | NT3–4 | Không sửa sai ngay, cho thử lại |
| Hiểu | Trẻ nêu kết quả, nhận diện số 7 | Khái quát | NT3–4 | Chuẩn hóa nhẹ |
| Luyện tập | Ghép số – tạo nhóm 7 | Áp dụng | NT3–4 | Phân hóa nhiệm vụ |
| Vận dụng | Đếm đồ thật, chia nhóm 7 | Giải quyết vấn đề | NT5–6 | Đặt tình huống mở |

Lưu ý: Giáo án theo tiếp cận năng lực không thiết kế theo logic giáo viên trình bày, trẻ làm theo, mà bắt đầu từ trẻ: Trẻ tương tác, suy nghĩ, thử nghiệm, điều chỉnh và vận dụng. Giáo viên không dạy trẻ kết quả/cung cấp kết quả mà thiết kế con đường để trẻ tự tìm ra kết quả đó.

(c2) Hoạt động học chơi

Là môi trường chính để trẻ phát triển nhận thức một cách tự nhiên, trong đó toán – khoa học, công nghệ không tách rời mà xuất hiện trong hành động chơi của trẻ (xếp, đếm, phân vai, thử nghiệm, giải quyết tình huống...).

Giáo viên không “dạy trong chơi” mà tổ chức môi trường, tình huống và hỗ trợ đúng lúc để trẻ tự khám phá và hành động, phát triển đầy đủ các nhóm năng lực: 1/Hứng thú, khám phá (NT1–NT2); 2/ Hiểu biết và kỹ năng (NT3–NT4); 3/Giải quyết vấn đề và vận dụng (NT5–NT6)

Giáo viên không tổ chức “dạy trong chơi”, mà tạo môi trường để trẻ tự phát triển năng lực thông qua chơi.

Khi tổ chức hoạt động chơi cho trẻ, giáo viên thực hiện 3 vai trò:

(1) Chuẩn bị môi trường chơi mở

Bằng cách bố trí góc chơi phong phú, có đồ vật thật; Chuẩn bị vật liệu để trẻ đếm, so sánh, phân loại, thử nghiệm và tạo tình huống có thể phát sinh vấn đề

Giáo viên: Không phân tách góc toán, góc khoa học mà một góc có thể chứa nhiều nội dung tích hợp

(2) Quan sát là chính và không điều khiển trò chơi

Giáo viên quan sát trẻ chơi, ghi nhận cách trẻ suy nghĩ và hành động, không can thiệp làm thay trẻ. Đặc biệt không yêu cầu trẻ chơi giống nhau

Trẻ được tự chọn vai chơi, tự giải quyết tình huống, tự thử, sai và điều chỉnh

(3) Gọi mở khi cần

Giáo viên chỉ can thiệp khi trẻ cần hỗ trợ hoặc bế tắc và dùng câu hỏi ngắn để kích hoạt tư duy. Câu hỏi dùng: “Con làm thế nào?”; “Vì sao con chọn cái này?”; “Có cách khác không?”; “Nếu thay đổi thì sao?”

Hoạt động chơi cần tăng dần mức độ chủ động, tư duy và giải quyết vấn đề, đồng thời gắn với các tình huống thực tiễn trong cuộc sống, gồm:

- Tăng tính chủ động, lựa chọn hoạt động ở trẻ (NT1–NT2)
- Hình thành tư duy và kỹ năng (NT3–NT4)
- Phát triển giải quyết vấn đề (NT5)
- Gắn với thực tiễn (NT6)

Hoạt động chơi thường được tổ chức theo góc hoặc theo tình huống, trong đó các nội dung nhận thức được tích hợp tự nhiên.

Các dạng hoạt động chơi trong phát triển nhận thức tiêu biểu gồm:

Chơi thao tác và làm quen hoạt động học trong các góc. Ví dụ: Trẻ đếm và nói nhóm con vật với số. Giáo viên hỏi: “Con đếm thế nào?”, “Có cách khác không?”, sau đó mở rộng sang so sánh nhiều – ít.

Hoạt động này giúp trẻ vừa hiểu, vừa thực hiện và bước đầu biết lựa chọn cách làm.

Chơi phân loại và khám phá. Trẻ không chỉ thao tác mà còn giải thích, qua đó hình thành tư duy.

Ví dụ: Phân loại thực phẩm (rau, quả, thịt). Giáo viên hỏi: “Vì sao con xếp như vậy?”

Chơi vai có tích hợp nhận thức. Trẻ vừa vận dụng kỹ năng, vừa giải quyết tình

huống thực tế.

Ví dụ: Chơi “bán hàng”. Trẻ đếm tiền, chọn hàng; giáo viên gợi hỏi: “Con cần bao nhiêu tiền?”, “Nếu thiếu thì làm sao?”

Chơi trải nghiệm – khám phá : Trong một hoạt động, trẻ kết hợp thao tác, quan sát và điều chỉnh.

Ví dụ: Làm nước cam. Trẻ vắt cam, đong nước; giáo viên hỏi: “Cốc nào nhiều hơn?”, “Làm sao để bằng nhau?”

Chơi giải quyết vấn đề : Trẻ thử các phương án như thay thế hoặc chia lại, qua đó phát triển khả năng giải quyết vấn đề.

Ví dụ: Khi trẻ chơi làm bánh nhưng bị thiếu nguyên liệu, giáo viên đặt câu hỏi: “Con làm thế nào?”. Trẻ sẽ phải tìm cách khác nhau: thêm nguyên liệu, làm ít bánh...

Chơi vận dụng trong thực tế: Trẻ sử dụng kiến thức và kỹ năng trong các tình huống thực của lớp học.

Ví dụ: Đếm ghế thật, đo chiều dài bàn, xếp đồ theo kích thước.

Tổ chức hỗ trợ và tương tác trong khi chơi: Trong quá trình chơi, giáo viên cần quan sát để nhận biết trẻ chọn gì, gặp khó khăn ở đâu, từ đó hỗ trợ đúng lúc mà không làm thay. Các câu hỏi như “Vì sao?”, “Con thử cách khác?” giúp trẻ tiếp tục suy nghĩ và điều chỉnh hoạt động.

Giáo viên cần tạo cơ hội cho trẻ chơi theo cặp, theo nhóm, luân phiên vai trò, qua đó tăng cường hợp tác và giải quyết mâu thuẫn.

Kết thúc và mở rộng hoạt động chơi: Khi kết thúc, giáo viên không chỉ nhận xét chung mà cần làm rõ cách chơi và cách giải quyết vấn đề của trẻ. Giáo viên có thể lưu lại sản phẩm, hình ảnh để trẻ xem lại và tiếp tục cải tiến ở lần chơi sau.

Ví dụ: “Hôm nay con đã đếm đúng”, “Nhóm con đã cùng nhau chia đồ chơi rất tốt”...

Lưu ý: Giáo viên không dạy nội dung mới trong lúc chơi, không áp đặt cách làm mà chỉ gợi để trẻ tiếp tục suy nghĩ và thử nghiệm; đảm bảo sự hiện diện linh hoạt của các yếu tố: Hứng thú (NT1), Thử nghiệm (NT2), Hiểu (NT3), Thực hiện (NT4), Giải quyết vấn đề (NT5) và vận dụng (NT6).

Đặc biệt, giáo viên cần tránh biến chơi thành bài học yêu cầu tất cả trẻ làm giống nhau, trẻ không có cơ hội vận dụng.

Để hoạt động chơi đạt hiệu quả trong quá trình tổ chức, giáo viên luôn tự đặt và trả lời được câu hỏi:

- Trẻ có đang suy nghĩ không?
- Trẻ có đang thử nghiệm không?
- Trẻ có sử dụng được những gì đã học không?

(c3) Trong hoạt động khác (đón trẻ, hoạt động ăn, ngủ vệ sinh và hoạt động chuyển tiếp)

Các hoạt động sinh hoạt hằng ngày là môi trường tự nhiên, giàu ý nghĩa trong việc phát triển năng lực nhận thức cho trẻ, đặc biệt là năng lực vận dụng (NT5–NT6) và củng cố hiểu biết, kỹ năng (NT3–NT4). Trong các hoạt động này, giáo viên không tổ chức dạy học theo bài riêng lẻ, không tách biệt các nội dung như toán hay khám phá khoa học, mà tận dụng chính các tình huống đang diễn ra trong đời sống hằng ngày để gợi mở, kích thích tư duy và giúp trẻ hình thành hiểu biết một cách tự nhiên. Đặc biệt, trẻ cần được làm, không chỉ nghe.

Trong hoạt động đón, trả trẻ, giáo viên có thể khai thác các tình huống giao tiếp và quan sát lớp để giúp trẻ làm quen với việc chú ý, nhận biết và so sánh đơn giản hình thành hứng thú nhận thức (NT1), đồng thời nhận biết các yếu tố quen thuộc (NT3) và hành vi phù hợp (NT6). Những câu hỏi như “Hôm nay lớp mình có bao nhiêu bạn?”, “Con mặc áo màu gì?”, hay “Bạn nào giống nhau ở điểm nào?” được sử dụng như cách khơi gợi tư duy thay vì kiểm tra kiến thức. Qua đó, trẻ dần hình thành khả năng quan sát, nhận diện và bước đầu biết so sánh trong bối cảnh thực.

Trong hoạt động ăn, trẻ được tạo cơ hội rõ ràng để phát triển hiểu biết, kỹ năng và vận dụng (NT3–NT6) khi tham gia trực tiếp vào các thao tác như chuẩn bị bàn ăn, chia đồ dùng hoặc quan sát số lượng. Giáo viên tận dụng tình huống này để tích hợp các nội dung như đếm, tương ứng một – một, so sánh và giải quyết vấn đề. Ví dụ, khi hỏi “Mỗi bạn cần mấy cái thìa?”, “Còn thiếu bao nhiêu?”, hay “Nếu không đủ thì con sẽ làm thế nào?”, trẻ không chỉ trả lời mà còn được tham gia hành động thực tế. Chính quá trình này giúp trẻ hiểu ý nghĩa của số lượng và biết vận dụng vào tình huống cụ thể.

Hoạt động ngủ giúp trẻ nhận biết không gian, vị trí và hình thành hành vi phù hợp (NT3–NT6). Ví dụ: “Giường con ở đâu?”, “Mỗi bạn có mấy cái gối?” (NT4), đồng thời rèn nề nếp (NT6). Giáo viên có thể mở rộng nhận thức: “Khi tắt đèn thì chuyện gì xảy ra?” (ánh sáng – bóng tối).

Trong hoạt động vệ sinh, giáo viên khai thác các tình huống liên quan đến trình tự, đặc điểm sự vật và hành vi đúng trong sinh hoạt. Thay vì giải thích dài dòng, giáo viên sử dụng các câu hỏi ngắn như “Bước nào làm trước khi rửa tay?”, “Nước ấm hay lạnh?”, hay “Vì sao phải rửa tay trước khi ăn?” để trẻ tự quan sát, trải nghiệm và rút ra nhận xét. Nhờ đó, trẻ hình thành hiểu biết về trình tự hành động và mối liên hệ đơn giản giữa nguyên nhân và kết quả.

Trong các hoạt động chuyển tiếp giữa các hoạt động trong ngày, giáo viên có thể duy trì sự chú ý và hứng thú nhận thức của trẻ thông qua các hoạt động nhẹ nhàng như đếm, vận động theo nhịp hoặc so sánh đơn giản. Ví dụ, trẻ có thể cùng đếm khi xếp hàng hoặc thực hiện các vận động theo số lượng. Những hoạt động ngắn này giúp trẻ duy trì sự tập trung và gắn nhận thức với vận động một cách tự nhiên.

Trong toàn bộ các hoạt động giáo viên không giảng giải kiến thức và mà giữ vai trò người gợi mở, quan sát và hỗ trợ đúng lúc thông qua các câu hỏi ngắn, giúp trẻ tự tham gia, tự trải nghiệm và tự hình thành hiểu biết từ chính hoạt động thực tế của mình.

Tích hợp với các lĩnh vực khác

Hoạt động hằng ngày cho phép tích hợp tự nhiên giữa lĩnh vực nhận thức với các lĩnh vực khác:

Ví dụ: tích hợp **vận động (NT4, NT6)** (nhảy 5 lần tương ứng với số 5, di chuyển theo hướng trước – sau); tích hợp với **ngôn ngữ và âm nhạc (NT3, NT4)** (kể chuyện kết hợp đếm nhân vật, hát gắn với vận động theo số).

Sự tích hợp này tạo điều kiện để trẻ vừa hiểu, vừa thực hiện và vừa vận dụng ngay trong cùng một trải nghiệm, giúp quá trình hình thành năng lực diễn ra liên tục và gắn với thực tiễn

Ví dụ: Hoạt động: “Chợ quê em” (trẻ 4–5 tuổi)

Giáo viên tạo bối cảnh “chợ quê” trong lớp với các vật liệu quen thuộc như rau củ thật, giỏ, tiền đồ chơi, cân... Hoạt động có thể bắt đầu từ trò chuyện nhẹ nhàng về trải nghiệm đi chợ của trẻ: “Ở chợ có những gì?”, “Mẹ thường mua gì?”, từ đó khơi gợi hứng thú nhận thức và kết nối với trải nghiệm thực tế của trẻ.

Trong quá trình chơi, trẻ tự lựa chọn vai (người bán, người mua, người vận chuyển...) và tham gia vào các tình huống khác nhau. Giáo viên không phân chia góc cứng nhắc mà quan sát, gợi mở linh hoạt theo diễn biến chơi của trẻ.

Khi trẻ bán hàng, giáo viên có thể gợi hỏi: “Mua 3 quả cà chua thì cần bao nhiêu tiền?”, giúp trẻ vừa đếm, vừa hiểu số lượng trong tình huống thực. Khi trẻ phân loại hàng, có thể hỏi: “Cái nào là rau, cái nào là quả? Vì sao con xếp như vậy?”, từ đó phát triển khả năng nhận biết và giải thích. Khi trẻ vận chuyển hoặc so sánh, giáo viên gợi mở: “Xe nào chở nhiều hơn?”, “Làm sao để hai bên bằng nhau?”, tạo cơ hội cho trẻ thử nghiệm và điều chỉnh.

Trong quá trình đó, giáo viên linh hoạt hỗ trợ theo từng trẻ: với trẻ còn hạn chế, hướng dẫn đếm từng đôi tượng; với trẻ khá hơn, mở rộng yêu cầu như so sánh nhiều hơn – ít hơn hoặc giải quyết tình huống phát sinh.

Hoạt động có thể kết hợp vận động như mang hàng theo số lượng, nhảy theo số “mua được”, giúp trẻ gắn nhận thức với hành động cụ thể.

Khi kết thúc, giáo viên không chỉ dừng ở nhận xét chung mà gợi cho trẻ nhìn lại quá trình: “Hôm nay con bán được bao nhiêu?”, “Nếu lần sau chơi lại, con sẽ làm gì khác?”, từ đó giúp trẻ hình thành khả năng suy nghĩ và điều chỉnh.

Hoạt động cũng có thể được mở rộng ra ngoài lớp học thông qua phối hợp với phụ huynh, như cho trẻ đi chợ cùng người lớn, tham gia chọn đồ, đếm số lượng, qua đó tiếp tục củng cố và vận dụng những gì đã trải nghiệm.

d. Phân hóa và hỗ trợ trẻ

Trong cùng một hoạt động nhận thức, trẻ có mức độ phát triển khác nhau. Vì vậy, giáo viên cần phân hóa nhiệm vụ và cách hỗ trợ để mọi trẻ đều tham gia và phát triển. Giáo viên có thể phân hóa hỗ trợ trẻ theo bảng sau:

| Mức độ | Biểu hiện | Cách hỗ trợ của giáo viên |
|------------------------|--|---|
| Trẻ còn hạn chế | <ul style="list-style-type: none">- Chưa chủ động tham gia- Làm theo thụ động, ít nói- Khó hiểu nhiệm vụ | <ul style="list-style-type: none">- Giao nhiệm vụ đơn giản, rõ ràng- Làm mẫu một phần- Hỏi câu hỏi ngắn: “Cái gì?”, “Ở đâu?”- Khuyến khích, động viên trẻ tương tác. |
| Trẻ đạt mức trung bình | <ul style="list-style-type: none">- Tham gia nhưng còn cần hỗ trợ- Thực hiện được nhiệm vụ đơn giản | <ul style="list-style-type: none">- Gợi ý 1–2 cách làm- Hỏi: “Con làm thế nào?”- Khuyến khích trẻ thử lại |
| Trẻ khá hoặc tốt | <ul style="list-style-type: none">- Chủ động, thử nhiều cách- Biết giải thích phù hợp độ tuổi. | <ul style="list-style-type: none">- Giao nhiệm vụ mở, khó hơn- Hỏi: “Có cách nào khác không?”- Khuyến khích trẻ giải thích, lập luận |

e. Đánh giá trong tổ chức hoạt động

Sau mỗi hoạt động học, giáo viên đánh giá thông qua việc trả lời câu hỏi:

- Trẻ có hứng thú không? (NT1)
- Trẻ có được trải nghiệm và thử nghiệm không? (NT2)
- Trẻ có hiểu không? (NT3)
- Trẻ có thực hiện được không? (NT4)
- Trẻ có giải quyết được vấn đề không? (NT5)
- Trẻ có vận dụng được không? (NT6)

Việc tổ chức hoạt động cần linh hoạt theo hứng thú và khả năng của trẻ.

*** Lưu ý:** Đối với trẻ đầu mẫu giáo giáo viên cần làm mẫu rõ ràng, hỗ trợ cá nhân, nhưng cần tạo cơ hội để trẻ tự thử và phản ứng theo cách của mình và khuyến khích trẻ chuyển dần từ trải nghiệm cụ thể sang tư duy đơn giản và giải quyết vấn đề, phù hợp với từng độ tuổi, bao gồm:

- Phát triển tò mò, chủ động khám phá (NT1, NT2)
- Hình thành khái niệm toán và khoa học đơn giản (NT3, NT4)
- Phát triển giải quyết vấn đề và vận dụng (NT5, NT6)

Trong tổ chức hoạt động, giáo viên cần tạo các tình huống có vấn đề, khuyến khích trẻ so sánh, phân loại, dự đoán, giải thích, đồng thời tạo cơ hội cho trẻ trình bày ý kiến, làm việc nhóm, thử nghiệm và điều chỉnh.

Thay vì tổ chức hoạt động theo từng nội dung riêng lẻ như toán hay khám phá khoa học, giáo viên cần thiết kế các tình huống học gắn với thực tế, trong đó trẻ đồng thời sử dụng hiểu biết, kỹ năng và khả năng giải quyết vấn đề. Trong mỗi tình huống, các nội dung toán, khoa học và kỹ năng nhận thức được tích hợp một cách tự nhiên.

5.5. Lĩnh vực Nghệ thuật (1 tiết lý thuyết, 1 tiết thực hành)

Học viên thảo luận trong nhóm:

- Câu hỏi thảo luận:

1. Giáo dục nghệ thuật theo hướng phát triển năng lực giúp trẻ phát triển những phẩm chất và kỹ năng gì? Giáo viên cần thay đổi vai trò như thế nào khi tổ chức hoạt động cho trẻ?
2. Làm thế nào để tổ chức hiệu quả các hoạt động tạo hình, âm nhạc và hoạt động nghệ thuật lồng ghép nhằm phát huy tính sáng tạo, cảm xúc và sự chủ động của trẻ?
3. Giáo viên cần làm gì để xây dựng môi trường nghệ thuật “mọi lúc mọi nơi” giúp trẻ được tự do trải nghiệm, khám phá và thể hiện bản thân?

Đại diện nhóm chia sẻ ý kiến với cả lớp.

THÔNG TIN PHAN HỒI

Hoạt động nghệ thuật là một phương pháp giáo dục đạt hiệu quả để trẻ khám phá và phát triển những kỹ năng sống quan trọng. Nghệ thuật mang đến cho trẻ sự sáng tạo, khả năng diễn đạt cảm xúc, tăng cường sự tự tin và phát triển nhận thức

Tổ chức các hoạt động giáo dục nghệ thuật cho trẻ mẫu giáo không chỉ dừng lại ở việc rèn luyện kỹ năng, mà quan trọng hơn là khơi gợi giúp trẻ rung động trước cái đẹp. Thông qua hành trình trải nghiệm thực tế, trẻ được tự do khám phá thế giới bằng các giác quan, từ đó khơi mở và nuôi dưỡng năng lực sáng tạo tự nhiên ở trẻ. Các hoạt động nghệ thuật này được cụ thể hóa và lồng ghép linh hoạt qua các hình thức học tập sau:

5.5.1. Hoạt động Tạo hình

Đây là không gian để trẻ chuyển hóa những quan sát từ cuộc sống thành những tác phẩm mang đậm dấu ấn cá nhân. Thông qua việc vẽ (theo mẫu, đề tài hoặc ý thích), nặn, cắt, xé dán, bồi, chắp ghép và tô màu, trẻ không chỉ rèn luyện vận động tinh mà còn phát triển tư duy không gian giúp trẻ phát triển khả năng sáng tạo, rèn luyện tính kiên nhẫn, khéo léo và tinh thần tự chủ.

Việc tận dụng các nguyên liệu đã qua sử dụng không chỉ kích thích tư duy logic và khả năng phối hợp mắt - tay mà còn giáo dục trẻ về ý thức bảo vệ môi trường, biến những thứ bình thường thành "tác phẩm nghệ thuật" độc đáo.

5.5.2. Hoạt động Âm nhạc

Âm nhạc là hoạt động nghệ thuật gần gũi, phù hợp với trẻ là nhịp cầu ngắn nhất để trẻ kết nối với cảm xúc. Qua các hoạt động này, trẻ hình thành sự nhạy bén về thính giác và nhịp điệu. Trẻ được đắm mình trong những bản nhạc, học cách cất vang lời ca và vận động cơ thể nhịp nhàng qua các động tác nhún nhảy, múa... hay vỗ tay theo các tiết tấu nhằm kích thích sự phát triển cảm xúc và thể hiện khả năng cảm xúc của trẻ đối với âm nhạc.

Việc tiếp xúc với các nhạc cụ đơn giản như phách tre, xúc xắc, gáo dừa, đàn... giúp trẻ hiểu về âm sắc và biết cách tạo ra âm thanh theo ý muốn, bước đầu xây dựng nền tảng cảm thụ âm nhạc cho trẻ.

5.5.3. Hoạt động lồng ghép

Nghệ thuật không bị giới hạn trong phòng học mà được mở rộng ra không gian rộng lớn của thực tế. Thông qua các buổi tham quan bảo tàng, di tích lịch sử hay những giờ dạo chơi ngoài trời, trẻ được trực tiếp quan sát và cảm nhận vẻ đẹp của thiên nhiên, văn hóa và con người.

Những hình ảnh sống động từ chuyện đi sẽ trở thành "chất liệu thực" giúp các hoạt động vẽ, hát hay kể chuyện sau đó trở nên giàu cảm xúc và có chiều sâu hơn.

Để những giá trị nghệ thuật ấy thực sự thấm sâu và trở thành một phần trong sự phát triển tự nhiên của trẻ, các hoạt động giáo dục nghệ thuật không chỉ gói gọn trong những bài giảng lý thuyết mà được triển khai một cách linh hoạt, sáng tạo qua từng khoảnh khắc của trẻ tại trường. Cụ thể, tiến trình này được hiện thực hóa thông qua các hoạt động gợi ý sau:

+ Trong hoạt động học (định hướng phát triển kỹ năng và cảm thụ)

Đây là thời điểm vàng để giáo viên đóng vai trò là người dẫn dắt, giúp trẻ tiếp cận các kỹ năng nghệ thuật một cách bài bản nhưng không gò bó. Trong giờ học có chủ đích, nghệ thuật được lồng ghép như một cuộc dạo chơi của tri thức. Tại đây, trẻ được hướng dẫn những kỹ thuật nền tảng của tạo hình hay âm nhạc, từ đó tạo tiền đề để trẻ tự tin thể hiện bản sắc riêng của mình.

Ví dụ minh họa: Hoạt động Tạo hình

Tên hoạt động: Tạo hình "Thiết kế trang phục từ nguyên vật liệu mở"

Độ tuổi: 5 – 6 tuổi.

- Mục tiêu:

Trẻ biết phối hợp các kỹ năng cắt, dán, đính kết các nguyên vật liệu mở (túi nilon, giấy báo, lá khô) để tạo thành bộ trang phục theo ý thích.

- Chuẩn bị: Các loại túi nilon màu, giấy báo cũ, băng dính, kéo, các hạt nút, hoa khô; nhạc nền sôi động.

- Tiến trình tổ chức:

Hoạt động 1: Tìm hiểu

Gây hứng thú: Xem clip ngắn về "Thời trang bảo vệ môi trường".

Phương pháp: Đàm thoại gợi mở giúp trẻ khám phá các nguyên vật liệu, cách làm bộ thời trang qua đoạn clip.

Trẻ thảo luận nhóm về các loại nguyên vật liệu hiện có; chọn ý tưởng và cách làm.

Hoạt động 2: Thực hành

Hình thức tham gia: Trẻ làm việc theo nhóm 2-3 bạn, hoặc cá nhân.

Dự kiến biểu hiện của trẻ: Trẻ tranh luận chọn nguyên vật liệu làm trang phục, loay hoay tìm cách dán túi bóng vào giấy, gắn hoa, cắt giấy..., hào hứng ướm thử đồ lên người bạn.

Cách đánh giá và điều chỉnh nhằm hỗ trợ phát triển năng lực cho trẻ:

Quan sát cách trẻ xử lý khi thực hành kỹ năng như: dán không dính (thay bằng băng dính hai mặt hoặc kẹp ghim),.... Nếu trẻ lúng túng về ý tưởng, giáo viên gợi ý các mẫu váy/áo đơn giản.

Hoạt động 3: Nhận xét

Cho trẻ trình diễn thời trang chia sẻ ý tưởng, cách làm bộ trang phục.

Ví dụ minh họa: Giáo dục Âm nhạc

Tên hoạt động: "Ban nhạc nhí".

Độ tuổi: Chồi (4-5 tuổi).

- **Mục tiêu:** Trẻ biết sử dụng các dụng cụ âm nhạc tự tạo để gõ đệm theo nhịp điệu và phối hợp với bạn.

- **Chuẩn bị:** Các loại chai lọ chứa hạt đậu, xúc xắc tự làm, đàn đá (nếu có), máy phát nhạc.

- **Tiến trình tổ chức:**

Hoạt động 1: Trải nghiệm, khám phá

Trẻ tự do lựa chọn nhạc cụ và thể loại nhạc (Pop, dân ca, hoặc nhạc thiếu nhi). Gợi ý trẻ tự sáng tạo ra các cách gõ: gõ vào lòng bàn tay, gõ xuống sàn, gõ vào nhau.

Hoạt động 2: Thực hành

Hình thức tham gia: Trẻ phối hợp cùng bạn theo nhóm gõ đệm theo nhịp điệu trên nền nhạc mà nhóm đã chọn. (Trẻ thực hiện nhiều lần với nhiều hình thức và nhạc cụ)

Dự kiến biểu hiện: Trẻ nhún nhảy tự nhiên, phối hợp với bạn sử dụng dụng cụ âm nhạc để gõ đệm theo giai điệu bài nhạc, biết chờ đợi đến lượt.

Cách đánh giá và điều chỉnh nhằm hỗ trợ phát triển năng lực cho trẻ:

Quan sát sự tập trung và mức độ tương tác giữa các trẻ, gợi ý thêm ý tưởng gõ theo nhịp giai điệu bài nhạc.

+ Trong hoạt động vui chơi (Góc nghệ thuật và hoạt động ngoài trời)

Đây là không gian mở để trẻ tự do ứng dụng, rèn luyện củng cố kỹ năng và thực hiện các ý tưởng cá nhân. Nghệ thuật chỉ thực sự thăng hoa khi trẻ được tự do sáng tạo.

Thông qua các góc chơi như ‘tạo hình’ hay ‘âm nhạc’, trẻ được lựa chọn nguyên vật liệu, ý tưởng, tự do phối màu hay sáng tác những giai điệu mới dựa trên những trải nghiệm thực tế mà trẻ đã được quan sát, được học.

Sau đây là nội dung gợi ý hướng dẫn tổ chức hoạt động giáo dục nghệ thuật cho trẻ mẫu giáo trong giờ chơi, bám sát tinh thần "tự do và trải nghiệm thực tế":

+ Hoạt động tại góc nghệ thuật

Góc Tạo hình:

Chuẩn bị: Ngoài các đồ dụng dụng cụ tạo hình: màu vẽ, keo dán, kéo..., các nguyên liệu mở: vỏ hộp, lõi giấy, lá khô, sỏi, vải vụn, nắp chai...(giáo viên chuẩn bị theo nội dung kế hoạch tháng hoặc theo chủ đề/ dự án). Sắp xếp theo khay để trẻ tự lựa chọn và thuận tiện khi lấy và cất.

Cách hướng dẫn: Giáo viên không bắt ép trẻ mà hãy để trẻ tự chọn ý tưởng hoặc đưa ra một chủ đề gợi mở (VD: "Tạo vườn hoa xuân"). Trẻ tự chọn nguyên vật liệu, dụng cụ thực hiện kỹ năng phối màu sáp với màu nước, hoặc dùng đất nặn kết hợp với cành cây khô để tạo sản phẩm....

Giáo viên đóng vai trò là người hướng dẫn, định hướng, người cung cấp vật liệu, thông qua cách giáo viên đặt câu hỏi: "Con dự định sẽ làm gì?"; "Con định dùng vật liệu gì cho mái nhà này?", "Màu này con pha từ những màu nào thế?"

Góc Âm nhạc: "Sân khấu mini"

Chuẩn bị: Các loại nhạc cụ (phách tre, trống, đàn tơ-rưng đồ chơi) và cả "nhạc cụ tự chế" (chai nước chứa sỏi, nắp vung nồi, gậy gỗ); trang phục, máy phát nhạc.

Cách hướng dẫn: Trẻ chọn trang phục, đạo cụ, tự mở loa các bản nhạc không lời hoặc bài hát đã học để múa minh họa, vận động,... theo cách riêng. Giáo viên khuyến khích trẻ dùng nhạc cụ "giữ nhịp" cho bạn hát hoặc tự sáng tác một đoạn vè, một điệu nhảy mới, hoặc gợi ý tổ chức một buổi "Liveshow " để trẻ biểu diễn thành quả sáng tạo trước nhóm bạn.

+ Hoạt động nghệ thuật ngoài trời

Không gian này giúp trẻ giải phóng năng lượng và cảm nhận nghệ thuật ở quy mô lớn hơn.

Vẽ tranh trên khổ lớn/Vẽ trên sân trường

Thực hiện: Trải một tấm bạt lớn hoặc giấy bản rộng dưới gốc cây. Cho trẻ dùng cọ lớn, con lăn, hoặc thậm chí là vẽ bằng bàn chân/bàn tay.

Sử dụng phấn trắng/phấn màu để trẻ vẽ trực tiếp lên nền sân gạch các trò chơi dân gian hoặc chân dung bạn bè. Sau khi chơi xong, trẻ cùng cô dùng vòi nước xịt sạch sân cũng là một trải nghiệm nghệ thuật với nước thú vị.

Sáng tạo từ "Quà tặng thiên nhiên":

Thực hiện: Trẻ đi dạo quanh sân trường thu nhặt lá rụng, cánh hoa phơi khô, sỏi đá. Cho trẻ xếp lá thành hình con vật trên thảm cỏ, hoặc dùng màu nước trang trí lên những viên sỏi. Trẻ có thể kết những chiếc lá thành vương miện, vòng đeo tay nghệ thuật.

Âm thanh của thiên nhiên:

Thực hiện: Cho trẻ nhắm mắt lại để lắng nghe tiếng chim hót, tiếng gió rít qua lá cây, tiếng nước chảy. Sau đó, trẻ dùng nhạc cụ hoặc giọng hát của mình để "mô phỏng" lại những âm thanh đó theo cảm nhận riêng.

*** Lưu ý:**

Giáo viên tôn trọng sự khác biệt: Không chỉnh sửa sản phẩm của trẻ theo ý người lớn. Một bông hoa màu xanh lá cây hay một bài hát không rõ lời vẫn là nghệ thuật của trẻ.

Giáo viên khích lệ bằng câu hỏi: Thay vì khen "Đẹp quá", hãy nói "Cô thấy con phối hợp màu tím và vàng rất ấn tượng, con có thể kể về nó không?".

Giáo viên tạo môi trường: Thường xuyên thay đổi vật liệu tại các góc dựa theo nội dung kế hoạch tháng/chủ đề/ dự án để trẻ không bị nhàm chán.

+ Trong các hoạt động khác (Sinh hoạt mọi lúc mọi nơi)

Giáo dục nghệ thuật đã trở thành một phần tự nhiên của đời sống, được lồng ghép khéo léo từ giờ đón - trả trẻ cho đến các hoạt động lễ hội, giúp trẻ luôn được sống trong không gian sáng tạo. Đó có thể là lúc trẻ đến lớp, cùng cô thiết kế môi trường lớp học, là những giai điệu nhẹ nhàng lúc giờ ăn, giờ ngủ hay những chuyến tham quan dã ngoại, nơi trẻ được trực tiếp chạm vào vẻ đẹp của thế giới xung quanh để nuôi dưỡng cảm xúc thẩm mỹ trọn vẹn nhất.

Để biến nghệ thuật thành "hơi thở" trong đời sống hằng ngày của trẻ tại trường mầm non, giáo viên cần tận dụng những khoảnh khắc chuyên tiếp và sinh hoạt đời thường. Dưới đây là hướng dẫn gợi ý cho các mốc thời gian "mọi lúc mọi nơi":

+ Giờ đón trẻ và trò chuyện sáng "Khởi động cảm xúc"

Đây là lúc khơi gợi hứng khởi và kết nối thẩm mỹ ngay khi trẻ bước chân vào lớp. Thay vì những lời nhắc nhở khô khan, hãy mở những bản nhạc không lời tươi sáng, nhịp điệu vừa phải. Cô và trẻ có thể cùng nhảy một điệu dân vũ ngắn hoặc sáng tạo các kiểu bắt tay "nghệ thuật" (chạm vai, đập tay theo nhịp).

+ Giờ ăn và giờ ngủ

Trong giờ ăn, cô hướng dẫn trẻ cách sắp xếp bát, thìa gọn gàng như một bức tranh. Đôi khi, cô có thể gợi ý trẻ quan sát màu sắc của thực phẩm: "Hôm nay bát canh của chúng mình có màu cam của cà rốt và xanh của hành lá, trông thật rực rỡ đúng không các con?".

Khi trẻ chuẩn bị ngủ, hãy dùng âm nhạc dân ca, nhạc cổ điển hoặc tiếng hát ru nhẹ nhàng của cô. Điều này giúp trẻ hình thành khả năng thẩm mỹ âm nhạc tinh tế nhẹ nhàng.

+ Vệ sinh và tạo môi trường

Thiết kế môi trường lớp học: Việc cho trẻ cùng tham gia thiết kế môi trường lớp học không chỉ giúp giảm tải công việc cho giáo viên mà còn là "giờ học nghệ thuật thực hành" giá trị nhất. Khi trẻ được trực tiếp "chạm" và sắp xếp không gian, trẻ sẽ cảm nhận nghệ thuật một cách sống động qua các khía cạnh như: Cảm nhận về bố cục và sự ngăn nắp (bố trí, sắp xếp đồ dùng, đồ chơi); cảm nhận về sự hài hòa của màu sắc (cắm hoa bàn ăn; trang trí góc lớp); cảm nhận về chất liệu và bề mặt (khi trẻ hỗ trợ cô xếp các loại giấy vẽ: giấy nhám, giấy lụa, bìa carton) hoặc các vật liệu thiên nhiên (sỏi, vỏ ốc, hạt đậu), đôi bàn tay trẻ được cảm nhận sự khác biệt giữa thô ráp và mịn màng, cứng và mềm. Đây là nền tảng để trẻ biết cách phối hợp chất liệu trong các sản phẩm tạo hình sau này); cảm nhận về Giá trị của Sản phẩm (Trung bày sản phẩm).

Vệ sinh cá nhân: Sáng tác hoặc sử dụng các bài hát ngắn khi rửa tay, chải đầu để biến các hoạt động vệ sinh thành một màn biểu diễn vui nhộn.

+ Tham quan và dã ngoại (hoạt động ngoài trời)

Đây là cơ hội tốt nhất để nuôi dưỡng "cảm xúc thẩm mỹ trọn vẹn". Phát cho mỗi trẻ một "bảng màu" (miếng bìa có dán các ô màu). Khi đi dạo, trẻ phải tìm những vật trong thiên nhiên có màu sắc tương ứng (ví dụ: lá vàng, hoa đỏ, đá xám).

Cho trẻ mang theo sổ tay và bút chì/phấn. Khi dừng chân ở một bồn hoa hay bóng cây đẹp, hãy để trẻ "ghi chép" lại vẻ đẹp đó bằng những nét vẽ nguệch ngoạc theo cảm xúc thực.

+ Giờ trả trẻ

Trẻ tự tay sắp xếp các sản phẩm nghệ thuật làm được trong ngày vào vị trí trang trọng để giới thiệu với bố mẹ.

Cô có thể cùng trẻ hát một đoạn "tạm biệt" hoặc tặng cho mỗi phụ huynh một hình vẽ/sản phẩm nhỏ mà trẻ đã hoàn thành, giúp lan tỏa tinh thần nghệ thuật từ trường về nhà.

+ Hoạt động lễ hội

Lễ hội là nơi trẻ được "đắm mình" trong môi trường nghệ thuật tổng hòa.

Thưởng thức hình ảnh: Một sân khấu được trang trí hài hòa, ánh sáng lung linh và trang phục đẹp mắt sẽ tác động mạnh mẽ đến thị giác, giúp trẻ hình thành về cái đẹp.

Biểu diễn tự tin: Khuyến khích trẻ biểu diễn bằng cảm xúc thật. Trẻ vừa hát vừa cười rạng rỡ có giá trị nghệ thuật cao hơn một trẻ hát đúng nhạc nhưng gương mặt vô cảm.

Giao lưu nghệ thuật: Tổ chức các khu vực nghệ thuật nhỏ trong lễ hội như: góc làm đồ chơi dân gian, góc cắm hoa, góc khiêu vũ tự do....

Sau Lễ hội: "Lắng đọng cảm xúc thẩm mỹ" thông qua việc triển lãm ảnh/video, vẽ lại kỷ niệm. Đây là lúc trẻ chuyển hóa những cảm xúc sống động thành tác phẩm nghệ thuật cá nhân.

Việc hướng dẫn tổ chức các hoạt động giáo dục nghệ thuật theo định hướng phát triển năng lực đang mở ra một môi trường học tập toàn diện và lấy trẻ làm trung tâm. Thay vì chỉ chú trọng truyền thụ kỹ năng thuần túy, phương pháp này tập trung khơi gợi cảm xúc và nuôi dưỡng tư duy sáng tạo tự nhiên thông qua chuỗi trải nghiệm đa dạng từ tạo hình, âm nhạc đến thực tế.

Tại đây, trẻ được tự do **“chơi mà học, học bằng chơi”** với những vật liệu gần gũi từ thiên nhiên. Cách tiếp cận này không chỉ giúp trẻ phát triển thẩm mỹ, rèn luyện tư duy mà còn bồi đắp tình yêu môi trường và trân trọng các giá trị văn hóa. Đó chính là nền tảng vững chắc để trẻ lớn lên trong sự tự tin, sở hữu một tâm hồn nhạy bén và biết cách khẳng định bản thân mình.

Nội dung 4. Hướng dẫn xây dựng môi trường giáo dục phát triển năng lực cho trẻ mẫu giáo

Hoạt động 6. Xây dựng môi trường vật chất trong lớp học.

Câu hỏi trao đổi, thảo luận:

1. Trong lớp học hiện nay, trẻ có thực sự được chủ động lựa chọn và sử dụng học liệu không?
2. Môi trường lớp học theo tiếp cận năng lực khác gì với cách bố trí lớp học truyền thống?
3. Làm thế nào để môi trường lớp học khuyến khích trẻ khám phá, thử nghiệm và giải quyết vấn đề?
4. Anh/chị đã từng thay đổi môi trường lớp học dựa trên hứng thú hoặc nhu cầu của trẻ chưa?

THÔNG TIN PHẢN HỒI

Môi trường giáo dục đóng vai trò then chốt, là “người thầy thứ ba” giúp trẻ học tập thông qua trải nghiệm, khám phá và thực hành. Việc xây dựng môi trường giáo dục phát triển năng lực đòi hỏi cán bộ quản lý và giáo viên cần thay đổi tư duy từ “dạy cái gì” sang “trẻ học như thế nào”, từ đó tổ chức không gian học tập mở, linh hoạt, giàu tính trải nghiệm. Môi trường vật chất trong lớp giúp trẻ: Chủ động khám phá, chủ động tương tác, Phát triển phẩm chất và năng lực cho trẻ. Là yếu tố trực tiếp tác động đến hoạt động của trẻ, có vai trò tạo cơ hội cho trẻ trải nghiệm – khám phá – thực hành. Thúc đẩy trẻ chủ động lựa chọn và tham gia hoạt động. Hỗ trợ phát triển năng lực vận động, năng lực nhận thức và kỹ năng xã hội cho trẻ. Giúp trẻ học thông qua chơi, chủ động và tích cực, góp phần hình thành cho trẻ: Tính tự lập, tính kỷ luật, thói quen tích cực .

Môi trường không chỉ để “trang trí” mà phải phục vụ hoạt động của trẻ

6.1. Nguyên tắc tổ chức môi trường trong lớp

- Môi trường trong lớp học được phân chia thành các góc hoạt động rõ ràng, có ranh giới, có góc động, góc tĩnh được bố trí phù hợp, thuận tiện trong quá trình trẻ hoạt động.

- Môi trường có tính mở: Cho phép trẻ lựa chọn cách chơi khác nhau, Một đồ dùng có thể sử dụng nhiều mục đích. Ví dụ: Hộp giấy có thể dùng để xây nhà, làm xe, làm cửa hàng ...

- Môi trường phải an toàn: Không có góc cạnh sắc nhọn, không độc hại đồ dùng chắc chắn, phù hợp lứa tuổi. Học liệu đặt ở tầm với của trẻ. Ví dụ: Góc vận động có thảm mềm khi trẻ bò, nhảy

- Tính thẩm mỹ: Màu sắc hài hòa, hấp dẫn, bố trí gọn gàng, khoa học Ví dụ: Góc nghệ thuật trang trí bằng sản phẩm của trẻ

- Tính linh hoạt: Dễ thay đổi theo chủ đề, có thể di chuyển, sắp xếp lại, Thường xuyên thay đổi theo chủ đề. Ví dụ: Góc “Gia đình” có thể đổi thành “Cửa hàng”

- Phù hợp với trẻ: Đồ dùng đặt trong tầm với của trẻ, Phù hợp độ tuổi, khả năng, Có nhãn, ký hiệu dễ nhận biết, Ví dụ: Trẻ 3–4 tuổi: đồ to, dễ cầm, Trẻ 5–6 tuổi: đồ tinh hơn, đa chức năng.

6.2. Các khu vực/góc hoạt động cơ bản

a. Góc học tập – khám phá: Góc học tập – khám phá là nơi giúp trẻ trực tiếp quan sát, thao tác, thử nghiệm, hình thành tư duy khoa học ban đầu, phát triển các năng lực: Nhận thức – tư duy; Giải quyết vấn đề, Quan sát – so sánh – phân loại. Đây là góc trọng tâm để phát triển năng lực học tập cho trẻ mẫu giáo.

Cấu trúc môi trường trong góc học tập – khám phá

a.1. Khu học toán – logic: Đồ dùng: Thẻ số, tranh số lượng que tính, hạt, khối hình, các loại bảng biểu ôn luyện toán: tạo số lượng, phân loại, thêm bớt, tạo nhóm, lắp ghép hình học...

Hoạt động: Đếm số lượng, thêm bớt, chia tách số lượng, So sánh to – nhỏ, cao - thấp, dài- ngắn, Phân loại theo màu, hình dạng

Ví dụ: Trẻ xếp 5 hạt theo số 5, Phân loại: hạt đỏ – hạt xanh, bảng chia tách số lượng

Phát triển năng lực: Tư duy logic, nhận thức toán học,

a.2. Khu chữ cái – ngôn ngữ: Đồ dùng: Thẻ chữ cái, bảng chữ cái tranh ảnh minh họa, sách tranh, truyện tranh, sa bàn rối, tranh thơ truyện chữ to, tranh chữ rỗng, kính lúp, bút chì, sáp màu ...

Hoạt động: Nhận biết chữ, ghép chữ đơn giản, tô đồ chữ cái, tìm chữ trong từ, kể chuyện theo tranh, kể chuyện theo sa bàn rối, đóng kịch...

Ví dụ: Trẻ tìm chữ “A” trong tranh, Ghép chữ tạo từ đơn giản, tìm chữ còn thiếu trong từ, tô màu, tô đồ nét chữ, tìm chữ cái đã học trong thơ, chuyện. Kính lúp tìm chữ...

-> Phát triển năng lực: Ngôn ngữ mạch lạc, giao tiếp tự tin, nói đủ câu phù hợp từng độ tuổi

a.3. Khu khám phá khoa học: Đồ dùng: Cốc nước, thìa, hạt giống, đất, cát, nam châm, kính lúp (đồ chơi), Giấy bút, sáp màu, màu nước...

Hoạt động: Thí nghiệm đơn giản, quan sát sự vật. Thí nghiệm: vật nổi – chìm, Trồng cây → quan sát phát triển... Ví dụ Hoạt động: Thí nghiệm vật nổi – chìm

Phát triển năng lực: Tư duy khoa học, quan sát – suy luận...

Ví dụ: Thí nghiệm vật nổi – chìm

- Chuẩn bị: chậu nước, quả bóng, viên đá

- Trẻ thực hiện: thả từng vật vào nước

Kết quả: Bóng nổi, Đá chìm

Giáo viên gợi hỏi: “Vì sao bóng nổi?”

-> Năng lực phát triển: Quan sát, tư duy, giải thích hiện tượng

a.4. Khu trải nghiệm thực tế: Đồ dùng: Cân đơn giản, Đồng hồ đồ chơi, Dụng cụ đo
Hoạt động: Đo, đếm, so sánh, thực hành kỹ năng sống.

Ví dụ: Cân hai vật xem nặng – nhẹ, Đo nước bằng cốc...

-> Phát triển năng lực: Giải quyết vấn đề, vận dụng thực tế

b. Góc xây dựng: Góc xây dựng là một trong những góc hoạt động quan trọng trong lớp học mẫu giáo, giúp trẻ: Phát triển tư duy không gian và logic, rèn kỹ năng vận động tinh (cầm, nắm, lắp ghép). Góc xây dựng là nơi trẻ: Lắp ghép, thiết kế, tạo sản phẩm (nhà, cầu, đường...) trực tiếp trải nghiệm – thử nghiệm – điều chỉnh. Học thông qua hoạt động “làm”.

- Hình thành năng lực: Năng lực tư duy và giải quyết vấn đề: Trẻ biết xác định “xây cái gì” và “xây như thế nào” Biết thử – sai – điều chỉnh trong quá trình xây dựng. Năng lực vận động tinh: Cầm, nắm, lắp ghép khối chính xác, phối hợp tay – mắt linh hoạt. Năng lực hợp tác: Biết phân vai trong nhóm (người xây, người lấy vật liệu...) Biết trao đổi, thống nhất ý tưởng. Năng lực sáng tạo: Tạo ra công trình theo trí tưởng tượng, biến đổi vật liệu theo nhiều cách sử dụng. Năng lực giao tiếp: Diễn đạt ý tưởng xây dựng, Giới thiệu sản phẩm của nhóm.

-> Đây là góc chơi mang tính tích hợp cao giữa thể chất – nhận thức – xã hội

b.1. Nguyên tắc thiết kế góc xây dựng: - Học liệu mở – đa dạng: Khối gỗ, khối nhựa, Hộp giấy, ống nhựa, vật liệu tái chế, Các phụ kiện: cây, người, phương tiện mini; Gạch nhựa, gỗ, lego, hành rào lắp ghép; Mô hình nhà, xe... Đồ chơi lắp ghép sáng tạo, các hình khối ...

Không giới hạn sản phẩm, linh hoạt theo chủ đề: Có thể thay đổi theo các chủ đề. Khuyến khích trẻ chủ động: Trẻ tự chọn vật liệu, tự quyết định mô hình xây dựng.

- *Vật liệu xây dựng chính*: Khối gỗ, lego, Hộp giấy, chai nhựa. Gạch, xốp...

Đặc điểm: Nhiều kích thước, hình dạng, Dễ ghép, dễ tháo.

Ví dụ: Trẻ dùng hộp sữa làm “nhà”, Dùng khối gỗ làm “cầu”

- *Vật liệu mở – tái chế*: Lõi giấy, nắp chai, que kem, Vỏ hộp...

Ví dụ: Dùng nắp chai làm bánh xe, Que kem làm hàng rào...

-> Tăng tính sáng tạo, giáo dục bảo vệ môi trường

b.3. Không gian xây dựng: Yêu cầu rộng rãi, đủ chỗ cho nhóm trẻ hoạt động, có thảm để giảm va chạm, đây là góc động nên không gian cần tách biệt tương đối để không tránh ảnh hưởng các góc khác

b.4. Hình ảnh gợi ý: Tranh nhà, cầu, đường, mô hình đơn giản...

Ví dụ: Tranh cầu → trẻ học cách xây.

Lưu ý: Chỉ gợi ý, không ép trẻ làm giống

b.5. Khu trưng bày sản phẩm: Trẻ tự hào về sản phẩm, tạo động lực

Ví dụ: Trưng bày “thành phố của bé”

c. Góc phân vai: Là nơi trẻ nhập vai các nhân vật trong cuộc sống (gia đình, bác sĩ, bán hàng...) tái hiện lại hoạt động xã hội gần gũi. Học thông qua trải nghiệm tình huống thực tế, đây là góc giúp phát triển mạnh: Năng lực giao tiếp – ngôn ngữ, năng lực hợp tác – tương tác xã hội, năng lực giải quyết tình huống, năng lực biểu đạt cảm xúc.

Nguyên tắc xây dựng môi trường:

+ Tính thực tiễn: Nội dung chơi gần gũi cuộc sống của trẻ Ví dụ: Gia đình, cửa hàng, bệnh viện.

+ Tính mở: Không có kịch bản cố định, trẻ tự xây dựng nội dung chơi

+ Tính đa dạng: Nhiều loại đồ chơi, vai chơi

+ Tính linh hoạt: Thay đổi theo chủ đề, Ví dụ: Chủ đề “Gia đình” → bếp ăn, Chủ đề “Nghề nghiệp” → bác sĩ, bán hàng

+ Tính an toàn: Đồ chơi nhẹ, không sắc nhọn

Thành phần môi trường vật chất trong góc phân vai:

c.1. Khu “Gia đình”:

Đồ dùng: Bếp đồ chơi, nồi, chén, bát, búp bê,

Hoạt động: Nấu ăn, chăm sóc em bé. Ví dụ: Trẻ đóng vai mẹ nấu ăn, mẹ chăm sóc em bé -> Năng lực phát triển: Tự phục vụ, tình cảm, trách nhiệm

c.2. Khu “Cửa hàng – bán hàng”;

Đồ dùng: Tiền giả, hàng hóa (đồ chơi, rau quả), giỏ, quây...

Hoạt động: Mua – bán, trao đổi

Ví dụ: Trẻ làm người bán hàng, mời khách, trẻ trả tiền khi mua

-> Năng lực phát triển: Giao tiếp, Kỹ năng xã hội

c.3. Khu “Bác sĩ”

Đồ dùng: Ống nghe, kim tiêm đồ chơi, Giường bệnh

Hoạt động: Khám bệnh, chăm sóc bệnh nhân

Ví dụ: Trẻ khám bệnh cho bạn, dặn dò bệnh nhân uống thuốc

-> Năng lực phát triển: Trò chơi đóng vai phát triển ngôn ngữ, biết quan tâm, chia sẻ

c.4. Trang phục và đạo cụ: Đồ dùng bác sĩ, quần áo bác sĩ, đầu búp, mũ, tạp dề...

Ví dụ: Trẻ mặc áo bác sĩ, đeo tai nghe khi chơi khám bệnh-> Tăng hứng thú, giúp nhập vai tốt hơn

c.5. Không gian chơi: Phân khu rõ ràng, có biển tên góc chơi, Ví dụ: “Góc gia đình” – “Góc bán hàng”

Phát triển năng lực: giao tiếp, cảm xúc – xã hội

d. Góc nghệ thuật: là nơi trẻ: Thể hiện cảm xúc, ý tưởng cá nhân thông qua vẽ, nặn, xé dán, âm nhạc, Được trải nghiệm sáng tạo tự do, không bị ràng buộc khuôn mẫu,

- Phát triển các năng lực: Thẩm mỹ, Sáng tạo, Biểu đạt cảm xúc, Tự tin

-> Đây là góc giúp trẻ “học bằng cảm xúc và trải nghiệm”

- Nguyên tắc xây dựng môi trường:

+ Tính mở – khuyến khích sáng tạo: Không áp đặt sản phẩm mẫu, cho phép trẻ làm theo ý tưởng riêng. Ví dụ: Cùng một đề tài “vẽ ngôi nhà” nhưng mỗi trẻ vẽ khác nhau

+ Tính đa dạng vật liệu: Nhiều loại vật liệu khác nhau, khuyến khích kết hợp.

Ví dụ: Vẽ + xé dán + nặn

+ Tính dễ tiếp cận: Đồ dùng đặt trong tầm với, Trẻ tự lấy – tự cất.

+ Tính an toàn: Màu không độc hại, Trang bị kéo an toàn cho trẻ

+ Tính thẩm mỹ: Không gian đẹp, hấp dẫn, trưng bày sản phẩm của trẻ

- Thành phần môi trường vật chất trong góc nghệ thuật

d.1. Khu tạo hình (vẽ – nặn – xé dán)

Đồ dùng: Giấy vẽ, bút màu, sáp màu, Đất nặn, Hồ dán, Kéo an toàn, Vật liệu: lá cây, giấy màu, vải vụn

Hoạt động: Vẽ tranh, nặn con vật, xé dán tranh

Ví dụ: Trẻ vẽ “gia đình của bé”, nặn “con cá”, dán tranh từ lá cây...

-> Năng lực phát triển: Sáng tạo, Biểu đạt cảm xúc, Khéo léo của đôi tay

d.2. Khu âm nhạc: Đồ dùng: Nhạc cụ đơn giản: trống, lắc, thanh gõ, xắc xô, máy phát nhạc...

Hoạt động: Hát, múa, Vận động theo nhạc

Ví dụ: Trẻ múa theo bài hát, Gõ nhịp theo nhạc

-> Năng lực phát triển: Cảm nhận nhịp điệu, Biểu diễn, tự tin

d.3. Khu thủ công – sáng tạo: Đồ dùng hộp giấy, nắp chai, que kem, dây, len...

Hoạt động: Làm đồ chơi, Trang trí

Ví dụ: Làm con vật từ hộp giấy, Làm vòng tay từ len...

-> Năng lực phát triển: Sáng tạo, giải quyết vấn đề

d.4. Khu trung bày sản phẩm: Mục đích tạo động lực cho trẻ, giúp trẻ tự tin

Cách bố trí: Treo tranh, đặt sản phẩm ở vị trí dễ thấy

Ví dụ: “Góc triển lãm tranh của bé”

e. Góc vận động – thể chất: Xây dựng môi trường vật chất cho góc vận động trong lớp học mầm non cần đảm bảo 3 yếu tố cốt lõi: an toàn – linh hoạt – kích thích vận động. Không chỉ là đặt vài dụng cụ, mà phải tạo được không gian để trẻ *muốn vận động và vận động đúng cách*.

c.1. Vị trí và không gian: Chọn khu vực rộng, thoáng, ít đồ đạc cản trở (thường gần tường hoặc góc lớp). Tránh gần góc học tập yên tĩnh để không gây ảnh hưởng.

- Có thể sử dụng thảm mềm hoặc xốp lót sàn để giảm chấn thương.

- Đồ dùng, dụng cụ vận động: Nên đa dạng nhưng phù hợp độ tuổi:

+ Vận động thô: Vòng thể dục, bóng, dây nhảy, cọc chui, hầm chui, bậc lên xuống, ghé thể dục nhỏ.

+ Phối hợp vận động: Túi cát, gậy thể dục, đích ném, bảng dán

+ Tận dụng vật liệu mở: Thùng carton, chai nhựa, lốp xe nhỏ (đã xử lý an toàn)

-> Nên sắp xếp theo mức độ từ dễ → khó để trẻ lựa chọn.

Cách bố trí: Để dụng cụ thấp, vừa tầm trẻ, có kệ hoặc rổ phân loại rõ ràng.

- Có lối di chuyển rõ ràng (ví dụ: đường đi ziczac, đường thẳng bằng).

- Không đặt quá nhiều đồ cùng lúc → tránh rối và nguy hiểm.

- Có thể thay đổi bố trí theo chủ đề để tạo hứng thú.

Yếu tố an toàn: Dụng cụ không sắc nhọn, không trơn trượt, kiểm tra thường xuyên (óc vít, độ chắc chắn...), Có quy định đơn giản: Không chen lấn, chơi theo lượt, giáo viên luôn quan sát khi trẻ hoạt động.

Tạo hứng thú cho trẻ: Trang trí bằng màu sắc tươi sáng, hình ảnh vận động.

Có ký hiệu hướng dẫn đơn giản (mũi tên, dấu chân...)

Kết hợp trò chơi: vượt chướng ngại vật, ném trúng đích, đi thẳng bằng...

Linh hoạt theo diện tích lớp: Lớp nhỏ: dùng dụng cụ gọn nhẹ, dễ cất, Lớp rộng: có thể thiết kế thành “đường vận động mini”

6.3. Xây dựng môi trường vật chất ngoài lớp học.

Môi trường vật chất ngoài lớp học là không gian quan trọng giúp trẻ: Phát triển thể chất, kỹ năng vận động; Hình thành năng lực khám phá, trải nghiệm; Rèn luyện kỹ năng xã hội, hợp tác; Phát triển tính tự lập và sáng tạo

Yêu cầu: Đảm bảo an toàn tuyệt đối cho trẻ, Phù hợp với độ tuổi và nhu cầu của trẻ, Tạo cơ hội cho trẻ học qua chơi, trải nghiệm thực tế. Linh hoạt, dễ thay đổi theo chủ đề giáo dục.

a. Nguyên tắc xây dựng môi trường ngoài lớp học

- Nguyên tắc an toàn: Sân chơi bằng phẳng, không trơn trượt, thiết bị chắc chắn, không góc cạnh sắc nhọn. Có khu vực che nắng, che mưa, kiểm tra định kỳ và bảo trì thường xuyên.

- Nguyên tắc mở và linh hoạt: Tận dụng nguyên vật liệu sẵn có (lốp xe, gỗ, chai nhựa...) Dễ thay đổi cách bố trí theo chủ đề. Khuyến khích trẻ tham gia sắp xếp, xây dựng môi trường

- Nguyên tắc phát triển năng lực: Môi trường phải tạo cơ hội cho trẻ: Tự lựa chọn hoạt động, trải nghiệm đa dạng, giải quyết vấn đề, giao tiếp và hợp tác

b. Các khu vực chính trong môi trường ngoài lớp học

b.1. Khu vận động: phát triển thể lực, sự khéo léo. Bố trí: Cầu trượt, xích đu, thang leo, đường đi thẳng bằng, lốp xe bước qua

+ Khu vận động liên hoàn (chui – leo – nhảy) yêu cầu: Khoảng cách an toàn giữa các thiết bị, có thảm cỏ hoặc đệm giảm chấn.

b.2. Khu khám phá thiên nhiên: Phát triển năng lực quan sát, khám phá. Bố trí: Vườn cây, bồn hoa; khu trồng rau của bé; góc quan sát côn trùng, thời tiết:

Hoạt động: Tưới cây, chăm sóc cây, Quan sát sự phát triển của cây, thu hoạch rau.

b.3. Khu chơi với cát – nước: Phát triển giác quan và tư duy khoa học. Bố trí: Hồ cát sạch, Bàn chơi nước, xô, chậu, ống dẫn. Yêu cầu có mái che, đảm bảo vệ sinh, thoát nước tốt.

b.4. Khu trải nghiệm sáng tạo: phát triển trí tưởng tượng, sáng tạo. Bố trí: Góc vẽ ngoài trời, khu chơi với vật liệu tái chế, không gian xây dựng ngoài trời.

b.5. Khu trò chơi dân gian: Phát triển kỹ năng xã hội, giữ gìn văn hóa. Bố trí: Các trò chơi dân gian Ô ăn quan, nhảy lò cò, kéo co, bịt mắt bắt dê, các trò chơi vận động nhóm.

b.6. Khu nghỉ ngơi – thư giãn: Giúp trẻ cân bằng hoạt động, giúp trẻ thư giãn. Bố trí: Ghế đá, chòi nghỉ, Góc đọc sách ngoài trời. Không gian yên tĩnh, thoáng mát.

c. Trang thiết bị và vật liệu: Ưu tiên vật liệu an toàn, bền, thân thiện môi trường, có thể tái sử dụng. Kết hợp thiết bị hiện đại (cầu trượt, xích đu) với vật liệu tự tạo (lốp xe, tre, gỗ...)

d. Tổ chức khai thác môi trường: Cho trẻ tự do lựa chọn khu vực chơi, giáo viên quan sát, hỗ trợ khi cần, gợi mở hoạt động, đặt câu hỏi.

- Thay đổi môi trường theo chủ đề học, thay đổi theo mùa và thời tiết

e. Đánh giá và cải tiến: Quan sát mức độ tham gia của trẻ

- Đánh giá: Trẻ có hứng thú không? Có phát triển kỹ năng không?

- Điều chỉnh: Bổ sung thiết bị, thay đổi bố trí

- Tăng tính trải nghiệm

Kết luận: Môi trường vật chất ngoài lớp học không chỉ là nơi vui chơi mà còn là “lớp học mở”, nơi trẻ được học qua trải nghiệm, phát triển toàn diện năng lực, hình thành kỹ năng sống cần thiết

Hoạt động 7. Xây dựng môi trường tâm lý – xã hội

Học viên thảo luận trong nhóm:

- *Câu hỏi thảo luận:*

1. Hãy xác định các nội dung xây dựng môi trường tâm lý - xã hội của lớp học.
2. Giải thích về các nội dung nhóm đã nêu.
3. Tác động của từng nội dung đối với việc phát triển năng lực của trẻ.

- *Đại diện nhóm chia sẻ ý kiến với cả lớp*

THÔNG TIN PHẢN HỒI

7.1. Xây dựng môi trường tâm lý – xã hội

** Tôn trọng quyền tự do, trao quyền chủ động, tăng cường sự tham gia của trẻ*

Trẻ cần được tự do lựa chọn hoạt động yêu thích theo nhịp độ học tập, khả năng riêng, ưu tiên sự phát triển tính tập trung và cá nhân. Trẻ được tự do khám phá trong nhà và ngoài trời theo cách riêng với điều kiện được bảo đảm an toàn. Giáo viên cần cho phép trẻ tự lựa chọn, đàm phán và thảo luận, nhờ đó trẻ học được trách nhiệm với lựa chọn của mình; đồng thời, các ý kiến của trẻ phải được tôn trọng. Giáo viên tôn trọng sự tự do của trẻ, tạo cho trẻ sự tự chủ trong sinh hoạt hàng ngày bao gồm những việc: tự dọn dẹp đồ chơi, cất dọn đồ sau khi ăn, mặc quần áo.... Hướng dẫn trẻ giúp cô thu dọn đồ dùng, chuẩn bị cho các hoạt động giáo dục, chăm sóc, vệ sinh cây cối... Khi tiến hành lập kế hoạch, chuẩn bị môi trường, tổ chức hoạt động... giáo viên cần cân nhắc, suy xét các lựa chọn xuất phát từ ý kiến, sự quan tâm, hứng thú của trẻ nhằm tăng cường sự tham gia của trẻ. Tất cả trẻ trong lớp đều được tôn trọng, được đối xử công bằng như nhau và được khích lệ, ghi nhận để động viên, khuyến khích mọi nỗ lực, cố gắng của trẻ.

** Có các cơ hội cho tương tác giữa trẻ - trẻ và giữa trẻ - người lớn một cách thường xuyên và tích cực.* Giáo viên luôn tạo cơ hội cho trẻ tương tác với nhau, sẵn sàng phản hồi khi trẻ có nhu cầu tương tác. Thông qua các hoạt động giao tiếp xã hội, trẻ em có thể học hỏi lẫn nhau, tự tin hơn trong giao tiếp và phát triển kỹ năng ứng xử tình huống. Giáo viên cần luôn luôn chú ý tới mối quan hệ của trẻ trong các hoạt động cùng nhau, sử dụng các biện pháp tích cực để giúp trẻ thương thảo, trình bày ý kiến, nêu quan điểm cá nhân... Đồng thời, cho trẻ cơ hội chủ động, tích cực, tự tin, tự lực trong quá trình học, chơi cùng nhau và giải quyết các xung đột, mâu thuẫn dưới sự giám sát của giáo viên và chỉ hỗ trợ khi cần thiết. Giáo viên cần linh hoạt thay đổi và điều chỉnh kế hoạch để đáp ứng nhu cầu của trẻ và những gì diễn ra trong thực tiễn, đặc biệt là linh hoạt thực hiện về mặt nội dung và thời gian. Nếu trẻ quá chăm chú và say sưa vào hoạt

động nào đó, có thể dành thêm thời gian và thông báo với trẻ về khoảng thời gian đó. Hoặc có thể bỏ qua phần tiếp theo nếu cả lớp thực sự đang tham gia tích cực, hứng thú.

** Xây dựng quy tắc lớp học*

Khi tổ chức các hoạt động giáo dục cho trẻ, đảm bảo sự tự do, tự nguyện, chủ động, tham gia của trẻ ... thì lớp học cần có các quy tắc để đảm bảo sự tuân thủ, an toàn và thực hiện được các nội dung theo kế hoạch.

Đối với trẻ: cần có các quy tắc an toàn về khu vực hoạt động, cách sử dụng đồ dùng, cách giao tiếp: đề nghị bạn cho chơi chung, ứng xử khi bạn tranh giành hoặc có hành vi thô bạo, yêu cầu bạn cùng cất dọn đồ dùng, quy ước hiệu lệnh thu dọn đồ chơi, di chuyển trong - ngoài lớp... Giáo viên tổ chức cho trẻ cùng nhau đề xuất, thảo luận và thống nhất quy tắc lớp học, kết hợp kênh hình và kênh chữ; cho trẻ cam kết thực hiện bằng cách “ký”, viết tên, vẽ hình, ký hiệu cá nhân... vào bảng quy tắc lớp học. Đối với một số hoạt động mới về không gian, nội dung, thiết bị... giáo viên cần đặt ra quy tắc của hoạt động và yêu cầu trẻ nhắc lại trước khi thực hiện.

Đối với giáo viên: Đảm bảo luôn luôn có mặt trong hoạt động của trẻ ở mọi không gian. Khuyến khích các biểu hiện tự lực, sáng tạo của trẻ. Lắng nghe ý kiến của trẻ và thể hiện sự tôn trọng qua ngôn ngữ, cử chỉ... Đảm bảo trẻ được thực sự tự do, mọi hình thức áp đặt, làm thay, làm hộ đều ảnh hưởng không tốt đến trò chơi, hoạt động của trẻ. Cho phép trẻ thực hiện phong phú các hành động, khám phá theo cách riêng của mình. Chấp nhận mọi kết quả đạt được từ trẻ. Hoạt động cùng trẻ một cách tự nhiên, biểu cảm, tạo ra được sự liên kết và gắn bó mật thiết giữa trẻ em và môi trường giáo dục. Giáo viên cũng là hình mẫu về sự tôn trọng lẫn nhau: đi lại nhẹ nhàng, khi muốn trao đổi việc gì, cần đến gần vỗ nhẹ vào vai người cần nói và nói thềm vào tai thay vì gọi to, nói to trong lớp để đảm bảo tôn trọng, duy trì sự tập trung, hứng thú của trẻ. Các quy tắc này cần được thống nhất đối với các giáo viên trong lớp, trong trường và thực hành thường xuyên.

** Duy trì bầu không khí lớp học ổn định, yên bình, có tính xã hội và cảm xúc:* Duy trì bầu không khí lớp học vui vẻ, hào hứng với những câu hỏi, chia sẻ, giải đáp, thảo luận về các vấn đề trẻ quan tâm và cùng nhau giải quyết. Lớp học sôi nổi thể hiện ở chỗ trẻ tham gia vào các hoạt động, trẻ luôn bận rộn một cách tích cực chứ không phải sự ồn ào, hét hò cổ vũ, quá nhiều tiếng ồn. Khi xung đột xảy ra, giáo viên cần bình tĩnh can thiệp và giúp trẻ nhắc lại các thỏa thuận, quy tắc, tự đề xuất hướng giải quyết và giáo viên giám sát, hỗ trợ trẻ thực hiện.

Bầu không khí lớp học có nhiều cảm xúc giúp trẻ cảm thấy vui vẻ, sẵn sàng tham gia các hoạt động. Môi trường tạo cho trẻ có cảm giác thoải mái, thân thuộc, an toàn và không sợ hãi khi giáo viên không quát mắng, áp đặt trẻ..các nhu cầu và hoạt động của trẻ được tôn trọng. Giáo viên thực hành quan sát, theo dõi, quan tâm các trạng thái cảm

xúc của trẻ để có tương tác, thái độ, ứng xử phù hợp, kịp thời; duy trì sự tiếp xúc giữa giáo viên với trẻ trong các thời điểm, các hoạt động hàng ngày... giúp gia tăng cảm xúc xã hội tích cực và thân thuộc cho trẻ khi ở trường.

** Thúc đẩy khả năng thiết lập mối quan hệ với bạn bè, với môi trường vật chất tự nhiên và nhân tạo xung quanh trẻ.* Khen ngợi trẻ khi có thái độ vui vẻ với bạn khi chơi, biết quan tâm hứng thú của bạn, chia sẻ và đổi đồ dùng, đồ chơi yêu thích cho bạn; tham gia dễ dàng khi được rủ cùng chơi, thực hiện các quy tắc trong trò chơi, quy tắc lớp học. Giáo viên quan sát, theo dõi biểu hiện về khả năng tự lực giải quyết các vấn đề nảy sinh khi tham gia hoạt động của trẻ. Gợi ý, khích lệ trẻ biết cách tìm kiếm, thay thế đồ dùng, đồ chơi còn thiếu; tự phân công nhiệm vụ khi tham gia hoạt động trong nhóm; biết đề nghị tham gia nhóm một cách phù hợp; biết tìm kiếm sự trợ giúp của người lớn khi cần thiết...

** Xây dựng mối quan hệ giữa giáo viên, trẻ em, cha mẹ trẻ và cộng đồng.* Mối quan hệ giữa giáo viên và trẻ em, cha mẹ trẻ và giáo viên, trẻ em và cha mẹ... đều là mối quan hệ hai chiều. Giáo viên, trẻ em và cha mẹ trẻ tôn trọng lẫn nhau và lắng nghe quan điểm của nhau, mỗi người đều có vai trò riêng và đều quan trọng như nhau. Giáo viên cần lắng nghe cẩn thận, đầy đủ những chia sẻ của cha mẹ trẻ về con mình, về nhu cầu và cách họ nhận ra được điều đó ở con họ. Qua đó, giáo viên có được những thông tin giúp hỗ trợ trải nghiệm của trẻ ở lớp cũng như đảm bảo sự nhất quán trong tác động giáo dục tới trẻ tại nhà trường cũng như tại gia đình. Giáo viên chia sẻ quan điểm về giáo dục trẻ em với cha mẹ trẻ, cung cấp những thông tin rõ ràng, dễ hiểu về những gì xảy ra trong môi trường của lớp học; cách sắp đặt không gian và cách tổ chức các hoạt động trong một ngày; chia sẻ hình ảnh của trẻ, của giáo viên, kế hoạch làm việc của trường, lớp với cha mẹ trẻ, giúp họ thấy mình như là một thành viên trong nhà trường. Các thông tin về trẻ, các sản phẩm của trẻ mà cha mẹ trẻ có thể xem, mang về vào cuối ngày... giúp cha mẹ trẻ biết được những việc trẻ đã làm trong ngày, sự tiến bộ của trẻ như thế nào, là cơ sở để trò chuyện với con cái về những gì đã làm trong ngày cũng như những việc sẽ làm tiếp theo.

Giáo viên cũng có thể mời cha mẹ trẻ, người dân trong cộng đồng đến thăm trường như thợ may, nhân viên siêu thị, nhân viên y tế, người quản lý các xưởng sản xuất, nghệ nhân..., thuyết phục họ tạo điều kiện cho trẻ đến thăm quan nơi làm việc, trả lời các câu hỏi của trẻ, cho trẻ phỏng vấn khách hàng, thiết kế biển hiệu, trưng bày sản phẩm...

Việc xây dựng môi trường xã hội liên quan mật thiết đến cách trẻ lớn lên mỗi ngày và sự phát triển toàn diện của trẻ, vì vậy giáo viên và những người lớn liên quan đến trẻ cần cẩn trọng trong thực hành hàng ngày.

Nội dung 5. Đánh giá, điều chỉnh hoạt động giáo dục theo tiếp cận năng lực
Hoạt động 8. Hướng dẫn đánh giá, điều chỉnh hoạt động giáo dục theo tiếp cận năng lực

Theo anh/chị, đánh giá trẻ theo tiếp cận năng lực khác gì với cách đánh giá truyền thống?
Làm thế nào để nhận ra trẻ đang phát triển năng lực chứ không chỉ ghi nhớ kiến thức?
Những biểu hiện nào cho thấy trẻ đang biết suy nghĩ, thử nghiệm và giải quyết vấn đề?
Vì sao trong đánh giá theo tiếp cận năng lực cần chấp nhận nhiều cách làm và nhiều đáp án khác nhau?

THÔNG TIN PHẢN HỒI

Đánh giá và điều chỉnh hoạt động giáo dục là khâu quan trọng trong quá trình tổ chức giáo dục trẻ mẫu giáo theo tiếp cận năng lực. Nếu trước đây việc đánh giá thường chú trọng xem trẻ “biết gì”, “làm được gì” ở mức độ tái hiện kiến thức, thì trong tiếp cận năng lực, đánh giá hướng tới việc xác định trẻ có khả năng vận dụng kiến thức, kỹ năng, thái độ để giải quyết các tình huống phù hợp với lứa tuổi hay không. Đồng thời, kết quả đánh giá không chỉ phản ánh sự phát triển của trẻ mà còn là căn cứ để giáo viên điều chỉnh mục tiêu, nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức và môi trường giáo dục, nhằm đáp ứng nhu cầu, khả năng và tốc độ phát triển khác nhau của mỗi trẻ. Vì vậy, đánh giá trong giáo dục mầm non cần được thực hiện linh hoạt, liên tục, nhân văn và lấy sự tiến bộ của trẻ làm trung tâm.

8.1. Nguyên tắc chung

8.1.1. Đánh giá phải dựa trên mục tiêu phát triển năng lực của trẻ.

Giáo viên cần xác định rõ năng lực cần hình thành qua từng hoạt động như: năng lực giao tiếp, hợp tác, tự phục vụ, giải quyết vấn đề, tự nhận thức, điều chỉnh cảm xúc, thẩm mỹ hay vận động. Việc đánh giá cần tập trung vào biểu hiện cụ thể của trẻ trong quá trình tham gia hoạt động thay vì chỉ xem xét kết quả cuối cùng.

8.1.2. Đánh giá thông qua quan sát quá trình hoạt động của trẻ.

Trẻ mẫu giáo học chủ yếu qua chơi, trải nghiệm và tương tác. Do đó, giáo viên cần quan sát cách trẻ tham gia trò chơi, trao đổi với bạn, sử dụng đồ dùng, xử lý tình huống, thể hiện cảm xúc và mức độ chủ động khi thực hiện nhiệm vụ. Những biểu hiện này phản ánh rõ nét năng lực thực tế của trẻ.

8.1.3. Đảm bảo tính cá nhân hóa và tôn trọng sự khác biệt của trẻ

Mỗi trẻ có đặc điểm tâm sinh lý, hứng thú, kinh nghiệm sống và nhịp độ phát triển khác nhau. Vì vậy, không nên so sánh trẻ này với trẻ khác mà cần so sánh sự tiến bộ của chính trẻ qua từng giai đoạn. Giáo viên cần ghi nhận cả những tiến bộ nhỏ để động viên trẻ.

8.1.4. Đánh giá phải toàn diện và tích hợp

Một hoạt động giáo dục thường tác động đồng thời đến nhiều lĩnh vực phát triển như thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm – xã hội và thẩm mỹ. Vì vậy, giáo viên cần quan

sát trẻ ở nhiều khía cạnh khác nhau, tránh đánh giá phiến diện chỉ dựa vào một kỹ năng riêng lẻ.

8.1.5.Đánh giá gắn với điều chỉnh hoạt động giáo dục

Đánh giá không phải là bước kết thúc mà là cơ sở để cải thiện hoạt động dạy học. Sau mỗi hoạt động, giáo viên cần phân tích điều gì phù hợp, điều gì chưa phù hợp để thay đổi cách tổ chức ở lần tiếp theo.

8.1.6.Phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong đánh giá trẻ

Phụ huynh là người quan sát trẻ trong môi trường gia đình. Việc trao đổi thông tin giữa giáo viên và cha mẹ giúp có cái nhìn đầy đủ hơn về năng lực, hứng thú và nhu cầu của trẻ, từ đó thống nhất biện pháp giáo dục phù hợp.

7.2. Cách đánh giá, điều chỉnh và hoàn thiện hoạt động giáo dục theo tiếp cận năng lực

8.2.1. Đánh giá trước khi tổ chức hoạt động

Trước khi xây dựng kế hoạch giáo dục, giáo viên cần tìm hiểu đặc điểm nhóm lớp: độ tuổi, mức độ phát triển, khả năng giao tiếp, kỹ năng tự phục vụ, nhu cầu vui chơi, vốn kinh nghiệm sống của trẻ. Việc đánh giá ban đầu giúp giáo viên xác định mục tiêu phù hợp, lựa chọn nội dung gần gũi và dự kiến mức độ hỗ trợ cần thiết.

Ví dụ: Khi tổ chức hoạt động “Biết chia sẻ đồ chơi với bạn”, giáo viên cần biết trẻ đã có thói quen chơi cùng nhau hay còn tranh giành đồ chơi để xây dựng tình huống phù hợp.

8.2.2. Đánh giá trong quá trình tổ chức hoạt động

Trong khi trẻ tham gia hoạt động, giáo viên sử dụng quan sát trực tiếp, trò chuyện, đặt câu hỏi gợi mở, theo dõi sản phẩm của trẻ và ghi chép nhanh các biểu hiện nổi bật. Nội dung đánh giá tập trung vào:

- Mức độ hứng thú, tích cực tham gia của trẻ;
- Khả năng hiểu nhiệm vụ và thực hiện yêu cầu;
- Cách trẻ hợp tác, chia sẻ, giao tiếp với bạn bè;
- Khả năng giải quyết vấn đề khi gặp khó khăn;
- Mức độ tự tin, chủ động và sáng tạo;
- Sự tiến bộ của trẻ so với trước đó.

Ví dụ: Trong trò chơi xây dựng “Ngôi nhà của bé”, giáo viên quan sát xem trẻ có biết bàn bạc phân công vai chơi, biết nhường vật liệu cho bạn hay không.

8.2.3. Đánh giá sau hoạt động

Sau khi kết thúc hoạt động, giáo viên cùng trẻ trao đổi, nhận xét và chia sẻ cảm xúc. Giáo viên có thể hỏi trẻ: “Con thích điều gì nhất?”, “Nếu làm lại con sẽ làm thế nào?”, “Hôm nay con đã giúp bạn điều gì?”. Qua đó giúp trẻ hình thành năng lực tự đánh giá bước đầu.

Giáo viên đồng thời tổng hợp kết quả để xác định:

- Mục tiêu đề ra đã đạt đến mức nào;
- Trẻ nào cần hỗ trợ thêm;
- Nội dung nào trẻ hứng thú nhất;
- Phương pháp tổ chức có phù hợp không;
- Môi trường, học liệu có đáp ứng nhu cầu hoạt động của trẻ không.

8.2.4. Điều chỉnh hoạt động giáo dục

Từ kết quả đánh giá, giáo viên tiến hành điều chỉnh hoạt động theo các hướng sau:

- Điều chỉnh mục tiêu: Nếu mục tiêu quá cao hoặc quá thấp so với khả năng của trẻ, cần thay đổi cho phù hợp.
- Điều chỉnh nội dung: Lựa chọn nội dung gần gũi hơn với cuộc sống của trẻ, tăng tính thực tiễn và trải nghiệm.
- Điều chỉnh phương pháp: Tăng cường trò chơi, trải nghiệm, làm việc nhóm, tình huống thực hành thay cho cách hướng dẫn một chiều.
- Điều chỉnh hình thức tổ chức: Linh hoạt giữa hoạt động cả lớp, nhóm nhỏ, cá nhân; chú ý hỗ trợ trẻ nhút nhát hoặc chậm hơn.
- Điều chỉnh môi trường giáo dục: Bổ sung học liệu mở, góc chơi hấp dẫn, không gian thuận lợi để trẻ chủ động khám phá.

Ví dụ: Nếu trong hoạt động “Giữ gìn vệ sinh lớp học”, trẻ chưa tích cực tham gia, giáo viên có thể chuyển thành trò chơi thi đua giữa các nhóm: lau bàn, sắp xếp đồ chơi, bỏ rác đúng nơi quy định.

8.2.5. Hoàn thiện hoạt động giáo dục

Sau mỗi chủ đề hoặc giai đoạn, giáo viên cần rà soát kế hoạch giáo dục, tích lũy kinh nghiệm và hoàn thiện dần chất lượng tổ chức hoạt động. Những kinh nghiệm hiệu quả nên được chia sẻ trong tổ chuyên môn để cùng nâng cao năng lực nghề nghiệp.

Hoàn thiện hoạt động giáo dục theo tiếp cận năng lực không phải là làm mới hoàn toàn, mà là quá trình cải tiến liên tục dựa trên thực tiễn lớp học và sự phát triển của trẻ. Khi giáo viên biết quan sát, lắng nghe, điều chỉnh linh hoạt và lấy trẻ làm trung tâm, hoạt động giáo dục sẽ thực sự phát huy năng lực của mỗi trẻ mẫu giáo.

THỰC HÀNH

Thực hành 1: Chọn một lĩnh vực (thể chất/ ngôn ngữ/ nhận thức/ tình cảm–XH/ nghệ thuật), thiết kế mục tiêu, nội dung, hoạt động giáo dục phù hợp cho trẻ 3-4 tuổi, 4-5 hoặc 5-6 tuổi theo tiếp cận năng lực của trẻ.

Thực hành 2: Thiết kế 01 hoạt động giáo dục theo quy trình các bước

Thực hành 3: Thiết kế một hoạt động học qua chơi/ trải nghiệm)

Thực hành 4: Đề xuất cách bố trí môi trường vật chất trong lớp học hoặc ngoài trời an toàn và tính mở nhằm khuyến khích trẻ giàu khám phá, trải nghiệm, tạo cơ hội cho trẻ phát triển năng lực cá nhân.

VI. CÂU HỎI CUỐI CHUYÊN ĐỀ

Câu 1: Trình bày bản chất của tổ chức hoạt động giáo dục phát triển năng lực cho trẻ mẫu giáo. Việc tổ chức hoạt động giáo dục theo hướng này khác gì so với cách dạy truyền thống?

Câu 2: Hãy phân tích vai trò của việc tổ chức hoạt động giáo dục phát triển năng lực cho trẻ mẫu giáo?

Câu 3: Nêu các nguyên tắc tổ chức hoạt động giáo dục phát triển năng lực cho trẻ mẫu giáo.

Câu 4: Cách lập kế hoạch tổ chức hoạt động giáo dục phát triển năng lực cho trẻ mẫu giáo.

Câu 5: Hình thức và phương pháp giáo dục nào quyết định hiệu quả hoạt động giáo dục phát triển năng lực cho trẻ mẫu giáo? Vì sao?

Câu 6: Phân tích những khó khăn, rào cản giáo viên thường gặp khi tổ chức hoạt động giáo dục theo hướng phát triển năng lực cho trẻ MG? Đề xuất giải pháp khắc phục?

Câu 7: Lấy ví dụ minh họa tổ chức hoạt động học 01 lĩnh vực giáo dục phát triển năng lực cho trẻ mẫu giáo.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2021). *Chương trình giáo dục mầm non*. Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2026). *Chương trình giáo dục mầm non mới thí điểm năm học 2026-2027*. Tài liệu lưu hành nội bộ.

Các tài liệu bồi dưỡng thường xuyên giáo viên mầm non Bộ Giáo dục và Đào tạo “*Hướng dẫn thực hiện quan điểm giáo dục lấy trẻ làm trung tâm trong trường mầm non*”, (2017); “*Tài liệu tập huấn nâng cao năng lực tổ chức hoạt động giáo dục cho trẻ mầm non*”, (2023)

Organisation for Economic Co-operation and Development. (2019). *OECD future of education and skills 2030: OECD learning compass 2030*. OECD Publishing.

UNESCO. (2024). *Early childhood care and education: What you need to know*.

<https://www.unesco.org/education/early-childhood-care-and-education>

PHỤ LỤC

Bảng 1. Gợi ý cách chia các hoạt động giáo dục tình cảm XH trẻ mẫu giáo 3–4 tuổi

| Yêu cầu cần đạt | Nội dung giáo dục | Hoạt động học | Hoạt động chơi | Sinh hoạt hằng ngày |
|---|---|---|---|---------------------------------|
| TX1.1 Nhận diện đặc điểm, sở thích, khả năng bản thân | Tên, tuổi, giới tính, đặc điểm bên ngoài, sở thích, điểm mạnh của trẻ | Trò chuyện “Bé là ai?”; giới thiệu bản thân; xem ảnh nhận ra mình; kể điều bé làm tốt | Chơi gương soi; đóng vai giới thiệu bản thân; chọn trang phục cho bé; tìm bạn giống mình | Tự giới thiệu với khách đến lớp |
| TX1.2 Thể hiện nhu cầu, khả năng | Nói nhu cầu cá nhân, lựa chọn hoạt động, đề nghị giúp đỡ | Đàm thoại về nhu cầu của bé; học cách nói lời đề nghị; phân biệt việc bé tự làm được | Chọn góc chơi yêu thích; chọn vai chơi; chơi cửa hàng gọi món; chọn đồ dùng cần thiết | Xin nước uống, xin cô giúp đỡ |
| TX1.3 Thể hiện thích/không thích | Bày tỏ ý kiến cá nhân, sở thích, không thích | Tranh chọn điều con thích; trò chuyện món ăn yêu thích; nêu ý kiến trước nhóm | Chọn đồ chơi yêu thích; chọn trò chơi yêu thích; dán thẻ thích/không thích; chơi lựa chọn nhanh | Nói món ăn thích/không thích |
| TX2.1 Gọi tên cảm xúc bản thân | Nhận biết cảm xúc vui, buồn, giận, sợ, lo lắng | Xem tranh đoán cảm xúc; soi gương thể hiện nét mặt; nghe chuyện gọi tên cảm xúc | Góc đóng vai cảm xúc; chơi bắt chước nét mặt; chọn thẻ cảm xúc | Chia sẻ cảm xúc đầu ngày |
| TX2.2 Diễn đạt suy nghĩ, cảm xúc | Nói ý kiến, mong muốn, cảm xúc phù hợp | Kể chuyện theo cảm xúc; nói điều con muốn; trả lời câu hỏi “Con nghĩ gì?” | Trò chơi phỏng vấn; đóng vai trò chuyện; gọi điện thoại cho bạn | Thưa cô khi cần |

| | | | | |
|--|--|---|--|--|
| TX2.3 Nhận biết ảnh hưởng hành vi đến người khác | Hiểu hành vi tốt/xấu ảnh hưởng bạn bè, người khác | Thảo luận tình huống; xem tranh đúng sai; kể hậu quả hành động | Chơi xử lý tình huống; đóng vai giúp bạn; chọn hành vi đúng | Xin lỗi khi va chạm bạn |
| TX2.4 Điều chỉnh cảm xúc | Bình tĩnh, chờ đợi, nhờ giúp đỡ, kiểm soát hành vi | Kỹ năng hít thở sâu, đếm số; nghe nhạc thư giãn; học cách nói “Con chờ” | Chơi chờ đến lượt; chơi đèn xanh đèn đỏ; xếp hàng nhận đồ chơi | Kiểm chế khi chưa được đáp ứng |
| TX2.5 Nhận lỗi và sửa lỗi | - Thực hành xin lỗi, nhận lỗi, sửa sai | Truyện “Biết nhận lỗi”; xem tranh tìm cách sửa lỗi; học câu xin lỗi đúng cách | Đóng vai xin lỗi bạn; chơi xử lý làm rơi đồ; giúp bạn sửa sai | Lau nước làm đổ |
| TX2.6 Kể sự thật | - Phản ánh đúng sự việc đã trải qua, đã thấy. | Kể lại sự việc; nghe chuyện về tính trung thực; nói đúng điều đã thấy | Trò chơi kể đúng việc xảy ra; truyền tin đúng nội dung; đóng vai báo tin | Báo cô đúng sự việc |
| TX3.1 Vị trí của trẻ trong gia đình, lớp | Nhận biết mình là con, cháu trong gia đình; là thành viên của lớp; biết tên lớp, tên cô giáo | Khám phá “Con là ai trong gia đình và lớp học?”; nhận ra ảnh của mình; trò chuyện về lớp bé; gọi tên cô giáo và các bạn | Chơi gia đình; chơi lớp học; xếp chỗ ngồi cho bạn; tìm đúng tủ đồ của mình | Giúp cô trực nhật, xếp hàng đúng tổ |
| TX3.2 Vị trí các thành viên | Nhận biết bố mẹ, ông bà, anh chị em, cô giáo, bạn bè và công việc của họ | Xem ảnh gia đình, gọi tên người thân; nói đúng người với công việc; trò chuyện về gia đình; kể tên người thân của bé | Chơi phân vai lớp học; chơi gia đình; chăm em bé; làm cô giáo dạy học | Chào hỏi, gọi đúng vai các thành viên trong gia đình mọi người |
| TX3.3 Biết ngày lễ, ngày hội | Làm quen các ngày lễ quen thuộc: Tết, Trung thu, khai giảng, sinh | Tìm hiểu tranh ảnh ngày hội; nghe kể chuyện ngày Tết; nhận biết biểu tượng lễ hội; hát bài hát về ngày hội ở địa phương | Chơi lễ hội; trang trí lớp; múa lân; tổ chức sinh nhật búp bê | Tham gia sự kiện trường lớp, cộng đồng |

| | | | | |
|--|---|---|---|------------------------------------|
| | nhật..., lễ hội lớn của địa phương. | | | |
| TX3.4 Nghề người thân | Biết nghề của bố mẹ, người thân gần gũi | Quan sát tranh nghề nghiệp; nghe giới thiệu nghề bố mẹ; ghép dụng cụ với nghề; gọi tên nơi làm việc | Chơi bác sĩ, bán hàng; nấu ăn; sửa xe; làm đầu bếp | Trò chuyện về nghề bố mẹ |
| TX3.5 Nghề phổ biến xã hội | Nhận biết một số nghề quen thuộc: công an, bác sĩ, giáo viên, nông dân... | Làm quen nghề nghiệp qua tranh ảnh; đoán nghề qua trang phục; kể tên nghề quen thuộc; xem video nghề nghiệp | Góc chơi nghề nghiệp; làm bác sĩ khám bệnh; làm chú công an; bán hàng | Nhận biết người lao động quanh trẻ |
| TX4.1 Chủ động làm quen, chơi cùng bạn | Giới thiệu tên mình, chào bạn, mời bạn chơi | Trò chơi làm quen; tập nói lời mời bạn chơi; giới thiệu tên mình trước nhóm; hát cùng bạn | Chơi nhóm; kết bạn; chuyền bóng cùng bạn; chơi tìm bạn thân | Chào bạn mới đến lớp |
| TX4.2 Lịch sự, thân thiện | | Thực hành lời nói lễ phép; xử lý tình huống giao tiếp; học câu nói lịch sự; xem tranh hành vi đẹp | Đóng vai giao tiếp; chơi bán hàng; làm khách đến thăm nhà; mời bạn ăn | Chào cô, cảm ơn bác cấp dưỡng |
| TX4.3 Tự tin giao tiếp | Mạnh dạn nói trước nhóm, trả lời câu hỏi đơn giản | Kể chuyện trước lớp; nói về đồ chơi yêu thích; trả lời câu hỏi của cô; giới thiệu sản phẩm của nhóm | Làm MC trò chơi; bán hàng giới thiệu sản phẩm; đóng vai cô giáo | Trò chuyện với khách đến lớp |
| TX4.4 Hợp tác tích cực | Cùng bạn làm việc, chia sẻ đồ chơi, phối hợp nhiệm vụ đơn giản | Làm sản phẩm nhóm; cùng xếp hình; chia việc cho từng bạn; cùng tưới cây | Xây dựng cùng nhau; kéo co; lắp ghép mô hình; chơi nấu ăn nhóm | Dọn lớp cùng bạn |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| TX4.5 Giải quyết mâu thuẫn | Chờ đến lượt, nhường bạn, nhờ cô hỗ trợ khi có mâu thuẫn cần giải quyết | Xử lý tình huống tranh đồ chơi; học cách chờ lượt; trao đổi cách hòa giải; xem tranh chọn cách đúng | Chơi chia vai; chơi luân lượt cầu trượt; đổi đồ chơi với bạn; cùng thỏa thuận luật chơi | Giải quyết xung đột nhỏ |
| TX5.1 Nhận biết cảm xúc người khác | Nhận ra vui, buồn, tức giận, sợ hãi qua nét mặt, giọng nói | Xem tranh cảm xúc; soi gương bắt chước nét mặt; nghe giọng đoán cảm xúc; kể chuyện theo nét mặt | Đóng vai đoán cảm xúc; chơi gương mặt vui buồn; chọn thẻ cảm xúc | Nhận biết bạn buồn, bạn vui |
| TX5.2 Thể hiện tình cảm | - Yêu thương, quan tâm người thân, bạn bè | Làm thiệp tặng người thân; nói lời yêu thương; kể việc tốt với gia đình; hát về gia đình | Chơi gia đình; chăm em bé; tặng quà cho búp bê; thăm bạn ốm | Quan tâm bạn ốm |
| TX5.3 Quan tâm, cảm thông | Chia sẻ, giúp đỡ người khác khi cần | Kể chuyện lòng tốt; nêu cách giúp bạn; xem tranh hành động đẹp; trao đổi việc tốt hằng ngày | Chơi giúp bạn; nhường đồ chơi; dìu bạn qua cầu; cùng dọn đồ | Chia sẻ đồ dùng |
| TX5.4 Nhận ra thay đổi cảm xúc | Biết cảm xúc thay đổi do sự việc xảy ra | Trò chuyện tình huống cảm xúc; đoán chuyện gì xảy ra; kể tiếp câu chuyện cảm xúc; xem tranh trước-sau | Đóng vai cảm xúc thay đổi; chơi đổi nét mặt; đoán bạn đang nghĩ gì | Nhận ra cô vui/buồn |
| TX5.5 Lắng nghe, phản hồi tích cực | Học cách nghe người khác nói, chờ đến lượt nói, đáp lời phù hợp | Trò chơi nghe – nói; nghe kể chuyện trả lời câu hỏi; tập nói sau khi nghe bạn; truyền tin | Chơi phỏng vấn; gọi điện thoại; kể chuyện nối tiếp; hỏi đáp cùng bạn | Nghe bạn nói hết câu |
| TX6.1 Nhận biết quyền, bổn phận của bản thân và tôn | Biết trẻ có quyền được yêu thương, vui chơi, học tập; biết cất đồ | Trò chuyện “Con có quyền gì?”; xem tranh đúng – sai; học nội quy đơn giản | Chơi chia đồ chơi; đóng vai lớp học; chọn hành vi đúng | Cất balô đúng nơi, không lấy đồ của bạn |

| | | | | |
|--|--|---|---|---|
| trọng quyền của người khác | dùng, nghe lời cô; không tranh giành đồ của bạn | | | |
| TX6.2 Chấp nhận sự khác biệt của người khác | Biết mỗi bạn có tên, sở thích, hình dáng khác nhau; tôn trọng bạn | Quan sát tranh các bạn khác nhau; trò chuyện “Mỗi bạn một điều hay” | Chơi kết bạn; tìm điểm giống và khác; chọn bạn cùng chơi | Không chê bạn, vui vẻ chơi cùng mọi người |
| TX6.3 Biết chia sẻ và giúp đỡ bạn trong các hoạt động | Nhường đồ chơi, giúp bạn khi cần | Kể chuyện về chia sẻ; xem tranh hành động đẹp; nêu cách giúp bạn | Chơi giúp bạn xây tháp; chia đồ chơi; cùng dọn góc chơi | Giúp bạn nhặt đồ rơi, chia sẻ bút màu |
| TX6.4 Chờ đến lượt, phối hợp với bạn trong hoạt động nhóm | Xếp hàng, chờ lượt, cùng bạn thực hiện việc đơn giản | Học cách chờ lượt; trò chuyện về làm việc cùng nhau | Chơi cầu trượt theo lượt; lắp ghép nhóm; chuyền bóng | Xếp hàng rửa tay, lấy cơm theo thứ tự |
| TX6.5 Tìm kiếm sự giúp đỡ của người khác và giúp đỡ người khác khi cần thiết | Nhờ cô, nhờ bạn khi gặp khó khăn; giúp cô, bạn việc vừa sức | Đàm thoại “Khi nào cần nhờ giúp?”; thực hành nói lời nhờ giúp đỡ | Chơi bác sĩ giúp bệnh nhân; giúp bạn mặc áo; tìm người hỗ trợ | Báo cô khi cần, giúp bạn mang ghế |
| TX7.1 Thực hiện hành vi ứng xử phù hợp với tình huống, hoàn cảnh khác nhau | Chào hỏi lễ phép, nói lời cảm ơn, xin lỗi đúng lúc; biết nói nhỏ, giữ trật tự ở nơi cần yên tĩnh; ứng xử phù hợp khi giao tiếp | Xử lý tình huống giao tiếp; xem tranh, ảnh chọn cách đúng, thực hành nói lời chào, cảm ơn, xin lỗi qua các tình huống gần gũi | Đóng vai đi siêu thị, đến nhà bạn, đến lớp, đi bệnh viện, thư viện... để thực hành cách giao tiếp phù hợp từng hoàn cảnh. | Chào khách đến lớp, cảm ơn khi được giúp đỡ; xin lỗi khi va chạm hoặc làm phiền bạn; nói nhỏ trong giờ ngủ, ăn... |

| | | | | |
|---|--|---|--|---|
| | với người lớn và bạn bè và bạn bè. | | | |
| TX7.2 Điều chỉnh một số hoạt động cá nhân theo thời gian biểu và điều kiện thời tiết | Biết ăn, ngủ, chơi theo nề nếp; mặc phù hợp khi nóng/lạnh/mưa | Trò chuyện về thời tiết; nhận biết lịch sinh hoạt trong ngày | Chơi chọn quần áo theo thời tiết; sắp xếp tranh theo trình tự ngày | Đội mũ khi nắng, mặc ấm khi lạnh |
| TX7.3 Thực hiện một số kỹ năng, hành vi để thích nghi môi trường chuẩn bị vào lớp Một | Rèn tự phục vụ đơn giản: cất đồ dùng, ngồi học ngắn, nghe hiệu lệnh | Thực hành ngồi đúng tư thế; cất đồ dùng đúng chỗ; nghe chuông hiệu lệnh | Chơi lớp học; tập làm học sinh tiểu học | Tự cất balô, ngồi vào chỗ khi cô nhắc |
| TX8.1 Thực hiện quy định ở trường, lớp, gia đình, nơi công cộng | Biết làm theo quy định đơn giản: đi nhẹ, nói khẽ, không chạy nhảy nơi đông người | Trò chuyện nội quy quen thuộc; xem tranh hành vi đúng sai | Chơi giao thông; đóng vai đi công viên, siêu thị | Đi theo hàng, giữ trật tự nơi công cộng |
| TX8.2 Thực hiện hành động đơn giản chăm sóc vật nuôi, cây trồng gần gũi xung quanh | Biết tưới cây, cho cá ăn, không làm đau con vật | Quan sát cây, vật nuôi; học cách chăm sóc đơn giản | Chơi người làm vườn; bác sĩ thú y; tưới cây | Tưới cây lớp học, cho cá ăn |

| | | | | |
|--|---|---|--|--|
| TX8.3 Ý thức giữ gìn, bảo vệ và sống hài hoà với thiên nhiên, môi trường | Biết bỏ rác đúng nơi, giữ sạch lớp, yêu thiên nhiên | Xem tranh môi trường sạch – bẩn; thực hành phân loại rác đơn giản | Chơi nhặt rác; làm đồ chơi từ vật liệu tái chế | Bỏ rác đúng thùng, giữ sân trường sạch đẹp |
|--|---|---|--|--|

Bảng 2. Gợi ý cách chia các hoạt động giáo dục tình cảm XH trẻ mẫu giáo 4–5 tuổi

| Yêu cầu cần đạt | Nội dung giáo dục | Hoạt động học | Hoạt động chơi | Sinh hoạt hằng ngày |
|---|---|---|---|--|
| TX1.1 Nhận diện đặc điểm, sở thích, khả năng bản thân | Nhận biết họ tên, tuổi, giới tính; đặc điểm cá nhân; sở thích; khả năng và điểm mạnh của bản thân | Trò chuyện “Con là ai?”; giới thiệu bản thân; nhận xét điểm mạnh của mình; chia sẻ sở thích | Chơi gương soi; đóng vai giới thiệu bản thân; chọn trang phục phù hợp; tìm bạn có cùng sở thích | Tự giới thiệu với khách, nói điều mình làm tốt |
| TX1.2 Thể hiện nhu cầu, khả năng | Biết diễn đạt nhu cầu, mong muốn; lựa chọn hoạt động phù hợp; đề nghị giúp đỡ khi cần | Đàm thoại về nhu cầu cá nhân; phân biệt việc tự làm được và cần hỗ trợ; thực hành nói lời đề nghị | Chọn góc chơi; chọn vai chơi; chơi cửa hàng gọi món; chọn đồ dùng phù hợp | Xin nước uống, xin cô hỗ trợ, tự lấy đồ dùng |
| TX1.3 Thể hiện thích/không thích | Biết bày tỏ ý kiến, sở thích, điều không thích và lý do đơn giản | Trò chuyện món ăn yêu thích; nêu ý kiến trước nhóm; chọn tranh điều con thích | Chọn trò chơi yêu thích; dán thẻ thích/không thích; chơi lựa chọn nhanh | Nói món ăn thích/không thích, chọn hoạt động muốn tham gia |
| TX2.1 Gọi tên cảm xúc bản thân | Nhận biết và gọi tên cảm xúc: vui, buồn, tức giận, sợ hãi, lo lắng, ngạc nhiên | Xem tranh đoán cảm xúc; soi gương thể hiện nét mặt; kể chuyện theo cảm xúc | Góc đóng vai cảm xúc; chơi bắt chước nét mặt; chọn thẻ cảm xúc | Chia sẻ cảm xúc đầu ngày |

| | | | | |
|--|--|--|--|---|
| TX2.2 Diễn đạt suy nghĩ, cảm xúc | Biết diễn đạt suy nghĩ, mong muốn, cảm xúc rõ ràng và phù hợp hoàn cảnh | Kể chuyện theo cảm xúc; nói điều con mong muốn; trả lời câu hỏi tình huống | Trò chơi phỏng vấn; đóng vai trò chuyện; gọi điện thoại cho bạn | Thưa cô khi cần, nói lý do khi buồn/vui |
| TX2.3 Nhận biết ảnh hưởng hành vi đến người khác | Hiểu hành vi đúng mang lại niềm vui; hành vi chưa đúng có thể làm phiền hoặc làm buồn người khác | Thảo luận tình huống; xem tranh đúng sai; dự đoán hậu quả hành động | Chơi xử lý tình huống; đóng vai giúp bạn; chọn hành vi đúng | Xin lỗi khi va chạm bạn, cảm ơn khi được giúp |
| TX2.4 Điều chỉnh cảm xúc | Biết bình tĩnh, chờ đợi, kiềm chế cảm xúc; tìm cách giải tỏa phù hợp | Học hít thở sâu, đếm số; nghe nhạc thư giãn; trao đổi cách bình tĩnh | Chơi chờ đến lượt; chơi đèn xanh đèn đỏ; chơi kiên nhẫn | Bình tĩnh khi chờ ăn, chờ đến lượt |
| TX2.5 Nhận lỗi và sửa lỗi | Biết nhận lỗi, xin lỗi chân thành và sửa sai phù hợp | Truyện “Biết nhận lỗi”; tìm cách sửa lỗi qua tranh; thực hành lời xin lỗi | Đóng vai xin lỗi bạn; chơi xử lý tình huống; giúp bạn sửa sai | Lau nước làm đổ, cất lại đồ làm rơi |
| TX2.6 Kể sự thật | Biết trung thực, nói đúng sự việc, dám nhận trách nhiệm | Kể lại sự việc; nghe chuyện về trung thực; nói đúng điều đã thấy | Trò chơi kể đúng việc xảy ra; truyền tin chính xác; đóng vai báo tin | Báo cô đúng sự việc |
| TX3.1 Vị trí của trẻ trong gia đình, lớp | Biết vai trò của bản thân trong gia đình và lớp; biết tên lớp, cô giáo, tổ nhóm | Khám phá “Con là ai trong gia đình và lớp học?”; trò chuyện về lớp; kể nhiệm vụ của mình | Chơi gia đình; chơi lớp học; sắp xếp chỗ ngồi; tìm đúng ký hiệu của mình | Giúp cô trực nhật, xếp hàng đúng tổ |
| TX3.2 Vị trí các thành viên | Nhận biết các thành viên trong gia đình, lớp học; biết mỗi | Xem ảnh gia đình; nói đúng người với công việc; kể về người thân | Chơi gia đình; chăm em bé; làm cô giáo dạy học | Chào hỏi, gọi đúng vai trò mọi người |

| | | | | |
|--|--|--|---|------------------------------------|
| | quan hệ và vai trò của từng người | | | |
| TX3.3 Biết ngày lễ, ngày hội | Nhận biết một số ngày lễ, ngày hội quen thuộc của gia đình, trường, địa phương | Tìm hiểu tranh ảnh ngày hội; nghe kể chuyện ngày Tết; hát bài về ngày hội | Chơi lễ hội; trang trí lớp; múa hát; tổ chức sinh nhật búp bê | Tham gia sự kiện trường lớp |
| TX3.4 Nghề người thân | Biết nghề nghiệp của bố mẹ, người thân và ích lợi công việc đó | Quan sát tranh nghề nghiệp; ghép dụng cụ với nghề; kể nghề bố mẹ | Chơi bác sĩ, bán hàng; nấu ăn; sửa xe | Trò chuyện về nghề bố mẹ |
| TX3.5 Nghề phổ biến xã hội | Nhận biết một số nghề phổ biến và vai trò của nghề trong xã hội | Làm quen nghề qua tranh ảnh; đoán nghề qua trang phục; kể tên nghề | Góc chơi nghề nghiệp; làm bác sĩ; làm chú công an; bán hàng | Nhận biết người lao động quanh trẻ |
| TX4.1 Chủ động làm quen, chơi cùng bạn | Biết chủ động chào hỏi, làm quen, mời bạn cùng chơi | Trò chơi làm quen; tập nói lời mời bạn; giới thiệu tên mình | Chơi nhóm; kết bạn; chuyện bóng; tìm bạn thân | Chào bạn mới đến lớp |
| TX4.2 Lịch sự, thân thiện | Biết sử dụng lời nói và hành vi lịch sự, thân thiện | Thực hành lời nói lễ phép; xử lý tình huống giao tiếp; xem tranh hành vi đẹp | Đóng vai giao tiếp; chơi bán hàng; mời bạn ăn | Chào cô, cảm ơn người giúp đỡ |
| TX4.3 Tự tin giao tiếp | Mạnh dạn nói trước nhóm; trao đổi ý kiến rõ ràng | Kể chuyện trước lớp; nói về đồ chơi yêu thích; giới thiệu sản phẩm | Làm MC trò chơi; bán hàng; đóng vai cô giáo | Trò chuyện với khách đến lớp |
| TX4.4 Hợp tác tích cực | Biết phối hợp với bạn, chia sẻ nhiệm vụ, cùng hoàn thành việc chung | Làm sản phẩm nhóm; cùng xếp hình; chia việc cho bạn | Xây dựng cùng nhau; kéo co; chơi nấu ăn nhóm | Dọn lớp cùng bạn |

| | | | | |
|--|--|--|--|---|
| TX4.5 Giải quyết mâu thuẫn | Biết thương lượng đơn giản, chờ lượt, nhờ cô hỗ trợ khi cần | Xử lý tình huống tranh đồ chơi; trao đổi cách hòa giải | Chơi chia vai; đổi đồ chơi; thỏa thuận luật chơi | Giải quyết xung đột nhỏ |
| TX5.1 Nhận biết cảm xúc người khác | Nhận biết cảm xúc của người khác qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói | Xem tranh cảm xúc; nghe giọng đoán cảm xúc; kể chuyện theo nét mặt | Đóng vai đoán cảm xúc; chơi gương mặt vui buồn | Nhận biết bạn buồn, bạn vui |
| TX5.2 Thể hiện tình cảm | Biết thể hiện yêu thương, quan tâm bằng lời nói và hành động | Làm thiệp tặng người thân; nói lời yêu thương; hát về gia đình | Chơi gia đình; chăm em bé; tặng quà búp bê | Quan tâm bạn ốm |
| TX5.3 Quan tâm, cảm thông | Biết chia sẻ, an ủi, giúp đỡ người khác khi cần | Kể chuyện lòng tốt; nêu cách giúp bạn; trao đổi việc tốt | Chơi giúp bạn; nhường đồ chơi; cùng dọn đồ | Chia sẻ đồ dùng |
| TX5.4 Nhận ra thay đổi cảm xúc | Nhận biết cảm xúc thay đổi theo tình huống xảy ra | Trò chuyện tình huống cảm xúc; kể tiếp câu chuyện cảm xúc | Đóng vai cảm xúc thay đổi; đổi nét mặt | Nhận ra cô vui/buồn |
| TX5.5 Lắng nghe, phản hồi tích cực | Biết lắng nghe, chờ lượt nói, đáp lời phù hợp | Trò chơi nghe – nói; nghe kể chuyện trả lời câu hỏi | Chơi phỏng vấn; gọi điện thoại; hỏi đáp cùng bạn | Nghe bạn nói hết câu |
| TX6.1 Nhận biết quyền, bổn phận của bản thân và tôn trọng quyền của người khác | Biết trẻ có quyền được yêu thương, chăm sóc, vui chơi, học tập; biết thực hiện bổn phận phù hợp như cất đồ dùng, tham gia hoạt động; tôn trọng quyền của bạn | Trò chuyện “Con có quyền gì?”; xem tranh đúng – sai; học nội quy lớp | Chơi chia đồ chơi; đóng vai lớp học; chọn hành vi đúng | Cất balô đúng nơi, không lấy đồ của bạn |

| | | | | |
|--|--|---|--|---|
| TX6.2 Chấp nhận sự khác biệt của người khác | Biết mỗi người có đặc điểm, sở thích, khả năng khác nhau; tôn trọng và hòa đồng với bạn | Quan sát tranh các bạn khác nhau; trò chuyện “Mỗi bạn một điều hay” | Chơi kết bạn; tìm điểm giống và khác; chọn bạn cùng chơi | Không chê bạn, vui vẻ chơi cùng mọi người |
| TX6.3 Biết chia sẻ và giúp đỡ bạn trong các hoạt động | Biết chia sẻ đồ dùng, nhường nhịn và giúp đỡ bạn khi cần | Kể chuyện về chia sẻ; xem tranh hành động đẹp; nêu cách giúp bạn | Chơi giúp bạn xây tháp; chia đồ chơi; cùng dọn góc chơi | Giúp bạn nhặt đồ rơi, chia sẻ bút màu |
| TX6.4 Chờ đến lượt, phối hợp với bạn trong hoạt động nhóm | Biết chờ đến lượt, xếp hàng, phối hợp cùng bạn trong hoạt động chung | Học cách chờ lượt; trò chuyện về làm việc cùng nhau | Chơi cầu trượt theo lượt; lắp ghép nhóm; chuyền bóng | Xếp hàng rửa tay, lấy cơm theo thứ tự |
| TX6.5 Tìm kiếm sự giúp đỡ của người khác và giúp đỡ người khác khi cần thiết | Biết nhờ cô, bạn hoặc người lớn khi gặp khó khăn; sẵn sàng giúp đỡ người khác việc vừa sức | Đàm thoại “Khi nào cần nhờ giúp?”; thực hành nói lời nhờ giúp đỡ | Chơi bác sĩ giúp bệnh nhân; giúp bạn mặc áo; tìm người hỗ trợ | Báo cô khi cần, giúp bạn mang ghế |
| TX7.1 Thực hiện hành vi ứng xử phù hợp với tình huống, hoàn cảnh khác nhau | Biết chào hỏi, cảm ơn, xin lỗi, xin phép; cư xử phù hợp ở lớp, gia đình, nơi công cộng | Xử lý tình huống giao tiếp; xem tranh chọn cách đúng | Đóng vai đi siêu thị, đến nhà bạn, đến lớp | Chào khách đến lớp, xin lỗi khi va chạm |
| TX7.2 Điều chỉnh một số hoạt động cá nhân theo thời gian biểu và điều kiện thời tiết | Biết thực hiện ăn, ngủ, chơi theo nề nếp; lựa chọn trang phục và hoạt động phù hợp thời tiết | Trò chuyện về thời tiết; nhận biết lịch sinh hoạt trong ngày | Chơi chọn quần áo theo thời tiết; sắp xếp tranh theo trình tự ngày | Đội mũ khi nắng, mặc ấm khi lạnh |

| | | | | |
|---|---|---|--|--|
| TX7.3 Thực hiện một số kỹ năng, hành vi để thích nghi môi trường chuẩn bị vào lớp Một | Rèn kỹ năng tự phục vụ, tự giác, tập trung chú ý, làm quen nề nếp học tập | Thực hành ngồi đúng tư thế; cất đồ dùng đúng chỗ; nghe hiệu lệnh | Chơi lớp học; tập làm học sinh tiểu học | Tự cất balô, ngồi vào chỗ khi cô nhắc |
| TX8.1 Thực hiện quy định ở trường, lớp, gia đình, nơi công cộng | Biết tuân thủ một số quy định đơn giản ở lớp, gia đình và nơi công cộng | Trò chuyện nội quy quen thuộc; xem tranh hành vi đúng sai | Chơi giao thông; đóng vai đi công viên, siêu thị | Đi theo hàng, giữ trật tự nơi công cộng |
| TX8.2 Thực hiện hành động đơn giản chăm sóc vật nuôi, cây trồng gần gũi xung quanh | Biết chăm sóc cây trồng, vật nuôi gần gũi bằng những việc đơn giản, phù hợp | Quan sát cây, vật nuôi; học cách chăm sóc đơn giản | Chơi người làm vườn; bác sĩ thú y; tưới cây | Tưới cây lớp học, cho cá ăn |
| TX8.3 Ý thức giữ gìn, bảo vệ và sống hài hoà với thiên nhiên, môi trường | Biết giữ gìn vệ sinh, bỏ rác đúng nơi, tiết kiệm nước, yêu quý thiên nhiên và môi trường sống | Xem tranh môi trường sạch – bẩn; thực hành phân loại rác đơn giản | Chơi nhặt rác; làm đồ chơi từ vật liệu tái chế | Bỏ rác đúng thùng, giữ sân trường sạch đẹp |

Bảng 3. Gợi ý cách chia các hoạt động giáo dục tình cảm XH trẻ mẫu giáo 5–6 tuổi

| Yêu cầu cần đạt | Nội dung giáo dục | Hoạt động học | Hoạt động chơi | Sinh hoạt hằng ngày |
|------------------------|--------------------------|----------------------|-----------------------|----------------------------|
|------------------------|--------------------------|----------------------|-----------------------|----------------------------|

| | | | | |
|---|---|---|--|---|
| TX1.1 Nhận diện đặc điểm, sở thích, khả năng bản thân | Nhận biết rõ họ tên, ngày sinh, giới tính, đặc điểm cá nhân; hiểu sở thích, năng lực nổi trội và hạn chế của bản thân | Trò chuyện “Con lớn lên như thế nào?”; giới thiệu bản thân trước nhóm; chia sẻ điểm mạnh – điều cần cố gắng | Chơi gương soi; phỏng vấn bạn; chọn nghề phù hợp sở thích; tìm bạn có điểm chung | Tự giới thiệu với khách, nói việc mình làm tốt và việc muốn cố gắng |
| TX1.2 Thể hiện nhu cầu, khả năng | Biết diễn đạt nhu cầu, mong muốn rõ ràng; lựa chọn hoạt động phù hợp; tự đánh giá khả năng và tìm kiếm hỗ trợ khi cần | Đàm thoại về nhu cầu cá nhân; thảo luận việc tự làm được; thực hành đề nghị lịch sự | Chọn góc chơi; lập kế hoạch chơi; chơi cửa hàng; chọn dụng cụ phù hợp nhiệm vụ | Chủ động xin giúp đỡ, tự chuẩn bị đồ dùng |
| TX1.3 Thể hiện thích/không thích | Biết bày tỏ ý kiến cá nhân, sở thích, điều không thích và nêu lý do phù hợp | Thảo luận món ăn yêu thích; nêu quan điểm trước nhóm; lựa chọn theo tiêu chí | Chọn trò chơi yêu thích; bình chọn hoạt động; dán thẻ thích/không thích | Nêu ý kiến khi chọn món ăn, hoạt động |
| TX2.1 Gọi tên cảm xúc bản thân | Nhận biết và gọi tên nhiều trạng thái cảm xúc: vui, buồn, tức giận, lo lắng, thất vọng, tự hào... | Xem tranh đoán cảm xúc; kể chuyện cảm xúc; nhận biết cảm xúc qua tình huống | Góc cảm xúc; bắt chước nét mặt; ghép thẻ cảm xúc với tình huống | Chia sẻ cảm xúc và nguyên nhân đầu ngày |
| TX2.2 Diễn đạt suy nghĩ, cảm xúc | Biết diễn đạt suy nghĩ, cảm xúc rõ ràng, phù hợp hoàn cảnh; biết trình bày mong muốn của bản thân | Kể chuyện theo cảm xúc; trả lời câu hỏi mở; nêu cách giải quyết vấn đề | Trò chơi phỏng vấn; đóng vai trò chuyện; gọi điện thoại giải quyết tình huống | Nói lý do khi buồn/vui, trao đổi với cô và bạn |

| | | | | |
|--|---|---|--|---|
| TX2.3 Nhận biết ảnh hưởng hành vi đến người khác | Hiểu hành vi của mình có thể ảnh hưởng tích cực hoặc tiêu cực đến cảm xúc, công việc của người khác | Thảo luận tình huống; dự đoán hậu quả hành động; phân tích tranh đúng sai | Chơi xử lý tình huống; chọn hành vi phù hợp; đóng vai giúp bạn | Xin lỗi khi mắc lỗi, cảm ơn khi được giúp |
| TX2.4 Điều chỉnh cảm xúc | Biết kiềm chế cảm xúc, chờ đợi, bình tĩnh và lựa chọn cách ứng xử phù hợp | Học hít thở sâu; đếm số; thảo luận cách bình tĩnh khi tức giận | Chơi chờ lượt; trò chơi kiên nhẫn; vượt thử thách có luật | Bình tĩnh khi chờ đến lượt, khi chưa được đáp ứng |
| TX2.5 Nhận lỗi và sửa lỗi | Biết nhận lỗi, xin lỗi chân thành, sửa sai và rút kinh nghiệm | Kể chuyện nhận lỗi; phân tích tình huống; thực hành lời xin lỗi và cách sửa lỗi | Đóng vai xin lỗi; xử lý tình huống; giúp bạn khắc phục lỗi | Tự dọn khi làm đổ nước, cất lại đồ sai chỗ |
| TX2.6 Kể sự thật | Biết trung thực, nói đúng sự việc, dám nhận trách nhiệm với hành động của mình | Kể lại sự việc theo trình tự; nghe chuyện về trung thực; trao đổi vì sao cần nói thật | Trò chơi truyền tin chính xác; đóng vai báo tin; kể đúng điều quan sát | Báo cô đúng sự việc, nhận lỗi khi làm sai |
| TX3.1 Vị trí của trẻ trong gia đình, lớp | Hiểu vai trò của bản thân trong gia đình, lớp; biết trách nhiệm phù hợp; biết tên lớp, tổ, cô giáo | Trò chuyện “Con có vai trò gì?”; kể nhiệm vụ của mình ở lớp và nhà | Chơi gia đình; chơi lớp học; phân công nhiệm vụ; tìm ký hiệu cá nhân | Trực nhật, xếp hàng đúng tổ, giúp việc vừa sức |
| TX3.2 Vị trí các thành viên | Nhận biết mối quan hệ, vai trò, trách nhiệm của các thành viên trong gia đình và lớp học | Xem ảnh gia đình; kể nghề, việc làm của người thân; trò chuyện về trách nhiệm mỗi người | Chơi gia đình; chăm em bé; làm cô giáo; làm bố mẹ đi làm | Chào hỏi, xưng hô đúng mực với mọi người |

| | | | | |
|--|--|--|---|--|
| TX3.3 Biết ngày lễ, ngày hội | Nhận biết ý nghĩa một số ngày lễ, ngày hội của gia đình, trường, quê hương, đất nước | Tìm hiểu ngày lễ; kể chuyện Tết; trò chuyện truyền thống địa phương | Chơi lễ hội; trang trí lớp; biểu diễn văn nghệ; tổ chức sinh nhật | Tham gia tích cực hoạt động trường lớp |
| TX3.4 Nghề người thân | Biết nghề nghiệp của người thân, công việc cụ thể và ích lợi của nghề | Quan sát tranh nghề; phỏng vấn về nghề bố mẹ; ghép dụng cụ với nghề | Chơi bác sĩ; bán hàng; đầu bếp; sửa xe | Trò chuyện về công việc người thân |
| TX3.5 Nghề phổ biến xã hội | Nhận biết nhiều nghề phổ biến và vai trò nghề đối với cộng đồng | Tìm hiểu nghề qua tranh ảnh; đoán nghề qua dụng cụ; kể nơi làm việc | Góc nghề nghiệp; bác sĩ; công an; giáo viên; kỹ sư | Biết kính trọng người lao động |
| TX4.1 Chủ động làm quen, chơi cùng bạn | Biết chủ động kết bạn, mời bạn cùng chơi, tham gia nhóm mới | Trò chơi làm quen; tập giới thiệu bản thân; thảo luận cách kết bạn | Chơi nhóm; kết bạn mới; tìm bạn đồng đội | Chào bạn mới, rủ bạn cùng tham gia |
| TX4.2 Lịch sự, thân thiện | Biết sử dụng lời nói, cử chỉ lịch sự; thân thiện với bạn bè và người lớn | Thực hành giao tiếp lễ phép; xử lý tình huống; xem tranh hành vi đẹp | Đóng vai giao tiếp; chơi bán hàng; tiếp khách | Chào cô, cảm ơn, xin lỗi đúng lúc |
| TX4.3 Tự tin giao tiếp | Mạnh dạn phát biểu, trình bày ý kiến, trao đổi rõ ràng trước nhóm | Kể chuyện trước lớp; giới thiệu sản phẩm; trình bày ý tưởng | Làm MC; bán hàng; đóng vai giáo viên | Trò chuyện tự tin với khách đến lớp |
| TX4.4 Hợp tác tích cực | Biết phối hợp, chia sẻ nhiệm vụ, hỗ trợ bạn hoàn thành việc chung | Làm sản phẩm nhóm; phân công công việc; đánh giá kết quả nhóm | Xây dựng công trình; kéo co; nấu ăn nhóm | Cùng dọn lớp, cùng chăm sóc góc chơi |

| | | | | |
|--|--|---|---|---|
| TX4.5 Giải quyết mâu thuẫn | Biết thương lượng, nhường nhịn, tìm cách giải quyết mâu thuẫn hòa bình | Xử lý tranh chấp đồ chơi; học cách nói khi không đồng ý | Chơi chia vai; đổi lượt chơi; thỏa thuận luật chơi | Giải quyết xung đột nhỏ với bạn |
| TX5.1 Nhận biết cảm xúc người khác | Nhận biết cảm xúc của người khác qua nét mặt, giọng nói, hành động và tình huống | Xem tranh cảm xúc; nghe giọng đoán cảm xúc; kể chuyện theo cảm xúc nhân vật | Đóng vai đoán cảm xúc; chơi gương mặt vui buồn | Nhận ra bạn buồn để an ủi |
| TX5.2 Thể hiện tình cảm | Biết thể hiện yêu thương, quan tâm, biết ơn bằng lời nói và việc làm | Làm thiệp tặng người thân; nói lời yêu thương; kể việc tốt | Chơi gia đình; chăm em bé; tặng quà | Quan tâm bạn ốm, hỏi thăm người thân |
| TX5.3 Quan tâm, cảm thông | Biết chia sẻ, an ủi, giúp đỡ người khác khi gặp khó khăn | Kể chuyện lòng tốt; nêu cách giúp bạn; trao đổi tình huống | Chơi giúp bạn; nhường đồ chơi; cùng dọn đồ | Chia sẻ đồ dùng, động viên bạn |
| TX5.4 Nhận ra thay đổi cảm xúc | Hiểu cảm xúc thay đổi theo hoàn cảnh, sự việc và cách ứng xử của người khác | Trò chuyện tình huống cảm xúc; kể tiếp câu chuyện; dự đoán cảm xúc nhân vật | Đóng vai cảm xúc thay đổi; đổi nét mặt | Nhận ra cô vui/buồn, bạn lo lắng |
| TX5.5 Lắng nghe, phản hồi tích cực | Biết chú ý lắng nghe, chờ lượt, đặt câu hỏi và phản hồi phù hợp | Trò chơi nghe – nói; nghe kể chuyện trả lời câu hỏi; thảo luận nhóm | Chơi phỏng vấn; gọi điện thoại; hỏi đáp nối tiếp | Nghe bạn nói hết câu, đáp lời lịch sự |
| TX6.1 Nhận biết quyền, bổn phận của bản thân và tôn trọng quyền của người khác | Hiểu quyền được yêu thương, bảo vệ, học tập, vui chơi; biết thực hiện trách nhiệm của bản thân | Trò chuyện “Quyền và trách nhiệm của con”; thảo luận tranh tình | Chơi lớp học; chia nhiệm vụ nhóm; chọn hành vi đúng – sai | Tự cất đồ dùng, không làm phiền bạn, tôn trọng lượt |

| | | | | |
|--|--|---|--|---|
| | thân; tôn trọng quyền và nhu cầu chính đáng của người khác | huống; xây dựng nội quy lớp cùng cô | | chơi của người khác |
| TX6.2 Chấp nhận sự khác biệt của người khác | Nhận biết sự khác nhau về đặc điểm, khả năng, sở thích, hoàn cảnh; biết tôn trọng và hợp tác với mọi người | Quan sát tranh đa dạng bạn bè; trò chuyện “Mỗi người đều đáng quý”; xử lý tình huống bị chê bai | Chơi kết bạn; tìm điểm mạnh của bạn; đổi vai chơi với bạn khác | Không chê cười bạn, biết khen ngợi điểm tốt của bạn |
| TX6.3 Biết chia sẻ và giúp đỡ bạn trong các hoạt động | Biết chia sẻ đồ dùng, nhường nhịn, hỗ trợ bạn hoàn thành nhiệm vụ | Kể chuyện về tinh thần giúp đỡ; nêu cách giúp bạn; lập kế hoạch việc tốt | Chơi xây dựng nhóm; chia vật liệu; cứu trợ bạn gặp khó khăn | Giúp bạn buộc dây giày, chia sẻ đồ dùng học tập |
| TX6.4 Chờ đến lượt, phối hợp với bạn trong hoạt động nhóm | Biết chờ đến lượt, tuân thủ luật chơi, phối hợp cùng bạn để hoàn thành việc chung | Thảo luận cách làm việc nhóm; học kỹ năng chờ lượt; phân công công việc | Chơi trò chơi có luật; lắp ghép nhóm; chuyền bóng tiếp sức | Xếp hàng rửa tay, nhận đồ ăn, chờ phát biểu |
| TX6.5 Tìm kiếm sự giúp đỡ của người khác và giúp đỡ người khác khi cần thiết | Biết chủ động tìm kiếm hỗ trợ phù hợp khi gặp khó khăn; sẵn sàng giúp người khác trong khả năng | Thảo luận “Khi nào cần nhờ giúp?”; thực hành lời đề nghị lịch sự | Chơi bác sĩ, cứu hộ, hỗ trợ bạn vượt chướng ngại vật | Báo cô khi có sự cố, giúp bạn mang đồ nặng |
| TX7.1 Thực hiện hành vi ứng xử phù hợp với tình huống, hoàn cảnh khác nhau | Biết ứng xử lễ phép, phù hợp ở gia đình, trường học, nơi công cộng và với người lạ an toàn | Xử lý tình huống giao tiếp; đóng vai ứng xử đúng; xem tranh chọn cách phù hợp | Chơi đi siêu thị, bệnh viện, công viên, nhà bạn | Chào khách, cảm ơn, xin lỗi, nói nhỏ nơi cần yên tĩnh |

| | | | | |
|---|---|---|--|--|
| TX7.2 Điều chỉnh một số hoạt động cá nhân theo thời gian biểu và điều kiện thời tiết | Biết chủ động thực hiện sinh hoạt theo thời gian biểu; lựa chọn trang phục, hoạt động phù hợp thời tiết | Lập thời gian biểu trong ngày; trò chuyện thời tiết và sức khỏe | Chơi sắp xếp lịch sinh hoạt; chọn quần áo theo mùa | Tự chuẩn bị đồ dùng, đội mũ khi nắng, mặc áo khi lạnh |
| TX7.3 Thực hiện một số kỹ năng, hành vi để thích nghi môi trường chuẩn bị vào lớp Một | Rèn tính tự lập, tập trung, ngồi học đúng tư thế, hoàn thành nhiệm vụ, giữ đồ dùng học tập | Thực hành tư thế ngồi học; làm quen hoạt động có yêu cầu; nghe và làm theo hướng dẫn nhiều bước | Chơi lớp Một; đóng vai cô giáo – học sinh; thi chuẩn bị cặp sách | Tự cất balô, chuẩn bị đồ dùng, hoàn thành việc được giao |
| TX8.1 Thực hiện quy định ở trường, lớp, gia đình, nơi công cộng | Hiểu và thực hiện quy định chung; biết nhắc nhở nhẹ nhàng khi người khác quên | Trò chuyện về nội quy; phân tích hành vi đúng – sai; xây dựng quy ước nhóm | Chơi giao thông; đóng vai nơi công cộng; thi thực hiện đúng luật | Đi đúng hàng, giữ trật tự, bỏ dép đúng nơi |
| TX8.2 Thực hiện hành động đơn giản chăm sóc vật nuôi, cây trồng gần gũi xung quanh | Biết chăm sóc cây, vật nuôi bằng việc phù hợp; hiểu nhu cầu cơ bản của cây và con vật | Quan sát cây phát triển; tìm hiểu cách chăm sóc vật nuôi; ghi nhận thay đổi | Chơi người làm vườn; bác sĩ thú y; chăm sóc khu vườn nhỏ | Tưới cây, cho cá ăn, nhắc bạn không bẻ cành |
| TX8.3 Ý thức giữ gìn, bảo vệ và sống hài hoà với thiên nhiên, môi trường | Biết giữ vệ sinh, tiết kiệm điện nước, phân loại rác đơn giản, yêu thiên nhiên và bảo vệ môi trường | Xem tranh môi trường sạch – bẩn; thảo luận tiết kiệm tài nguyên; làm sản phẩm tái chế | Chơi nhặt rác; phân loại rác; xây công viên xanh | Tắt điện khi ra khỏi lớp, khóa vòi nước, bỏ rác đúng nơi |